

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Ban hành theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 2 Năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Trường đại học Đông Đô)**

**Tên chương trình
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO DƯỢC HỌC**

**Trình độ đào tạo: Dược sĩ
Ngành đào tạo: Dược sĩ đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy**

Hà Nội, 2025

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 64 /QĐ- ĐHĐĐ ngày 11 tháng 2 năm 2025

của Hiệu trưởng Trường đại học Đông Đô)

1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

2. Thông tin chung

+ Tên tiếng Việt: **Dược học**

+ Tên tiếng Anh: **Pharmacy**

- Mã ngành: **7220201**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian: 5 năm
- Tên bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: **Dược sĩ**

+ Tiếng Anh: The Degree of Pharmacist

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Dược – Xét nghiệm
- Đơn vị cấp bằng: Trường đại học Đông Đô
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
- Thông tin tuyển sinh:

a. Đối tượng tuyển sinh (chuẩn đầu vào):

- Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường đại học Đông Đô.

b. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

Điều kiện tốt nghiệp: Kết thúc khoá học, sinh viên có đủ các tiêu chí sau sẽ được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ 150 tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có tiếng Anh đạt trình độ theo quy định khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ chung châu Âu, trình độ tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Trường đại học Đông Đô;

- Có chứng chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Đã hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Nhà trường.

3. Danh sách học phần

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
6.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương			37	38	1
1	7GĐC001	Triết học Mac-Lênin	3	3	0
2	7GĐC002	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	2	2	0
3	7GĐC003	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	2	0
4	7GĐC004	Tư tưởng HCM	2	2	0
5	7GĐC005	Lịch sử Đảng CSVN	2	2	0
6	7GĐC007	Ngôn ngữ Anh 1	3	4	0
7	7GĐC008	Ngôn ngữ Anh 2	3	4	0
8	7GĐC009	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	3	4	0
9	7GĐC019	Tin học đại cương	3	2	1
Giáo dục Thể chất, Giáo dục QPAN					
		Giáo dục QPAN	4		
		Giáo dục thể chất	8		
		Các môn cơ sở khối ngành	14	14	0
10	7GĐC029	Xác suất thống kê y học	2	2	0
11	7XNY001	Đạo đức hành nghề dược	2	2	0
12	7GĐC033	Vật lý đại cương	2	2	0
13	7XNY035	Hóa đại cương vô cơ	2	2	0
14	7GĐC006	Pháp luật đại cương	2	2	0
15	7XNY002	Sinh học đại cương	2	2	0
16	7GĐC021	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
6.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			112	68	34

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
6.2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			29	21	2
1	7DUC003	Hóa sinh	3	2	1
2	7DUC004	Hóa hữu cơ	3	2	1
3	7DUC005	Hóa Phân tích 1	2	1	1
4	7DUC006	Hóa lý dược	3	2	1
5	7DUC007	Hóa Phân tích 2	3	2	1
6	7DUC008	Giải phẫu	2	2	0
7	7DUC009	Sinh lý	2	2	0
8	7DUC010	Bệnh học	3	3	0
9	7DUC011	Vi sinh - Ký sinh trùng	3	2	1
10	7DUC012	Sinh lý bệnh và Miễn dịch	2	2	0
11	7DUC013	Thực vật dược	3	2	1
2.2. Kiến thức chuyên ngành			72	46	26
	Kiến thức ngành (bắt buộc)		62	36	26
1	7DUC014	Dược liệu 1	3	2	1
2	7DUC015	Hóa dược 1	3	2	1
3	7DUC016	Hóa dược 2	3	2	1
4	7DUC017	Dược liệu 2	3	2	1
5	7DUC018	Bào chế và sinh dược học 1	3	2	1
6	7DUC019	Dược lý 1	2	2	0
7	7DUC020	Thực hành Dược khoa	3	0	3
8	7DUC021	Dược học cổ truyền	3	2	1
9	7DUC022	Bào chế và sinh dược học 2	3	2	1
10	7DUC023	Dược lý 2	3	2	1
11	7DUC024	Pháp chế dược	3	2	1
12	7DUC025	Quản lý và kinh tế dược	3	2	1

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
13	7DUC026	Dược động học	2	2	0
14	7DUC027	Dược lâm sàng 1	3	2	1
15	7DUC028	Độc chất học	2	2	0
16	7DUC029	Sức khỏe môi trường	2	2	0
17	7DUC030	Dược lâm sàng 2	3	2	1
18	7DUC031	Kiểm nghiệm Dược phẩm	3	2	1
19	7DUC032	Sản xuất thuốc	2	0	2
20	7DUC033	Tin học dược	2	0	2
21	7DUC034	Sản xuất thuốc từ Dược liệu	2	0	2
22	7DUC035	Marketing và thị trường dược phẩm	3	2	1
23	7DUC036	Thực hành sản xuất thuốc tại các xí nghiệp Dược phẩm	3	0	3
	<i>Kiến thức bổ trợ ngành (chọn 10 tín chỉ)</i>		10	7	3
1	7DUC037	Mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe	2	2	0
2	7DUC038	Dược cộng đồng	2	2	0
3	7DUC039	Quản lý dược bệnh viện	2	2	0
4	7DUC040	Hồ sơ đăng ký thuốc	2	1	1
5	7DUC041	Đảm bảo chất lượng thuốc trong phân phối, tồn trữ, bán lẻ.	2	1	1
6	7DUC042	Dược xã hội học	2	2	0
7	7DUC043	Cảnh giác dược	2	2	0
8	7DUC044	Thử thuốc trên lâm sàng và đánh giá tương đương sinh học thuốc	2	2	0
9	7DUC045	Bao bì dược phẩm	2	2	0
10	7DUC046	Quản lý nhà thuốc và kỹ năng bán hàng	2	1	1

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
11	7DUC047	Phương pháp nghiên cứu dược liệu và thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu làm thuốc (GACP)	2	2	0
6.2.3. Thực tập, khóa luận/đồ án tốt nghiệp			10	0	10
1	7DUC048	Thực tập tốt nghiệp	6	0	6
		• Thực tập tại bệnh viện	3	0	3
		• Thực tập tại cộng đồng	3	0	3
2	7DUC049	Khoá luận tốt nghiệp	4	0	4
		• Chuyên đề nghiên cứu	2	0	2
		• Thực hiện chuyên đề nghiên cứu	2	0	2

4. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ
KHOA DUỖC – XÉT NGHIỆM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊ NIN

1. Tên học phần (tiếng Việt): Triết học Mác - Lênin	Tên tiếng Anh: Marx - Lenin Philosophy
2. Mã học phần:	7GDC001
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức	Đại cương
5. Loại học phần	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết	45 tiết
- Thảo luận, thực hành	
- Đánh giá giữa học phần	01 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	125
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Nguyễn Văn Trường ThS. Nguyễn Thị Linh
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	(Không)
- Học phần học trước:	(Không)
- Học phần song hành:	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lê nin, về vai trò của triết học Mác – Lê nin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

10. Mục tiêu của học phần học.

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	- Hiểu được những quan điểm cơ bản của triết học Mác - Lênin về đặc điểm và vai trò của triết học đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn, về vật chất và ý thức, các nguyên lý, quy luật, phạm trù, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.

CO2 (S)	- Phân tích được các vấn đề triết học theo quan điểm của triết học Mác - Lênin. Áp dụng được quan điểm của triết học Mác - Lênin để giải quyết các vấn đề thuộc các lĩnh vực chuyên môn. Chủ động trong việc lựa chọn các quan điểm về các vấn đề của khoa học theo lập trường của triết học Mác - Lênin.
CO3 (A)	- Có thái độ phê phán những quan điểm trái ngược với triết học Mác - Lênin về các vấn đề triết

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1 (K)	K2	Hiểu được những quan điểm cơ bản của triết học Mác - Lênin về đặc điểm và vai trò của triết học đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn, về vật chất và ý thức, các nguyên lý, quy luật, phạm trù, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO2 (S)	S2	Phân tích được các vấn đề triết học theo quan điểm của triết học Mác - Lênin.	Thảo luận nhóm, phân tích	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO3 (S)	S2	Áp dụng được quan điểm của triết học Mác - Lênin để giải quyết các vấn đề thuộc các lĩnh vực chuyên môn.	Thực hành nghiên cứu, thảo luận nhóm, tình huống	Bài tập, tình huống, giả định
COL4 (A)	A2	Chủ động trong việc lựa chọn các quan điểm về các vấn đề của khoa học theo lập trường của triết học Mác - Lênin.	Thực hành, thực tế cuộc sống	Bài tập tình huống, thực hành
CLO5	A3	Có thái độ phê phán những quan điểm trái ngược với triết học Mác - Lênin về các vấn đề triết học.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát, thực hành

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.2 Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (A)				A2		
CLO5 (A)					A3	

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức(K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng(S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm(A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%

A2.1	- Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	- Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

14.1. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
06 (4LT, 2TH)	Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin 1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	2. Triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội	
20 (14LT; 6TH)	Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng 1. Vật chất và ý thức 2. Phép biện chứng duy vật 3. Nội dung của phép biện chứng duy vật 4. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
18 (12LT; 6TH)	Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử 1. Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội 2. Giai cấp và dân tộc 3. Nhà nước và cách mạng 4. Ý thức xã hội 5. Triết học về con người	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
KTĐK (1 tiết)		CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.2. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1/ Buổi 1, 2/	Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin 1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 2. Triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
Tuần 2,3,4/ Buổi 3,4,5,6,7,8	Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng 1. Vật chất và ý thức 2. Phép biện chứng duy vật 3. Nội dung của phép biện chứng duy vật 4. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
Tuần 5,6/ Buổi 9,10,11,12	Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử 1. Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội 2. Giai cấp và dân tộc 3. Nhà nước và cách mạng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

	4. Ý thức xã hội			
	5. Triết học về con người			

15. Tài liệu học tập:

15.1. Tài liệu/giáo trình chính

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. CTQGST, Hà Nội

15.2. Tài liệu tham khảo

[1] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn các giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình Triết học Mác – Lênin. Nxb. CTQG, Hà Nội

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQGST, Hà Nội

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Văn Trường

ThS. Nguyễn Văn Trường

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC –
LÊ NIN**

1. Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Tên tiếng Anh: Political Economics of Marxism and Leninism
2. Mã học phần:	7GDC002
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	20 giờ
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận:	09 giờ
- Đánh giá giữa học phần:	01 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm:	75 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Văn Trường ThS. Nguyễn Thị Linh
8. Điều kiện tham gia học phần	
-Học phần tiên quyết	Triết học Mác – Lê nin
-Học phần học trước	Triết học Mác – Lê nin
-Học phần song hành	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung môn học gồm 6 chương: Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Kinh tế chính trị Mác - Lênin như đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; từ chương 2 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản về: Hàng hóa thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

10. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	- Hiểu được các kiến thức cơ bản về hàng hóa thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Hiểu được những kiến thức cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

CO2 (S)	- Phân tích được các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam
CO3 (A)	- Vận dụng tư duy trừu tượng hóa, biện chứng, logic - lịch sử trong nghiên cứu kinh tế chính trị Mác - Lênin - Bảo vệ được các quan điểm của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1 (K)	K2	Hiểu được các kiến thức cơ bản về hàng hóa thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Hiểu được những kiến thức về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO2 (K)	K3	Phân tích được các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	Thảo luận nhóm, phân tích	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO3 (S)	S3	Vận dụng tư duy trừu tượng hóa, biện chứng, logic - lịch sử trong nghiên cứu kinh tế chính trị Mác - Lênin	Thực hành nghiên cứu, thảo luận nhóm, tình huống	Bài tập, tình huống, giả định
CLO4 (A)	A3	Bảo vệ được các quan điểm của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam	Thực hành, thực tế cuộc sống	Bài tập tình huống, thực hành

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo		
	PLO1	PLO2	PLO3

	(Kiến thức)		(Kỹ năng)		(Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)			K3			
CLO3 (S)				S3		
CLO4(A)					A3	

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức(K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng(S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm(A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	- Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	- Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%

Công thức tính điểm tổng kết:

Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65-79%	Tốt 80- 100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Kh á 65- 79%	Tốt 80- 100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80% nhiệm nộp đúng hạn 60- vụ,	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
		0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5

Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5	Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến <1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

14.1. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
02 (2LT)	Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin 1.Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lênin 2. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin 3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
08 (5LT; 3TH)	Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa 2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

08 (5LT; 3TH)	Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư 2. Tích lũy tư bản 3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
04 (2LT;2TH)	Chương 4. Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường 1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường 2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa 3. Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện hiện nay. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
04 (2LT;2TH)	Chương 5. Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở VN 1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
03 (3LT)	Chương 6. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
01 (1LT)	Kiểm tra điều kiện	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.2. . Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin 1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lênin	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

	2. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin 3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin			
	Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa 2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư 2. Tích lũy tư bản 3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Chương 4. Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường 1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường 2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa 3. Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

	nước trong điều kiện hiện nay. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản			
	Chương 5. Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở VN 1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Chương 6. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

15. Tài liệu học tập:

15.1. Tài liệu/giáo trình chính

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. CTQGST, Hà Nội

15.2. Tài liệu tham khảo

[1] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn các giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Nxb. CTQG, Hà Nội

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQGST, Hà Nội

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Văn Trường

ThS. Nguyễn Văn Trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. Tên học phần (tiếng Việt): Chủ nghĩa xã hội khoa học	Tên tiếng Anh: Scientific Socialism
2. Mã học phần:	7GDC003
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 giờ
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận:	giờ
- Đánh giá giữa học phần:	0 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm:	75 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Văn Trường ThS. Nguyễn Thị Linh
8. Điều kiện tham gia học phần	
-Học phần tiên quyết	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin
-Học phần học trước	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin
-Học phần song hành	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung môn học gồm 7 chương: Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

10. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	- Biết những tri thức cơ bản nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba phần cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin.
CO2 (S)	- Hiểu những lý luận cốt lõi về Chủ nghĩa xã hội khoa học - Nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học cho sinh viên trong việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

CO3 (A)	- Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1 (K)	K2	Biết những tri thức cơ bản nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO2 (K)	K3	Hiểu những lý luận cốt lõi về Chủ nghĩa xã hội khoa học	Thảo luận nhóm, phân tích	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO3 (S)	S3	Nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học cho sinh viên trong việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở nước ta.	Thực hành nghiên cứu, thảo luận nhóm, tình huống	Bài tập, tình huống, giả định
COL4 (A)	A3	Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	Thực hành, thực tế cuộc sống	Bài tập tình huống, thực hành

Ghi chú: Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)			K3			
CLO3 (S)				S3		
CLO4(A)					A3	

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức(K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng(S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm(A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

15. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

15.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	- Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	- Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

15.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng	Không đạt 0-	Đạt 50-	Khá 65-79%	Tốt 80- 100%

	điểm	49%	64%		
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80% nhiệm vụ nộp đúng hạn 60-vụ,	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa	Lập luận tương đối có căn cứ khoa	Lập luận có căn cứ khoa học và logic

		và logic	logic	học và logic	
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

16. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

17. Kế hoạch giảng dạy

17.1. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
02 (2LT)	Chương 1. Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học 1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học 3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
08 (5LT; 3TH)	Chương 2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân 2. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay 3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
08 (4LT; 4TH)	Chương 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1. Chủ nghĩa xã hội 2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
04 (2LT; 2TH)	Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa 1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

03 (2LT;1TH)	Chương 5. Cơ cấu xã hội-giai cấp và Liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1.Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
02 (2LT)	Chương 6. Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1.Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
02 (2LT)	Chương 7. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1.Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 2.Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
01 (1LT)	Kiểm tra điều kiện	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

17.2. . Kế hoạch dạy học

17.3.

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	Chương 1. Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học 1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học 2.Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học 3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Chương 2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 1.Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

	lịch sử thế giới của giai cấp công nhân 2. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay 3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam			
	Chương 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1. Chủ nghĩa xã hội 2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa 1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Chương 5. Cơ cấu xã hội-giai cấp và Liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Chương 6. Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

	1.Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam		thảo luận, làm việc nhóm	
	Chương 7. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1.Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 2.Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

15.Tài liệu học tập:

15.1. Tài liệu/giáo trình chính

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. CTQGST, Hà Nội

15.2. Tài liệu tham khảo

[1] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn các giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học. Nxb. CTQG, Hà Nội

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQGST, Hà Nội

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Văn Trường

ThS. Nguyễn Văn Trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh Thought
2. Mã học phần:	7GDC004
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 giờ
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận:	giờ
- Đánh giá giữa học phần:	01 giờ
- Tự học, tự nghiên cứu, trải nghiệm	75 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Thị Linh ThS. Nguyễn Văn Trường
8. Điều kiện tham gia học phần	
-Học phần tiên quyết	Chủ nghĩa xã hội khoa học
-Học phần học trước	Chủ nghĩa xã hội khoa học
-Học phần song hành	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh được kết cấu làm 6 chương. Chương 1 trình bày về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Chương 2 giới thiệu về cơ sở và quá trình hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ chương 3 đến chương 6 giới thiệu về hệ thống các quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh

10. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	- Hiểu được những nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người.
CO2 (S)	- Phân tích được những nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh. - Áp dụng được những nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết các đề thuộc các lĩnh vực chuyên môn.

CO3	- Chủ động trong việc lựa chọn các quan điểm về các vấn đề của khoa học theo tư tưởng Hồ Chí Minh
(A)	- Có thái độ phê phán những quan điểm sai trái với tư tưởng Hồ Chí Minh

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1 K	K2	Hiểu được những nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người.	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO2 S	S2	Phân tích được những nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh.	Thảo luận nhóm, phân tích	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO3 S	S3	Áp dụng được những nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết các vấn đề thuộc các lĩnh vực chuyên môn.	Thực hành nghiên cứu, thảo luận nhóm, tình huống	Bài tập, tình huống, giả định
CLO4 A	A3	Chủ động trong việc lựa chọn các quan điểm về các vấn đề của khoa học theo tư tưởng Hồ Chí Minh.	Thực hành, thực tế cuộc sống	Bài tập tình huống, thực hành
CLO5 A	A3	Có thái độ phê phán những quan điểm sai trái với tư tưởng Hồ Chí Minh.	Thực hành, thực tế cuộc sống	Bài tập tình huống, thực hành

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo		
	PLO1	PLO2	PLO3

	(Kiến thức)		(Kỹ năng)		(Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (S)			S2			
CLO3 (S)				S3		
CLO4(A)					A3	
CLO5(A)					A3	

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức(K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng(S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm(A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

18. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

18.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	- Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%

A3.2 (Thực hành)	- Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%

Công thức tính điểm tổng kết:

Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

18.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65-79%	Tốt 80- 100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Kh á 65- 79%	Tốt 80- 100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ,	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ	Thực hiện 80% nhiệm vụ nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn

		nộp chưa đúng hạn	vụ, nộp đúng hạn	60- vụ,	
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

19. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

20. Kế hoạch giảng dạy

20.1. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
04 (4LT)	Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Đối tượng nghiên cứu 3. Phương pháp nghiên cứu 4. Ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
05 (3LT; 2TH)	Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Cơ sở hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	2. Quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh	
06 (3LT; 3TH)	Chương 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
06 (4LT;2TH)	Chương 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
08 (6LT; 2TH)	Chương 6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 4. Xây dựng văn hóa, đạo đức con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
01 (1LT)	Kiểm tra điều kiện	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

20.2. . Kế hoạch dạy học

20.3.

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Đối tượng nghiên cứu 3. Phương pháp nghiên cứu 4. Ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Cơ sở hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Chương 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

	Chương 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Chương 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết trong giai đoạn hiện nay	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Chương 6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 4. Xây dựng văn hóa, đạo đức con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

15. Tài liệu học tập:

15.1. Tài liệu/giáo trình chính

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. CTQGST, Hà Nội

15.2. Tài liệu tham khảo

[1] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn các giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. Nxb. CTQG, Hà Nội

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQGST, Hà Nội *Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025*

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Văn Trường

ThS. Nguyễn Văn Trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tên học phần (tiếng Việt): Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Tên tiếng Anh: History of the Vietnamese Communist Party
2. Mã học phần:	7GDC005
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 giờ
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận:	giờ
- Đánh giá giữa học phần:	01 giờ
-Tự học, tự nghiên cứu, trải nghiệm	75 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Thị Linh ThS. Nguyễn Văn Trường
8. Điều kiện tham gia học phần	
-Học phần tiên quyết	Tư tưởng Hồ Chí Minh
-Học phần học trước	Tư tưởng Hồ Chí Minh
-Học phần song hành	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam được kết cấu với 3 nội dung chính về lịch sử cách mạng Việt Nam từ khi Đảng lãnh đạo. Nội dung thứ nhất trình bày về lịch sử Việt Nam từ 1930 đến 1945. Nội dung thứ hai trình bày về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn 1945 đến 1975. Nội dung thứ ba trình bày về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1975 đến hiện nay.

10. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	- Hiểu được những kiến thức cơ bản về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn từ 1930 đến 1945, giai đoạn từ 1945 đến 1975, giai đoạn từ 1975 đến nay.
CO2 (S)	- Phân tích được các vấn đề về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. - Áp dụng được những kiến thức cơ bản về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào việc giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn..

CO3 (A)	- Chủ động trong việc lựa chọn các quan điểm về các vấn đề của khoa học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. - Có thái độ phê phán những quan điểm sai trái về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1 K	K2	Hiểu được những kiến thức cơ bản về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn từ 1930 đến 1945, giai đoạn từ 1945 đến 1975, giai đoạn từ 1975 đến nay.	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO2 S	S2	Phân tích được các vấn đề về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.	Thảo luận nhóm, phân tích	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO3 S	S3	Áp dụng được những kiến thức cơ bản về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào việc giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn..	Thực hành nghiên cứu, thảo luận nhóm, tình huống	Bài tập, tình huống, giả định
CLO4 A	A3	Chủ động trong việc lựa chọn các quan điểm về các vấn đề của khoa học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.	Thực hành, thực tế cuộc sống	Bài tập tình huống, thực hành
CLO5 A	A3	Có thái độ phê phán những quan điểm sai trái về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.	Thực hành, thực tế cuộc sống	Bài tập tình huống, thực hành

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo		
	PLO1 (Kiến	PLO2 (Kỹ	PLO3 (Thái độ)

	thức)		năng)			
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (S)			S2			
CLO3 (S)				S3		
CLO4(A)					A3	
CLO5(A)					A3	

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức(K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng(S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm(A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

21. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

21.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	<i>Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ</i>	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	<i>Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ</i>	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	- Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%

A3.2 (Thực hành)	- Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%

Công thức tính điểm tổng kết:

Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

21.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65-79%	Tốt 80- 100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Kh á 65- 79%	Tốt 80- 100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ,	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ	Thực hiện 80% nhiệm vụ nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn

		nộp chưa đúng hạn	vụ, nộp đúng hạn	60- vụ,	
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

22. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

23. Kế hoạch giảng dạy

23.1. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
02 (2LT)	Chương Nhập môn Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 4. Mục đích, yêu cầu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

10 (6LT; 4TH)	Chương 1 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945) 1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2/ 1930) 2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
09 (6LT; 3TH)	Chương 2 Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975) 1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 2. Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
08 (6LT; 2TH)	Chương 3 Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay) và Kết luận 1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) 2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay) 3. Kết luận về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
01 (1LT)	Kiểm tra điều kiện	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

23.2. . Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	Chương Nhập môn Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

		2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 4. Mục đích, yêu cầu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam			
		Chương 1 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945) 1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2/ 1930) 2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
		Chương 2 Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975) 1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 2. Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
		Chương 3 Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay) và Kết luận 1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

		2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay) 3. Kết luận về Lịch sử Đảng C sản Việt Nam			

15. Tài liệu học tập:

15.1. Tài liệu/giáo trình chính

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. CTQGST, Hà Nội

15.2. Tài liệu tham khảo

[1] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn các giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Nxb. CTQG, Hà Nội

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQGST, Hà Nội

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Văn Trường

ThS. Nguyễn Văn Trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGÔN NGỮ ANH 1

1. Tên học phần (tiếng Việt): NGÔN NGỮ ANH 1	Tên tiếng Anh: English 1
2. Mã học phần:	7GDC007
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức	Đại cương
5. Loại học phần	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết	45 tiết
- Thảo luận, thực hành	
- Đánh giá giữa học phần	01 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	125
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Trịnh Lương Nga ThS. Nguyễn Thanh Bình
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	(Không)
- Học phần học trước:	(Không)
- Học phần song hành:	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Vị trí: Là môn học bắt buộc trong chương trình được bố trí vào năm thứ nhất.

Tính chất: Là môn học trong phần kiến thức đại cương làm cơ sở để sinh viên tiếp cận các môn học chuyên môn cơ sở và chuyên ngành.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	-Trình bày các động từ thông dụng trong cuộc sống hàng ngày, các động từ chỉ hoạt động, chỉ sở thích; các danh từ chỉ thức ăn, đồ uống, các loại phim ảnh.	CLO1	M
G2	-Nêu được cách sử dụng thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn ở 3 thể khẳng định, phủ định và nghi vấn.	CLO2	M

G3	-Sử dụng được some/any, cấu trúc there is, there are, how much và how many, mẫu câu đề nghị, đồng ý và từ chối lời đề nghị.	CLO3	M
G4	-Thực hiện được cách hỏi và trả lời về thông tin cá nhân của bản thân và các hoạt động trong cuộc sống hàng ngày, đặt câu hỏi và trả lời về ngày, giờ, có thể giao tiếp trong tình huống gọi món ăn, thức uống trong nhà hàng, mời bạn đi xem phim ...	CLO4	M
G5	-Sử dụng được các dạng so sánh của tính từ. -Giao tiếp và trình bày ý kiến về các vấn đề thường gặp trong cuộc sống (theo nội dung đã học). -Đọc hiểu và thể hiện được quan điểm về các vấn đề trên dưới dạng những bài viết đơn giản	CLO5	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

11.Chuẩn đầu ra học phần (CĐR)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

Mục tiêu học phần	CĐR (CLO _{x.x})	Mô tả chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1	Trình bày các động từ thông dụng trong cuộc sống hàng ngày, các động từ chỉ hoạt động, chỉ sở thích; các danh từ chỉ thức ăn, đồ uống, các loại phim ảnh. (20-25 từ/ bài)	H
	CLO2	-Sử dụng các thì cơ bản trong tiếng Anh ở 3 thể: khẳng định, phủ định và nghi vấn.	H
	CLO3	-Vận dụng trong giao tiếp được some/any, cấu trúc there is, there are, how much và how many, mẫu câu đề nghị, đồng ý và từ chối lời đề nghị.	H
G2	CLO4	-Thực hiện được cách hỏi và trả lời về thông tin cá nhân của bản thân khi vận dụng hỏi bệnh nhân viết bệnh án. và các hoạt động trong cuộc sống hàng ngày.	H
	CLO5	- Đặt và hỏi các câu hỏi về ngày, giờ. - Giao tiếp tốt trong các tình huống gọi đồ ăn, thức uống trong nhà hàng. - Các mẫu câu mời ai đó đi xem phim...	H
G3	CLO6	- Vận dụng được các dạng so sánh của tính từ trong giao tiếp.	H

	CLO7	- Giao tiếp và trình bày ý kiến về các vấn đề thường gặp trong cuộc sống (theo nội dung đã học).	H
	CLO8	- Vận dụng kỹ năng đọc hiểu và thể hiện được quan điểm về các vấn đề trên dưới dạng những bài viết đơn giản.	H

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO):

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (A)				A2		
CLO5 (A)					A3	

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức(K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng(S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm(A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12.Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.1.Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	<i>Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ</i>	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	<i>Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ</i>	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	- Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	- Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.

12.2.Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80% nhiệm vụ nộp đúng hạn 60- vụ,	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng	Ít sáng tạo	Tương đối	Sáng tạo

			tạo		sáng tạo	

13.Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14.Kế hoạch giảng dạy

14.2. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
06 (4LT, 2TH)	Bài 1: Everyday life Bài 2. Loves and hates	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
20 (14LT; 6TH)	Bài 3: Eating and drinking Bài 4: Facts or fictions	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
18 (12LT; 6TH)	Bài 5: Buying and selling Bài 6: Street Life	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
KTĐK (1 tiết)		CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.3. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1/ Buổi 1, 2/	Bài 1: Everyday life Bài 2. Loves and hates	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
Tuần 2,3,4/ Buổi 3,4,5,6,7,8	Bài 3: Eating and drinking Bài 4: Facts or fictions	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

			việc nhóm	
Tuần 5,6/Buổi 9,10,11,12	Bài 5: Buying and selling Bài 6: Street Life	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

15. Tài liệu học tập:

15.1. Tài liệu/giáo trình chính

[1]. Cunningham, Sarah & Moor, Peter, *New Cutting Edge (Elementary)*, Pearson Education Limited, 2005.

15.2. Tài liệu tham khảo

[2] Tom Hutchinson. *Lifeline*, Oxford University Press, 2000.

[3] John & Liz Soars. *Headway*, Oxford University Press, 2000.

[4]. Richarch, J.C. (2003). *New Interchange 1*. Cambridge University Press.

[5]. Cunnigham, S & Moor, P. (2008), *New cutting Edge– Elementary*. Longman.

[6]. Blackwell, A. & Naber, T. (2005), *Know How 1*. Oxford University press.

[7]. Azar, B.S (2005). *Basic English Grammar*, NXB Thành Phố Hồ Chí Minh.

[8]. Jim Lee, Sandy Cho, *TOEIC Academy*, NXB Tổng hợp Tp.HCM.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Văn Trường

ThS. Trịnh Lương Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGÔN NGỮ ANH 2

1. Tên học phần (tiếng Việt): NGÔN NGỮ ANH 2	Tên tiếng Anh: English 2
2. Mã học phần:	7GDC008
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức	Đại cương
5. Loại học phần	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết	45 tiết
- Thảo luận, thực hành	
- Đánh giá giữa học phần	01 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	125
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Trịnh Lương Nga ThS. Nguyễn Thanh Bình
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	(Không)
- Học phần học trước:	(Không)
- Học phần song hành:	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Vị trí: Là môn học bắt buộc trong chương trình được bố trí vào năm thứ nhất.

Tính chất: Là môn học trong phần kiến thức đại cương làm cơ sở để sinh viên tiếp cận các môn học chuyên môn cơ sở và chuyên ngành.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	- Trình bày được công thức, cách sử dụng các thì hiện tại đơn, quá khứ đơn và hiện tại tiếp diễn, phân biệt được thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn.	CLO1	M
G2	- Nêu được các từ vựng liên quan đến các đề tài: các hoạt động giải trí, những sự kiện đáng nhớ, các hoạt động hàng ngày, nghề nghiệp, các lễ hội, các ngày đặc biệt trong năm.	CLO2	M

G3	- Trình bày được cách nhấn trong câu hỏi, trọng âm của từ chỉ cảm xúc, cách phát âm – ed, cách cho lời khuyên, cách đọc ngày tháng. - Sử dụng được các cấu trúc going to, planning to, would like to, would rather, Thì hiện tại hoàn thành và Thì quá khứ đơn với giới từ for và những từ chỉ thời gian khác.	CLO3	M
G4	- Sử dụng được các dạng câu chỉ thì tương lai, câu bị động, mệnh đề quan hệ xác định, phân biệt được cách dùng của tính từ kết thúc bằng – ed và –ing.	CLO4	M
G5	- Sử dụng được những cấu trúc đề yêu cầu một cách lịch sự; nắm được những cách dùng khác nhau của “Will”.	CLO5	M
G6	- Biết cách nhấn trọng âm; biết cách liên hệ công việc qua điện thoại, biết cách sắp xếp một cuộc hẹn qua điện thoại... - Hỏi và trả lời nhanh được các vấn đề trong các lĩnh vực hoạt động giải trí, nghề nghiệp, lễ hội. - Nhận ra lỗi và sửa lỗi chia động từ theo các thì và các cấu trúc đã học.	CLO6	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

11. Chuẩn đầu ra học phần (CĐR)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

Mục tiêu học phần	CĐR (CLO _{x.x})	Mô tả chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO1	Trình bày được công thức, cách sử dụng các thì hiện tại đơn, quá khứ đơn và hiện tại tiếp diễn, phân biệt được thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, áp dụng trong các dạng bài tập Nắm bắt và sử dụng các từ vựng liên quan đến các đề tài: các hoạt động giải trí, những sự kiện đáng nhớ, các hoạt động hàng ngày, nghề nghiệp, các lễ hội, các ngày đặc biệt trong năm	M
	CLO2	-Trình bày được cách nhấn trong câu hỏi, trọng âm của từ chỉ cảm xúc, cách phát âm – ed, cách cho lời khuyên, cách đọc ngày tháng.	M

		Sử dụng được các cấu trúc going to, planning to, would like to, would rather, Thì hiện tại hoàn thành và Thì quá khứ đơn với giới từ for và những từ chỉ thời gian khá	
	CLO3	-Sử dụng được các dạng câu chỉ thì tương lai, câu bị động, mệnh đề quan hệ xác định, phân biệt được cách dùng của tính từ kết thúc bằng – ed và –in.	M
G2	CLO4	- Sử dụng được những cấu trúc để yêu cầu một cách lịch sự; nắm được những cách dùng khác nhau của “will”.	M
	CLO5	- Biết cách nhấn trọng âm; biết cách liên hệ công việc qua điện thoại, biết cách sắp xếp một cuộc hẹn qua điện thoại. - Hỏi và trả lời nhanh được các vấn đề trong các lĩnh vực hoạt động giải trí, nghề nghiệp, lễ hội. - Nhận ra lỗi và sửa lỗi chia động từ theo các thì đơn và thì tiếp diễn.	M
G3	CLO6	- Vận dụng được các dạng so sánh của tính từ trong giao tiếp.	M
	CLO7	- Giao tiếp và trình bày ý kiến về các vấn đề thường gặp trong cuộc sống (theo nội dung đã học).	M
	CLO8	- Vận dụng kỹ năng đọc hiểu và thể hiện được quan điểm về các vấn đề trên dưới dạng những bài viết đơn giản.	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO):

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3			S2			

(S)						
CLO4 (A)				A2		
CLO5 (A)					A3	
CLO6 (A)						A3

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức(K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng(S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm(A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12.Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.1.Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	<i>Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ</i>	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	<i>Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ</i>	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	- Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	- Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.

12.2.Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80% nhiệm vụ nộp đúng hạn 60- vụ,	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng	Ít sáng tạo	Tương đối	Sáng tạo

			tao		sáng tạo	

13.Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (*Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên*)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14.Kế hoạch giảng dạy

14.3. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
06 (4LT, 2TH)	Bài 1: A Weekend away Bài 2. Keeping in touch (P1)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
20 (14LT; 6TH)	Bài 2: Keeping in touch (P2) Bài 3: Leisure and lifestyle (P1)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
18 (12LT; 6TH)	Bài 3: Leisure and lifestyle (P2) Bài 4: Important firsts	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
KTĐK (1 tiết)		CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.4. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1/ Buổi 1, 2/	Bài 1: A Weekend away Bài 2. Keeping in touch (P1)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
Tuần 2,3,4/ Buổi 3,4,5,6,7,8	Bài 2: Keeping in touch (P2) Bài 3: Leisure and lifestyle (P1)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

			việc nhóm	
Tuần 5,6/Buổi 9,10,11,12	Bài 3: Leisure and lifestyle (P2) Bài 4: Important firsts	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

15. Tài liệu học tập:

15.1. Tài liệu/giáo trình chính

1]. Cunningham, Sarah & Moor, Peter, *New Cutting Edge (Pre-Intermediate)*, Pearson Education Limited, 2005.

[2]. Sarah Cunningham, Peter Moor. *New Cutting Edge - Intermediate*, Pearson Education Limited, 2005.

15.2. Tài liệu tham khảo

[3] Angela Blackwell, Therese Naber. *English Know How*, Oxford University Press, 2003.

[4] Tom Hutchinson. *Lifeline*, Oxford University Press, 2000.

[5] John & Liz Soars. *Headway*, Oxford University Press, 2000.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Văn Trường

ThS. Trịnh Lương Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Tên học phần (tiếng Việt): Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành Dược	Tên tiếng Anh: English for pharmacy students
2. Mã học phần:	7GDC050
3. Số tín chỉ: 04	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Các môn chung
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	45
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ kiểm tra, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	140
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Trịnh Lương Nga ThS. Lê Thị Ngọc Thảo
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Ngôn ngữ Anh 1, Ngôn ngữ Anh 2
- Học phần học trước:	Ngôn ngữ Anh 2
- Học phần song hành:	Toán xác suất thống kê y học

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Dược tập trung vào kiến thức cơ bản bằng Tiếng Anh chuyên ngành Dược. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, thuật ngữ chung về chuyên ngành sức khỏe và ngành Dược. Từ đó giúp sinh viên có khả năng đọc, hiểu và phân tích các tài liệu chuyên môn có liên quan đến chuyên ngành, có khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu nâng cao chuyên môn trong công việc sau này.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Trang bị cho học sinh: - Một số khái niệm thuốc, kháng sinh, vitamin, ... - Cách dùng thuốc đúng, hợp lý, hiệu quả. - Phân loại, nguồn gốc, tác dụng của thuốc, ...
CO2 (S)	- Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng trong sử dụng thuốc, hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc. - Rèn kỹ năng giao tiếp với người bệnh. - Rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn với các vấn đề xã hội, ...
CO3 (A)	Rèn cho sinh viên thái độ chuyên cần, hăng say học tập, nghiên cứu và tìm hiểu những vấn đề liên quan đến chuyên môn nhằm phục vụ cho việc học các môn chuyên ngành, tự học, tự nghiên cứu nâng cao chuyên môn trong công việc sau này.

11. Chuẩn đầu ra học phần (CĐR), phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá.

(Thống nhất kí hiệu các CĐR học phần là CLO1, CLO2, CLO3, ...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần:

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
CLO1	K1	Ghi nhớ từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành bằng Tiếng Anh trong đọc hiểu các bài học trong chương trình về khối ngành sức khỏe và ngành Dược.	Thuyết trình slide Thảo luận	Vấn đáp Tự luận Trắc nghiệm
CLO2	K1 K2	Ghi nhớ và hiểu những kiến thức về y học ở mức tổng quan, những kiến thức về thuốc và dạng thuốc, công dụng và cách sử dụng một số loại thuốc....	Thuyết trình slide Thảo luận	Vấn đáp Tự luận Trắc nghiệm

CLO3	K4 A4	Phân tích các tình huống giao tiếp chuyên ngành đơn giản bằng Tiếng Anh về các chủ đề đã học. Đồng thời đi sâu vào giới thiệu những vấn đề xã hội thực tế, kiến thức thực tế của ngành Dược học.	Nghiên cứu tình huống Làm việc nhóm	Thực hành Biểu diễn Quan sát
CLO4	K3 K4 S2	Thực hiện một số chủ đề theo chương trình bằng Powerpoint và kỹ năng trình bày trước lớp. Phân tích đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành Dược học bằng Tiếng Anh và kỹ năng làm các dạng bài tập .	Giao nhiệm vụ Tự nghiên cứu tình huống Bài tập	Bài tập lớn Biểu diễn Nhận xét
CLO5	S5 A4	Phát triển kỹ thuật ứng dụng các công cụ công nghệ hỗ trợ dịch thuật và phân tích tiếng Anh chuyên ngành nhanh và hiệu quả.	Thảo luận Làm việc nhóm	Thực hành Biểu diễn
CLO6	S1 A1	Nhận thức tầm quan trọng việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh, tham khảo các tài liệu chuyên môn bằng Tiếng Anh.	Đưa ra tình huống thực tế để sinh viên tự tìm tòi, tìm hiểu tài liệu để giải quyết vấn đề	Tự nghiên cứu Tìm tài liệu Thảo luận

11. 2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CDR học phần) với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CDR CTĐT):

[1] Ma trận tích hợp giữa CDR môn học và CDR CTĐT:

CDR học phần	CDR của chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm)	
	1.1	1.2.1	2.1	2.2	3.2	3.3
CLO1	K1					
CLO2	K1	K2				
CLO3		K4			A4	
CLO4	K3	K4	S2			
CLO5			S		A4	
CLO6			S1		A1	

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12. 1. Đánh giá học tập

Bài đánh Giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2	Ví dụ 2: Thực hành nói/ xây dựng tình huống	- Nhận xét	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết: A1 + A2 + A3 = 100%				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12. 2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có)

Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ - nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận nhóm					
	Thang điểm	Không đạt 0 – 49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tiêu chí					
		0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
Nội dung	3	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%-50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng.

					và thỏa đáng
Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên
Bài kiểm tra viết					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
Nội dung	5	Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3	Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV

(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Sinh viên đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học
- Sinh viên hoàn thành các bài tập được giao, hoặc chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Sinh viên vi phạm qui chế thi sẽ bị xử lý theo qui định.

14. Kế hoạch giảng dạy

14.4. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
5 (LT) 0 (TH)	UNIT 1: Chemistry and Medication	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	Exercises	
5 (LT) 0 (TH)	UNIT 2: The sources and types of medication - 1; Antibiotic Exercises	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (LT) 0 (TH)	UNIT 3: The sources and types of medication – 2; Vitamins and other medicines Exercises	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
10 (LT) 0 (TH)	UNIT 4: Drug abuse The cause and disadvantages Exercises	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
9 (LT) 1 đánh giá giữa học phần	UNIT 5: Traditional medicine Kiểm tra viết kết hợp trắc nghiệm	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
10 (LT) 0 (TH)	UNIT 6: Interactions Exercises	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Tổng kết, kiểm tra	

14. 2. Kế hoạch dạy học:

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1	UNIT1 (5LT; 0 TH) Chemistry and Medication	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
2/1	UNIT 2 (5 LT; 0 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

	The sources and types of medication - 1; Antibiotic		não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	
3/1	UNIT 3 (5 LT; 0 TH) The sources and types of medication – 2; Vitamins and other medicines	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
4/1	UNIT 4 (10 LT; 0 TH) Drug abuse	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
5/1	UNIT 5 (9 LT; 01 đánh giá) Traditional medicine	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
6/1	UNIT 6 (10 LT; 0 TH) Interactions	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

15. Tài liệu học tập

15. 1. Sách, bài giảng, giáo trình chính:

[1]. *Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành. Giáo trình nội bộ, Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đông Đô*

15. 2. Sách, tài liệu tham khảo:

[2]. *University of Medical and Pharmaceutical – HoChiMinh city School of Basic Sciences, English for pharmacy major.*

[3]. Gareth Thomas. *Medicinal chemistry*, John Wiley & Son, Ltd, 2000.

[4]. Đinh Đắc Phúc và Hồ Liên Biện, *A Course in Medical English*, NXB. Thành phố Hồ Chí Minh, 1 – 108 (1998).

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Văn Trường

ThS. Trịnh Lương Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tin học đại cương	Tên tiếng Anh: General Information
2. Mã học phần:	7GDC0019
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 giờ
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận:	30 giờ
- Đánh giá giữa học phần:	01 giờ
- Tự học, tự nghiên cứu, trải nghiệm	75 giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương
8. Điều kiện tham gia học phần	
-Học phần tiên quyết	Không
-Học phần học trước	Không
-Học phần song hành	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản về tin học đại cương, Sử dụng được các phần mềm tiện ích, khai thác thông tin trên Internet hiệu quả, phục vụ trong công việc của mình. Giúp sinh viên có thể soạn thảo được một văn bản từ đơn giản đến các mẫu văn bản nâng cao. Tạo được các bảng tính trong Excel, tính toán các công thức toán học, vẽ biểu đồ. Soạn thảo công thức hóa học bằng phần mềm ChemOffice 15.1.

10. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính Nhận biết được các thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng - Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, phần mềm tiện ích, tiếng Việt trong máy tính, máy in. - Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Tạo và xóa được thư mục tập tin; sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng. Trình bày được kiến thức cơ bản về phần mềm soạn thảo văn bản MS WORD, cách trình bày văn bản, thao tác hiệu chỉnh Font chữ, Trộn tài liệu..

	Trình bày được kiến thức cơ bản về phần mềm MS EXCEL. Thao tác với bảng tính, tính toán tự động bằng công thức, vẽ biểu đồ, sắp xếp và đặt lọc dữ liệu..
CO2 (S)	Có kiến thức cơ bản về máy tính, phần cứng, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính - Nhận biết được các thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng. - Sử dụng những thao tác cơ bản trên hệ điều hành thành thạo, khởi động, tắt máy theo đúng qui định, tạo, xóa được thư mục, tập tin, sử dụng một số phần mềm tiện ích - Áp dụng được kiến thức sử dụng phần mềm MS WORD vào để soạn thảo các văn bản từ đơn giản tới phức tạp phục vụ cho công việc của mình - Áp dụng được kiến thức sử dụng phần mềm MS EXCEL vào để tính toán bằng công thức toán học, vẽ biểu đồ phục vụ cho công việc chuyên môn. - Áp dụng kiến thức đã học vào soạn thảo công thức - Có kiến thức cơ bản về Internet, trình duyệt web, thao tác với thư điện tử. - Sử dụng được các thao tác đơn giản trong trình duyệt Web, nhận và soạn thảo trả lời thư điện tử, tìm kiếm thông tin. Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet. - Soạn thảo công thức toán học trên phần mềm ChemOffice 15.1
CO3 (A)	Rèn luyện đức tính cần cù, cẩn thận trong tính toán. Phát huy tính tích cực, tự giác trong quá trình nghiên cứu môn học.

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1 K	K2	Phần I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO2 S	S2	Phần II. Sử dụng máy tính cơ bản	Thảo luận nhóm, phân tích	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO3 S	S3	Phần III: Phần mềm soạn thảo MS WORD	Thực hành nghiên cứu, thảo luận nhóm, tình huống	Bài tập, tình huống, giả định
CLO4 A	A3	Phần IV. Bảng tính điện tử Microsoft Excel	Thực hành, thực tế cuộc sống	Bài tập tình huống,

				thực hành
CLO5 A	A3	Phần V. Sử dụng Internet cơ bản Phần VI. Công thức hóa học	Thực hành, thực tế cuộc sống	Bài tập tình huống, thực hành

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (S)			S2			
CLO3 (S)				S3		
CLO4(A)					A3	
CLO5(A)					A3	

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức(K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng(S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm(A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

24. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

24.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	- Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%

A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	- Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

24.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65-79%	Tốt 80- 100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Kh á 65- 79%	Tốt 80- 100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ,	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ	Thực hiện 80% nhiệm vụ nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn

		nộp chưa đúng hạn	vụ, nộp đúng hạn	60-vụ,	
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

25. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

26. Kế hoạch giảng dạy

26.1. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
02 (2LT)	Phần I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản Bài 1. Kiến thức cơ bản về máy tính 1. Kiến thức cơ bản về máy tính 2. Phần mềm Biểu diễn thông tin trong máy tính	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
10 (6LT; 4TH)	Phần II. Sử dụng máy tính cơ bản Bài 1. Làm việc với hệ điều hành 1. Làm việc với hệ điều hành 2. Quản lý thư mục và tập tin 3. Một số phần mềm tiện ích 4. Sử dụng tiếng Việt 5. Sử dụng máy in	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
09 (6LT; 15TH)	Phần III: Phần mềm soạn thảo MS WORD Bài 1. Làm quen với hệ soạn thảo Word	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

1. Khởi động Word
2. Giới thiệu giao diện Word.
3. Giới thiệu chức năng của các phím trên bàn phím và cách gõ văn bản.
4. Nhập văn bản đơn giản vào tài liệu.
5. Lưu tài liệu.
6. Đóng tài liệu và ra khỏi Word.

Bài 2. Cách biên tập một tài liệu

1. Mở một tệp văn bản đã có.
2. Di chuyển qua lại trong tài liệu Word.
3. Thanh cuộn văn bản.
4. Nắm được các chế độ nhập văn bản.
5. Lựa chọn văn bản.
6. Xóa và khôi phục văn bản.
7. Thao tác undo, redo.
8. Lưu tệp tin bằng tên khác

Bài 3. Định dạng văn bản

1. Định dạng font chữ
2. Căn lề văn bản
3. Cắt, sao chép và dán văn bản
4. Tìm và thay thế văn bản
5. Chèn ký tự đặc biệt vào văn bản (Symbol)
6. Áp dụng kiểu dáng Style cho văn bản
7. Xem trước tài liệu
8. In ấn tài liệu

Bài 4: Thay đổi cách trình bày văn bản

1. Điều chỉnh lề trang
2. Định dạng đoạn văn bản (paragraph)
3. Thay đổi hướng giấy
4. Thiết lập dấu Tab
5. Tạo đầu trang và chân trang
6. Chèn số trang

Bài 5: Làm việc với đồ họa (Insert)

1. Chèn ảnh từ tệp tin
2. Chèn ảnh từ clip gallery
3. Thay đổi kích thước và bố trí ảnh trong văn bản
4. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
5. Chèn công thức toán học
6. Chèn các đối tượng trên thanh Drawing.
7. Chèn biểu đồ

Bài 6: Làm việc với bảng biểu (Table)

1. Cách tạo bảng
2. Di chuyển giữa các ô trong bảng
3. Chọn hàng, cột và ô trong bảng
4. Tách và hợp ô
5. Chèn, xóa ô, cột và hàng
6. Điều chỉnh kích thước của các cột, dòng.

	- Tách bảng và ghép bảng - Đánh số thứ tự trong bảng - Căn lề trong bảng - Sắp xếp dữ liệu trong bảng. - Tính toán trong bảng. - Chèn bảng vào văn bản Bài 7: Một số chức năng nâng cao - Cách gõ tắt - Tính năng Autocorrect - Bảo vệ văn bản bằng mật khẩu - Thay đổi đơn vị đo của thước - Trộn thư	
08 (6LT;15TH)	Phần IV. Bảng tính điện tử Microsoft Excel Bài 1: Làm quen với Excel - Khởi động Excel - Giới thiệu cửa sổ Excel - Giới thiệu về bảng tính và trang tính - Mở một hoặc nhiều bảng tính - Tạo bảng tính mới - Lưu bảng tính và thoát khỏi Excel Bài 2: Làm việc với ô, hàng, cột và trang tính Bài 3: Định dạng trang tính - Trang hiện hành và ô hiện hành - Các loại con trỏ - Nhập dữ liệu vào ô - Các thao tác chọn - Thêm, xoá hàng, cột - Thay đổi kích thước hàng, cột - Chèn, xoá ô, hàng, cột - Giấu và bỏ giấu hàng cột - Cố định và bỏ cố định hàng/cột tiêu đề - Di chuyển giữa các trang tính - Thêm, xoá, nhân bản, đổi tên trang tính - Tìm kiếm và thay thế - Thực hành Bài 4: Thực hiện các tính toán - Các kiểu dữ liệu - Xây dựng công thức - Xây dựng công thức - Địa chỉ ô dữ liệu - Sao chép công thức - Cách gõ công thức - Tính năng chèn hàm - Các hàm cơ bản trong Excel	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	8.1.Nhóm hàm về ngày tháng 8.2.Nhóm hàm về ký tự (Left, right,...) 8.3.Nhóm hàm về Logic (If,..) 8.4.Nhóm hàm về Toán học (Abs, Sqrt, Int, Mod,..) 8.5. Nhóm hàm về thống kê (Max, Min, Average,...) 8.6.Nhóm hàm tìm kiếm (Vlookup, Hlookup,...) 9.Làm bài tập thực hành Bài 5: Làm việc với cơ sở dữ liệu và biểu đồ 1. Sắp xếp dữ liệu 2. Lọc dữ liệu 2.1.Lọc dữ liệu dùng AutoFilter (tự động) 2.2.Lọc dữ liệu dùng Advanced Filter (nâng cao) Bài 6: In trang tính 1. Cách tạo bảng 2. Di chuyển giữa các ô trong bảng 3. Chọn hàng, cột và ô trong bảng 4. Tách và hợp ô 5. Chèn, xóa ô, cột và hàng 6. Điều chỉnh kích thước của các cột, dòng. 7. Tách bảng và ghép bảng 8. Đánh số thứ tự trong bảng 9. Căn lề trong bảng 10. Sắp xếp dữ liệu trong bảng. 11. Tính toán trong bảng. 12. Chèn bảng vào văn bản Phần V. Sử dụng Internet cơ bản Phần VI. Công thức hóa học	
01 (1LT)	Kiểm tra điều kiện	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

26.2. . Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá

1,2		Phần I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
3,4		Phần II. Sử dụng máy tính cơ bản	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
5,6,7,8,9,10,11,12		Phần III: Phần mềm soạn thảo MS WORD	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
13,14,15,16,17,18,19		Phần IV. Bảng tính điện tử Microsoft Excel	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
20,21,22		Phần V. Sử dụng Internet cơ bản Phần VI. Công thức hóa học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

15. Tài liệu học tập:

15.1. Tài liệu/giáo trình chính

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. CTQGST, Hà Nội

15.2. Tài liệu tham khảo

[1] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn các giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Nxb. CTQG, Hà Nội

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQGST, Hà Nội

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

XÁC SUẤT THỐNG KÊ Y HỌC

(Probability and Medical statistics)

1. Tên học phần (tiếng Việt):	Tên tiếng Anh:
Xác suất thống kê y học	Probability and Medical statistics
2. Mã học phần:	7XSY010
3. Số tín chỉ: 02	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS.
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Vật lý – Lý sinh

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê, từ đó giúp sinh viên giải quyết một số vấn đề chuyên môn thông qua điều tra và xử lý số liệu thống kê, cũng như làm công cụ hỗ trợ cho các học phần Y Dược.

10. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Trình bày được những kiến thức cơ bản về xác suất, các định lý về xác suất, biến ngẫu nhiên, các quy luật phân phối, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và một số phân phối thông dụng. Trình bày được một số kiến thức về mẫu thống kê và các đặc trưng mẫu, ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết.
CO2 (S)	Trình bày được một số kiến thức về mẫu thống kê và các đặc trưng mẫu, ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết.

CO3 (A)	Thấy được ý nghĩa của môn học, từ đó yêu thích môn học, tích cực và chủ động tham gia các hoạt động học tập

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá
(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3, ...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	- Hiểu được ĐN xác suất, xác suất có điều kiện, công thức cộng và nhân, các hệ quả như công thức Becnuli, xác suất đầy đủ, Bayes. - Hiểu được các khái niệm và phân biệt được biến ngẫu nhiên và các quy luật phân phối, các quy luật phân phối nhị thức, phân phối Poisson, phân phối chuẩn, phân phối khi bình phương, phân phối Student	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập
CLO2	K3 (Áp dụng)	- Xác định được mẫu ngẫu nhiên và các đặc trưng mẫu - Nêu được cách ước lượng điểm, ước lượng khoảng - Nêu được các giả thiết thống kê, miền bác bỏ	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	- Tính được xác suất của biến cố bằng cách kết hợp các công thức công thức Becnuli, xác suất đầy đủ, Bayes. - Tìm được quy luật phân phối xác suất của các biến ngẫu nhiên - Tìm được khoảng ước lượng và kiểm định được giả thuyết thống kê	Nghiên cứu	Bài tập
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Vận dụng được các qui luật của XSTK vào thống kê y học	Thảo luận, là việc nhóm, bài tập	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, nghiên cứu và làm bài tập tại nhà.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Có ý thức tự học, tự nghiên cứu đam mê tìm tòi phát triển ứng dụng trong ngành xét nghiệm y học	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành/tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12.Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.3. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%

A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết: A1 + A2 + A3 = 100%				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.4. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần
(nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric

Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80- 100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5, 0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5, 0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Than g	Không đạt 0-	Đạt 50-	Khá 65-	Tốt 80-

	điểm	49%	64%	79%	100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0 – 49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
		0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
Nội dung	3	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng

Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên
Bài kiểm tra viết					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
Nội dung	5	Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3	Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV

(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Sinh viên đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học
- Sinh viên hoàn thành các bài tập được giao, hoặc chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Sinh viên vi phạm qui chế thi sẽ bị xử lý theo qui định.

16. Kế hoạch giảng dạy

14.5. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
5 (5LT 0TH)	Bài 1. Biến cố ngẫu nhiên và Xác suất 1.1. Phép thử và các loại biến cố 1.2. Xác suất của biến cố 1.3. Định lý cộng và nhân xác suất 1.4. Các hệ quả của định lý cộng và nhân xác suất	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (5LT 0TH)	Bài 2. Biến số ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất 2.1. Khái niệm biến ngẫu nhiên 2.2. Quy luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên 2.3. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (5LT 0TH)	Bài 3. Một số quy luật phân phối thông dụng 3.1. Phân phối không – một 3.2. Phân phối nhị thức 3.3. Phân phối Poisson 3.4. Phân phối đều 3.5. Phân phối chuẩn 3.6. Phân khi bình phương 3.7. Phân phối Student	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (5LT 0TH)	Bài 4. Cơ sở lý thuyết mẫu 4.1. Mẫu và thống kê mô tả 4.2. Mẫu ngẫu nhiên và các đặc trưng mẫu	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (5LT 0TH)	Bài 5. Ước lượng tham số của biến ngẫu nhiên 5.1. Ước lượng điểm 5.2. Ước lượng khoảng 5.6. Khoảng tin cậy cho trung bình tổng thể 5.7. Khoảng tin cậy cho tỉ lệ tổng thể	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (5LT 0TH)	Bài 6. Kiểm định giả thuyết thống kê 6.1. Giả thuyết thống kê và quy tắc kiểm định 6.2. Kiểm định giả thuyết về kì vọng của biến ngẫu nhiên có phân theo quy luật chuẩn	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.6. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Bài 1. (5LT, 0 TH) 1.1. Phép thử và các loại biến cố 1.2. Xác suất của biến cố 1.3. Định lý cộng và nhân xác suất 1.4. Các hệ quả của định lý cộng và nhân xác suất	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
2/1	Bài 2. (5LT, 0 TH) 2.1. Khái niệm biến ngẫu nhiên 2.2. Quy luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên 2.3. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
3/1	Bài 3. (5LT, 0 TH) 3.1. Phân phối không – một 3.2. Phân phối nhị thức 3.3. Phân phối Poisson 3.4. Phân phối đều 3.5. Phân phối chuẩn 3.6. Phân khi bình phương 3.7. Phân phối Student	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
4/1	Bài 4. (5LT, 0 TH) 4.1. Mẫu và thống kê mô tả 4.2. Mẫu ngẫu nhiên và các đặc trưng mẫu	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
5/1	Bài 5. (5LT, 0 TH) 5.1. Ước lượng điểm 5.2. Ước lượng khoảng 5.6. Khoảng tin cậy cho trung bình tổng thể 5.7. Khoảng tin cậy cho tỉ lệ tổng thể	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập

6/1	Bài 6. (5LT,0 TH) 6.1. Giả thuyết thống kê và quy tắc kiểm định 6.2. Kiểm định giả thuyết về kỳ vọng của biến ngẫu nhiên có phân theo quy luật chuẩn	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, bài giảng, giáo trình chính

[1]. Bộ môn KHCB – Khoa Dược Xét nghiệm ĐHĐĐ, *Bài giảng XSTKYH*

15.2. Sách tài liệu tham khảo

[1]. Giáo trình nội bộ, Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô, 2013, Thực tập toán cao cấp – xác suất thống kê

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn T. Thanh Hương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ DƯỢC

1. Tên học phần (Tiếng Việt): ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ DƯỢC	Tên tiếng Anh: Ethics for pharmacy practice
2. Mã học phần:	772020136
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	
- Đánh giá giữa học phần	1 tiết
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Hoàng Thị Chung ThS: Phạm Thị Loan Phượng
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Pháp chế, kinh tế dược
- Học phần học trước:	Marketing và thị trường Dược phẩm
- Học phần song hành:	Pháp chế

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về đạo đức và các quy định chung trong hành nghề dược, các chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh, sản xuất, tư vấn sử dụng thuốc và đặc biệt là những nghiên cứu về thử thuốc trên lâm sàng.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu của môn học:

Mô tả mục tiêu	CĐR	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]
Hiểu được nội dung các văn bản quy phạm pháp luật và các hướng dẫn có liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn khi tham gia hành nghề dược.	CLO1	M
Vận dụng được những nội dung cơ bản của các văn bản quản lý nhà nước có liên quan về dược để thực hiện đúng và hướng dẫn nhân viên y tế, người dân trong cộng đồng nắm vững và chấp hành đúng.	CLO2	M
Luôn nâng cao ý thức, gương mẫu chấp hành các văn bản quản lý nhà nước về y tế, trong đó có các văn bản về dược.	CLO3	M
Mục tiêu học tập: - Hiểu biết về lịch sử đạo đức - Hiểu biết về khái niệm đạo đức - Nắm và hiểu các phạm trù đạo đức - Nắm các nguyên tắc trong rèn luyện đạo đức - Nắm 12 điều y đức - Nắm 10 điều hành nghề Dược	CL03	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

Chuẩn đầu ra học phần (CĐR):

CĐR (CLOx.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]
CLO1	Nhớ và hiểu được khái niệm, các cặp phạm trù và các nguyên tắc rèn luyện đạo đức	M
CLO2	Phân tích được những quy định về nguyên tắc đạo đức trong hành nghề dược	
CLO3	Phân tích được nội dung chủ yếu của quy định đạo đức trong sản xuất	
CLO4	Phân tích được nội dung chủ yếu của quy định đạo đức trong kinh doanh thuốc	
CLO5	Phân tích được nguyên tắc đạo đức trong tư vấn sử dụng thuốc	
CLO6 CLO7	Phân tích được nội dung cơ bản của đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	

CLO8	Chấp hành đúng các quy định về chuyên môn và đạo đức trong hành nghề dược	
CLO9	Vận dụng các nguyên tắc đạo đức hành nghề dược trong việc xây dựng văn hóa kinh doanh tại các doanh nghiệp dược	
CLO10	Thực hành tốt đạo đức hành nghề dược trong hoạt động sản xuất thuốc	
CLO11	Thực hành tốt đạo đức hành nghề dược trong hoạt động phân phối, bảo quản tồn trữ, xuất nhập khẩu và bán lẻ thuốc	
CLO1	Thực hành tốt việc tư vấn sử dụng thuốc theo nguyên tắc đạo đức hành nghề dược	M
CLO2	Có khả năng nhận biết kịp thời các nguy cơ trong thử nghiệm thuốc trên lâm sàng để kịp thời ngăn chặn những vi phạm về mặt đạo đức.	
CLO3	Thấy được vai trò quan trọng của các nguyên tắc đạo đức trong sản xuất, kinh doanh, tư vấn sử dụng thuốc và nghiên cứu y sinh học	
CLO4	Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành y tế.	
CLO5	Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh.	
CLO1	Trung thực khách quan trong nghiên cứu khoa học, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1	K2 (Hiểu kiến thức)	Mô tả được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của ngành Dược	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn

CLO 2	K3 (Áp dụng)	Hiểu được các khái niệm trong Luật Dược	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO 3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Hiểu được những quy định về hoạt động kinh doanh dược	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
COL 4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Hiểu được các qui định trong quản lý chất lượng thuốc	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO 5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Hiểu được các quy định liên quan đến quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO 6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Trình bày được cấu trúc, ý nghĩa hệ thống phân loại thuốc ATC/DDD/VEN; thủ tục, lựa chọn và sử dụng tên quốc tế của thuốc không được đăng ký bản quyền (INN).	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973).

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng	S2 S3	10%

		thực hành		
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.2. Các bộ tiêu chí đánh giá:

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng điểm	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80- 100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89 80%- %số giờ lớp lý lên thuy ết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80- 100%
		0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80% nhiệm vụ nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

14.1. Nội dung môn học (đề cương chi tiết của môn học):

Hình thức tổ chức giảng dạy môn học:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			
		Lên lớp			

		LT	B Bài tập	Thảo luận	TH TN TT	Tự học	Tổng số
1	Đại cương về đạo đức	5				11	10
2	Quy định đạo đức trong hành nghề dược	5				11	11
3	Đạo đức trong sản xuất thuốc	5				12	11
4	Đạo đức trong kinh doanh thuốc	5				12	10
5	Đạo đức trong tư vấn hướng dẫn sử dụng thuốc	5				12	18
6	Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	5				12	18
Tổng		30				70	132

14.2. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1.	Bài 1. Đại cương về đạo đức 1. 1. Lịch sử và khái niệm về đạo đức: 1.2. Đạo đức của cán bộ y dược	Hiểu và phân tích được khái niệm đạo đức, các cấp phạm trù, các nguyên	Học ở nhà: 12 h Học ở lớp: 5 tiết Thuyết giảng: 3 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Đọc tài liệu sử dụng nội bộ [Đạo đức hành nghề dược- Trường Đại học Đông Đô]

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
		tắc rèn luyện đạo đức, các quy định về đạo đức của cán bộ y tế.	phút Hướng dẫn:15 phút		
2.	Bài 2. Quy định đạo đức trong hành nghề dược 1.1. Nguyên tắc chung về đạo đức kinh doanh Dược phẩm 1.2. Đạo đức trong hoạt động tương tác giữa công ty với các chuyên gia y tế 1.3. Đạo đức trong hoạt động thông tin, quảng cáo thuốc 1.4. Đạo đức trong hội nghị, hội thảo và hoạt động giới thiệu T cho cán bộ y tế 1.5. Đạo đức trong quà tặng và vật phẩm có tính chất giáo dục	Trình bày được các nguyên tắc cơ bản trong đạo đức hành nghề dược	Học ở nhà: 12 h Học ở lớp: 5 tiết Thuyết giảng: 3 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình:30 phút Hướng dẫn:15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Đọc tài liệu sử dụng nội bộ [Đạo đức hành nghề dược- Trường Đại học Đông Đô]
3.	Bài 3. Đạo đức trong sản xuất thuốc 1.1. Đạo đức trong sản xuất	Phân tích được nguyên tắc đạo đức trong	Học ở nhà: 12 h Học ở lớp: 5 tiết Thuyết giảng: 3 tiết Thảo luận: 45 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Đọc tài liệu sử dụng nội bộ [Đạo đức hành nghề dược-

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	thuốc 1.2. Đạo đức trong hoạt động thử lâm sàng thuốc 1.3. Đạo đức trong đánh giá người lao động; bảo vệ người lao động; marketing; kế toán tài chính	trong hoạt động sản xuất; nguyên tắc đạo đức trong đánh giá người lao động.	Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút		Trường Đại học Đông Đô]
4.	Bài 4. Đạo đức trong kinh doanh thuốc 1.1. Khái niệm đạo đức kinh doanh 1.2. Các nguyên tắc của đạo đức KD 1.3. Đạo đức KD và trách nhiệm xã hội 1.4. Vai trò của đạo đức kinh doanh 1.5. Các khía cạnh thể hiện đạo đức KD 1.6. Các hoạt động quảng cáo, bán hàng phi đạo đức	Phân tích được nguyên tắc đạo đức trong trong hoạt động kinh doanh được	Học ở nhà: 12 h Học ở lớp: 5 tiết Thuyết giảng: 3 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Đọc tài liệu sử dụng nội bộ [Đạo đức hành nghề dược- Trường Đại học Đông Đô]
5.	Bài 5. Đạo đức trong tư vấn hướng dẫn sử dụng thuốc	Trình bày được nguyên tắc đạo	Học ở nhà: 12 h Học ở lớp: 5 tiết Thuyết giảng: 3 tiết	Trắc nghiệm nhanh	Đọc tài liệu sử dụng nội bộ [Đạo đức hành nghề dược-

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	2.1. Tiêu chuẩn đạo đức hành nghề của người dược sĩ 2.2. Đạo đức trong tư vấn sử dụng thuốc	đức trong tư vấn hướng dẫn sử dụng thuốc	Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút	tại lớp	Trường Đại học Đông Đô]
6.	Bài 6. Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học 1.1. Những nguyên tắc, chuẩn mực của đạo đức trong NC 1.2. Thỏa thuận tham gia nghiên cứu 1.3. Đánh giá lợi ích và nguy cơ 1.4. Bí mật riêng tư trong đạo đức NC 1.5. NC có sự tham gia của nhóm đối tượng dễ bị tổn thương 1.6. Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	Phân tích được các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	Học ở nhà: 12 h Học ở lớp: 5 tiết Thuyết giảng: 3 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Độc tài liệu sử dụng nội bộ [Đạo đức hành nghề dược- Trường Đại học Đông Đô]

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] Bộ Y tế. Thông tư 29/2018/TT-BYT qui định về việc ban hành, áp dụng Thực hành tốt thử thuốc trên lâm sàng..

[2] Bộ Y tế. Thông tư 08/2021/TT-BYT qui định nguyên tắc đạo đức hành nghề dược.

b. Tài liệu tham khảo

[3] Đạo đức hành nghề Dược Đại học Dược Hà Nội.

[4] Đạo đức hành nghề Dược Đại học Đại Nam

[5] Đạo đức hành nghề Dược Đại học Đông Đô 2022.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

DSCKII: Hoàng Duy Hiễn

ThS: Hoàng Thị Chung

VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG

(General Physics)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Vật lý đại cương	Tên tiếng Anh: General Physics
2. Mã học phần:	7VLH012
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	TS. Vũ Thị Trang
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Hóa Hữu cơ

10. Mô tả tóm tắt học phần

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vật lý đại cương đối với sức khỏe con người. Hiểu được vai trò của vật lý đối với Dược học và khoa học sự sống, ghi nhớ được phương pháp đo lường và đơn vị đo, một số đặc điểm của nhóm mẫu lớn

10. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Trang bị cho sinh viên hiểu và ứng dụng: -Các quy luật về nhiệt học để giải thích các hiện tượng liên quan đến tính chất vật lý như ngậm nước, hút ẩm, lên hoa... -Các quy luật về cơ học lượng tử để giải thích các trạng thái của vật chất trạng nở, độ nhớt, tính dẻo...

	-Trình bày được các ứng dụng của quang học trên các thiết bị sử dụng trong ngành được như kính hiển vi điện tử quét, máy đo UV, các thiết bị đo phổ
CO2 (S)	- Vận dụng được các đại lượng vật lý cơ bản và nguyên lý thứ nhất, thứ hai NDH HSV trong các hệ nhiệt động, hệ mở -Vận dụng giải thích được bản chất của ánh sáng và tác dụng của ánh sáng đối với cơ thể sống
CO3 (A)	Sinh viên bước đầu có ý thức: -Tìm hiểu về các hiện tượng, tính chất, đặc điểm vật lý trong các hệ sinh vật -Tìm kiếm tài liệu bổ trợ cho kiến thức bài học

12. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3, ...)

11.3. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Vận dụng được các kiến thức đã học về Vật lý đại cương vào việc tiếp thu các kiến thức có liên quan đến lĩnh vực trong ngành dược. Trình bày được các kiến thức nền tảng kỹ thuật cốt lõi, về các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực thực hành ngành y - dược.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập
CLO2	K3 (Áp dụng)	Vận dụng được các kiến thức nền tảng kỹ thuật nâng cao, về các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực công nghệ bảo vệ thuốc chữa bệnh, đáp ứng được công việc nghiên cứu công nghệ, cải tiến công nghệ và phát triển sản phẩm mới	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Có kỹ năng thực nghiệm về Vật lý đại cương trong kiểm nghiệm dược như: tách chất, định tính các chất vô cơ trong các sản phẩm thuốc và liên quan đến thuốc.	Nghiên cứu	Bài tập
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Có kỹ năng thực nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm trong qui trình công nghệ sản xuất thuốc trong ngành dược.	Thảo luận, là việc nhóm, bài tập	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO5	A1 (Thái độ)	Nhận thức được rằng môn Vật lý đại cương là kiến thức nền tảng của ngành dược.	Thuyết trình, bài tập, thảo	Phỏng vấn, quan

	tự chủ tiếp nhận)		luận, làm việc nhóm	sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Có ý thức tự học, tự nghiên cứu đam mê tìm tòi phát triển ứng dụng trong công nghệ được phẩm.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành/tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.4. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12.Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.5. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%

A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết: A1 + A2 + A3 = 100%				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.6. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric

Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5, 0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5, 0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89% số giờ lên lớp	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

			lên ý thuyết	thuyết	
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0 – 49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
		0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
Nội dung	3	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày nội dung không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0

Trả lời câu hỏi		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên
Bài kiểm tra viết					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
Nội dung	5	Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3	Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV

(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Sinh viên đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học
- Sinh viên hoàn thành các bài tập được giao, hoặc chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Sinh viên vi phạm qui chế thi sẽ bị xử lý theo qui định.

17. Kế hoạch giảng dạy

14.7. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
5 (4LT 0TH)	Bài 1. Các nguyên lý của nhiệt động học hệ sinh vật 1.1. Nhiệt độ và nhiệt lượng 1.2. Nguyên lý thứ nhất nhiệt động học hệ sinh vật 1.3. Nguyên lý thứ hai nhiệt động học hệ sinh vật	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (4LT 0TH)	Bài 2. Các hiện tượng vận chuyển vật chất cơ bản trong cơ thể sống; Sự vận chuyển máu trong cơ thể 2.1. Các hiện tượng vận chuyển vật chất cơ bản trong cơ thể sống 2.2. Chuyển động của chất lỏng 2.3. Sự chuyển động của máu trong cơ thể	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Bài 3. Sự vận chuyển khí trong cơ thể; Các loại điện thế sinh vật 3.1. Sự vận chuyển khí trong cơ thể 3.2. Các loại điện thế sinh vật	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Bài 4. Ghi điện sinh học; Tác dụng sinh vật của dòng điện và ứng dụng trong điều trị 4.1. Ghi điện sinh học 4.2. Tác dụng sinh vật của dòng điện và ứng dụng trong điều trị	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (2LT 0TH)	Bài 5. Bản chất vật lý của âm và siêu âm; Ứng dụng của âm và siêu âm trong y học 5.1. Bản chất vật lý của âm và siêu âm 5.2. Ứng dụng của âm và siêu âm trong y học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Bài 6. Bản chất của ánh sáng và tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống; Phương pháp hiển vi 6.1. Bản chất của ánh sáng và tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	6.2. Phương pháp hiển vi	
4 (4LT 0TH)	Bài 7. Phương pháp đồng vị phóng xạ; Phương pháp quang phổ và ứng dụng 7.1. Phương pháp đồng vị phóng xạ 7.2. Phương pháp quang phổ và ứng dụng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.8. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Bài 1. (5LT, 0 TH) 1.1. Nhiệt độ và nhiệt lượng 1.2. Nguyên lý thứ nhất nhiệt động học hệ sinh vật 1.3. Nguyên lý thứ hai nhiệt động học hệ sinh vật	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
2/1	Bài 2. (5LT, 0 TH) 2.1. Các hiện tượng vận chuyển vật chất cơ bản trong cơ thể sống 2.2. Chuyển động của chất lỏng 2.3. Sự chuyển động của máu trong cơ thể	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
3/1	Bài 3. (4LT, 0 TH) 3.1. Sự vận chuyển khí trong cơ thể 3.2. Các loại điện thế sinh vật	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
4/1	Bài 4. (3LT, 0 TH) 4.1. Ghi điện sinh học 4.2. Tác dụng sinh vật của dòng điện và ứng dụng trong điều trị	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
5/1	Bài 5. (4LT, 0 TH)	CLO1,2 (K2, K3)	- Dạy trực tiếp	<i>quan sát, hồ sơ</i>

	5.1. Bản chất vật lý của âm và siêu âm 5.2. Ứng dụng của âm và siêu âm trong y học	CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>học tập</i>
6/1	Bài 6. (4LT,0TH) 6.1. Bản chất của ánh sáng và tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống 6.2. Phương pháp hiển vi	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
7/1	Bài 7. (4LT, 0TH) 7.1. Phương pháp đồng vị phóng xạ 7.2. Phương pháp quang phổ và ứng dụng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, bài giảng, giáo trình chính

[1]. Bộ môn KHCB – Khoa Dược Xét nghiệm ĐHQĐ, *Bài giảng Vật lý đại cương*

[2]. Trường đại học Dược Hà Nội, 2008, *Vật lý đại cương*

15.2. Sách tài liệu tham khảo

[1]. Lương Duyên Bình NXB Khoa học kỹ thuật, 2005, *Vật lý đại cương tập 1*

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

HÓA ĐẠI CƯƠNG – VÔ CƠ
(Inorganic diamond chemistry)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Hóa đại cương – Vô cơ	Tên tiếng Anh: Inorganic diamond chemistry
2. Mã học phần:	7HVC013
3. Số tín chỉ: 02	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Hoàng Thị Tĩnh ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Hóa Hữu cơ

11. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của học phần Hóa đại cương vô cơ. Đó là: cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về cấu tạo nguyên tử, cân bằng hóa học, tính chất của dung dịch không điện ly, dung dịch điện ly, dung dịch phức chất, dung dịch chất điện ly ít tan, phản ứng oxy hóa khử và dòng điện. Đặc điểm, trạng thái, tính chất lý hóa, và phân loại các nguyên tố như Hydrogen, các nguyên tố thuộc nhóm I đến VIII.

10.Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Những kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử, cấu tạo phân tử và liên kết hóa học. Một số khái niệm về nhiệt động lực học, về tốc độ phản ứng và cân bằng hóa học, về dung dịch chứa chất tan không bay hơi, không điện li, dung dịch chất điện li, dung dịch chất điện li ít tan và sự tạo phức trong dung dịch. Bản chất phản ứng oxy hóa khử, điện thế oxy hóa khử, các loại điện cực và ứng dụng. Mô tả đặc điểm cấu tạo, giải thích tính chất của đơn chất và hợp chất, sự biến đổi tính chất theo chu kỳ, nhóm trong bảng HTTH.

	những ứng dụng quan trọng trong y và dược học của những đơn chất, hợp chất điển hình
CO2 (S)	Có kĩ năng tự nghiên cứu tài liệu để hiểu các vấn đề trong chương trình môn hóa đại cương. Kĩ năng tổng hợp hóa, khái quát hóa các kiến thức có liên quan.
CO3 (A)	Rèn cho sinh viên thái độ chuyên cần, hăng say học tập, nghiên cứu và tìm hiểu những vấn đề trong hóa đại cương nhằm phục vụ cho việc học các môn chuyên ngành. Nâng cao ý thức nghiêm túc trong học tập, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu.

13. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá (Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3, ...)

11.5. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Vận dụng được các kiến thức đã học về Hóa đại cương - Vô cơ vào việc tiếp thu các kiến thức có liên quan đến lĩnh vực trong ngành được	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập
CLO2	K3 (Áp dụng)	Vận dụng được các kiến thức đã học vào kỹ thuật công nghệ sản xuất thuốc chữa bệnh, đáp ứng được công việc nghiên cứu công nghệ, cải tiến công nghệ và phát triển sản phẩm mới	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Nhận thức được rằng môn Hóa đại cương – vô cơ là kiến thức nền tảng của ngành dược	Nghiên cứu	Bài tập
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn công việc Giải quyết được các vấn đề phát sinh trong học tập và công việc	Thảo luận, là việc nhóm, bài tập	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, nghiên cứu và làm bài tập tại nhà.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành/tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.6. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12.Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.7. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%

A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%

Công thức tính điểm tổng kết: A1 + A2 + A3 = 100%

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.8. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần

(nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
		0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5

Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0 – 49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
		0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
Nội dung	3	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên

Bài kiểm tra viết					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
Nội dung	5	Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3	Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV

(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Sinh viên đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học
- Sinh viên hoàn thành các bài tập được giao, hoặc chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Sinh viên vi phạm qui chế thi sẽ bị xử lý theo qui định.

18. Kế hoạch giảng dạy

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
4 (4LT 0TH)	Chương 1. Liên kết hoá học 1.1. Liên kết hoá học theo quan niệm cổ điển 1.2. Thuyết liên kết hoá trị VB 1.3. Thuyết MO	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Chương 2. Nhiệt động hoá học 2.1. Một số khái niệm 2.2. Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động lực học 2.3. Nguyên lý thứ hai của nhiệt động lực học và xét chiều diễn biến của phản ứng hoá học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Chương 3. Động hoá học và cân bằng hoá học 3.1. Động hoá học 3.2. Cân bằng hoá học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Chương 4. Dung dịch 4.1. Đại cương về dung dịch 4.2. Dung dịch chất điện ly 4.3. Dung dịch phức chất	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
2 (2LT 0TH)	Chương 5. Điện hoá học 5.1. Pin điện hoá 5.2. Thế oxi hoá khử. Dự đoán chiều hướng của phản ứng oxi hoá khử 5.3. Một số loại điện cực 5.4. Ứng dụng của nguyên tố Ganvani.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Chương 6. Các nguyên tố họ s 6.1. Một số đặc điểm chung 6.2. Các nguyên tố nhóm IA 6.3. Các nguyên tố nhóm IIA	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

4 (4LT 0TH)	Chương 7. Các nguyên tố họ p 7.1. Một số đặc điểm chung 7.2. Các nguyên tố nhóm IIIA 7.3. Các nguyên tố nhóm IVA 7.4. Các nguyên tố nhóm VA 7.5. Các nguyên tố nhóm VIA 7.6. Các nguyên tố nhóm VIIA	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Chương 8. Các nguyên tố họ d 8.1. Một số đặc điểm chung 8.2. Các nguyên tố nhóm IB 8.3. Các nguyên tố nhóm IIB 8.4. Các nguyên tố nhóm VIB 8.5. Các nguyên tố nhóm VIIB 8.66. Các nguyên tố nhóm VIIIB	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.9. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Chương 1. (4LT, 0 TH) 1.1. Liên kết hoá học theo quan niệm cổ điển 1.2. Thuyết liên kết hoá trị VB 1.3. Thuyết MO	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
2/1	Chương 2. (4LT, 0 TH) 2.1. Một số khái niệm 2.2. Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động lực học 2.3. Nguyên lý thứ hai của nhiệt động lực học và xét chiều diễn biến của phản ứng hoá học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

3/1	Chương 3. (4LT, 0 TH) 3.1. Động hoá học 3.2. Cân bằng hoá học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
4/1	Chương 4. (3LT, 0 TH) 4.1. Đại cương về dung dịch 4.2. Dung dịch chất điện ly 4.3. Dung dịch phức chất	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
5/1	Chương 5.(2LT, 0 TH) 5.1.Pin điện hoá 5.2.Thế oxi hoá khử. Dự đoán chiều hướng của phản ứng oxi hoá khử 5.3.Một số loại điện cực 5.4.Ứng dụng của nguyên tố Ganvani.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
6/1	Chương 6.(4LT,0 TH) 6.1. Một số đặc điểm chung 6.2. Các nguyên tố nhóm IA 6.3. Các nguyên tố nhóm IIA	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
7/1	Chương 7. (4LT, 0TH) 7.1. Một số đặc điểm chung 7.2. Các nguyên tố nhóm IIIA 7.3. Các nguyên tố nhóm IVA 7.4. Các nguyên tố nhóm VA 7.5. Các nguyên tố nhóm VIA 7.6. Các nguyên tố nhóm VIIA	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
8/1	Chương 8. (4LT, 0 TH)	CLO1,2 (K2, K3)	- Dạy trực tiếp	<i>quan sát, hồ sơ</i>

8.1. Một số đặc điểm chung	CLO 3,4 (S2, S3)	trên lớp/ dạy	<i>học tập</i>
8.2. Các nguyên tố nhóm IB	CLO 5,6 (A1, A2)	online;	
8.3. Các nguyên tố nhóm IIB		- Thuyết trình,	
8.4. Các nguyên tố nhóm VIB		động não, suy nghĩ	
8.5. Các nguyên tố nhóm VIIB		chia sẻ, gợi mở	
8.66. Các nguyên tố nhóm VIIIB		vấn đáp;	
		- Thảo luận	
		nhóm.	

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, bài giảng, giáo trình chính

[1]. Bộ môn KHCN – Khoa Dược Xét nghiệm ĐHQĐ, *Bài giảng Hóa đại cương – Vô cơ*

[2]. Lê Thành Phước (chủ biên). 2008 *Hóa Đại cương, vô cơ*, NXB Y học.

15.2. Sách tài liệu tham khảo

[1]. Đồng TG: PGS.TSKH. Lê Thành Phước (CB), PGS.TS. Phan Tuý, CN. Nguyễn Nhật Thị. Bộ Y tế, ĐH Dược Hà Nội 2015 *Hóa đại cương vô cơ*, NXB thống kê.

[2]. PGS.TSKH. Phan An Hóa (CB) 2012, *Hóa học cơ sở*, ĐH Dược HN, NXB thống kê.

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

ThS Hoàng Thị Tĩnh

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO
KHOA DƯỢC – XÉT NGHIỆM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật đại cương	Tên tiếng Anh: Fundamentals of Law
2. Mã học phần:	7GDC006
3. Số tín chỉ:	02

4. Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	25 giờ
- Thí nghiệm, thực hành, thảo luận:	04 giờ
- Đánh giá giữa học phần:	01 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm:	75giờ
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Đinh Thị Thủy
8. Điều kiện tham gia học phần	
-Học phần tiên quyết	Pháp luật đại cương
-Học phần học trước	Pháp luật đại cương
-Học phần song hành	(Không)

9. Mô tả tóm tắt học phần

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức đại cương, giảng dạy cho sinh viên các trường đại học không chuyên ngành luật. Học phần gồm các kiến thức khái quát chung về Nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật; luật hiến pháp; luật hành chính; luật dân sự; luật hình sự; giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao ý thức pháp luật, đánh giá, định hướng hành vi của mình và người khác theo chuẩn mực pháp lý, tôn trọng và thực hiện pháp luật.

10. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	- Giải thích được các nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật, như: nguồn gốc ra đời, bản chất, đặc điểm, chức năng, kiểu Nhà nước, hình thức Nhà nước; cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đặc điểm của pháp luật; khái niệm quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.
CO2 (S)	- Áp dụng được các quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam trong các ngành luật: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và Gia đình phân tích các vấn đề liên quan
CO3 (A)	- Giải thích được các quy định phù hợp đối với từng hành vi vi phạm pháp luật cụ thể - Sử dụng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật vào từng tình huống cụ thể phát sinh trong thực tiễn - Cẩn thận, trung thực và tuân thủ tốt các quy định của pháp luật - Hiểu được những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các chế định cơ bản của các ngành luật.

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1 K	K2	- Giải thích được các nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật, như: nguồn gốc ra đời, bản chất, đặc điểm chức năng, kiểu Nhà nước, hình thức Nhà nước; cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đặc điểm của pháp luật; khái niệm quy phạm pháp luật; quá trình hình thành và phát triển của pháp luật; khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO2 K	K3	Áp dụng được các quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam trong các ngành luật: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, phân tích các vấn đề liên quan	Thảo luận nhóm, phân tích	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO3 S	S2	Giải thích được các quy định phù hợp đối với từng hành vi vi phạm pháp luật cụ thể	Thực hành nghiên cứu, thảo luận nhóm, tình huống	Bài tập, tình huống, giả định
CLO4 S	S3	Sử dụng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật vào từng tình huống cụ thể phát sinh trong thực tiễn	Thực hành, thực tế cuộc sống	Bài tập tình huống, thực hành
CLO5 A	A4	Cẩn thận, trung thực và tuân thủ tốt các quy định của pháp luật		

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)			K3			
CLO3 (S)				S3		
CLO4(A)					A3	
CLO5(A)					A4	

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức(K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng(S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm(A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

27. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

27.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	- Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	- Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.

27.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65-79%	Tốt 80- 100%
Chuyên cần					
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80% nhiệm vụ nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản xuất	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

28. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

29. Kế hoạch giảng dạy

29.1. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
02 (2LT)	GIỚI THIỆU MÔN HỌC PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG Bài 1. Những vấn đề cơ bản về nhà nước 1: Nguồn gốc Nhà nước 2: Khái niệm bản chất Nhà nước 3: Thuộc tính Nhà nước 4: Chức năng Nhà nước 5: Kiểu và hình thức Nhà nước 6: Bộ máy Nhà nước 7: Nhà Nước CHXHCN Việt Nam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
02 (4LT)	Bài 2. Những vấn đề cơ bản về Pháp luật 1: Nguồn gốc, khái niệm Pháp luật 2: Bản chất của Pháp luật 3: Thuộc tính của Pháp luật 4: Chức năng vai trò của Pháp luật 5: Quan hệ PL, các hiện tượng xã hội khác 6: Kiểu PL , Hình thức Pháp luật	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
05 (4LT; 1TH)	Bài 3. Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp luật. 1: Khái niệm thực hiện Pháp Luật 2: Hình thức thực hiện Pháp Luật 3: Các dấu hiệu cơ bản của Vi phạm Pháp Luật 4: Phân Loại vi phạm Pháp Luật 5: Các loại vi phạm Pháp Luật 6: Trách nhiệm Pháp lý	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
02 (2LT)	Bài 4. Luật Hiến pháp 1: Khái niệm 2: Luật Hiến pháp 3: Bộ máy nhà nước: Quốc hội: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn 4: Bộ máy chính phủ: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn 5: Bộ máy Tòa án ND, VKSND: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn 6: Bộ máy chính quyền địa phương: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn 7: Bộ máy bầu cử quốc gia, kiểm toán nhà nước: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn 8: Bộ máy hiệu lực của hiến pháp và việc sửa đổi hiến pháp	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

02 (2LT)	Bài 5. Luật Hành chính 1: Khái niệm luật hành chính 2: Đối tượng điều chỉnh 3: Phương pháp điều chỉnh luật hành chính 4: Quan hệ pháp luật hành chính 5: Vi phạm hành chính 6: Xử lý vi phạm hành chính 7: Pháp chế xã hội chủ nghĩa	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
04 (3LT; 1TH)	Bài 6. Luật Lao động Chương 1. Những quy định chung Chương 2. Việc làm Chương 3: Học nghề Chương 4. Hợp đồng lao động Chương 5. Thỏa ước lao động tập thể Chương 6. Tiền lương Chương 7. Thời giờ làm việc, thời gian nghỉ ngơi Chương 8. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất Chương 9. An toàn lao động, vệ sinh lao động Chương 10. Những quy định riêng đối với lao động nữ Chương 11. Lao động chưa thành niên Chương 12. Bảo hiểm xã hội Chương 13. Công đoàn Chương 14. Giải quyết tranh chấp lao động Chương 15. Quản lý nhà nước về lao động Chương 16. Thanh tra nhà nước về lao động, xử phạt vi phạm pháp luật lao động	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
05 (4LT;1TH)	Bài 7. Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự 1. Khái niệm 2. Đối tượng điều chỉnh luật Dân Sự 3. Phương pháp điều chỉnh luật Dân Sự 4. Các loại hợp đồng Dân sự 5. Các hình thức thừa kế	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
04 (3LT;1TH)	Bài 8. Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự 1. Luật Hình sự 1. Luật Tổ tụng hình sự	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
03 (2LT;1TH)	Bài 9. + Pháp luật Phòng chống tham nhũng 1. Sự cần thiết ban hành luật phòng chống tham nhũng 2. Nội dung cơ bản của luật phòng chống tham nhũng + Luật Hôn nhân gia đình 1. Khái quát luật HNGĐ 2. Một số nội dung cơ bản luật HNGĐ	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
01 (1LT)	Kiểm tra điều kiện	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

29.2. . Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	Bài 1. Những vấn đề cơ bản về nhà nước 1: Nguồn gốc Nhà Nước 2: Khái niệm bản chất Nhà nước 3: Thuộc tính Nhà nước 4: Chức năng Nhà nước 5: Kiểu và hình thức Nhà nước 6: Bộ máy Nhà nước 7: Nhà Nước CHXHCN Việt Nam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Bài 2. Những vấn đề cơ bản về Pháp luật 1: Nguồn gốc, khái niệm Pháp Luật 2: Bản chất của Pháp Luật 3: Thuộc tính của Pháp Luật 4: Chức năng vai trò của Pháp Luật 5: Quan hệ PL, các hiện tượng xã hội khác 6: Kiểu PL , Hình thức Pháp Luật	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Bài 3. Thực hiện pháp luật, Vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp luật 1: Khái niệm thực hiện Pháp Luật 2: Hình thức thực hiện Pháp Luật 3: Các dấu hiệu cơ bản của Vi phạm Pháp Luật 4: Phân Loại vi phạm Pháp Luật 5: Các loại vi phạm Pháp Luật 6: Trách nhiệm Pháp lý	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Bài 4. Luật Hiến pháp 1: Khái Niệm 2: Luật Hiến Pháp 3: Bộ máy nhà nước: Quốc hội: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

	4: Bộ máy chính phủ: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn 5: Bộ máy Tòa án ND, VKSND: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn 6: Bộ máy chính quyền địa phương: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn 7: Bộ máy bầu cử quốc gia, kiểm toán nhà nước: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn 8: Bộ máy hiệu lực của hiến pháp và việc sửa đổi hiến pháp			
	Bài 5. Luật Hành chính 1: Khái niệm luật hành chính 2: Đối tượng điều chỉnh 3: Phương pháp điều chỉnh luật hành chính 4: Quan hệ pháp luật hành chính 5: Vi phạm hành chính 6: Xử lý vi phạm hành chính 7: Pháp chế xã hội chủ nghĩa	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Bài 6. Luật Lao động Chương 1. Những quy định chung Chương 2. Việc làm Chương 3: Học nghề Chương 4. Hợp đồng lao động Chương 5. Thoả ước lao động tập thể Chương 6. Tiền lương Chương 7. Thời giờ làm việc, thời gian nghỉ ngơi Chương 8. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất Chương 9. An toàn lao động, vệ sinh lao động Chương 10. Những quy định riêng đối với lao động nữ Chương 11. Lao động chưa thành niên Chương 12. Bảo hiểm xã hội Chương 13. Công đoàn	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

	Chương 14. Giải quyết tranh chấp lao động Chương 15. Quản lý nhà nước về lao động Chương 16. Thanh tra nhà nước về lao động, xử phạt vi phạm pháp luật lao động			
	Bài 7. Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự 1. Khái niệm 2. Đối tượng điều chỉnh luật Dân Sự 3. Phương pháp điều chỉnh luật Dân Sự 4. Các loại hợp đồng Dân sự 5. Các hình thức thừa kế 6. Khái quát chung luật tổ tụng dân sự	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Bài 8. Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự 1. Luật Hình Sự 1. Luật tổ tụng hình sự	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Bài 9. Pháp luật Phòng chống tham nhũng và Luật Hôn nhân gia đình 1. Sự cần thiết ban hành luật phòng chống tham nhũng 2. Nội dung cơ bản của luật phòng chống tham nhũng 3. Khái quát luật HNGD 4. Một số nội dung cơ bản luật HNGD	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

15. Tài liệu học tập:

15.1. Tài liệu/giáo trình chính

1. Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm, thành phố Hồ Chí Minh (HUFI), (2021) Giáo trình Pháp luật đại cương, Nxb HUFI, TP Hồ Chí Minh
2. Bộ GD&ĐT (2018) Giáo trình Pháp luật đại cương, Nxb. ĐHSP, Hà Nội
3. Khoa khoa học cơ bản, Trường Đại học Đông Đô, Giáo trình Pháp luật, giáo trình nội bộ.

15.2. Tài liệu tham khảo

TS. Lê Minh Toàn (2021), *Pháp luật đại cương*, Dừng trong các trường đại học, cao đẳng và trung cấp, NXB CTQGST, Hà Nội

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Văn Trường

ThS. Đinh Thị Thủy

SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG
(GENERAL BIOLOGY)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Sinh học đại cương	Tên tiếng Anh: GENERAL BIOLOGY
2. Mã học phần:	772020126
3. Số tín chỉ:	2
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	Th.S Phạm Thị Thanh Hương
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Hóa đại cương vô cơ

12. Mô tả tóm tắt học phần

13. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Sinh học tế bào: cấu tạo, thành phần hóa học, sự vận chuyển các chất qua màng tế bào, sự quang hợp và hô hấp tế bào, cơ sở vật chất của di truyền, các quy luật di truyền, sự phân bào, đột biến gen, đột biến nhiễm sắc thể, sự tiến hóa của sinh giới.

10.Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Mô tả được cấu trúc vi thể, siêu vi thể và các hoạt động chức năng của tế bào.
CO2 (S)	-Phân tích được quá trình phát triển cá thể và các nhân tố tác động đến sự phát triển cá thể.
CO3	-Trình bày được vai trò của di truyền trong y học. Ứng dụng được các biện pháp cơ bản trong việc phòng tránh các bệnh di truyền.

(A)	

14. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá
(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3, ...)

11.7. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	+ Trình bày được cấu tạo của tinh trùng và các loại trứng, đặc điểm sự phân cắt và sự tạo thành phôi của các loại trứng. Nêu được các đặc điểm của giai đoạn sinh trưởng, trưởng thành, già và chết.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập
CLO2	K3 (Áp dụng)	+ Trình bày được tổng hợp, thoái hóa của AND, ARN, điều hòa sinh tổng hợp Protein, ảnh hưởng của giới tính đến di truyền, cơ chế đột biến gen	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	+ Trình bày được một số phương pháp nghiên cứu di truyền y học, ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị	Nghiên cứu	Bài tập
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	+ Mô tả được triệu chứng, kiểu hình, kiểu gen của một số bệnh rối loạn vật chất di truyền, bệnh di truyền trên NST thường và NST giới tính	Thảo luận, là việc nhóm, bài tập	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được tầm quan trọng của chẩn đoán trước sinh, xây dựng kế hoạch và đánh giá hoạt động trong công tác quản lý có hiệu quả	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Có tinh thần trách nhiệm; tư vấn bệnh tật để người bệnh và người nhà của họ yên tâm chữa bệnh, Trung thực và khách quan. Nhận biết và khắc phục các sai lầm trong nghề nghiệp	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập
CLO7		+ Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập
CLO8		Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành/tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.8. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12.Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.9. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%

A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết: $A1 + A2 + A3 = 100\%$				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.10. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần

(nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric

Tiêu chí	Tha ng điề m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80- 100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5, 0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5, 0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Than g điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80- 100%
		0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận nhóm					
Tiêu trids	Thang điểm	Không đạt 0 – 49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tiêu chí					
		0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
Nội dung	3	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0

		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên
Bài kiểm tra viết					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
Nội dung	5	Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3	Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV

(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Sinh viên đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học
- Sinh viên hoàn thành các bài tập được giao, hoặc chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Sinh viên vi phạm qui chế thi sẽ bị xử lý theo qui định.

19. Kế hoạch giảng dạy

14.10. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
	PHẦN SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG	
4 (4LT 0TH)	Sinh học tế bào - Các phương pháp nghiên cứu tế bào - Cấu trúc và chức năng màng, các bào quan và nhân tế bào - Sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào - Sự vận động của tế bào	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Di truyền học - Cơ sở vật chất di truyền: AND, ARN, tổng hợp Protein và cơ chế điều hòa hoạt động của gen. - Các cơ chế di truyền cơ bản ở sinh vật: di truyền đơn gen, đa gen đa nhân tố, các tính trạng bị hạn chế bởi giới và bị ảnh hưởng bởi giới tính	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Sinh học phát triển các thể: - Sự phân chia của tế bào, sự tạo tinh và tạo trứng ở người - Các phương thức sinh sản ở sinh vật. - Các giai đoạn phát triển cá thể và phát triển phôi. - Các cơ chế điều khiển quá trình phát triển cá thể. - Sự tái sinh ở sinh vật	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Đột biến: - Phân loại đột biến. - Cơ chế đột biến đa bội, lệch bội. - Cơ chế đột biến cấu trúc NST. - Đột biến gen	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	PHẦN DI TRUYỀN Y HỌC	
2 (2LT 0TH)	Phần 1: Các phương pháp nghiên cứu di truyền y học: phả hệ, nếp vân da, tế bào học, sinh đôi, di truyền học quần thể người	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Phần 2: Bộ gen – Bộ NST người và một số kỹ thuật DT y học - Khái quát về bộ gen người. - Tiêu chuẩn xếp loại NST người. - Các phương pháp nhuộm tiêu bản NST người. - Kỹ thuật di truyền ứng dụng trong y học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Phần 3: NST giới tính và vật thể giới tính ở người - NST giới tính và chức năng. - Vật thể Barr, Drumstic, vật thể Y và ứng dụng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT)	Phần 4:	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

0TH)	1. Các tính trạng và bệnh di truyền đơn gen ở người - Phân loại bệnh rối loạn vật chất DT ở người. - Bệnh di truyền gen trội, lặn trên NST thường & đặc điểm. - Bệnh di truyền gen trội, lặn trên NST giới tính & đặc điểm	CLO 5,6 (A1, A2)
	2. Di truyền nhóm máu ở người - Di truyền nhóm máu ABO. - Di truyền nhóm máu Rh. - Di truyền nhóm máu MN... - Di truyền hệ kháng nguyên HLA	
	Phần 5: Các tính trạng và bệnh di truyền đa gen và đa nhân tố ở người và đặc điểm	
	Phần 6: Bệnh học NST ở người - Các bệnh lệch bội NST: Down, Patau, Turner, Klinefelter... - Các bệnh đột biến cấu trúc NST: hội chứng “mèo kêu”, Down chuyển đoạn, NST Philadelphia, Fragyl X... - Hiện tượng người lưỡng giới: giả, thật ở người (tham khảo tài liệu)	
	Phần 7: Đột biến gen và di truyền bệnh phân tử ở người - Phân loại bệnh đột biến gen. - Các bệnh rối loạn phân tử Protein không là men: bệnh về Hemoglobin, bệnh về các yếu tố đông máu. - Các bệnh rối loạn ohana tử Protein là men: rối loạn chuyển hóa đường; chuyển hóa a. amin; chuyển hóa Lipid	
	Nội dung thực hành	
	Sử dụng kính hiển vi quang học – hình dạng tế bào	
	Trao đổi chất qua màng tế bào	
	Phân bào nguyên nhiễm, giảm nhiễm ở tế bào động – thực vật	
	Phân tích nếp vân da bàn tay – vật thể giới tính	
	Quan sát cụm NST người bình thường, người bệnh, lập karyotype	
	Phân tích karyotype và hình ảnh lâm sàng bệnh di truyền người.	
	Phương pháp lập phả hệ	
	Ôn tập	

14.11.

Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	PHẦN SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG			

1/1	Sinh học tế bào - Các phương pháp nghiên cứu tế bào - Cấu trúc và chức năng màng, các bào quan và nhân tế bào - Sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào - Sự vận động của tế bào	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
2/1	Di truyền học - Cơ sở vật chất di truyền: AND, ARN, tổng hợp Protein và cơ chế điều hòa hoạt động của gen. - Các cơ chế di truyền cơ bản ở sinh vật: di truyền đơn gen, đa gen đa nhân tố, các tính trạng bị hạn chế bởi giới và bị ảnh hưởng bởi giới tính	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
3/1	Sinh học phát triển các thể: - Sự phân chia của tế bào, sự tạo tinh và tạo trứng ở người - Các phương thức sinh sản ở sinh vật. - Các giai đoạn phát triển cá thể và phát triển phôi. - Các cơ chế điều khiển quá trình phát triển cá thể. - Sự tái sinh ở sinh vật	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
4/1	Đột biến: - Phân loại đột biến. - Cơ chế đột biến đa bội, lệch bội. - Cơ chế đột biến cấu trúc NST. - Đột biến gen	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
5/1	Phần 1: Các phương pháp nghiên cứu di truyền y học: phả hệ, nếp vân da, tế bào học, sinh đôi, di truyền học quần thể người	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
6/1	Phần 2: Bộ gen – Bộ NST người và một số kỹ thuật DT y học - Khái quát về bộ gen người. - Tiêu chuẩn xếp loại NST người. - Các phương pháp nhuộm tiêu bản NST người.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở	quan sát, hồ sơ học tập

	- Kỹ thuật di truyền ứng dụng trong y học		vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	
7/1	Phần 3: NST giới tính và vật thể giới tính ở người - NST giới tính và chức năng. - Vật thể Barr, Drumstic, vật thể Y và ứng dụng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
8/1	Phần 4: 1. Các tính trạng và bệnh di truyền đơn gen ở người - Phân loại bệnh rối loạn vật chất DT ở người. - Bệnh di truyền gen trội, lặn trên NST thường & đặc điểm. - Bệnh di truyền gen trội, lặn trên NST giới tính & đặc điểm	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
9/1	2. Di truyền nhóm máu ở người - Di truyền nhóm máu ABO. - Di truyền nhóm máu Rh. - Di truyền nhóm máu MN... - Di truyền hệ kháng nguyên HLA			
10/1	Phần 5: Các tính trạng và bệnh di truyền đa gen và đa nhân tố ở người và đặc điểm			
11/1	Phần 6: Bệnh học NST ở người - Các bệnh lệch bội NST: Down, Patau, Turner, Klinefelter... - Các bệnh đột biến cấu trúc NST: hội chứng “mèo kêu”, Down chuyển đoạn, NST Philadelphia, Fragyl X... - Hiện tượng người lưỡng giới: giả, thật ở người (tham khảo tài liệu)			
12/1	Phần 7: Đột biến gen và di truyền bệnh phân tử ở người - Phân loại bệnh đột biến gen. - Các bệnh rối loạn phân tử Protein không là men: bệnh về Hemoglobin, bệnh về các yếu tố đông máu - Các bệnh rối loạn ohana tử Protein là men: rối loạn chuyển hóa đường; chuyển hóa a. amin; chuyển hóa Lipid.			
	Nội dung thực hành			

	Sử dụng kính hiển vi quang học – hình dạng tế bào			
	Trao đổi chất qua màng tế bào			
	Phân bào nguyên nhiễm, giảm nhiễm ở tế bào động – thực vật			
	Phân tích nếp vân da bàn tay – vật thể giới tính			
	Quan sát cụm NST người bình thường, người bệnh, lập karyotype			
	Phân tích karyotype và hình ảnh lâm sàng bệnh di truyền người.			
	Phương pháp lập phả hệ			

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, bài giảng, giáo trình chính

[1]. Bộ môn KHCB – Khoa Dược Xét nghiệm ĐHQĐ, *Bài giảng Sinh học đại cương*

15.2. Sách tài liệu tham khảo

Tài liệu tham khảo chính:

Đồng TG: PGS.TS. BS. Cung Bình Trung, ThS. BS. Cung Hồng Sơn (2011), Khái niệm về bệnh lý di truyền ở người, nhà xuất bản Y học Hà Nội.

Nguyễn Văn Thanh ch.b (2011), Sinh học phân tử, nhà xuất bản Giáo dục

Tài liệu tham khảo phụ:

Đồng TG: GS.TS. Trịnh Văn Bảo, TS. Phan Thị Hoan, PGS.TS. Trần Thị Thanh Hương, Ths. Hoàng Thị Ngọc Lan...(2012), Thực tập di truyền y học nhà xuất bản Y học Hà Nội.

Đồng TG: PGS.TS. Nguyễn Văn Chương (CB), GS. Đặng Đình Huân, GS.TS. Lê Đức Hình... (2012) Một số bệnh thái hoá di truyền hệ thần kinh, nhà xuất bản Y học Hà Nội.

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

ThS.Nguyễn Thị Thanh Hương ThS Phạm Thị Thanh Hương

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
(Medical Researching Method)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Phương pháp nghiên cứu khoa học	Tên tiếng Anh: (Medical Researching Method)
2. Mã học phần:	7GĐC021
3. Số tín chỉ: 02 LT	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Giáo dục Đại cương
5. Loại học phần:	Cơ bản
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 tiết
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	PGS,TS, BSCK2 : Lê Khắc Đức Th.S, BSCK2. Trần Hồ
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Toán; xác suất thống kê
- Học phần học trước:	Các học phần Y học cơ sở và khối ngành
- Học phần song hành:	Dịch tễ học

9. Mô tả tóm tắt học phần

Nghiên cứu khoa học (NCKH) là một hoạt động then chốt hàng đầu trong những ngành khoa học. Phương pháp NCKH học là nền tảng của mọi hoạt động nghiên cứu khoa học.

Học phần Phương pháp NCKH nhằm trang bị cho sinh viên tiếp cận với NCKH cung cấp những kiến thức cơ bản về NCKH, những phương pháp kỹ thuật nghiên cứu cần thiết để khảo sát, đánh giá các biến số, chỉ số nghiên cứu, cách trình bày các kết quả nghiên cứu và viết báo cáo đề tài, luận văn tốt nghiệp... Theo đó, có kỹ năng cơ bản xây dựng được đề cương đề tài và thực hiện được công trình nghiên cứu khoa học.

10. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	- Có kiến thức cơ bản về phương pháp luận NCKH và những phương pháp kỹ thuật nghiên cứu khoa học cần thiết để tiến hành thực hiện xây dựng đề cương, thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học chung và y dược học nói riêng
CO2 (S)	- Có kỹ năng áp dụng được những phương pháp kỹ thuật nghiên cứu cần thiết để tiếp cận thí nghiệm, khảo sát, đánh giá các biến số, chỉ số nghiên cứu và cách trình bày các kết quả nghiên cứu - Có kỹ năng thành thạo về xây dựng được đề cương đề tài và thực hiện được công trình nghiên cứu khoa học luận văn, đồ án tốt nghiệp Đại học
CO3 (A)	- Có tính cầu thị tích cực học tập để nhận rõ được tầm quan trọng của học phần Nghiên cứu khoa học - Có thái độ học tập tích cực, đáp ứng được đầy đủ chương trình học phần; đảm bảo được chất lượng chuẩn đầu ra của môn học và nâng cao được năng lực nghiên cứu khoa học .

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐ R học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	-Nắm vững được kiến thức cơ bản của phương pháp luận NCKH, - Nắm vững các các bước NCKH và phương pháp kỹ thuật nghiên cứu cần thiết để thực hiện đề tài NCKH - Hiểu rõ được cách xây dựng đề cương đề tài NCKH và cách viết báo cáo khoa học luận văn, đồ án tốt nghiệp	-Thuyết trình, -Tranh, ảnh, hình chiếu - Thảo luận, làm việc nhóm; Phản hồi	Kiểm tra, Thảo luận, bài tập , đánh giá

CLO 2	K3 (Áp dụng)	Áp dụng được các kiến thức về phương pháp kỹ thuật nghiên cứu cần thiết để thực hiện thí nghiệm, khảo sát, đánh giá các biến số, chỉ số nghiên cứu và cách trình bày các kết quả nghiên cứu	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO 3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Xây dựng được Đề cương đề tài nghiên cứu khoa học	Nghiên cứu Phân tích Đánh giá	Bài tập
COL 4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Viết được các báo cáo nghiên cứu khoa học về đề tài, luận văn, đồ án, tiểu luận tốt nghiệp Đại học	Thảo luận, làm việc nhóm, bài tập	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO 5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Có tính cầu thị tích cực học tập chuyên cần; đáp ứng được đầy đủ chương trình học phần đáp ứng được chất lượng chuẩn đầu ra	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO 6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Có thái độ học tập tích cực, năng động, trao đổi hỏi đáp để nắm vững được kiến thức và kỹ năng thực hành nghiên cứu khoa học	Thảo luận, làm việc nhóm; phản hồi đối thoại tích cực	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành/tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PL O1(Kiế n thứ c)		PL O2 (Kỹ năng g)		PL O3 (Th ái độ)	
	1 . 1	1.2	2 . 1	2.1	3 . 2	3 . 3
CL O1(K)	K 2					
CL O2 (K)		K3				
CL O3 (S)			S2			
CL O4(S)				S3		
CL O5 (A)					A1	
CL O6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp;

K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12.Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10 %
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1; A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Đáp án, thang điểm	K2; K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2; K3 A1; A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30 %
A2.1	Bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 ; K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60 %
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2; K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2; S3	10%

h)				
Công thức tính điểm tổng kết: A1 + A2 + A3 = 100%				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0 - 49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn			Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp ứng yêu cầu	sản phẩm	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
			Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic		2	0 đến <1	1đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
			Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng tạo	sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
			Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận nhóm						
Tiêu trids		Thang điểm	Không đạt 0 – 49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tiêu chí						
			0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
Nội dung		3	Trình bày nội dung không liên quan hay	Trình bày không đủ nội dung theo yêu	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng

		nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	câu về chủ đề		góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%-50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên
Bài kiểm tra viết					

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
Nội dung	5	Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3	Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV

(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Sinh viên đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học
- Sinh viên hoàn thành các bài tập được giao, hoặc chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Sinh viên vi phạm qui chế thi sẽ bị xử lý theo qui định.

14. Kế hoạch giảng dạy

14.1. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
5 (5 LT, 0TH)	Chương I. ĐẠI CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 1.1.Đại cương nghiên cứu khoa học 1.2.Đại cương phương pháp nghiên cứu khoa học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
8 (8 LT, 0TH)	Chương II. CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 2.1.Phương pháp thu thập tài liệu và đặt giả thuyết nghiên cứu 2.2.Phương pháp thu thập số liệu trong nghiên cứu thực nghiệm 2.3. Phương pháp thu thập số liệu trong nghiên cứu phi thực nghiệm	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
15 (15LT, 0TH)	Chương III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SỨC KHỎE 3.1.Các chiến lược thiết kế nghiên cứu dịch tễ học 3.2 Phương pháp đo lường, thống kê nghiên cứu khoa học y dược 3.3.Xác lập biến số trong nghiên cứu khoa học y dược 3.4.Phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu khoa học y dược 3.5.Phương pháp thu thập và trình bày thông tin, số liệu nghiên cứu khoa học y dược	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2) CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)
2 (2 LT, 0TH)	Chương IV. XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ VIẾT BÁO CÁO LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC Phương pháp xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và viết Luận văn khoa học	CLO 5,6 (A1, A2)

14.2. Kế hoạch dạy học

Tuần n/ Buổi i học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	Chương I. ĐẠI CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP NCKH			
1/1 (2 LT)	Bài 1.Đại cương nghiên cứu khoa học - Khái niệm khoa học và NCKH -Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	<i>Quan sát, hồ sơ học tập</i>
2/1 (3 LT)	Bài 2.Đại cương Phương pháp nghiên cứu khoa học - Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của phương pháp NCKH - Các loại và các bước cơ bản của phương pháp kỹ thuật NCKH - Những bước cơ bản chung trong phương pháp khoa học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	Quan sát, hồ sơ học tập
	Chương II. CÁC PHƯƠNG PHÁP KỸ THUẬT NGHIÊN CỨU KHOA HỌC			
3/2 (2LT)	Bài 3. Phương pháp thu nhập tài liệu và đặt giả thuyết nghiên cứu - Mục đích, cách phân loại và nguồn thu nhập tài liệu nghiên cứu khoa học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	.- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi	Quan sát, hồ sơ học tập

	- Định nghĩa, đặc tính, Cấu trúc của giả thuyết nghiên cứu khoa học - Mối quan hệ giữa giả thuyết và “vấn đề” khoa học;	CLO 5,6 (A1, A2)	- Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	
4/2 (3LT)	Bài 4. Phương pháp thu thập số liệu trong nghiên cứu phi thực nghiệm . Các loại biên số cơ bản thường gặp trong nghiên cứu thực nghiệm. - Đối tượng khảo sát và khung mẫu nghiên cứu khoa học - Mẫu, phương pháp lấy/chọn mẫu và cách xác định cỡ mẫu NCKH	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	Quan sát, hồ sơ học tập
5/2 (3LT)	Bài 5. Phương pháp thu thập số liệu trong nghiên cứu phi thực nghiệm - Khái niệm phương pháp thu thập số liệu nghiên cứu phi thực nghiệm - Phương pháp phỏng vấn - trả lời trong nghiên cứu phi thực nghiệm - Phương pháp sử dụng bảng câu hỏi - trả lời bằng viết trong nghiên cứu phi thực nghiệm. - Phương pháp nhật ký ghi chép, nói chuyện cộng đồng và phỏng vấn qua tường thuật trong nghiên cứu phi thực nghiệm	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	Quan sát, hồ sơ học tập
Chương III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SỨC KHỎE				
6/3 (2LT)	Bài 6. Các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học - Mục tiêu của các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2,	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản	Quan sát, hồ sơ học tập

	- Mục tiêu, đặc trưng và thiết kế các loại nghiên cứu mô tả; phân tích và can thiệp	S3) CLO 5,6 (A1, A2)	hỏi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	
7/3 (5LT)	Bài 7. Phương pháp đo lường, thống kê nghiên cứu khoa học y dược - Công thức, ý nghĩa của các tham số đo lường về số đo mắc bệnh - Công thức, ý nghĩa của các tham số đo lường về số đo bệnh trạng và số đo tử vong - Công thức, ý nghĩa của các tham số đo lường về số đo lường nhân quả - Công thức, ý nghĩa của các tham số đo lường về độ nhạy, độ đặc hiệu, các giá trị tiên đoán	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2) CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	<i>Quan sát, hồ sơ học tập</i>
8/3 (2LT)	Bài 8. Xác lập biến số trong nghiên cứu khoa học y dược - Định nghĩa /khái niệm và các loại biến số nghiên cứu - Cách xác lập biến số thường dùng trong nghiên cứu khoa học y dược	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	<i>Quan sát, hồ sơ học tập</i>

9/3 (3 LT)	Bài 9. Phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu khoa học y dược - Ý nghĩa chọn mẫu thường dùng trong nghiên cứu khoa học - Mục đích và cách xác định cỡ mẫu trong nghiên cứu dịch tễ học mô tả - Cách chọn/ kỹ thuật chọn mẫu quần thể đối tượng nghiên cứu khoa học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	Quan sát, hồ sơ học tập
10/3 (3 LT)	Bài 10. Phương pháp thu thập và trình bày thông tin, số liệu nghiên cứu khoa học y dược - Cách thu thập thông tin nghiên cứu khoa học bằng phiếu hỏi, theo biểu mẫu định sẵn (Check - list) - Cách trình bày thông tin số liệu nghiên cứu khoa học bằng bảng, hình/biểu đồ...	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	Quan sát, hồ sơ học tập
Chương IV. XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ VIẾT BÁO CÁO LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC				
11/4 (2 LT)	Bài 9. Phương pháp xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và viết Luận văn khoa học - Các nội dung cơ bản và cách xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học. - Các thành phần cấu trúc cơ bản và cách viết Luận văn, báo cáo nghiên cứu khoa học	CLO1,2 (K2, K3)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	Quan sát, hồ sơ học tập

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, bài giảng, giáo trình chính

1. Lê Khắc Đức(2020). **Phương pháp nghiên cứu khoa học trong khoa học Y-Dược**; Tập Bài giảng Đại học Y-Dược , Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Đông Đô

15.2. Sách tài liệu tham khảo

Tài liệu tham khảo chính:

1. Đỗ Hàm Giáo trình “Phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học Y học; Nhà xuất bản Y học, Hà Nội năm 2007

2. Nguyễn Bảo Vệ (2019), Giáo trình Phương pháp Nghiên cứu Khoa học, trường Đại học Cần Thơ

Tài liệu tham khảo phụ:

1. Bộ môn Dịch tễ học – Khoa Y tế Công Cộng, Trường Đại học Y Huế; Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học (dùng cho BS Đa khoa), năm 2006

2. Vũ Cao Đàm, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB KHKT, 2012)

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

**TS. Nguyễn Minh
Tuấn**

BsCKI. Nguyễn Tiến Mạnh

PGS.TS. Lê Khắc Đức

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA SINH

1. Tên học phần (Tiếng Việt): Hóa sinh	Tên tiếng Anh: Biochemistry
2. Mã học phần:	7HSH017
3. Số tín chỉ:	03 (2,1)
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	125
7. Các giảng viên phụ trách học phần	BSCKII-ThS. Nguyễn Thị Thu Uyên DSCKI Thạc sĩ Nguyễn Văn Thiệp
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa hữu cơ 1- 2, Sinh học, Hóa lý dược, Hóa phân tích 1-2.
- Học phần học trước:	Hóa hữu cơ
- Học phần song hành:	Sinh lý, Vi sinh – Ký sinh trùng

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Hóa sinh là môn cơ sở ngành nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu trúc, vai trò, thoái hóa và sinh tổng hợp của các nhóm hợp chất chủ yếu trong cơ thể, các cơ chế xúc tác sinh học, các cơ chế điều hòa chuyển hóa, liên quan giữa các chuyển hóa, rối loạn chuyển hóa và cơ chế bệnh sinh của một số bệnh do rối loạn chuyển hóa.

Các kiến thức về những quá trình hóa sinh trong cơ thể người là nền tảng cần thiết để có thể hiểu về đặc điểm hóa sinh và sinh lý bệnh của các bệnh thường gặp cũng như đặc tính dược lý và sử dụng của các thuốc trong điều trị. Do vậy, các kiến thức và kỹ năng trong học phần này là cơ sở để sinh viên tiếp tục học các môn học chuyên ngành như bào chế, dược lý, dược lâm sàng, kiểm nghiệm thuốc, dược động học, độc chất học, dược liệu. Các kiến thức và kỹ năng này có thể được áp dụng trong các lĩnh vực sản xuất, đảm bảo chất lượng, kinh doanh, phân phối, hướng dẫn sử dụng thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và chế phẩm có nguồn gốc dược liệu, chế phẩm có nguồn gốc sinh học.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Trình bày được kiến thức cơ bản về hóa sinh cơ sở: các chất sinh học chủ yếu của cơ thể sống và chuyển hóa của chúng ở tế bào, chất xúc tác sinh học, năng lượng sinh học, hóa sinh của mô và các dịch sinh vật.
CO2 (S)	Vận dụng kiến thức sinh hóa vào y học lâm sàng và các học phần được học cơ sở có liên quan.
CO3 (A)	Thao tác đúng qui trình kỹ thuật, giải thích và biện luận được các thử nghiệm và xét nghiệm

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.9. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu biết và nắm vững vai trò của các cơ quan tổ chức trong cơ thể, hóa sinh hấp thu, chuyển hoá, thải trừ thuốc và các chất dinh dưỡng, sự liên quan giữa thay đổi các chỉ số sinh hoá các chất với bệnh lý mỗi cơ quan tổ chức.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn
CLO2	K3 (Áp dụng)	Áp dụng kiến thức về sự liên quan giữa thay đổi các chỉ số sinh hoá với bệnh lý mỗi cơ quan tổ chức, đưa ra lời khuyên và cảnh báo bệnh tật cho người bệnh có kết quả xét nghiệm bất thường, thứ tự từng bước thực hiện lời khuyên, bảo đảm an	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án

		toàn cho người bệnh góp phần nâng cao chất lượng điều trị.		
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Vận dụng nguyên lý hoạt động của các máy xét nghiệm hóa sinh, thực hiện được xét nghiệm trên máy phân tích hóa sinh bán tự động, tự động, máy phân tích nước tiểu	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Thao tác xét nghiệm đúng quy trình chuẩn, kết quả chính xác, thực hiện được kiểm tra chất lượng xét nghiệm	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được môn học Sinh hoá liên quan đến nhiều vấn đề khác, xét nghiệm sinh hóa là cơ sở để giải thích các triệu chứng và chẩn đoán theo dõi trong điều trị các bệnh lý cụ thể.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.10. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2(Kỹ năng)		PLO3(Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: *Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:*

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng;
S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ
năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản
ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom &
Masia, 1973);

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.11. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.

12.12. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có)

Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric

Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Kh á 65- 79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-79% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV:
(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
16 tiết (8LT: 8 TH)	Phần 1. CẤU TẠO CHẤT 1.1. Hóa học Glucid Lipid Protid và acid nucleic 1.2. Enzym 1.3. Đại cương oxy hóa khử sinh học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
16 tiết (8LT: 8 TH)	Phần 2. CHUYỂN HÓA CHẤT 2.1. Chuyển hóa Glucid 2.2. Chuyển hóa lipid 2.3. Chuyển hóa protid và acid nucleic 2.4. Hormon	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi giữa kỳ 1 tiết	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)
21 tiết (11 LT: 10TH)	Phần 3. HÓA SINH MÔ VÀ CƠ QUAN 3.1. Sự trao đổi muối nước 3.2. Thăng bằng acid base 3,3, Hóa sinh gan 3.4. Hóa sinh thận và nước tiểu 3,5. Hóa sinh máu, dịch thể 3.6. Hóa sinh cơ	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2) CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	3.7. Hóa sinh thần kinh	
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi hết học phần (2 tiết)	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

14.12. Nội dung chi tiết học phần

14.13. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động Dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Phần 1: CẤU TẠO CHẤT Bài 1. (4LT, 4 TH) Hóa học Glucid Lipid Protid và acid nucleic	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
2/1	Bài 2 . (2 LT, 4 TH) Enzym Bài 3. (2LT, 0 TH) Đại cương oxy hóa khử sinh học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
3/1	Phần 2. CHUYỂN HÓA CHẤT Bài 4. (2LT, 2 TH) Chuyển hóa Glucid Bài 5. (2LT, 2 TH) Chuyển hóa lipid	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
4/1	Bài 6. (2LT, 4 TH) Chuyển hóa protid và acid nucleic, liên quan chuyển hóa Bài 7. (2LT, 0 TH) Hormon	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Bài 7. Thi giữa kỳ (1LT, 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Thuyết trình, tự nghiên cứu làm bài thi	Chấm bài thi tự luận giữa kỳ
5/1	Phần 3. HÓA SINH MÔ VÀ CƠ QUAN Bài 8. (2LT, 0 TH) Trao đổi muối nước Bài 9. (1LT, 0 TH) Thăng bằng acid-base	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
6/1	Bài 10. (2LT, 4 TH) Hóa sinh gan Bài 11. (2LT, 4 TH) Hóa sinh thận - nước tiểu	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
7/1	Bài 12. (2LT, 2 TH) Hóa sinh máu, dịch thể	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

	Bài 13. (1LT, 0 TH) Hóa sinh cơ			
	Bài 14. (1LT, 0 TH) Hóa sinh thần kinh			
7/1	Bài 15. Thi hết học phần (2LT, 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Tự nghiên cứu làm bài thi, thực hành	Chấm bài thi tự luận hết học phần

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- **Tài liệu/giáo trình chính:**

[1] **Bộ Y tế** (2007), *Hóa sinh*, Nhà xuất bản Y học.

[2] Thực tập hóa sinh lâm sàng, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược – xét nghiệm, Trường Đại học Đông Đô, 2022.

b. Tài liệu tham khảo

[3] Nguyễn Xuân Thắng (2004), *Hóa sinh học tập 1*, NXB Trường đại học dược Hà Nội

[4] Nguyễn Xuân Thắng (2004), *Hóa sinh học tập 2*, NXB Trường đại học dược Hà Nội.

Hà Nội, ngày ... tháng năm 2024

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

Th.S. Nguyễn Thị Thu Uyên

Th.S. Nguyễn Thị Thu Uyên

HÓA HỮU CƠ

(Organic Chemistry)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Hóa Hữu cơ	Tên tiếng Anh: Organic Chemistry
2. Mã học phần:	7HHC018
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Hoàng Thị Tĩnh ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa đại cương – Vô cơ
- Học phần học trước:	Hóa đại cương – Vô cơ
- Học phần song hành:	Hóa Hữu cơ

14. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản và hiện đại về Hoá học hữu cơ gồm: Đại cương về hoá học hữu cơ, Hidrocacbon (no; không no; Hidrocacbon thơm). Những kiến thức cơ bản và hiện đại về các chất hữu cơ đơn chức và đa chức; về tính chất, ứng dụng và điều chế của các hợp chất hữu cơ; Dẫn xuất Halogen của các Hidrocacbon; Các hợp chất cơ kim loại và cơ phi kim; Alcol - phenol - ether. Aldehyd - ceton; Acid cacboxylic; Dẫn xuất của acid, lipid; Hợp chất chứa nitơ; Glucid; Hợp chất dị vòng.

10. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)

CO1 (K)	Phân loại được các hợp chất hữu cơ, cấu trúc các hợp chất hữu cơ, danh pháp, phương pháp điều chế, tính chất. Giải thích được cơ chế phản ứng đơn giản của một số phản ứng hữu cơ Xác định được sự có mặt của các nhóm chức trong thành phần của thuốc Những ứng dụng quan trọng trong y và dược học của những đơn chất, hợp chất, nhóm chức của hợp chất hữu cơ.
CO2 (S)	Xác định định tính các nhóm chức có mặt trong các hợp chất hữu cơ: thuốc, dược liệu.... Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thực hành hóa học để giúp sinh viên có thể làm việc tốt hơn ở các phòng thí nghiệm chuyên ngành. Tổng hợp được một số sản phẩm hữu cơ đơn giản Có kỹ năng tự nghiên cứu tài liệu để hiểu các vấn đề trong chương trình môn hóa hữu cơ. Kỹ năng tổng hợp hóa, khái quát hóa các kiến thức có liên quan.
CO3 (A)	Nhận thức được rằng môn Hóa học hữu cơ là kiến thức nền tảng của ngành dược, biết ứng dụng các kiến thức đã học vào ngành Dược học – xét nghiệm. Rèn cho sinh viên thái độ chuyên cần, hăng say học tập, nghiên cứu và tìm hiểu những vấn đề trong hóa hữu cơ nhằm phục vụ cho việc học các môn chuyên ngành. Nâng cao ý thức nghiêm túc trong học tập, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu. Yêu thiên nhiên cây cỏ, mối quan hệ cây cỏ - dược liệu – thuốc

15. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.11. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Phân loại được các hợp chất hữu cơ, cấu trúc các hợp chất hữu cơ, danh pháp, phương pháp điều chế, tính chất Giải thích được cơ chế phản ứng đơn giản của một số phản ứng hữu cơ Hiểu được sự có mặt của các nhóm chức trong thành phần của thuốc	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập
CLO2	K3 (Áp dụng)	Hiểu và áp dụng được môn Hóa học hữu cơ là kiến thức nền tảng của ngành dược	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm bài tập

CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Áp dụng được tính chất của các hợp chất hữu cơ để xác định định tính các nhóm chức có mặt trong thuốc, dược liệu....	Nghiên cứu	Bài tập
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Tổng hợp được một số sản phẩm hữu cơ đơn giản Làm được một số thao tác kỹ thuật trong phòng thí nghiệm như: Lọc, chiết, chưng cất	Thảo luận, làm việc nhóm, bài tập	Hồ sơ học tập, chấm bài tập, quan sát
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, nghiên cứu và làm bài tập tại nhà. Yêu thiên nhiên cây cỏ, mối quan hệ cây cỏ - dược liệu – thuốc	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hỏi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hỏi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành/tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.12. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2(K)		K3				
CLO3(S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5(A)					A1	
CLO6(A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12.Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.13. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%

A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết: $A1 + A2 + A3 = 100\%$				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.14. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần

(nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân/Thực hành					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ,	Thực hiện 50 -	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn

đầy đủ, đúng hạn		nộp chưa đúng hạn	60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	m nộp đúng hạn	
Nội dung phản đáp yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0 – 49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
		0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
Nội dung	3	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa

			và báo cáo	thể hiện rõ ràng	các thành viên
Thuyết trình nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên
Bài kiểm tra viết					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
Nội dung	5	Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3	Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo

Khả năng phân tích	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV

(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Sinh viên đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học
- Sinh viên hoàn thành các bài tập được giao, hoặc chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Sinh viên vi phạm qui chế thi sẽ bị xử lý theo qui định.

20. Kế hoạch giảng dạy

14.14. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
4 (4LT 0TH)	Chương 1. Đại cương về hợp chất hữu cơ 1.1 Các loại hiệu ứng 1.2. Các loại đồng phân trong hóa học hữu cơ 1.3. Phân loại và cơ chế phản ứng 1.3. Phân loại và cơ chế phản ứng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (2LT 0TH)	Chương 2. Hydrocarbon. Dẫn xuất halogen. Hợp chất cơ nguyên tố 2.1. Phân loại Hydrocarbon 2.2. Danh pháp chung 2.3. Tính chất hóa học điển hình 2.4. Hydrocacbon thơm 2.5. Dẫn xuất halogen 2.6. Hợp chất cơ nguyên tố	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Chương 3. Ancol – Phenol và ether. Các polyol – polyphenol	CLO1,2 (K2, K3)

	3.1. Ancol 3.2. Phenol 3.3. Ether 3.4. Các polyol - polyphenol	CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Chương 4. Các hợp chất chứa nhóm carbonyl và dẫn xuất 4.1. Cấu tạo nhóm cacbonyl. Phân loại. Danh pháp chung 4.2. Nhóm aldehyd - ceton 4.3. Acid carbocyclic 4.4. Dẫn xuất của acid carbocyclic 4.5. Lipid	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (2LT 0TH)	Chương 5. Amin. Các hợp chất khác chứa nitơ. Protid 5.1. Amin 5.2. Các hợp chất chứa nitơ 5.3. Protit. Phân loại.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Chương 6. Glucid (Carbohydrat) 6.1. Khái niệm chung về glucit. Phân loại 6.2. Monosacarit 6.3. Olygosaccarit 6.4. Polysaccarit	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Chương 7. Hợp chất dị vòng - ankaloit 7.1. Đại cương về các hợp chất dị vòng 7.2. Dị vòng không thơm 7.3. Dị vòng thơm 7.4. Ankaloit	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
2 (2LT 0TH)	Ôn tập – Kiểm tra	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 1. Một số phương pháp tách biệt, tinh chế và Xác định hằng số vật lý của hợp chất hữu cơ	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 2. Phân tính định tính một số hợp chất hữu cơ	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 3. Chung cất phân đoạn	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 4. Tính chất hóa học điển hình của hydrocarbon, dẫn xuất halogen	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 5. Tính chất của một số hợp chất hữu cơ aldehyd – ceton – acid carbocyclic	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

4 (0LT 4TH)	Bài 6. Tính chất của Amin, acid amin, glucid	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 7. Điều chế acid acetylsalicylic	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
2	Bài 8. Ôn tập – Kiểm tra	CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.15. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Chương 1. (4LT, 0 TH) 1.1 Các loại hiệu ứng 1.2. Các loại đồng phân trong hóa học hữu cơ 1.3.Phân loại và cơ chế phản ứng 1.3.Phân loại và cơ chế phản ứng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
2/1	Chương 2. (4LT, 0 TH) 2.1. Phân loại Hydrocarbon 2.2.Danh pháp chung 2.3.Tính chất hóa học điển hình 2.4. Hydrocacbon thơm 2.5. Dẫn xuất halogen 2.6. Hợp chất cơ nguyên tố	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
3/1	Chương 3. (4LT, 0 TH) 3.1. Ancol 3.2. Phenol 3.3. Ether 3.4. Các polyol - polyphenol	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
4/1	Chương 4. (3LT, 0 TH) 4.1.Cấu tạo nhóm cacbonyl. Phân loại. Danh pháp chung 4.2. Nhóm aldehyd - ceton 4.3. Acid carbocyclic 4.4. Dẫn xuất của acid carbocyclic 4.5. Lipid	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
5/1	Chương 5. (2LT, 0 TH) 5.1. Amin	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online;	quan sát, hồ sơ học tập

	5.2.Các hợp chất chứa nito 5.3. Protit. Phân loại.		- Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	
6/1	Chương 6. (4LT,0 TH) 6.1. Khái niệm chung về glucit. Phân loại 6.2. Monosacarit 6.3. Olygosaccarit 6.4. Polysaccarit	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
7/1	Chương 7. (4LT, 0TH) 7.1.Đại cương về các hợp chất dị vòng 7.2. Dị vòng không thơm 7.3. Dị vòng thơm 7.4. Ankaloit	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
8/1	Bài 8. (2LT, 0 TH) Ôn tập – Kiểm tra	CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	Chấm điểm
9/1	Bài 1 (0LT 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
10/1	Bài 2 (0LT 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
13/1	Bài 3 (0LT 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
14/1	Bài 4 (0LT 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
15/1	Bài 5 (0LT 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
16/1	Bài 6 (0LT 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
17/1	Bài 7 (0LT 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
18/1	Bài 8 (0LT 2TH)	CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm. Kiểm tra	Hỏi – Đáp Kiểm tra

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, bài giảng, giáo trình chính

- [1]. Bộ môn KHCB – Khoa Dược Xét nghiệm ĐHĐĐ, *Bài giảng Hóa Hữu cơ*
- [2]. Trương Thế Kỷ, 2006. *Hóa hữu cơ: hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức: dùng đào tạo dược sỹ đại học*, NXB Y học,
- [3]. Tài liệu thực hành *Hóa học hữu cơ*, Bộ môn khoa cơ bản, Trường ĐH Đông Đô

15.2. Sách tài liệu tham khảo

- [1]. Morrison and Boyd. 2005, *Organic Chemistry*, New York
- [2]. Trần Mạnh Bình, Nguyễn Quang Đạt, 2007, *Hóa hữu cơ tập 1 và 2*, NXB Y học

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

ThS Hoàng Thị Tĩnh

HÓA PHÂN TÍCH 1

(Analytical chemistry 1)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Hóa phân tích 1	Tên tiếng Anh: Analytical chemistry 1
2. Mã học phần:	7HPT119
3. Số tín chỉ	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	15
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	55
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương ThS. Đỗ Văn Trân
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa đại cương – Vô cơ; Hóa hữu cơ
- Học phần học trước:	Hóa hữu cơ
- Học phần song hành:	Hóa Hữu cơ

15. Mô tả tóm tắt học phần

- Cung cấp hệ thống khái niệm cơ bản và các định luật được ứng dụng trong hóa học phân tích. Những đặc trưng cơ bản để xử lý số liệu với một tập số liệu kết quả phân tích.

- Các loại cân bằng trong dung dịch: axit - bazơ. Cân bằng tạo phức. Cân bằng kết tủa (tích số tan, độ tan, tích số tan điều kiện, các yếu tố ảnh hưởng đến độ tan, các hiện tượng nhiễm bẩn kết tủa). Cân bằng oxi hóa khử và các yếu tố ảnh hưởng đến phản ứng oxi hóa khử.

- Chuẩn độ axit - bazơ; chuẩn độ tạo phức; chuẩn độ kết tủa; chuẩn độ oxi hóa khử, phân tích trọng lượng, cách chọn chỉ thị trong chuẩn độ. Thực hành phương pháp thể tích và trọng lượng.

10. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu	Miêu tả (mức độ tổng quát)

(MT)	
CO1 (K)	Viết được phản ứng cho và nhận proton giữa acid và base; chọn chất chỉ thị thích hợp để xác định điểm tương đương và điểm kết thúc chuẩn độ Viết được phản ứng tạo phức các chất, phản ứng tạo kết tủa, phản ứng cho nhận electron giữa chất oxy hóa và chất khử, với yêu cầu phản ứng phải xảy ra nhanh, chọn lọc cao, nhạy, chọn chất chỉ thị nhận ra ở điểm tương đương. Xác định được hàm lượng các chất theo khối lượng sản phẩm ở dạng tinh khiết, chứa thành phần chất cần phân tích được tách ra khỏi các chất khác có trong mẫu.
CO2 (S)	Pha được các dung dịch chuẩn độ. Nắm được qui trình chung để tiến hành định lượng, thao tác đúng các kỹ thuật định lượng: thể tích, khối lượng. Xử lý được số liệu thực nghiệm và trình bày kết quả phân tích.
CO3 (A)	Xây dựng ý thức nghiêm túc trong học tập, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu. Xây dựng ý thức làm việc trong phòng thí nghiệm qua nội quy phòng thí nghiệm, qui định trong học tập, thực nghiệm, đảm bảo tính chính xác, khách quan theo đặc thù của học phần.

16. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.13. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Nắm được các khái niệm cơ bản trong chuẩn độ thể tích: dung dịch chuẩn, dung dịch dịch gốc, điểm tương đương, điểm kết thúc chuẩn độ, chất chỉ thị	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập
CLO2	K3 (Áp dụng)	Hiểu và xử lý thống kê được các số liệu thực nghiệm và trình bày được các kết quả thực nghiệm.	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Thao tác đúng và đủ các bước cụ thể để tiến hành chuẩn độ thể tích, phương pháp khối lượng để tránh sai số.	Nghiên cứu	Bài tập

COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Phân tích mẫu theo qui trình kỹ thuật xác định nhiều lần, giá trị trung bình được đánh giá theo 2 đại lượng thống kê là độ chính xác và độ đúng.	Thảo luận, là việc nhóm, bài tập	Hồ sơ học tập, chấm bài tập, quan sát
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nâng cao ý thức nghiêm túc trong học tập, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Bước đầu xây dựng ý thức nghề nghiệp, đòi hỏi tính chính xác cao trong các phương pháp phân tích định tính, định lượng, kiểm nghiệm hóa học.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành/tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.14. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12.Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.15. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%

A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết: $A1 + A2 + A3 = 100\%$				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.16. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5, 0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5, 0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân/Thực hành					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
		0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 4	4 đến < 4	4 đến 5
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0 – 49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
		0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
Nội dung	3	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0

		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên
Thuyết trình nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên
Bài kiểm tra viết					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Nội dung	5	Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3	Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV

(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Sinh viên đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học
- Sinh viên hoàn thành các bài tập được giao, hoặc chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Sinh viên vi phạm qui chế thi sẽ bị xử lý theo qui định.

21. Kế hoạch giảng dạy

14.16. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
4 (4LT 0TH)	Bài 1. Đại cương về hoá học phân tích 1. 1. Đối tượng và vai trò của hoá học phân tích 1.2. Phân loại các phương pháp phân tích. 1.3. Các bước chủ yếu của một quá trình phân tích Bài 2. Xử lý số liệu thực nghiệm trong hoá học phân tích 2.1. Xử lý thống kê các dữ liệu thực nghiệm 2.2. Các cách trình bày dữ liệu thực nghiệm thông dụng Bài 3. Cân bằng hoá học trong dung dịch 3.1. Cân bằng hoá học, phân loại CBHH, hoạt độ	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	3.2. Các loại cân bằng trong dung dịch	
4 (4LT 0TH)	Bài 4. Đại cương về phương pháp phân tích thể tích 4.1. Nguyên tắc, phân loại 4.2. Các khái niệm cơ bản trong phân tích thể tích 4.3. Các phương pháp chuẩn độ và cách tính kết quả. Bài 5. Chuẩn độ acid-base 5.1. Nguyên tắc 5.2. Chất chỉ thị dùng trong phương pháp chuẩn độ acid – base 5.3. Đường cong chuẩn độ 5.4. Các phương pháp chuẩn độ	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
3 (3LT 0TH)	Bài 6. Chuẩn độ tạo phức 6.1. Nguyên tắc, phân loại 6.2. Phương pháp chuẩn độ bằng complexon 6.3. Một số ứng dụng Bài 7. Chuẩn độ kết tủa 7.1. Nguyên tắc 7.2. Các cách xác định điểm cuối trong phép đo bạc 7.3. Một số ứng dụng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Bài 8. Chuẩn độ oxi hoá- khử 8.1. Nguyên tắc 8.2. Đường cong chuẩn độ 8.3. Một số phương pháp chuẩn độ oxi hoá khử 8.4. Một số ứng dụng. Bài 9. Phương pháp phân tích khối lượng 9.1. Khái niệm, phân loại, cách tính kết quả 9.2. Quy trình phân tích cơ bản	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 10. Sử dụng và chuẩn hóa dụng cụ trong phòng thí nghiệm hóa phân tích	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 11. Phương pháp chuẩn độ acid – base	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 12. Phương pháp chuẩn độ tạo phức	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4	Bài 13. Phương pháp chuẩn độ kết tủa	CLO1,2 (K2, K3)

(0LT 4TH)		CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 14. Phương pháp chuẩn độ oxi hóa khử	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 15. Phương pháp phân tích khối lượng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
2 (0LT 2TH)	Bài 16. Kiểm tra	CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.17. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1	(4LT 0TH) Bài 1. Đại cương về hoá học phân tích 1. 1. Đối tượng và vai trò của hoá học phân tích 1.2. Phân loại các phương pháp phân tích. 1.3. Các bước chủ yếu của một quá trình phân tích Bài 2. Xử lý số liệu thực nghiệm trong hoá học phân tích 2.1. Xử lý thống kê các dữ liệu thực nghiệm 2.2. Các cách trình bày dữ liệu thực nghiệm thông dụng Bài 3. Cân bằng hoá học trong dung dịch 3.1. Cân bằng hoá học, phân loại CBHH, hoạt độ 3.2. Các loại cân bằng trong dung dịch	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
2/1	(4LT, 0 TH) Bài 4. Đại cương về phương pháp phân tích thể tích 4.1. Nguyên tắc, phân loại 4.2. Các khái niệm cơ bản trong phân tích thể tích	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp;	quan sát, hồ sơ học tập

	4.3. Các phương pháp chuẩn độ và cách tính kết quả. Bài 5. Chuẩn độ acid-base 5.1. Nguyên tắc 5.2. Chất chỉ thị dùng trong phương pháp chuẩn độ acid – base 5.3. Đường cong chuẩn độ 5.4. Các phương pháp chuẩn độ		- Thảo luận nhóm.	
3/1	(3LT, 0 TH) Bài 6. Chuẩn độ tạo phức 6.1. Nguyên tắc, phân loại 6.2. Phương pháp chuẩn độ bằng complexon 6.3. Một số ứng dụng Bài 7. Chuẩn độ kết tủa 7.1. Nguyên tắc 7.2. Các cách xác định điểm cuối trong phép đo bạc 7.3. Một số ứng dụng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
4/1	(4LT, 0 TH) Bài 8. Chuẩn độ oxi hoá- khử 8.1. Nguyên tắc 8.2. Đường cong chuẩn độ 8.3. Một số phương pháp chuẩn độ oxi hoá khử 8.4. Một số ứng dụng. Bài 9. Phương pháp phân tích khối lượng 9.1. Khái niệm, phân loại, cách tính kết quả 9.2. Quy trình phân tích cơ bản	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
5/1	Bài 10. Sử dụng và chuẩn hóa dụng cụ trong phòng thí nghiệm hóa phân tích (0LT 4TH) 1. Các loại dụng cụ thí nghiệm cơ bản 2. Thao tác sử dụng các loại dụng cụ thí nghiệm cơ bản	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận	quan sát, hồ sơ học tập

			nhóm.	
6/1	Bài 11. Phương pháp chuẩn độ acid – base (4LT, 0TH) 1. Hóa chất, dụng cụ thí nghiệm 2. Nội dung thực hiện 3. Nguyên tắc 4. Trình tự tiến hành	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
7/1	Bài 12. Phương pháp chuẩn độ tạo phức (0LT 4TH) 1. Hóa chất, dụng cụ thí nghiệm 2. Nội dung thực hiện 3. Nguyên tắc 4. Trình tự tiến hành	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
9/1	Bài 13. Phương pháp chuẩn độ kết tủa (0LT 4TH) 1. Hóa chất, dụng cụ thí nghiệm 2. Nội dung thực hiện 3. Nguyên tắc 4. Trình tự tiến hành	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
10/1	Bài 14. Phương pháp chuẩn độ oxi hóa khử (0LT 4TH) 1. Hóa chất, dụng cụ thí nghiệm 2. Nội dung thực hiện 3. Nguyên tắc 4. Trình tự tiến hành	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
13/1	Bài 15. Phương pháp phân tích khối lượng (0LT 4TH) 1. Hóa chất, dụng cụ thí nghiệm 2. Nội dung thực hiện 3. Nguyên tắc 4. Trình tự tiến hành	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
14/1	Bài 16. Kiểm tra (0LT 2TH) Kiểm tra thực hành theo nhóm	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Gọi mở vấn đáp;	Quan sát Hỏi – Đáp

	Làm bài trắc nghiệm hoặc tự luận	CLO 5,6 (A1, A2)	-Thảo luận nhóm. -Kiểm tra	Kiểm tra

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, bài giảng, giáo trình chính

- [1]. Bộ môn KHCB – Khoa Dược Xét nghiệm ĐHĐĐ, *Bài giảng Hóa phân tích*
- [2]. Trần Tử An, 2007, *Hóa học phân tích tập 1*. NXB Y học
- [3]. ĐH Đông Đô, Khoa Dược – xét nghiệm. *Thực tập Hóa phân tích*

15.2. Sách tài liệu tham khảo

- [1]. Võ Thị Bạch Huệ (chủ biên). 2007, *Hóa phân tích*, NXB giáo dục.
- [2]. Bùi Long Biên (chủ biên), 2009, *Phân tích hóa học định lượng*, NXB khoa học kỹ thuật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn ThS.Nguyễn Thị Thanh Hương ThS.Nguyễn Thị Thanh Hương

HÓA LÝ DƯỢC

(Physical Chemistry)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Hóa lý dược	Tên tiếng Anh: Physical Chemistry
2. Mã học phần:	7HLD020
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương ThS. Đỗ Văn Trân
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa đại cương – Vô cơ, Hóa Hữu cơ, Hóa phân tích 1
- Học phần học trước:	Hóa phân tích 1
- Học phần song hành:	Hóa phân tích 1

16. Mô tả tóm tắt học phần

Môn học trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản và những nguyên tắc hóa lý ứng dụng trong ngành dược, mối liên quan giữa các đại lượng cơ bản của nhiệt động học với cân bằng pha và các thuộc tính của dung dịch; các kiến thức về các hệ phân tán, điện hóa, động học các phản ứng hóa học, quá trình hòa tan, khuếch tán, các dạng bề mặt và hiện tượng bề mặt, hiện tượng hấp phụ, bản chất của các quá trình hấp phụ; khái niệm, tính chất và ứng dụng của polymer trong dược học.

10. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Hiểu các kiến thức cơ bản về nhiệt động lực học, cân bằng pha và dung dịch, động hóa học, điện hoá học, hấp phụ và hoá keo, polyme. Biết ứng dụng các phương pháp hoá lý vào thực tiễn đời sống và ngành dược Nắm rõ các nội dung thực hành trong chương trình

CO2 (S)	Giải được các bài toán xác định hiệu ứng nhiệt, chiều hướng của các quá trình hóa học. Xác định được bậc phản ứng, hằng số tốc độ, thời gian phản ứng, hạn sử dụng của chế phẩm dược. Thiết lập được pin điện hóa để xác định pH của dung dịch axit, bazơ. Biết điều chế keo, đông tụ, phân tán keo. Làm đúng, chính xác các thao tác và quy trình các thí nghiệm. Tính toán kết quả và xử lý số liệu tốt
CO3 (A)	Nhận thức đúng về vai trò của môn Hóa lý dược trong chương trình đào tạo dược sỹ bằng việc luôn tích cực học tập, nghiêm túc, cẩn thận và liên hệ với thực tế và ứng dụng các kiến thức đã học vào các môn học chuyên ngành.

17. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.15. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu được các kiến thức nền tảng kỹ thuật cốt lõi, về các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực thực hành ngành dược đáp ứng được công việc vận hành, điều khiển và kiểm soát qui trình công nghệ trong sản xuất thực tiễn.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập
CLO2	K3 (Áp dụng)	Vận dụng được các kiến thức đã học trong Hóa lý dược áp dụng vào chuyên ngành dược liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu sản xuất, phát triển các loại thuốc chữa bệnh trong ngành dược.	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Phân tích và áp dụng được các vấn đề có liên quan, đồng thời đưa ra các đề xuất và giải pháp để giải quyết vấn đề.	Nghiên cứu	Bài tập
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Có kỹ năng nghiên cứu thực nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm một cách tự tin chính xác.	Thảo luận, là việc nhóm, bài tập	Hồ sơ học tập, chấm bài tập, quan sát
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, nghiên cứu và làm bài tập tại nhà.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2	Bước đầu xây dựng hình thành ý thức liên quan	Thảo luận,	Quan sát,

	(Thái độ hồi đáp, phản ứng)	đến lĩnh vực sản xuất công nghệ được, kiểm soát qui trình công nghệ được và phát triển sản phẩm mới.	làm việc nhóm	hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành/tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.16. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12.Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.17. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%

A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết: $A1 + A2 + A3 = 100\%$				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.18. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân/Thực hành					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận nhóm					

	Thang điểm	Không đạt 0 – 49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tiêu chí					
		0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
Nội dung	3	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%-50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên
Thuyết trình nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%-50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên

Bài kiểm tra viết					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
Nội dung	5	Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3	Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV

(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Sinh viên đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học
- Sinh viên hoàn thành các bài tập được giao, hoặc chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Sinh viên vi phạm qui chế thi sẽ bị xử lý theo qui định.

22. Kế hoạch giảng dạy

14.18. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
4 (4LT 0TH)	Chương 1: Một số khái niệm và đại lượng nhiệt động học trong hóa lý được 1.1. Một số khái niệm về nhiệt động học 1.2. Các đại lượng cơ bản trong nhiệt động lực học 1.3. Mối quan hệ giữa các đại lượng nhiệt động	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Chương 2. Cân bằng pha và dung dịch 2.1. Cân bằng pha 2.2. Dung dịch 2.3. Tính chất của dung dịch điện ly	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

2 (2LT 0TH)	Chương 3. Sức điện động của pin và các quá trình điện cực 3.1. Pin điện hóa 3.2. Nhiệt động lực và sức điện động của pin 3.3. Các loại điện cực- mạch điện hóa 3.4. Ứng dụng của pin điện hóa	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Chương 4. Động học các phản ứng hóa học 4.1. Một số khái niệm cơ bản 4.2. Động học của phản ứng đơn giản 4.3. Phương pháp xác định bậc và hằng số tốc độ phản ứng 4.4. Động học của phản ứng phức tạp 4.5. Các yếu tố ảnh hưởng tới tốc độ phản ứng 4.6. Động học quá trình khuếch tán, hòa tan	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Chương 5. Hấp thụ mặt và các chất hoạt động bề mặt 5.1. Hiện tượng bề mặt và sự hấp phụ 5.2. Hấp phụ chất khí lên bề mặt chất rắn 5.3. Hấp phụ chất tan lên bề mặt chất rắn 5.4. Hấp phụ lên bề mặt chất lỏng. Phương trình Gibbs 5.5. Chất diện hoạt	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Chương 6. Hệ phân tán 6.1. Khái niệm hệ phân tán – phân loại 6.2. Hệ keo 6.3. Hệ phân tán thô	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
2 (2LT 0TH)	Chương 7. Các chất cao phân tử và phân tử lớn 7.1. Định nghĩa và phân loại polime 7.2. Tính chất của polime 7.3. Tính chất của dung dịch polime 7.4. Ứng dụng của polime trong công nghệ dược	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
2 (2LT 0TH)	Ôn tập – Kiểm tra	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 1. Xác định biến thiên ΔH , ΔS , ΔG của phản ứng hòa tan borac trong nước	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 2. Xác định hằng số tốc độ của phản ứng bậc nhất: phản ứng chuyển hóa đường saccarose	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

4 (0LT 4TH)	Bài 3. Xác định hằng số tốc độ của phản ứng bậc 2: phản ứng và phòng hóa ethyl acetat	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 4. Đo áp suất thẩm thấu của dung dịch và pha chế dung dịch đẳng trương	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 5. Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến độ bền của nhũ trong	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 6 . Điều chế các hệ keo và khảo sát một số tính chất	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 7. Đo sức điện động và thế điện cực	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
2(0LT 2TH)	Bài 8. Ôn tập – Kiểm tra	CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.19. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Chương 1 (4LT, 0 TH) 1.1. Một số khái niệm về nhiệt động học 1.2. Các đại lượng cơ bản trong nhiệt động lực học 1.3.Mối quan hệ giữa các đại lượng nhiệt động	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
2/1	Chương 2. (4LT, 0 TH) 2.1.Cân bằng pha 2.2.Dung dịch 2.3.Tính chất của dung dịch điện ly	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
3/1	Chương 3. (4LT, 0 TH) 3.1. Pin điện hóa 3.2. Nhiệt động lực và sức điện động của pin 3.3. Các loại điện cực- mạch điện hóa 3.4. Ứng dụng của pin điện hóa	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
4/1	Chương 4. (3LT, 0 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy	quan sát, hồ sơ học tập

	4.1. Một số khái niệm cơ bản 4.2. Động học của phản ứng đơn giản 4.3. Phương pháp xác định bậc và hằng số tốc độ phản ứng 4.4. Động học của phản ứng phức tạp 4.5. Các yếu tố ảnh hưởng tới tốc độ phản ứng 4.6. Động học quá trình khuếch tán, hòa tan	CLO 5,6 (A1, A2)	online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	
5/1	Chương 5.(2LT, 0 TH) 5.1. Hiện tượng bề mặt và sự hấp phụ 5.2. Hấp phụ chất khí lên bề mặt chất rắn 5.3. Hấp phụ chất tan lên bề mặt chất rắn 5.4. Hấp phụ lên bề mặt chất lỏng Phương trình Gibbs 5.5. Chất diện hoạt	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
6/1	Chương 6.(4LT,0 TH) 6.1. Khái niệm hệ phân tán – phân loại 6.2. Hệ keo 6.3. Hệ phân tán thô	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
7/1	Chương 7. (2LT, 0TH) 7.1. Định nghĩa và phân loại polime 7.2. Tính chất của polime 7.3. Tính chất của dung dịch polime 7.4. Ứng dụng của polime trong công nghệ được	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
8/1	(2LT 0TH) Ôn tập – Kiểm tra	CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Gợi mở vấn đáp; - Thảo luận - Trắc nghiệm hoặc tự luận	Hỏi – Đáp Kiểm tra Chấm điểm
9/1	Bài 1 (0LT 4TH) Xác định biến thiên ΔH, ΔS, ΔG của phản ứng hòa tan borac trong	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra

	nước			
10/1	Bài 2 (0LT 4TH) Xác định hằng số tốc độ của phản ứng bậc nhất: phản ứng chuyển hóa đường saccharose	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
13/1	Bài 3 (0LT 4TH) Xác định hằng số tốc độ của phản ứng bậc 2: phản ứng và phòng hóa ethyl acetat	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
14/1	Bài 4 (0LT 4TH) Đo áp suất thẩm thấu của dung dịch và pha chế dung dịch đẳng trương	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
15/1	Bài 5 (0LT 4TH) Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến độ bền của nhũ trong	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
16/1	Bài 6 (0LT 4TH) . Điều chế các hệ keo và khảo sát một số tính chất	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
17/1	Bài 7 (0LT 4TH) Đo sức điện động và thế điện cực	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
18/1	Bài 8 (0LT 2TH) Kiểm tra	CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thảo luận nhóm. Kiểm tra	Hỏi – Đáp Kiểm tra

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, bài giảng, giáo trình chính

- [1]. Bộ môn KHCB – Khoa Dược Xét nghiệm ĐHQĐ, *Bài giảng Hóa lý dược*
- [2]. Đỗ Minh Quang, 2011, *Hóa lý dược*, NXB Y học Hà Nội,
- [3]. Khoa Dược, Giáo trình nội bộ, *Thực tập hóa lý*, Trường Đại học Đông Đô

15.2. Sách tài liệu tham khảo

- [1]. PGS.TS. Phạm Ngọc Hùng (chủ biên) 2014, *Hóa lý dược*, NXB Y học, Hà nội
- [2]. R. Chang, 1978. *Physical chemistry with application in biological system*,

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

HÓA PHÂN TÍCH 2
(Analytical chemistry 2)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Hóa Phân tích 2	Tên tiếng Anh: Organic Chemistry
2. Mã học phần:	7HPT221
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương ThS. Đỗ Văn Trân
8. Điều kiện tham gia học phần:	
Học phần tiên quyết:	Hóa đại cương – Vô cơ, Hóa Hữu cơ, Hóa phân tích 1, Hóa lý dược
- Học phần học trước:	Hóa lý dược
- Học phần song hành:	

17. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Hóa phân tích 2 trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý, ứng dụng các phương pháp quang phổ, sắc ký vào phân tích dược chất trong các đối tượng khác nhau: thuốc, nguyên liệu hóa dược, dược liệu, dịch sinh học... đồng thời cũng cung cấp cho sinh viên các phương pháp xử lý mẫu cho phân tích

10.Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Trình bày được nguyên tắc kỹ thuật xử lý mẫu như: hòa tan phân hủy mẫu, loại chất cản trở (kết tủa, chưng cất, chiết xuất) Giải thích được nguyên tắc và ứng dụng của các nhóm kỹ thuật phân tích vào kiểm nghiệm thuốc: Quang phổ hấp thụ phân tử, quang phổ hấp thụ và phát xạ nguyên tử, quang phổ huỳnh quang, khối phổ, các phương pháp sắc ký lỏng, khí

CO2 (S)	Phân tích một số dược chất bằng quang phổ UV-VIS. Có khả năng làm việc độc lập và tự tin trong công việc. Rèn tính cẩn thận tỷ mỉ trong từng thao tác kỹ thuật
CO3 (A)	Có thái độ làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm, có ý thức làm việc nhóm, có kỹ năng giao tiếp, trình bày thuyết trình, giải quyết vấn đề và chịu trách nhiệm. Khơi dậy niềm đam mê nghiên cứu. Kính trọng thầy cô, tuân thủ đầy đủ quy định của phòng thí nghiệm và của ngành dược

18. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.17. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Phân biệt được nguyên tắc chung của ba nhóm kỹ thuật phân tích. Hiểu rõ nguyên lý hoạt động, cấu tạo các máy móc, thiết bị để sử dụng được chúng, từ đó thực hiện tốt các kỹ thuật phân tích. Phân biệt được đặc điểm của mẫu và mục đích phân tích để lựa chọn kỹ thuật xử lý mẫu phù hợp.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập
CLO2	K3 (Áp dụng)	Thực hiện đúng qui trình kỹ thuật xử lý mẫu của nhóm hòa tan phân hủy mẫu và nhóm tách pha (cất, kết tủa, chiết xuất...). Có tính cẩn thận tỷ mỉ trong từng thao tác kỹ thuật và công việc.	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Có thái độ làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm, có ý thức làm việc nhóm, có kỹ năng giao tiếp, trình bày thuyết trình, giải quyết vấn đề và chịu trách nhiệm.	Nghiên cứu	Bài tập
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Tổng hợp được một số sản phẩm hữu cơ đơn giản Làm được một số thao tác kỹ thuật trong phòng thí nghiệm như: Lọc, chiết, chưng cất	Thảo luận, là việc nhóm, bài tập	Hồ sơ học tập, chấm bài tập, quan sát

CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, nghiên cứu và làm bài tập tại nhà.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu. Bước đầu xây dựng ý thức nghề nghiệp, đòi hỏi tính chính xác cao trong các phương pháp phân tích định tính, định lượng, kiểm nghiệm hóa học	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành/tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.18. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12.Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.19. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học	Tỷ lệ (%)

			phần	
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết: A1 + A2 + A3 = 100%				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.20. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric

Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân/Thực hành					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50% - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0 – 49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
		0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
Nội dung	3	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức

Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên
Thuyết trình nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên

Bài kiểm tra viết					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
Nội dung	5	Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3	Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV

(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Sinh viên đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học
- Sinh viên hoàn thành các bài tập được giao, hoặc chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Sinh viên vi phạm qui chế thi sẽ bị xử lý theo qui định.

23. Kế hoạch giảng dạy

14.20. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
4 (4LT 0TH)	Chương 1. Đại cương về phân tích công cụ 1.1. Phân loại	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	1.2. Định lượng trong phân tích dụng cụ 1.3. Hiệu chuẩn và chất chuẩn 1.4. Một số đặc trưng của phân tích dụng cụ 1.5. Kỹ thuật phân tích – phương pháp phân tích	
4 (4LT 0TH)	Chương 2. Kỹ thuật xử lý mẫu 2.1. Hòa tan và phân hủy mẫu 2.2. Kết tủa 2.3. Kỹ thuật cất 2.4. Chiết lỏng – lỏng 2.5. Chiết pha rắn 2.6. Các kỹ thuật xử lý mẫu	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
2 (2LT 0TH)	Chương 3. Đại cương về phân tích quang học 3.1. Bản chất và các đại lượng đặc trưng của bức xạ điện từ 3.2. Sự hấp thụ và tán sắc ánh sáng 3.3. Ứng dụng và ảnh hưởng của một số hiện tượng quang học khác với phân tích	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Chương 4. Quang phổ hấp thụ phân tử 4.1. Quang phổ hấp thụ tử ngoại khả kiến 4.2. Quang phổ hồng ngoại 4.3. Quang phổ huỳnh quang	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Chương 5. Quang phổ hấp thụ và phát xạ nguyên tử 5.1. Quang phổ hấp thụ nguyên tử 5.2. Quang phổ phát xạ nguyên tử 5.3. Quang phổ phát xạ plasma	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Chương 6. Đại cương về sắc ký 6.1. Một số vấn đề chung về sắc ký 6.2. Píc sắc ký và các thông số đặc trưng cho quá trình rửa giải 6.3. Lý thuyết sắc ký 6.4. Tối ưu hóa quá trình tách sắc ký	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	6.5. Ứng dụng của sắc ký	
2 (2LT 0TH)	Chương 7. Sắc ký khí 7.1. Vài thông số đặc trưng cho sắc ký khí – lỏng 7.2. Máy sắc ký khí 7.3. Một số kỹ thuật đặc biệt dùng trong sắc ký khí – lỏng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
2 (2LT 0TH)	Chương 8. Sắc ký lỏng 8.1. Sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) 8.2. Sắc ký bản mỏng (TLC)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 1. Định lượng Fe^{3+} bằng phương pháp UV – Vis	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 2. Định lượng Novocain trong thuốc tiêm bằng phương pháp chiết đo quang	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 3. Định lượng berberin trong viên nén bằng phương pháp UV	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 4: Sắc ký giấy	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 5: Sắc ký bản mỏng và sắc ký trao đổi ion	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 6: Sắc ký HPLC	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 7. Quang phổ nguyên tử	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
2	Bài 8. Ôn tập – Kiểm tra	CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.21. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Chương 1. (4LT 0TH) 1.1. Phân loại 1.2. Định lượng trong phân tích dụng cụ 1.3. Hiệu chuẩn và chất chuẩn	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập

	1.4. Một số đặc trưng của phân tích dụng cụ 1.5. Kỹ thuật phân tích – phương pháp phân tích			
2/1	Chương 2. (4LT, 0 TH) 2.1. Hòa tan và phân hủy mẫu 2.2. Kết tủa 2.3. Kỹ thuật cất 2.4. Chiết lỏng – lỏng 2.5. Chiết pha rắn 2.6. Các kỹ thuật xử lý mẫu	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
3/1	Chương 3. (4LT, 0 TH) 3.1. Bản chất và các đại lượng đặc trưng của bức xạ điện từ 3.2. Sự hấp thụ và tán sắc ánh sáng 3.3. Ứng dụng và ảnh hưởng của một số hiện tượng quang học khác với phân tích	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
4/1	Chương 4. (3LT, 0 TH) 4.1. Quang phổ hấp thụ tử ngoại khả kiến 4.2. Quang phổ hồng ngoại 4.3. Quang phổ huỳnh quang	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
5/1	Chương 5. (2LT, 0 TH) 5.1. Quang phổ hấp thụ nguyên tử 5.2. Quang phổ phát xạ nguyên tử 5.3. Quang phổ phát xạ plasma	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
6/1	Chương 6. (4LT, 0 TH) 6.1. Một số vấn đề chung về sắc ký 6.2. Píc sắc ký và các thông số đặc trưng cho quá trình rửa giải	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp;	quan sát, hồ sơ học tập

	6.3. Lý thuyết sắc ký 6.4. Tối ưu hóa quá trình tách sắc ký 6.5. Ứng dụng của sắc ký		- Thảo luận nhóm.	
7/1	Chương 7. (2LT, 0TH) 7.1. Vài thông số đặc trưng cho sắc ký khí – lỏng 7.2. Máy sắc ký khí 7.3. Một số kỹ thuật đặc biệt dùng trong sắc ký khí – lỏng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
8/1	Chương 8. (4LT 0TH) 8.1.Sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) 8.2.Sắc ký bản mỏng (TLC)	CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	Chấm điểm
9/1	Bài 1 (0LT 4TH) Định lượng Fe^{3+} bằng phương pháp UV – Vis	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
10/1	Bài 2 (0LT 4TH) Định lượng Novocain trong thuốc tiêm bằng phương pháp chiết đo quang	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
13/1	Bài 3 (0LT 4TH) Định lượng berberin trong viên nén bằng phương pháp UV	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
14/1	Bài 4 (0LT 4TH) Sắc ký giấy	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
15/1	Bài 5 (0LT 4TH) Sắc ký bản mỏng và sắc ký trao đổi ion	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
16/1	Bài 6 (0LT 4TH) Sắc ký HPLC (Kiến tập)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
17/1	Bài 7 (0LT 4TH) Quang phổ nguyên tử (Kiến tập)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hướng dẫn thực hành nhóm	Quan sát Hỏi – Đáp Kiểm tra
18/1	Bài 8 (0LT 2TH) Kiểm tra	CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thảo luận nhóm. Kiểm tra	Hỏi – Đáp Kiểm tra

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, bài giảng, giáo trình chính

[1]. Bộ môn KHCB – Khoa Dược Xét nghiệm ĐHQĐ, *Bài giảng Hóa Phân tích 2*

[2]. Bộ y tế, 2007, *Hóa phân tích*, tập 2, NXB Y học

[3]. Tài liệu thực hành *Hóa Phân tích 2* , Bộ môn khoa cơ bản, Trường ĐH Đông Đô

15.2. Sách tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Y Tế. 2015, GS.TSKH. Lê Thành Phước, CN. Trần Tích, *Hóa phân tích (Lý thuyết và thực hành) (TH)*, NXB thống kê.

[2]. Nguyễn Đức Huệ, 2005, *Các phương pháp phân tích hữu cơ*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn ThS.Nguyễn Thị Thanh Hương ThS.Nguyễn Thị Thanh Hương

HỌC PHẦN: GIẢI PHẪU

1. Tên học phần (tiếng Việt): GIẢI PHẪU	Tên tiếng Anh: Anatomy
2. Mã học phần:	7GPH022
3. Số tín chỉ: 02	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	Ths. Nguyễn Thị Thanh Huyền BSCKI, Nguyễn Tiến Mạnh
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Kiến thức đại cương
- Học phần song hành:	Theo tiến trình ĐT

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần giải phẫu nằm trong kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hình thái và cấu trúc của các cơ quan, xác định được mốc giải phẫu, đường đi, nguyên ủy bám tận của các cơ, thần kinh, mạch máu giúp chẩn đoán và điều trị có hiệu quả.

Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)

CO1 (K)	Trình bày được xác định được vị trí, mốc giải phẫu, đường đi, nguyên ủy bám tận của các cơ, thần kinh, mạch máu và các cơ quan của cơ thể người.
CO2 (S)	Vận dụng kiến thức hiểu biết, áp dụng trong lâm sàng như trong phẫu thuật mạch máu, thần kinh, cơ ...trong thăm khám chữa bệnh.
CO3 (A)	Thể hiện được năng lực tự học, tự nghiên cứu trong học tập. Chịu trách nhiệm về kết quả học tập của bản thân, sự chính xác trong công tác

.....

10. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Nắm được kiến thức cơ bản giải phẫu cơ thể người như hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, thần kinh..	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO 2	K3 (Áp dụng)	Áp dụng vào công tác khám chữa bệnh, phẫu thuật cơ bản về các bệnh lý thông thường của cơ quan tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu và các bệnh về máu...	Thảo luận nhóm, phân tích	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO 3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Vận dụng trong chẩn đoán một số bệnh lý thông thường đưa ra phương hướng điều trị và xử trí đem lại hiệu quả cho người bệnh.	Thực hành nghiên cứu, thảo luận nhóm, tình huống	Bài tập, tình huống, giả định
COL 4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Áp dụng kiến thức đã học đưa ra chẩn đoán và xử trí kịp thời cho người bệnh, đặc biệt là tư vấn cho người bệnh dùng thuốc hiệu quả và đúng cách	Thực hành, thực tế áp dụng trên người bệnh	Bài tập tình huống, thực hành
CLO	A1	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận,	Thuyết	Phỏng

5	(Thái độ tự chủ tiếp nhận)	tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.	trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	vấn, quan sát, thực hành
CLO 6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh hoạ... trong thảo luận, nghiên cứu	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức(K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng(S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm(A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

11. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2		- Đáp	K2	2,5%

	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	án, thang điểm	K3	
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	- Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	- Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.

12.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng điểm	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80- 100%
Chuyên cần					
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89 %số giờ lớp lý lên thuy ết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50- 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80% nhiệm vụ nộp đúng hạn 60- vụ,	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu

Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

12. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (*Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên*)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

13. Kế hoạch giảng dạy

14.1. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
	Chương 1. Giải phẫu hệ xương Giải phẫu hệ khớp Giải phẫu Cơ Giải phẫu hệ Thần kinh;	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Chương 2. Giải phẫu hệ Tuần hoàn Giải phẫu hệ Hô hấp Giải phẫu hệ Tiêu hoá	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	Chương 3. Giải phẫu hệ Tiết niệu Giải phẫu hệ sinh dục	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Chương 4. Giải phẫu Các Giác quan. Giải phẫu hệ nội tiết	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	- Hệ thống kiến thức - Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)
Thi giữa kỳ 90 phút	- Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.2. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Giải phẫu hệ xương a) Xương chi trên b) Xương chi dưới. c) Xương Thân người. d) Xương Đầu Mặt. Giải phẫu hệ khớp a) Khớp Đầu Mặt. b) Khớp Thân người. c. Khớp Chi trên. d) Khớp Chi dưới. Giải phẫu Cơ	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

	a) Cơ đầu Mặt cổ b) Cơ thân mình: c) Cơ chi trên. d) Cơ Chi dưới. Hệ thần kinh Hệ Thần kinh Trung ương Hệ Thần kinh ngoại biên. C. Hệ Thần kinh Thực vật.			
2	Bài 2: <i>Giải phẫu hệ Tuần hoàn</i> -Vị trí , Hình dáng, Cấu tạo của Tim. Mạch máu và Thần kinh Tim. -Vòng tuần hoàn lớn, vòng tuần hoàn nhỏ. -Sơ lược hệ thống các mạch máu chính trong cơ thể.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
3	Bài 3. <i>Giải phẫu hệ Hô hấp.</i> -Hình dáng, Vị trí , Cấu tạo của khoang Mũi , Hầu , Thanh quản, Khí quản, Phế quản, Phổi.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
4	Bài 4. <i>Giải phẫu hệ Tiêu hoá.</i> -Hình dáng, Vị trí, Cấu tạo của khoang Miệng,	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

	Hầu, Thực quản, Dạ dày, Ruột.		thảo luận, làm việc nhóm	
5	Bài 5: <i>Giải phẫu hệ Tiết niệu</i> Hình dáng, Vị trí, Cấu tạo Thận, Niệu quản, Bàng quang, Niệu đạo	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
6	Bài 6: <i>Giải phẫu hệ sinh dục</i> 1. Đặc điểm cấu tạo cơ quan sinh dục nam (Tinh hoàn, đường dẫn tinh, các tuyến sinh dục phụ, cơ quan sinh dục ngoài); 2. Đặc điểm cấu tạo cơ quan sinh dục nữ cơ quan sinh dục nữ (Tử cung, buồng trứng, vòi tử cung, âm đạo, cơ quan sinh dục ngoài)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
7	Bài 7. <i>Giải phẫu Các Giác quan.</i> -Cấu tạo cơ quan Thị giác.: Hình dáng, Cấu tạo của Nhãn cầu; Đường dẫn truyền Thị giác. -Cấu tạo cơ quan Tiền đình- Ốc tai: Tai ngoài, Tai giữa, Tai trong.; Đường dẫn truyền Thính giác.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

8	Bài 8 Giải phẫu hệ nội tiết Đặc điểm chung về cấu tạo của Hệ nội tiết 2. Đặc điểm riêng của Tuyến Yên, Tuyến thượng thận, tuyến tụy, Tuyến giáp	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
9	Bài 9: Ôn tập (2LT, 1TH) - Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hoạt động tự học: làm BT tự nghiên cứu, đọc trước nội dung	

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1]. Đỗ Xuân Hợp (2013), *Giải phẫu bụng*, NXB Y học.

[2]. Nguyễn Quang Quyền (chủ biên) 2012), *Giải phẫu học, tập 1 và 2*, Trường Đại học Y dược Tp.HCM.

b. Tài liệu tham khảo

[1]. Bài giảng giải phẫu học. *ĐH Y Hà Nội*. TS. Nguyễn Văn Huy, TS. Lê Hữu Hưng, ..., Nhà xuất bản y học, 2012.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

**TS. Nguyễn Minh
Tuấn**

**BsCKI. Nguyễn Tiến
Mạnh**

**Ths. Nguyễn Thị Thanh
Huyền**

HỌC PHẦN: SINH LÝ

(Physiology)

1. Tên học phần (tiếng Việt): SINH LÝ	Tên tiếng Anh: Physiology
2. Mã học phần:	7SLH023
3. Số tín chỉ: 02	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	BSCKI, Nguyễn Tiến Mạnh BSCKI, Nguyễn Đăng Sơn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	HP: giải phẫu
- Học phần học trước:	HP: SLB-MD
- Học phần song hành:	Theo tiến trình ĐT

18. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần sinh lý nằm trong khối kiến thức ngành nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của cơ quan và chức năng điều hòa trong mối liên hệ thống nhất giữa các cơ quan trong cơ thể, giữa cơ thể với môi trường bên ngoài.

Mô tả cấu tạo hình thái vi thể, siêu vi thể và hóa học của các mô và các bộ phận chủ yếu của những cơ quan trong cơ thể người bình thường, giải thích mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các mô và các cơ quan.

19. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)

CO1 (K)	Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng và hoạt động, điều hòa chức năng của tế bào, các cơ quan, hệ thống cơ quan toàn cơ thể. Như hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu thần kinh... Trong điều kiện bình thường. Trình bày được các tổ chức mô, biểu mô các cơ quan.
CO2 (S)	Ứng dụng được kiến thức sinh lý học để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, sự điều hòa chức năng trong hoạt động bình thường và khi có sự tác động của một số yếu tố. Trình bày được cấu tạo vi thể và siêu vi thể của các tế bào và mô đại cương trong cơ thể người bình thường.
CO3 (A)	Tiếp nhận những thông tin về đặc điểm cấu tạo của các mô cơ quan của cơ thể người bình thường, tham gia và tư duy tích cực về nhận biết mô và tế bào trong cơ thể.

.....

20. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.19. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Nắm vững kiến thức về hoạt động sinh lý – mô của các cơ quan tổ chức, Phân tích được từng đặc tính sinh lý của các cơ quan	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO2	K3 (Áp dụng)	Trình bày và phân tích được kiến thức cơ bản về các hoạt động sinh lý bình thường, vận dụng vào một số bệnh lý, của hệ cơ quan tim mạch, hô hấp, tiêu hoá...	Thảo luận nhóm, phân tích	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Biết sử dụng và hiểu một số máy thông thường như điện tim, máy hô hấp áp dụng trong lâm sàng.	Thực hành nghiên cứu, thảo luận nhóm, tình huống	Bài tập, tình huống, giả định
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Nhận thức đúng, Vận dụng, áp dụng trên người bệnh, đặc biệt là tư vấn cho người bệnh dùng thuốc hiệu quả và đúng cách	Thực hành, thực tế áp dụng trên người bệnh	Bài tập tình huống, thực hành
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát, thực hành
CLO6	A2	Xây dựng tính độc lập, chủ động có ý kiến	Thảo luận,	Quan sát,

	(Thái độ hồi đáp, phản ứng)	đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh hoạ... trong thảo luận, học tập, nghiên cứu	làm việc nhóm	hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.20. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức(K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng(S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm(A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

21. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.21. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%

A2.1	Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	- Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.22. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần

(nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5, 0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5, 0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-	Tốt 80-100%

				79%	
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80% nhiệm vụ nộp đúng hạn 60-vụ,	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

22. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV:

(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

23. Kế hoạch giảng dạy

14.22. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
	Chương 1. Sinh lý học tế bào Mô tế bào	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	Chương 2. Sinh lý máu Chuyển hóa năng lượng Điều hòa thân nhiệt	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Chương 3. Sinh lý tuần hoàn, Bạch huyết Mô tuần hoàn	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Chương 4. Sinh lý hô hấp Mô hô hấp	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Chương 5. Sinh lý Tiêu hóa, Mô tiêu hóa	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Chương 6. Sinh lý Tiết niệu, Mô tiết niệu Sinh lý Sinh dục, Mô sinh dục	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Chương 7: Sinh lý Thần Kinh, Mô thần kinh Sinh lý Nội tiết, Mô nội tiết	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	- Hệ thống kiến thức - Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)
Thi giữa kỳ 90 phút	- Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.23. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Sinh lý học tế bào 1. Mở đầu 2. Đại cương tế bào:	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

	2.1. Hình dạng tế bào: 2.2. Kích thước tế bào: 2.3. Thể tích: 2.4. Phân cực: 2.5. Cấu tạo: 3. Cấu tạo tế bào 3.1. Màng tế bào: 3.2. Bào tương 3.3. Nhân tế bào: 3.4. Môi liên quan hoạt động giữa nhân và bào tương: 4. Một số hoạt động sinh lý của tế bào		nhóm	
2	Bài 2: Sinh lý máu 1. Sinh lý Hồng cầu 1.1. Hình dáng, kích thước và cấu tạo 1.2. Số lượng hồng cầu trong máu ngoại vi. 1.3. Chức năng của hồng cầu 1.4. Rối loạn lâm sàng của hồng cầu 1.5. Hemoglobin 1.6. Nhóm máu 2. Sinh lý Bạch cầu 2.1. Hình dáng, số lượng và chức năng của bạch cầu 2.2. Phân loại và công thức bạch cầu 3. Sinh lý Tiểu cầu và quá trình đông máu 3.1. Hình dáng, cấu trúc và	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

	số lượng tiêu cầu 3.2. Đặc tính và chức năng của tiêu cầu 3.3. Quá trình cảm máu			
3	Bài 3: Chuyển hóa năng lượng 1.Chuyển hóa vật chất và năng lượng 2.Chuyển hóa cơ bản 3.Điều hòa sự chuyển hóa vật chất và năng lượng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
4	Bài 4: Điều hòa thân nhiệt 1.Điều hòa thân nhiệt 1.1.Cơ chế điều hòa nhiệt 1.2.Trung tâm điều hòa nhiệt 1.3.Điểm đặt nhiệt 1.4.Sinh nhiệt và thải nhiệt 2.Sốt 2.1.Định nghĩa 2.2.Chất gây sốt 2.3.Cơ chế gây sốt 2.4.Các giai đoạn của quá trình sốt 2.5.Phân loại sốt 2.6.Các yếu tố ảnh hưởng đến sốt 2.7.Thay đổi chuyển hóa trong sốt 2.8.Thay đổi chức năng trong sốt 2.9. Tác dụng của sốt	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

	2.10.Xử trí sốt.			
5	Bài 5: Sinh lý tuần hoàn, Bạch huyết Nội dung 1. Đại cương tuần hoàn, đặc tính sinh lý cơ tim, chu chuyển tim. 1.1. Đại cương về tuần hoàn. 1.2. Đặc tính sinh lý cơ tim. 1.3. Chu chuyển 2. Tuần hoàn động mạch 2.1. Huyết áp động mạch 2.2. Thành phần và giá trị huyết áp động mạch ở người 2.3. Những yếu tố thuộc hệ tuần hoàn ảnh hưởng đến huyết áp. 2.4. Những biến đổi sinh lý của huyết áp	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
6	Bài 6: Sinh lý hô hấp Nội dung 1. Thông khí phổi 1.1. Động tác hô hấp. 1.2. Các thể tích, dung tích phổi. 2. Sự vận chuyển và trao đổi oxy trong cơ thể. 3. Điều hòa hô hấp. 3.1. Các trung tâm hô hấp 3.2. Lý thuyết về nhịp thở cơ bản	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
7	Bài 7: Sinh lý Tiêu hóa,	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần	Lượng giá, câu hỏi tình huống,

	Mô tiêu hóa Nội dung. 1- Đại cương sinh lý tiêu hóa 2. Tiêu hóa ở dạ dày. 2.1. Hiện tượng bài tiết và hóa học ở dạ dày. 2.2- Hiện tượng cơ học ở dạ dày. 3. Tiêu hóa ở ruột non. 3.1. Hiện tượng bài tiết và hóa học ở ruột non. 3.2. Hoạt động cơ học của ruột non..		bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Giao bài tập về nhà.
8	Bài 8: Sinh lý Tiết niệu, Mô tiết niệu Nội dung 1. Sơ lược về giải phẫu và mô 1.1. Đơn vị thận 1.2. Đặc điểm mạch máu thận 1.3. Bộ máy cận tiểu cầu 2. Quá trình hình thành nước tiểu. 2.1. Quá trình siêu lọc ở cầu thận 2.1.1. Hiện tượng lọc và thành phần dịch lọc 2.1.2 Màng lọc cầu thận 2.1.3. Nguyên nhân và cơ chế của siêu lọc 2.2. Quá trình tái hấp thu ở ống thận 2.3. Quá trình bài tiết tích	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

	cực 3. Các chức năng cơ bản của thận. 3.1. Thận điều hòa cân bằng acid-base của máu 3.2. Thận điều hòa cân bằng nước – điện giải. 3.3. Thận điều hòa hòa huyết áp 3.4 Thận điều hòa tạo máu 3.5. Thận điều hòa quá trình chống đông máu			
9	Bài 9: Sinh lý Sinh dục, Mô sinh dục 1.Cấu tạo và chức năng cơ quan sinh dục Nam 2.Cấu tạo và chức năng cơ quan sinh dục Nữ	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
10	Bài 10: Sinh lý Thần Kinh, Mô thần kinh Nội dung. 1. Đại cương sinh lý hệ thần kinh trung ương. 2. Chức năng điều tiết vận động của hệ thần kinh. 2.1.Vai trò của tủy sống. 2.2. Vai trò của vùng vận động vỏ não.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
11	Bài 11: Sinh lý Nội tiết, Mô nội tiết Nội dung. 1. Đại cương sinh lý nội tiết. 2. Chức năng tuyến giáp. 3. Chức năng tuyến tụy nội	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phân bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

	tiết.			
	Ôn tập (2LT, 0 TH) - Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hoạt động tự học: làm BT tự nghiên cứu, đọc trước nội dung bài tiếp theo hướng dẫn	

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính:

- Bộ Y tế (2011). *Sinh lý học*, Phạm Thị Minh Đức, Nhà xuất bản Y học.
- Mô – Phôi: *Phần mô học; sách đào tạo bác sĩ đa khoa/ Bộ Y tế: Y học*, 2007

Sách, tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế (2011). *Sinh lý học*, Phạm Thị Minh Đức, Nhà xuất bản Y học.
- Bộ môn sinh lý học, học viện Quân Y (2002). *Sinh lý học tập I. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.*

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

BsCKI. Nguyễn Tiến Mạnh

BsCKI. Nguyễn Tiến Mạnh

HỌC PHẦN: BỆNH HỌC

1. Tên học phần (tiếng Việt): BỆNH HỌC	Tên tiếng Anh: Pathology
2. Mã học phần:	7BHH024
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	45
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	BSCKI, Nguyễn Tiến Mạnh BSCKI, Nguyễn Đăng Sơn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	HP: giải phẫu, Sinh lý - Mô, SLB – MD
- Học phần học trước:	HP: giải phẫu, Sinh lý - Mô, SLB – MD
- Học phần song hành:	Theo tiến trình ĐT

24. Mô tả tóm tắt học phần:

Môn bệnh học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học những kiến thức về: định nghĩa, nguyên nhân, điều kiện thuận lợi, đường lây truyền, yếu tố nguy cơ, triệu chứng, biện pháp điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp của các hệ cơ quan: tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, nội tiết, tiết niệu, thần kinh; bệnh về máu và cơ quan tạo máu, bệnh cơ xương khớp.

Biết tư vấn cho người bệnh dùng thuốc hợp lý, hiệu quả.

25. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)

CO1 (K)	Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, cách xử trí và thái độ dự phòng các bệnh thông thường hay gặp.
CO2 (S)	Có khả năng thực hiện được chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý thông thường, nghiên cứu đánh giá thu thập số liệu trong quá trình điều trị, và tư vấn cho người bệnh dùng thuốc hiệu quả.
CO3 (A)	Thể hiện được năng lực tự học, tự nghiên cứu trong học tập. Chịu trách nhiệm về kết quả học tập của bản thân, sự chính xác trong công tác

.....

26. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá (Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.21. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Nắm được kiến thức về những nguyên nhân, triệu chứng và điều trị và dự phòng một số bệnh lý thông thường và đưa ra hướng xử trí ban đầu	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO2	K3 (Áp dụng)	Trình bày và phân tích được kiến thức cơ bản về các bệnh lý thông thường của cơ quan tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu và các bệnh về máu...	Thảo luận nhóm, phân tích	Bài tập lượng giá, kiểm tra
CLO3	S2 (Kỹ năng vận dụng)	Vận dụng trong chẩn đoán một số bệnh lý thông thường đưa ra phương hướng điều trị và dự phòng, đem lại hiệu quả cho người bệnh.	Thực hành nghiên cứu, thảo luận nhóm, tình huống	Bài tập, tình huống, giả định
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Vận dụng áp dụng trên người bệnh, đặc biệt là tư vấn cho người bệnh dùng thuốc hiệu quả và đúng cách	Thực hành, thực tế áp dụng trên người bệnh	Bài tập tình huống, thực hành
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm	Phỏng vấn, quan sát,

			việc nhóm	thực hành
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.22. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức(K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng(S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm(A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

27. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.23. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)

A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	<i>Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ</i>	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	<i>Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ</i>	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	- Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	- Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.24. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần

(nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5, 0	Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

28. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

29. Kế hoạch giảng dạy

14.24. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần

	Chương 1. Bệnh lý hệ hô hấp 1.4. Khái quát, bệnh hô hấp, cơ chế 1.5. Nguyên nhân, Cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. 1.6. Điều trị và dự phòng.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Chương 2. Bệnh lý hệ tuần hoàn 1.1. Khái quát, bệnh hô hấp, cơ chế 1.2. Nguyên nhân, Cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. 1.3. Điều trị và dự phòng.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Chương 3. Bệnh lý hệ tiêu hoá 1.1. Khái quát, bệnh hô hấp, cơ chế 1.2. Nguyên nhân, Cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. 1.3. Điều trị và dự phòng.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Chương 4. Bệnh lý hệ tiết niệu 1.1. Khái quát, bệnh hô hấp, cơ chế 1.2. Nguyên nhân, Cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. 1.3. Điều trị và dự phòng.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Chương 5. Bệnh lý hệ thần kinh, nội tiết 1.1. Khái quát, bệnh hô hấp, cơ chế 1.2. Nguyên nhân, Cơ chế bệnh sinh, triệu chứng. 1.3. Điều trị và dự phòng.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	- Hệ thống kiến thức - Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)
Thi giữa kỳ 90 phút	- Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.25. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Chương 1: Bài 1: Viêm phế quản cấp,mãn 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 3. Biến chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
2	Bài 2: Bệnh hen Phế quản 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 3. Biến chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
3	Bài 3. Bệnh viêm phổi 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về

	3. Biến chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh		chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	nhà.
4	Bài 4. Bệnh hẹp van 2 lá 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 3. Biến chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
5	Bài 5: Bệnh tăng Huyết áp 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 3. Biến chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
6	Bài 6: Bệnh suy tim 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 3. Biến chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
7	Bài 7. Bệnh viêm loét dạ dày – tá tràng 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 3. Biến chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
8	Bài 8: Bệnh xơ gan 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 3. Biến chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
9	Bài 9: Bệnh Xuất huyết tiêu hoá 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 3. Biến chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
10	Bài 10. Bệnh viêm cầu thận cấp 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 3. Biến chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

11	Bài 11. Suy thận 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 3. Biến chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
12	Bài 12. Bệnh Đái tháo đường 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 3. Biến chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
13	Bài 13. Bệnh Đột quỵ 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 3. Biến chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
14	Bài 14: Bệnh viêm khớp dạng thấp 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 3. Biến chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
15	Bài 15: Bệnh Gút 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 3. Biến chứng 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
16	Bài 16: Ôn tập (2LT, 0 TH) - Hệ thống kiến thức - Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hoạt động tự học: làm BT tự nghiên cứu, đọc trước nội dung bài tiếp theo hướng dẫn	

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- **Tài liệu/giáo trình chính:**

- Trường Đại học Y Hà Nội- Đồng TG: PGS.TS. Ngô Quý Châu (CB), GS.TS. Nguyễn Lâm Việt, PGS.TS. Nguyễn Đạt Anh, PGS.TS. Phạm Quang Vinh, 2015, Bệnh học nội khoa tập 1, NXB Y học.

- BS. Nguyễn Đăng Thụ (CB) và nhóm GV trường THYT Hà Nội, 2011, Bệnh học nội khoa (TH), NXB Y học.

b. Tài liệu tham khảo

- Đồng TG: PGS.TS. Nguyễn Thị Minh An, GS.TS. Trần Ngọc Ân, Ths. Trần Văn Dương, PGS.TS. Nguyễn Văn Đăng..., 2011, Nội khoa cơ sở (tập 1), NXB

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

BsCKI. Nguyễn Tiến Mạnh

BsCKI. Nguyễn Tiến Mạnh

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ
KHOA DƯỢC – XÉT NGHIỆM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

HỌC PHẦN: VI SINH – KÝ SINH TRÙNG

1. Tên học phần (tiếng Việt): VI SINH – KÝ SINH TRÙNG	Tên tiếng Anh: Microbiology – Parasitology
2. Mã học phần:	7VKS025
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Khối kiến thức cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	02
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	01
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 2 giờ ôn tập)

- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	TS. Đặng Tự ThS. Nguyễn Văn Hoan
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Sinh hóa, huyết học
- Học phần học trước:	Sinh hóa, huyết học
- Học phần song hành:	Vi sinh - Ký sinh trùng

30. Mô tả tóm tắt học phần:

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc điểm của vi sinh vật, ký sinh trùng y học (hình thể, cấu trúc, nuôi trồng/ môi trường nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch).
- Nắm mối quan hệ của vi sinh vật, ký sinh trùng y học với môi trường và cơ thể con người để biết khả năng gây bệnh của vi sinh vật và ký sinh trùng y học thường gặp..
- Vận dụng những kiến thức đã học tập ở học phần và các học phần liên quan của ngành xét nghiệm y học để nắm được nguyên tắc cơ bản về các phương pháp chẩn đoán và phòng bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng gây nên.
- Nắm được kiến thức, kỹ năng học phần đã học để giúp sinh viên hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành, hình thành kỹ năng sử dụng công nghệ y học và tin học hiệu quả, thích hợp.

31. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	- Trình bày được cấu tạo tế bào vi sinh vật (vi khuẩn, vi rút) và ký sinh trùng y học . Nêu được đặc điểm sinh thái, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán và phòng bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng gây bệnh. - Quan sát và vẽ được hình thể tế bào vi sinh vật, ký sinh trùng thường gây bệnh - Nắm và làm được một số quy trình kỹ thuật vô khuẩn và khử khuẩn thông thường. - Trình bày được cách lấy, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm.
CO2 (S)	- Mô tả và nhận biết được các loại vi sinh vật, ký sinh trùng y học thường gây bệnh cho người về hình thể, sinh thái, dịch tễ, tác hại, triệu chứng lâm sàng, các phương pháp chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh của các loại vi sinh vật, ký sinh trùng gây bệnh
CO3 (A)	Thực hiện được các xét nghiệm cơ bản để chẩn đoán bệnh vi sinh vật và ký sinh trùng y học gây bệnh cho người

32. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Than g đo)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá

	năng lực)			
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	1. Phần vi sinh y học: - Hình thái và cấu tạo tế bào vi sinh vật - Đại cương virus - Nhiễm trùng và độc lực của vi sinh vật - Các kỹ thuật miễn dịch sử dụng trong chẩn đoán vi sinh vật - Các cầu khuẩn gây bệnh - Họ vi khuẩn đường ruột: <i>Enterobacteriaceae</i>; <i>Hemophilus influenzae</i>, <i>Bordetella pertussis</i>; <i>Pseudomonas aeruginosa</i>; <i>Corynebacterium diphtheria</i>; <i>Mycobacteriaceae</i> - Các xoắn khuẩn gây bệnh: <i>Rickettsia</i>, <i>Mycoplasma</i>, <i>Chlamydia</i>	Thuyết trình, thảo luận, tình huống, làm việc nhóm	Bài tập, kiểm tra đánh giá
		2. Phần ký sinh trùng y học: - Đại cương ký sinh trùng y học: - Đại cương ký sinh trùng đường ruột - Đại cương đơn bào y học - Ký sinh trùng sốt rét và bệnh học sốt rét - Đại cương vi nấm ký sinh y học - Bệnh vi nấm ngoại biên – bệnh nấm da - Bệnh vi nấm nội tạng – bệnh vi nấm cơ hội - Đại cương tiết túc y học	Thuyết trình, thảo luận, tình huống, làm việc nhóm	Bài tập, kiểm tra đánh giá
		3. Phần thực hành: - Cách lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm - Kỹ thuật tiêu bản vi sinh vật – Các phương pháp nhuộm vi khuẩn - Phản ứng sinh hóa định danh vi khuẩn - Kháng sinh đồ - Các kỹ thuật tiêu bản ký sinh trùng y học - Các kỹ thuật tìm ký sinh trùng sốt rét, Hình thể ký sinh trùng sốt rét	Thuyết trình, thảo luận, tình huống, làm việc nhóm	Bài tập, kiểm tra đánh giá

		- Xem hình thể con giun - sán và trứng giun - sán - Xét nghiệm nấm trực tiếp - Xem một số hình thể tiết túc		
CLO2	K3 (Áp dụng)	- Mô tả được tế bào vi khuẩn, virus gây bệnh - Trình bày được đặc điểm sinh lý, sinh hóa và di truyền tế bào vi sinh vật. - Mô tả được đặc điểm cấu tạo về hình thể, chu kỳ và tác hại một số ký sinh trùng, vi nấm y học - Nắm được các phương pháp xét nghiệm, chẩn đoán và bệnh pháp phòng một số bệnh do nhiễm vi khuẩn, virus và ký sinh trùng y học thường gặp.	Mô tả tình huống	Thực hành xét nghiệm/ labo
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	- Thực hiện được một số kỹ thuật vô khuẩn và khử khuẩn do vi khuẩn, virus và ký sinh trùng y học thông thường - Cách lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển bệnh phẩm và kỹ thuật xét nghiệm cơ bản để chẩn đoán vi khuẩn, virus và ký sinh trùng học gây bệnh	Thực hành kỹ thuật xét nghiệm	Thực hành labo
COL4	S3 (Kỹ năng vận thành thạo)	Thành thạo các phương pháp kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán một số bệnh vi khuẩn, virus và ký sinh trùng y học thường gặp	Thực hành, labo	Hồ sơ học tập
CLO5	A1(Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hỏi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hỏi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K) K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/ Mức độ tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

33. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.25. Đánh giá học tập

Bài đánh Giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	<i>Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ</i>	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	<i>Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ</i>	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%

A2.1	- Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	- Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.26. Các bộ tiêu chí đánh giá (Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có))

Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Đầu 3): Công học phần (công mã) phần chung 1 và 2 và 3 và 4 và 5 và 6 và 7 và 8 và 9 và 10 và 11 và 12 và 13 và 14 và 15 và 16 và 17 và 18 và 19 và 20 và 21 và 22 và 23 và 24 và 25 và 26 và 27 và 28 và 29 và 30 và 31 và 32 và 33 và 34 và 35 và 36 và 37 và 38 và 39 và 40 và 41 và 42 và 43 và 44 và 45 và 46 và 47 và 48 và 49 và 50 và 51 và 52 và 53 và 54 và 55 và 56 và 57 và 58 và 59 và 60 và 61 và 62 và 63 và 64 và 65 và 66 và 67 và 68 và 69 và 70 và 71 và 72 và 73 và 74 và 75 và 76 và 77 và 78 và 79 và 80 và 81 và 82 và 83 và 84 và 85 và 86 và 87 và 88 và 89 và 90 và 91 và 92 và 93 và 94 và 95 và 96 và 97 và 98 và 99 và 100 và 101 và 102 và 103 và 104 và 105 và 106 và 107 và 108 và 109 và 110 và 111 và 112 và 113 và 114 và 115 và 116 và 117 và 118 và 119 và 120 và 121 và 122 và 123 và 124 và 125 và 126 và 127 và 128 và 129 và 130 và 131 và 132 và 133 và 134 và 135 và 136 và 137 và 138 và 139 và 140 và 141 và 142 và 143 và 144 và 145 và 146 và 147 và 148 và 149 và 150 và 151 và 152 và 153 và 154 và 155 và 156 và 157 và 158 và 159 và 160 và 161 và 162 và 163 và 164 và 165 và 166 và 167 và 168 và 169 và 170 và 171 và 172 và 173 và 174 và 175 và 176 và 177 và 178 và 179 và 180 và 181 và 182 và 183 và 184 và 185 và 186 và 187 và 188 và 189 và 190 và 191 và 192 và 193 và 194 và 195 và 196 và 197 và 198 và 199 và 200 và 201 và 202 và 203 và 204 và 205 và 206 và 207 và 208 và 209 và 210 và 211 và 212 và 213 và 214 và 215 và 216 và 217 và 218 và 219 và 220 và 221 và 222 và 223 và 224 và 225 và 226 và 227 và 228 và 229 và 230 và 231 và 232 và 233 và 234 và 235 và 236 và 237 và 238 và 239 và 240 và 241 và 242 và 243 và 244 và 245 và 246 và 247 và 248 và 249 và 250 và 251 và 252 và 253 và 254 và 255 và 256 và 257 và 258 và 259 và 260 và 261 và 262 và 263 và 264 và 265 và 266 và 267 và 268 và 269 và 270 và 271 và 272 và 273 và 274 và 275 và 276 và 277 và 278 và 279 và 280 và 281 và 282 và 283 và 284 và 285 và 286 và 287 và 288 và 289 và 290 và 291 và 292 và 293 và 294 và 295 và 296 và 297 và 298 và 299 và 300 và 301 và 302 và 303 và 304 và 305 và 306 và 307 và 308 và 309 và 310 và 311 và 312 và 313 và 314 và 315 và 316 và 317 và 318 và 319 và 320 và 321 và 322 và 323 và 324 và 325 và 326 và 327 và 328 và 329 và 330 và 331 và 332 và 333 và 334 và 335 và 336 và 337 và 338 và 339 và 340 và 341 và 342 và 343 và 344 và 345 và 346 và 347 và 348 và 349 và 350 và 351 và 352 và 353 và 354 và 355 và 356 và 357 và 358 và 359 và 360 và 361 và 362 và 363 và 364 và 365 và 366 và 367 và 368 và 369 và 370 và 371 và 372 và 373 và 374 và 375 và 376 và 377 và 378 và 379 và 380 và 381 và 382 và 383 và 384 và 385 và 386 và 387 và 388 và 389 và 390 và 391 và 392 và 393 và 394 và 395 và 396 và 397 và 398 và 399 và 400 và 401 và 402 và 403 và 404 và 405 và 406 và 407 và 408 và 409 và 410 và 411 và 412 và 413 và 414 và 415 và 416 và 417 và 418 và 419 và 420 và 421 và 422 và 423 và 424 và 425 và 426 và 427 và 428 và 429 và 430 và 431 và 432 và 433 và 434 và 435 và 436 và 437 và 438 và 439 và 440 và 441 và 442 và 443 và 444 và 445 và 446 và 447 và 448 và 449 và 450 và 451 và 452 và 453 và 454 và 455 và 456 và 457 và 458 và 459 và 460 và 461 và 462 và 463 và 464 và 465 và 466 và 467 và 468 và 469 và 470 và 471 và 472 và 473 và 474 và 475 và 476 và 477 và 478 và 479 và 480 và 481 và 482 và 483 và 484 và 485 và 486 và 487 và 488 và 489 và 490 và 491 và 492 và 493 và 494 và 495 và 496 và 497 và 498 và 499 và 500 và 501 và 502 và 503 và 504 và 505 và 506 và 507 và 508 và 509 và 510 và 511 và 512 và 513 và 514 và 515 và 516 và 517 và 518 và 519 và 520 và 521 và 522 và 523 và 524 và 525 và 526 và 527 và 528 và 529 và 530 và 531 và 532 và 533 và 534 và 535 và 536 và 537 và 538 và 539 và 540 và 541 và 542 và 543 và 544 và 545 và 546 và 547 và 548 và 549 và 550 và 551 và 552 và 553 và 554 và 555 và 556 và 557 và 558 và 559 và 560 và 561 và 562 và 563 và 564 và 565 và 566 và 567 và 568 và 569 và 570 và 571 và 572 và 573 và 574 và 575 và 576 và 577 và 578 và 579 và 580 và 581 và 582 và 583 và 584 và 585 và 586 và 587 và 588 và 589 và 590 và 591 và 592 và 593 và 594 và 595 và 596 và 597 và 598 và 599 và 600 và 601 và 602 và 603 và 604 và 605 và 606 và 607 và 608 và 609 và 610 và 611 và 612 và 613 và 614 và 615 và 616 và 617 và 618 và 619 và 620 và 621 và 622 và 623 và 624 và 625 và 626 và 627 và 628 và 629 và 630 và 631 và 632 và 633 và 634 và 635 và 636 và 637 và 638 và 639 và 640 và 641 và 642 và 643 và 644 và 645 và 646 và 647 và 648 và 649 và 650 và 651 và 652 và 653 và 654 và 655 và 656 và 657 và 658 và 659 và 660 và 661 và 662 và 663 và 664 và 665 và 666 và 667 và 668 và 669 và 670 và 671 và 672 và 673 và 674 và 675 và 676 và 677 và 678 và 679 và 680 và 681 và 682 và 683 và 684 và 685 và 686 và 687 và 688 và 689 và 690 và 691 và 692 và 693 và 694 và 695 và 696 và 697 và 698 và 699 và 700 và 701 và 702 và 703 và 704 và 705 và 706 và 707 và 708 và 709 và 710 và 711 và 712 và 713 và 714 và 715 và 716 và 717 và 718 và 719 và 720 và 721 và 722 và 723 và 724 và 725 và 726 và 727 và 728 và 729 và 730 và 731 và 732 và 733 và 734 và 735 và 736 và 737 và 738 và 739 và 740 và 741 và 742 và 743 và 744 và 745 và 746 và 747 và 748 và 749 và 750 và 751 và 752 và 753 và 754 và 755 và 756 và 757 và 758 và 759 và 760 và 761 và 762 và 763 và 764 và 765 và 766 và 767 và 768 và 769 và 770 và 771 và 772 và 773 và 774 và 775 và 776 và 777 và 778 và 779 và 780 và 781 và 782 và 783 và 784 và 785 và 786 và 787 và 788 và 789 và 790 và 791 và 792 và 793 và 794 và 795 và 796 và 797 và 798 và 799 và 800 và 801 và 802 và 803 và 804 và 805 và 806 và 807 và 808 và 809 và 810 và 811 và 812 và 813 và 814 và 815 và 816 và 817 và 818 và 819 và 820 và 821 và 822 và 823 và 824 và 825 và 826 và 827 và 828 và 829 và 830 và 831 và 832 và 833 và 834 và 835 và 836 và 837 và 838 và 839 và 840 và 841 và 842 và 843 và 844 và 845 và 846 và 847 và 848 và 849 và 850 và 851 và 852 và 853 và 854 và 855 và 856 và 857 và 858 và 859 và 860 và 861 và 862 và 863 và 864 và 865 và 866 và 867 và 868 và 869 và 870 và 871 và 872 và 873 và 874 và 875 và 876 và 877 và 878 và 879 và 880 và 881 và 882 và 883 và 884 và 885 và 886 và 887 và 888 và 889 và 890 và 891 và 892 và 893 và 894 và 895 và 896 và 897 và 898 và 899 và 900 và 901 và 902 và 903 và 904 và 905 và 906 và 907 và 908 và 909 và 910 và 911 và 912 và 913 và 914 và 915 và 916 và 917 và 918 và 919 và 920 và 921 và 922 và 923 và 924 và 925 và 926 và 927 và 928 và 929 và 930 và 931 và 932 và 933 và 934 và 935 và 936 và 937 và 938 và 939 và 940 và 941 và 942 và 943 và 944 và 945 và 946 và 947 và 948 và 949 và 950 và 951 và 952 và 953 và 954 và 955 và 956 và 957 và 958 và 959 và 960 và 961 và 962 và 963 và 964 và 965 và 966 và 967 và 968 và 969 và 970 và 971 và 972 và 973 và 974 và 975 và 976 và 977 và 978 và 979 và 980 và 981 và 982 và 983 và 984 và 985 và 986 và 987 và 988 và 989 và 990 và 991 và 992 và 993 và 994 và 995 và 996 và 997 và 998 và 999 và 1000 và 1001 và 1002 và 1003 và 1004 và 1005 và 1006 và 1007 và 1008 và 1009 và 1010 và 1011 và 1012 và 1013 và 1014 và 1015 và 1016 và 1017 và 1018 và 1019 và 1020 và 1021 và 1022 và 1023 và 1024 và 1025 và 1026 và 1027 và 1028 và 1029 và 1030 và 1031 và 1032 và 1033 và 1034 và 1035 và 1036 và 1037 và 1038 và 1039 và 1040 và 1041 và 1042 và 1043 và 1044 và 1045 và 1046 và 1047 và 1048 và 1049 và 1050 và 1051 và 1052 và 1053 và 1054 và 1055 và 1056 và 1057 và 1058 và 1059 và 1060 và 1061 và 1062 và 1063 và 1064 và 1065 và 1066 và 1067 và 1068 và 1069 và 1070 và 1071 và 1072 và 1073 và 1074 và 1075 và 1076 và 1077 và 1078 và 1079 và 1080 và 1081 và 1082 và 1083 và 1084 và 1085 và 1086 và 1087 và 1088 và 1089 và 1090 và 1091 và 1092 và 1093 và 1094 và 1095 và 1096 và 1097 và 1098 và 1099 và 1100 và 1101 và 1102 và 1103 và 1104 và 1105 và 1106 và 1107 và 1108 và 1109 và 1110 và 1111 và 1112 và 1113 và 1114 và 1115 và 1116 và 1117 và 1118 và 1119 và 1120 và 1121 và 1122 và 1123 và 1124 và 1125 và 1126 và 1127 và 1128 và 1129 và 1130 và 1131 và 1132 và 1133 và 1134 và 1135 và 1136 và 1137 và 1138 và 1139 và 1140 và 1141 và 1142 và 1143 và 1144 và 1145 và 1146 và 1147 và 1148 và 1149 và 1150 và 1151 và 1152 và 1153 và 1154 và 1155 và 1156 và 1157 và 1158 và 1159 và 1160 và 1161 và 1162 và 1163 và 1164 và 1165 và 1166 và 1167 và 1168 và 1169 và 1170 và 1171 và 1172 và 1173 và 1174 và 1175 và 1176 và 1177 và 1178 và 1179 và 1180 và 1181 và 1182 và 1183 và 1184 và 1185 và 1186 và 1187 và 1188 và 1189 và 1190 và 1191 và 1192 và 1193 và 1194 và 1195 và 1196 và 1197 và 1198 và 1199 và 1200 và 1201 và 1202 và 1203 và 1204 và 1205 và 1206 và 1207 và 1208 và 1209 và 1210 và 1211 và 1212 và 1213 và 1214 và 1215 và 1216 và 1217 và 1218 và 1219 và 1220 và 1221 và 1222 và 1223 và 1224 và 1225 và 1226 và 1227 và 1228 và 1229 và 1230 và 1231 và 1232 và 1233 và 1234 và 1235 và 1236 và 1237 và 1238 và 1239 và 1240 và 1241 và 1242 và 1243 và 1244 và 1245 và 1246 và 1247 và 1248 và 1249 và 1250 và 1251 và 1252 và 1253 và 1254 và 1255 và 1256 và 1257 và 1258 và 1259 và 1260 và 1261 và 1262 và 1263 và 1264 và 1265 và 1266 và 1267 và 1268 và 1269 và 1270 và 1271 và 1272 và 1273 và 1274 và 1275 và 1276 và 1277 và 1278 và 1279 và 1280 và 1281 và 1282 và 1283 và 1284 và 1285 và 1286 và 1287 và 1288 và 1289 và 1290 và 1291 và 1292 và 1293 và 1294 và 1295 và 1296 và 1297 và 1298 và 1299 và 1300 và 1301 và 1302 và 1303 và 1304 và 1305 và 1306 và 1307 và 1308 và 1309 và 1310 và 1311 và 1312 và 1313 và 1314 và 1315 và 1316 và 1317 và 1318 và 1319 và 1320 và 1321 và 1322 và 1323 và 1324 và 1325 và 1326 và 1327 và 1328 và 1329 và 1330 và 1331 và 1332 và 1333 và 1334 và 1335 và 1336 và 1337 và 1338 và 1339 và 1340 và 1341 và 1342 và 1343 và 1344 và 1345 và 1346 và 1347 và 1348 và 1349 và 1350 và 1351 và 1352 và 1353 và 1354 và 1355 và 1356 và 1357 và 1358 và 1359 và 1360 và 1361 và 1362 và 1363 và 1364 và 1365 và 1366 và 1367 và 1368 và 1369 và 1370 và 1371 và 1372 và 1373 và 1374 và 1375 và 1376 và 1377 và 1378 và 1379 và 1380 và 1381 và 1382 và 1383 và 1384 và 1385 và 1386 và 1387 và 1388 và 1389 và 1390 và 1391 và 1392 và 1393 và 1394 và 1395 và 1396 và 1397 và 1398 và 1399 và 1400 và 1401 và 1402 và 1403 và 1404 và 1405 và 1406 và 1407 và 1408 và 1409 và 1410 và 1411 và 1412 và 1413 và 1414 và 1415 và 1416 và 1417 và 1418 và 1419 và 1420 và 1421 và 1422 và 1423 và 1424 và 1425 và 1426 và 1427 và 1428 và 1429 và 1430 và 1431 và 1432 và 1433 và 1434 và 1435 và 1436 và 1437 và 1438 và 1439 và 1440 và 1441 và 1442 và 1443 và 1444 và 1445 và 1446 và 1447 và 1448 và 1449 và 1450 và 1451 và 1452 và 1453 và 1454 và 1455 và 1456 và 1457 và 1458 và 1459 và 1460 và 1461 và 1462 và 1463 và 1464 và 1465 và 1466 và 1467 và 1468 và 1469 và 1470 và 1471 và 1472 và 1473 và 1474 và 1475 và 1476 và 1477 và 1478 và 1479 và 1480 và 1481 và 1482 và 1483 và 1484 và 1485 và 1486 và 1487 và 1488 và 1489 và 1490 và 1491 và 1492 và 1493 và 1494 và 1495 và 1496 và 1497 và 1498 và 1499 và 1500 và 1501 và 1502 và 1503 và 1504 và 1505 và 1506 và 1507 và 1508 và 1509 và 1510 và 1511 và 1512 và 1513 và 1514 và 1515 và 1516 và 1517 và 1518 và 1519 và 1520 và 1521 và 1522 và 1523 và 1524 và 1525 và 1526 và 1527 và 1528 và 1529 và 1530 và 1531 và 1532 và 1533 và 1534 và 1535 và 1536 và 1537 và 1538 và 1539 và 1540 và 1541 và 1542 và 1543 và 1544 và 1545 và 1546 và 1547 và 1548 và 1549 và 1550 và 1551 và 1552 và 1553 và 1554 và 1555 và 1556 và 1557 và 1558 và 1559 và 1560 và 1561 và 1562 và 1563 và 1564 và 1565 và 1566 và 1567 và 1568 và 1569 và 1570 và 1571 và 1572 và 1573 và 1574 và 1575 và 1576 và 1577 và 1578 và 1579 và 1580 và 1581 và 1582 và 1583 và 1584 và 1585 và 1586 và 1587 và 1588 và 1589 và 1590 và 1591 và 1592 và 1593 và 1594 và 1595 và 1596 và 1597 và 1598 và 1599 và 1600 và 1601 và 1602 và 1603 và 1604 và 1605 và 1606 và 1607 và 1608 và 1609 và 1610 và 1611 và 1612 và 1613 và 1614 và 1615 và 1616 và 1617 và 1618 và 1619 và 1620 và 1621 và 1622 và 1623 và 1624 và 1625 và 1626 và 1627 và 1628 và 1629 và 1630 và 1631 và 1632 và 1633 và 1634 và 1635 và 1636 và 1637 và 1638 và 1639 và 1640 và 1641 và 1642 và 1643 và 1644 và 1645 và 1646 và 1647 và 1648 và 1649 và 1650 và 1651 và 1652 và 1653 và 1654 và 1655 và 1656 và 1657 và 1658 và 1659 và 1660 và 1661 và 1662 và 1663 và 1664 và 1665 và 1666 và 1667 và 1668 và 1669 và 1670 và 1671 và 1672 và 1673 và 1674 và 1675 và 1676 và 1677 và 1678 và 1679 và 1680 và 1681 và 1682 và 1683 và 1684 và 1685 và 1686 và 1687 và 1688 và 1689 và 1690 và 1691 và 1692 và 1693 và 1694 và 1695 và 1696 và 1697 và 1698 và 1699 và 1700 và 1701 và 1702 và 1703 và 1704 và 1705 và 1706 và 1707 và 1708 và 1709 và 1710 và 1711 và 1712 và 1713 và 1714 và 1715 và 1716 và 1717 và 1718 và 1719 và 1720 và 1721 và 1722 và 1723 và 1724 và 1725 và 1726 và 1727 và 1728 và 1729 và 1730 và 1731 và 1732 và 1733 và 1734 và 1735 và 1736 và 1737 và 1738 và 1739 và 1740 và 1741 và 1742 và 1743 và 1744 và 1745 và 1746 và 1747 và 1748 và 1749 và 1750 và 1751 và 1752 và 1753 và 1754 và 1755 và 1756 và 1757 và 1758 và 1759 và 1760 và 1761 và 1762 và 1763 và 1764 và 1765 và 1766 và 1767 và 1768 và 1769 và 1770 và 1771 và 1772 và 1773 và 1774 và 1775 và 1776 và 1777 và 1778 và 1779 và 1780 và 1781 và 1782 và 1783 và 1784 và 1785 và 1786 và 1787 và 1788 và 1789 và 1790 và 1791 và 1792 và 1793 và 1794 và 1795 và 1796 và 1797 và 1798 và 1799 và 1800 và 1801 và 1802 và 1803 và 1804 và 1805 và 1806 và 1807 và 1808 và 1809 và 1810 và 1811 và 1812 và 1813 và 1814 và 1815 và 1816 và 1817 và 1818 và 1819 và 1820 và 1821 và 1822 và 1823 và 1824 và 1825 và 1826 và 1827 và 1828 và 1829 và 1830 và 1831 và 1832 và 1833 và 1834 và 1835 và 1836 và 1837 và 1838 và 1839 và 1840 và 1841 và 1842 và 1843 và 1844 và 1845 và 1846 và 1847 và 1848 và 1849 và 1850 và 1851 và 1852 và 1853 và 1854 và 1855 và 1856 và 1857 và 1858 và 1859 và 1860 và 1861 và 1862 và 1863 và 1864 và 1865 và 1866 và 1867 và 1868 và 1869 và 1870 và 1871 và 1872 và 1873 và 1874 và 1875 và 1876 và 1877 và 1878 và 1879 và 1880 và 1881 và 1882 và 1883 và 1884 và 1885 và 1886 và 1887 và 1888 và 1889 và 1890 và 1891 và 1892 và 1893 và 1894 và 1895 và 1896 và 1897 và 1898 và 1899 và 1900 và 1901 và 1902 và 1903 và 1904 và 1905 và 1906 và 1907 và 1908 và 1909 và 1910 và 1911 và 1912 và 1913 và 1914 và 1915 và 1916 và 1917 và 1918 và 1919 và 1920 và 1921 và 1922 và 1923 và 1924 và 1925 và 1926 và 1927 và 1928 và 1929 và 1930 và 1931 và 1932 và 1933 và 1934 và 1935 và 1936 và 1937 và 1938 và 1939 và 1940 và 1941 và 1942 và 1943 và 1944 và 1945 và 1946 và 1947 và 1948 và 1949 và 1950 và 1951 và 1952 và 1953 và 1954 và 1955 và 1956 và 1957 và 1958 và 1959 và 1960 và 1961 và 1962 và 1963 và 1964 và 1965 và 1966 và 1967 và 1968 và 1969 và 1970 và 1971 và 1972 và 1973 và 1974 và 1975 và 1976 và 1977 và 1978 và 1979 và 1980 và 1981 và 1982 và 1983 và 1984 và 1985 và 1986 và 1987 và 1988 và 1989 và 1990 và 1991 và 1992 và 1993 và 1994 và 1995 và 1996 và 1997 và 1998 và 1999 và 2000 và 2001 và 2002 và 2003 và 2004 và 2005 và 2006 và 2007 và 2008 và 2009 và 2010 và 2011 và 2012 và 2013 và 2014 và 2015 và 2016 và 2017 và 2018 và 2019 và 2020 và 2021 và 2022 và 2023 và 2024 và 2025 và 2026 và 2027 và 2028 và 2029 và 2030 và 2031 và 2032 và 2033 và 2034 và 2035 và 2036 và 2037 và 2038 và 2039 và 2040 và 2041 và 2042 và 2043 và 2044 và 2045 và 2046 và 2047 và 2048 và 2049 và 2050 và 2051 và 2052 và 2053 và 2054 và 2055 và 2056 và 2057 và 2058 và 2059 và 2060 và 2061 và 2062 và 2063 và 2064 và 2065 và 2066 và 2067 và 2068 và 2069 và 2070 và 2071 và 2072 và 2073 và 2074 và 2075 và 2076 và 2077 và 2078 và 2079 và 2080 và 2081 và 2082 và 2083 và 2084 và 2085 và 2086 và 2087 và 2088 và 2089 và 2090 và 2091 và 2092 và 2093 và 2094 và 2095 và 2096 và 2097 và 2098 và 2099 và 2100 và 2101 và 2102 và 2103 và 2104 và 2105 và 2106 và 2107 và 2108 và 2109 và 2110 và 2111 và 2112 và 2113 và 2114 và 2115 và 2116 và 2117 và 2118 và 2119 và 2120 và 2121 và 2122 và 2123 và 2124 và 2125 và 2126 và 2127 và 2128 và 2129 và 2130 và 2131 và 2132 và 2133 và 2134 và 2135 và 2136 và 2137 và 2138 và 2139 và 2140 và 2141 và 2142 và 2143 và 2144 và 2145 và 2146 và 2147 và 2148 và 2149 và 2150 và 2151 và 2152 và 2153 và 2154 và 2155 và 2156 và 2157 và 2158 và 2159 và 2160 và 2161 và 2162 và 2163 và 2164 và 2165 và 2166 và 2167 và 2168 và 2169 và 2170 và 2171 và 2172 và 2173 và 2174 và 2175 và 2176 và 2177 và 2178 và 2179 và 2180 và 2181 và 2182 và 2183 và 2184 và 2185 và 2186 và 2187 và 2188 và 2189 và 2190 và 2191 và 2192 và 2193 và 2194 và 2195 và 2196 và 2197 và 2198 và 2199 và 2200 và 2201 và 2202 và 2203 và 2204 và 2205 và 2206 và 2207 và 2208 và 2209 và 2210 và 2211 và 2212 và 2213 và 2214 và 2215 và 2216 và 2217 và 2218 và 2219 và 2220 và 2221 và 2222 và 2223 và 2224 và 2225 và 2226 và 2227 và 2228 và 2229 và 2230 và 2231 và 2232 và 2233 và 2234 và 2235 và 2236 và 2237 và 2238 và 2239 và 2240 và 2241 và 2242 và 2243 và 2244 và 224					

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50% - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng Sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

34. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV:

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

14.26. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
15 tiết (15LT: 0 TH)	1. Phần vi sinh y học: - Hình thái và cấu tạo tế bào vi sinh vật - Đại cương virus	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	- Nhiễm trùng và độc lực của vi sinh vật - Các kỹ thuật miễn dịch sử dụng trong chẩn đoán vi sinh vật - Các cầu khuẩn gây bệnh - Họ vi khuẩn đường ruột: <i>Enterobacteriaceae</i>; <i>Hemophilus influenzae</i>, <i>Bordetella pertussis</i>; <i>Pseudomonas aeruginosa</i>; <i>Corynebacterium diphtheria</i>; <i>Mycobacteriaceae</i> - Các xoắn khuẩn gây bệnh: <i>Rickettsia</i>, <i>Mycoplasma</i>, <i>Chlamydia</i>	
Ôn tập (2 tiết)	- Hệ thống kiến thức - Giải đáp thắc mắc. - Thi trắc nghiệm, tự luận 01 tiết	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
15 tiết (15 LT, 0 TH)	2. Phần ký sinh trùng y học: - Đại cương ký sinh trùng y học: - Đại cương ký sinh trùng đường ruột - Đại cương đơn bào y học - Ký sinh trùng sốt rét và bệnh học sốt rét - Đại cương vi nấm ký sinh y học - Bệnh vi nấm ngoại biên – bệnh nấm da - Bệnh vi nấm nội tạng – bệnh vi nấm cơ hội - Đại cương tiết túc y học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	- Hệ thống kiến thức - Giải đáp thắc mắc. - Thi trắc nghiệm, tự luận 01 tiết	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
30 tiết (0LT, 30TH)	3. Phần thực hành labo: - Cách lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm - Kỹ thuật tiêu bản vi sinh vật, phương pháp nhuộm vi khuẩn - Phản ứng sinh hóa định danh vi khuẩn - Kháng sinh đồ - Các kỹ thuật tiêu bản ký sinh trùng y học - Các kỹ thuật tìm ký sinh trùng sốt rét, Hình thể ký sinh trùng sốt rét	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	- Xem hình thể giun - sán và trứng giun – sán - Xét nghiệm nấm trực tiếp - Xem một số hình thể tiết túc	
	Thi thực hành	

14.2. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động, dạy và học	Bài đánh giá
1/1 (3 LT)	Phần vi sinh y học: - Hình thái và cấu tạo tế bào vi sinh vật - Đại cương virus - Nhiễm trùng và độc lực của vi sinh vật	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
1/2 (3 LT)	- Các kỹ thuật miễn dịch sử dụng trong chẩn đoán vi sinh vật - Các cầu khuẩn gây bệnh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
1/3 (3 LT)	- Họ vi khuẩn đường ruột: <i>Enterobacteriaceae</i>; <i>Hemophilus influenzae</i>, <i>Bordetella pertussis</i>;	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
2/4 (3 LT)	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>; <i>Corynebacterium diphtheria</i>; <i>Mycobacteriaceae</i>	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
2/5 (3LT)	- Các xoắn khuẩn gây bệnh: <i>Rickettsia</i>, <i>Mycoplasma</i>, <i>Chlamydia</i>	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
Ôn và kiểm tra (1 tiết)	- Hệ thống kiến thức - Giải đáp thắc mắc - Kiểm tra	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Kiểm tra trách nhiệm, tự luận	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
2/6 (3 tiết)	2. Phần ký sinh trùng học - Đại cương KST y học - Ký sinh trùng sốt rét	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

3/7 (4 LT)	- Bệnh học sốt rét - Phân loại và hình thể các loại KST-SR ở người	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
4/8 (4 LT)	- Đại cương ký sinh trùng đường ruột - Đại cương đơn bào y học - Đại cương tiết túc y học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Kiểm tra trách nhiệm, tự luận	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
4/9 (4 LT)	- Đại cương vi nấm ký sinh y học - Bệnh nấm ngoài da thường gặp - Bệnh vi nấm nội tạng – bệnh vi nấm cơ hội	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Kiểm tra trách nhiệm, tự luận	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
Ôn và kiểm tra (1 tiết)	- Hệ thống kiến thức - Giải đáp thắc mắc - Kiểm tra	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Kiểm tra trách nhiệm, tự luận	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

3. Phần thực hành labo

(01 TC = 30 tiết)

5/ 10 5/11 (10 TH)	- Cách lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm - Kỹ thuật tiêu bản vi sinh vật, phương pháp nhuộm vi khuẩn - Phản ứng sinh hóa định danh vi khuẩn	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
6/ 10 6/11 (10 TH)	- Kháng sinh đồ - Các kỹ thuật XN vi nấm - Các kỹ thuật tìm ký sinh trùng sốt rét, Hình thể ký sinh trùng sốt rét	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
5/ 12 5/13 (10 TH)	- Xem hình thể giun - sán và trứng giun – sán - XN một số bệnh đơn bào thường gặp	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

	- Xem một số hình thể tiết túc			
10/2	Ôn tập (2LT, 0 TH) - Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Tự học , trao đổi/ thảo luận	<i>quan sát, hồ sơ học tập, chấm bài</i>

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- Tài liệu giảng dạy: Tập bài giảng Vi sinh.

1. Giáo trình *Ký sinh trùng giun sán, nấm*, 2020, Nhà xuất bản y học, Hà Nội 2020.
2. Giáo trình *Ký sinh trùng*, sách đào tạo bác sỹ đa khoa, 2011, Nhà xuất bản y học, Hà nội – 2011

b. Tài liệu tham khảo

3. Giáo trình, Chủ biên: PGS.TS. Nguyễn Văn Đê, PGS.TS. Phạm Văn Thân., 2012, Ký sinh trùng Y học (BSDK), NXBYH
 4. Đồng TG: PGS. TS. Phạm Văn Thân (CB), PS. TS. Nguyễn Văn Đê,....., 2009, Bệnh do Ký sinh trùng đường ruột, NXB Y học
 5. Trường Đại học Y Hà Nội (2006), Vi sinh Y học, NXB Y học, Hà Nội.
 6. Bệnh viện Bạch Mai (2006), Xét nghiệm vi sinh lâm sàng, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2004), Vi sinh vật Y học, NXB Y học, Hà NộiTrần Hữu Quang, Giáo trình Xã hội học truyền thông đại chúng, 2006, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

TS. Đặng Tự

TS. Đặng Tự

DUYỆT

HỌC PHẦN: SINH LÝ BỆNH & MIỄN DỊCH

1. Tên học phần (tiếng Việt): SINH LÝ BỆNH & MIỄN DỊCH	Tên tiếng Anh: Phathophysiology
2. Mã học phần:	7SLB019
3. Số tín chỉ: 02	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	BSCKI, Nguyễn Tiến Mạnh BSCKI, Nguyễn Đăng Sơn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	HP: giải phẫu
- Học phần học trước:	HP: SLB-MD
- Học phần song hành:	Theo tiến trình ĐT

35. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Sinh lý bệnh và Miễn dịch nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên ngành xét nghiệm khái niệm cơ bản, nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh các rối loạn chức năng của cơ thể như mất nước, rối loạn điện giải, phù, viêm, sốt, nhiễm acid-base, rối loạn chuyển hóa glucid - lipid – protein...cung cấp các kiến thức và kỹ năng để hiểu và phân tích được cơ chế sinh bệnh của các hệ thống trong cơ thể như tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, gan mật, nội tiết sinh dục. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị về chỉ định và đọc kết quả xét nghiệm về sinh hóa máu, xét nghiệm máu, xét nghiệm chức năng gan, chức năng thận, huyết đồ của một số bệnh lý cơ bản thường gặp.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống miễn dịch, các rối loạn các thành phần của hệ thống này và cơ chế sinh bệnh của một số bệnh lý miễn dịch hay gặp trong lâm sàng.

36. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng, cơ chế bệnh sinh các cơ quan, hệ thống cơ quan và toàn cơ thể. Trong điều kiện bình thường, và bệnh lý. như mất nước, rối loạn điện giải, phù, viêm, sốt, nhiễm acid-base, rối loạn chuyển hóa glucid - lipid – protein, trong cơ thể như tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, gan mật, nội tiết sinh dục. Trình bày được những kiến thức cơ bản về hệ thống miễn dịch, các rối loạn các thành phần của hệ thống này và cơ chế sinh bệnh của một số bệnh lý miễn dịch hay gặp trong lâm sàng.
CO2 (S)	Ứng dụng được kiến thức sinh lý bệnh và miễn dịch để giải thích được các biểu hiện khi rối loạn các bệnh lý trong các bộ máy cơ quan, Phân tích được một số rối loạn thường gặp trong hoạt động bộ máy, cơ quan.
CO3 (A)	Tiếp nhận những thông tin về đặc điểm cấu tạo của các mô cơ quan của cơ thể người bình thường, và khi rối loạn hoạt động tham gia và tư duy tích cực về nhận biết mô và tế bào về hệ thống miễn dịch trong cơ thể.

.....

37. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.23. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Phân tích được các cơ chế rối loạn hoạt động của các cơ quan và biểu hiện trên lâm sàng và vận dụng vào trong chẩn đoán bệnh thường gặp. Vận dụng những hiểu biết và giả thích cơ chế kháng nguyên, kháng thể trong hệ thống miễn dịch của cơ thể.	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lượng giá, kiểm tra
	K3 (Áp)	Áp dụng và phân tích được kiến thức cơ bản về các hoạt động sinh lý bệnh của các cơ	Thảo luận nhóm, phân tích	Bài tập lượng giá,

CLO2	dụng)	quan và vận dụng vào một số bệnh lý, của hệ cơ quan tim mạch, hô hấp, tiêu hoá...		kiểm tra
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Biết sử dụng và hiểu một số máy thông thường như điện tim, máy hô hấp áp dụng trong lâm sàng.	Thực hành nghiên cứu, thảo luận nhóm, tình huống	Bài tập, tình huống, giả định
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Vận dụng, một số kỹ thuật để giải thích khi rối loạn một số hoạt động cơ quan. trên người bệnh, đặc biệt là tư vấn cho người bệnh khi đánh giá kết quả cận lâm sàng và dùng thuốc hiệu quả và đúng cách.	Thực hành, thực tế áp dụng trên người bệnh	Bài tập tình huống, thực hành
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa. Chủ động tiếp nhận thông tin và tư vấn cho người bệnh	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát, thực hành
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Xây dựng tính độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh hoạ... trong thảo luận, học tập, nghiên cứu.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.24. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức(K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng(S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm(A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

38. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.27. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10 %
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30 %
A2.1	Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60 %
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	- Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.28. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần
(nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải
chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80% nhiệm vụ nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
		0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến <	1,6 đến 2

Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2			1,6	
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

39. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV:

(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

40. Kế hoạch giảng dạy

14.27. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
	Chương 1. Đại cương sinh lý bệnh – Miễn dịch, Rối loạn chuyển hóa Gluxit, Lipid và Protein	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Chương 2. Rối loạn chuyển hóa nước- điện giải Rối loạn cân bằng acid – base	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Chương 3. SLB phản ứng viêm SLB phản ứng sốt	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Chương 4. SLB chức năng tuần hoàn SLB chức năng hô hấp	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Chương 5. SLB chức năng tiêu hóa SLB chức năng thận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Chương 6. SLB chức phận tạo máu SLB chức năng gan	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Chương 7: Các cơ quan và tế bào tham gia vào quá trình đáp ứng miễn dịch	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	- Hệ thống kiến thức - Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)
Thi giữa kỳ 90 phút	- Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.28. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá

1	Bài 1. Đại cương sinh lý bệnh – Miễn dịch, Rối loạn chuyển hóa Gluxit, Lipid và Protein Đại cương 1. Vai trò của Glucid đối với cơ thể 2. Rối loạn chuyển hóa Glucid 3. Rối loạn chuyển hóa Lipid 4. Rối loạn chuyển hóa Protid	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
2	Bài 2: Rối loạn chuyển hóa nước- điện giải 1. Đại cương 2. Rối loạn cân bằng nước, điện giải	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
3	Bài 3: Rối loạn cân bằng acid – base 1. Đại cương 2. Rối loạn cân bằng acid-base	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
4	Bài 4: SLB phản ứng viêm 1. Đại cương 2. Những biến đổi chủ yếu trong viêm 3. Quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể 4. Nguyên tắc xử trí ổ viêm	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
5	Bài 5: SLB phản ứng sốt 1. Điều hòa thân nhiệt 2. Sốt	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

	3. Xử trí sốt.		việc nhóm	
6	Bài 6: SLB chức năng tuần hoàn - Đại cương - Rối loạn hoạt động của tim - Rối loạn hoạt động của hệ mạch	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
7	Bài 7: SLB chức năng tiêu hóa - Đại cương - Rối loạn chức năng tiêu hóa của dạ dày - Bệnh loét dạ dày tá tràng - Rối loạn tiết dịch và hấp thu tại ruột - Bệnh tiêu chảy cấp	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
8	Bài 8:SLB chức năng hô hấp - Đại cương - Rối loạn hô hấp	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
9	Bài 9: SLB chức năng thận - Đại cương - Rối loạn tiết niệu - Thay đổi của máu trong bệnh thận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
10	Bài 10: SLB chức năng gan - Đại cương - Rối loạn chức năng gan - Sinh bệnh học của vàng da	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

	- Viêm gan cấp và mãn - Tăng áp lực tĩnh mạch cửa - Suy gan và hôn mê gan			
11	Bài 11: Các cơ quan và tế bào tham gia vào quá trình đáp ứng miễn dịch - Đại cương - Các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch - Kháng nguyên và kháng thể - Phản ứng kết hợp kháng nguyên-kháng thể Kháng nguyên, MHC - Lịch sử phát hiện hệ thống nhóm máu ABO - Đặc điểm của hệ thống nhóm máu ABO - Kháng nguyên của hệ thống nhóm máu ABO - Kháng thể của hệ thống nhóm máu ABO - Di truyền nhóm máu hệ thống ABO - Ứng dụng lâm sàng của hệ thống nhóm máu ABO - Hệ thống nhóm máu Rh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
12	Bài 12: 1.Đáp ứng miễn dịch dịch thể - Quá mẫn - Suy giảm miễn dịch - Bệnh tự miễn dịch	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh hoạ, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.

13	2.Đáp ứng miễn dịch qua trung gian tế bào 1. Phân loại hệ miễn dịch 2. Miễn dịch qua trung gian tế bào hoạt động 3. Ứng dụng liệu pháp tăng cường MD tự thân trong hỗ trợ ung thư 3.Đáp ứng miễn dịch chống nhiễm vi sinh vật 1. Đáp ứng miễn dịch bình thường đối với vi khuẩn 2. Tổn thương do đáp ứng miễn dịch chống vi khuẩn 3. Sự lẩn tránh hệ miễn dịch của vi khuẩn	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, diễn giải, minh họa, phần bảng, trình chiếu Powerpoint thảo luận, làm việc nhóm	Lượng giá, câu hỏi tình huống, Giao bài tập về nhà.
	Ôn tập (2LT, 0 TH) - Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Hoạt động tự học: làm BT tự nghiên cứu, đọc trước nội dung	

15.Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính:

- GS.TS. Trần Đình Hòa, 2011, Sinh lý bệnh miễn dịch (cử nhân Xét nghiệm y học), NXB Y học.

- Đồng TG: GS.TS. Nguyễn Đình Bảng, TS. Nguyễn Thị Kim Hương, 2013, Vacxin và chế phẩm miễn dịch trong phòng và điều trị , NXB Y học.

Sách, tài liệu tham khảo:

- Đồng TG: GS. Nguyễn Ngọc Lanh, GS.TS. Văn Đình Hoa, GS.Vũ Triệu An, GS.TSKH. Phan Thị Phi Phi ..., 2014, Miễn dịch học, NXB Y học.

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Tiến Mạnh ThS. Nguyễn Tiến Mạnh

DUYỆT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC VẬT DƯỢC

1. Tên học phần (tiếng Việt): Thực vật dược	Tên tiếng Anh: Medicinal Plants
2. Mã học phần:	7DUC013
3. Số tín chỉ:	01
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	15
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	30
7. Các giảng viên phụ trách học phần	TS. Nguyễn Minh Tuấn
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Hóa hữu cơ, hóa sinh
- Học phần song hành:	Hóa lý, Hóa phân tích 2

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Thực vật dược cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về mô tả các cơ quan sinh dưỡng, sinh sản của thực vật và phương pháp nhận biết được các đặc điểm đặc trưng ở bậc ngành, lớp, phân lớp, bộ, họ.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Mô tả được các hình thái và giải phẫu của các cơ quan rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt; Nêu được đặc điểm của ngành Dương xỉ trần và Thuỷ dương xỉ, ngành Rêu, nhóm các ngành Quyết, ngành Thông, ngành Ngọc lan.
CO2 (S)	Nhận biết và mô tả được các đặc điểm hình thái của rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt; nhận biết và mô tả được các đặc điểm hình thái các đại diện của các ngành thực vật.
CO3	Nhận thức đúng về vai trò của thực vật dùng trong chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh, chữa bệnh, có ý thức trong khai thác và sử dụng cây thuốc.

(A)	

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá
(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3, ...)

11.25. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Mô tả được các hình thái của các cơ quan rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt; Nêu được đặc điểm của ngành Dương xỉ trần và Thuỷ dương xỉ, ngành Rêu, nhóm các ngành Quyết, ngành Thông, ngành Ngọc lan.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn
CLO2	K3 (Áp dụng)	Nhận biết và mô tả được các đặc điểm hình thái của rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt; so sánh cấu tạo sơ cấp và cấu tạo thứ cấp của các cơ quan sinh dưỡng của cây.	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Nhận biết và mô tả được các đặc điểm hình thái các đại diện của các ngành thực vật.	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Có thái độ làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm, có ý thức làm việc nhóm, có kỹ năng giao tiếp, trình bày thuyết trình, giải quyết vấn đề, chịu trách nhiệm trước xã hội với việc mình làm.	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Luôn chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng học tập nâng cao trình độ	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp. Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...
Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.26. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973).

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.29. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%

A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ,	Thực hiện 60 - 80% nhiệm vụ, nộp	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn

			nội đúng hạn	đúng hạn	
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2,0	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
5 tiết (5LT)	Bài 1. Cơ quan sinh trưởng của thực vật	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 tiết (5 LT)	Bài 2. Cơ quan sinh trưởng của thực vật	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (1 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

Thi giữa kỳ 1 tiết	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3)
5 tiết (5 LT)	Bài 3. Phân loại thực vật	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (1 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi hết học phần (1,5 tiết)	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

14.29. Nội dung chi tiết học phần

14.2. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động Dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Bài 1. Cơ quan sinh trưởng của thực vật (LT: 5; TH: 0) 1. Rễ cây. 1.1.Hình thái. 1.2.Cấu tạo giải phẫu. 1.3.Sự tăng trưởng chiều dài của rễ - Cách mọc rễ con. 1.4.Sinh lý rễ. 1.5.Công dụng của rễ đối với ngành Dược. 2.Thân cây. 2.1.Hình thái. 2.2.Cấu tạo giải phẫu. 2.3.Sự tăng trưởng chiều dài của thân – Nguồn gốc của lá. 2.4.Sinh lý của thân. 2.5.Công dụng của thân đối với ngành Dược. 3.Lá cây. 3.1.Hình thái. 3.2.Cấu tạo giải phẫu.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

	3.3.Công dụng của lá đối với ngành Dược.			
2/1	Bài 2. Cơ quan sinh sản của cây (LT: 5; TH: 0) 1. Hoa. 1.1. Định nghĩa. 1.2. Hoa tự. 1.3. Cấu tạo tổng quát. 1.4. Tiền khai hoa. 1.5. Các phần của hoa. 1.6. Hoa thức và hoa đồ. 1.7. Sự thụ tinh. 1.8. Sự phát triển của mầm mà không cần thụ tinh. 1.9. Công dụng của hoa đối với ngành Dược. 2. Quả. 2.1. Các phần của quả. 2.2. Các loại quả. 2.3. Quả đơn tính sinh. 2.4. Công dụng của quả đối với ngành Dược. 3. Hạt. 3.1. Sự phát triển của noãn thành hạt. 3.2. Các phần của hạt. 3.3. Hình dạng của hạt trưởng thành. 3.4. Sự phát tán và nảy mầm của hạt. 3.5. Công dụng của hạt đối với ngành Dược.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Thi giữa kỳ (1 LT)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Thuyết trình, tự nghiên cứu làm bài thi	Chấm bài thi tự luận giữa kỳ
3/1	Bài 3. Phân loại thực vật (LT: 5; TH: 0) 1.Nhóm các ngành Quyết, ngành Thông 1.1. Ngành Quyết 1.2. Ngành Thông 2. Ngành Ngọc Lan 2.1. Lớp Ngọc Lan 2.2. Lớp Hành	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Thi hết học phần	CLO1,2 (K2, K3)	Tự nghiên cứu	Chấm bài thi tự

	(1,5 LT)	CLO 3,4 (S2, S3)	làm bài thi	luận hết học phần

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

[1] Trương Thị Đẹp (2007), *Thực vật dược*, NXB Giáo dục.

[2] Trường Đại học Dược Hà Nội (2021), *Thực vật dược*, NXB Giáo dục Việt Nam.

b. Tài liệu tham khảo

[3] Vũ Văn Chuyên (1991). *Bài giảng Thực vật học*, NXB Y học.

[4] Học viện Quân y (2024), *Thực vật dược*, NXB Quân đội nhân dân.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Trường Giang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ
KHOA DƯỢC – XÉT NGHIỆM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LIỆU 1

1. Tên học phần (tiếng Việt): Dược liệu 1	Tên tiếng Anh: Pharmacognosy 1
2. Mã học phần:	7DUC014
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	15
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ

- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	45
7. Các giảng viên phụ trách học phần	TS. Nguyễn Minh Tuấn TS. Triệu Duy Diệt
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Thực vật dược
- Học phần học trước:	Hóa phân tích, hóa lý
- Học phần song hành:	Bào chế, hóa dược

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Dược liệu 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất carbon hydrat, glycosid trợ tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, tanin có trong dược liệu.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Trình bày được đại cương về các nhóm chất: tinh bột, gôm, chất nhày, pectin, glycosid, glycoside tim, anthralycosid, monoterpénoid, diterpénoid; Trình bày được tên KH, bộ phận dùng, thành phần hóa học, tác dụng, công dụng cách dùng và phương pháp kiểm nghiệm của 50 dược liệu.
CO2 (S)	Trình bày được tên KH, bộ phận dùng, thành phần hóa học, tác dụng, công dụng cách dùng và phương pháp kiểm nghiệm của 50 dược liệu.
CO3 (A)	Có khả năng vận dụng các kiến thức vào kiểm nghiệm dược liệu, chiết xuất dược liệu, định hướng phát triển sản phẩm; Nhận biết và có định hướng giải quyết các vấn đề chuyên môn phát sinh trong thực tế hoạt động chuyên môn.

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá

CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Nắm vững kiến thức về đại cương về các nhóm chất: tinh bột, gôm, chất nhày, pectin, glycosid, glycosid tim, anthralycosid, monoterpenoid, diterpenoid; Nắm vững kiến thức về tên KH, bộ phận dùng, thành phần hóa học, tác dụng, công dụng cách dùng và phương pháp kiểm nghiệm của 50 dược liệu.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn
CLO2	K3 (Áp dụng)	Nhận dạng được các cây dược liệu thông qua quan sát hình thái.	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Nhớ được các nhóm hoạt chất cơ bản trong cây dược liệu có ứng dụng trong y sinh học.	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Nhận dạng được các bộ phận một số dược liệu được dùng trong y sinh học thông qua quan sát hình thái.	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Luôn chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng học tập nâng cao trình độ	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phòng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973).

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.1.Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.

Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89% số 80%- lớp lý giờ lên thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% vụ, m nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2,0	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.

- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

14.1. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
5 tiết (5 LT; TH: 0)	Bài 1. Glycosid tim và dược liệu chứa glycosid tim,.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 tiết (5 LT; TH: 0)	Bài 2: Flavonoid, Saponin và dược liệu chứa flavonoid, saponin	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 tiết (5 LT; TH: 0)	Bài 3: Coumarin và dược liệu chứa coumarin, Tanin và dược liệu chứa tanin, Dược liệu chứa monoterpenoid và diterpenoid; dược liệu chứa glycosid cyanogenic	CLO1,2 (K2, K3)
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi giữa kỳ 1 tiết	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3)
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi hết học phần (1,5 tiết)	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

14.2. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động Dạy và học	Đánh giá
1/1	Bài 1: Glycosid tim và dược liệu chứa glycosid tim (5 LT; TH: 0). 1. Đại cương về glycosid tim. 1.1. Định nghĩa. 1.2. Cấu trúc hóa học. 1.3. Liên quan giữa cấu trúc và tác dụng.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	quan sát, hồ sơ học tập

	1.4. Tính chất, định tính, định lượng. Phân bố trong tự nhiên. 2. Dược liệu chứa glycosid tim. 2.1. Lá trúc đào. 2.2. Hạt thông thiên. 2.3. Strophanthus. 2.4. Strophanthus ở Việt Nam. 2.5. Digitalis. 2.6. Digitalis tía. 2.7. Digital lông. 2.8. Hạt đay. 2.9. Hành biển.			
2/1	Bài 2: Flavonoid, saponin và dược liệu chứa flavonoid, saponin (5 LT; TH: 0). 1. Dược liệu chứa flavonoid. 1.1. Khái niệm chung về flavonoid. 1.2. Cấu trúc hóa học. 1.3. Tính chất - định tính - định lượng. 1.4. Chiết xuất. 1.5. Phân bố flavonoid trong tự nhiên. 1.6. Tác dụng sinh học của flavonoid. 1.7. Dược liệu chứa flavonoid: Hoa hòe; Diệp cá; Râu mèo; Rau ngễ; Núc nác; Hoàng cầm; Kim ngân hoa; Actisô; Dâu; Bạch quả; Cúc gai; Hồng hoa; Xạ can; Dây mật; Hạt củ đậu; Tô mộc. 2. Saponin và dược liệu chứa saponin 2.1. Khái niệm chung về saponin. 2.2. Cấu trúc hóa học và phân loại. 2.3. Tính chất của saponin. 2.4. Kiểm nghiệm dược liệu chứa saponin. 2.5. Chiết xuất. 2.6. Phân bố trong thực vật. 2.7. Tác dụng và công dụng. 2.8. Dược liệu chứa saponin: Cam thảo; Viễn chí; Cát cánh; Bò kết; Ngưu tất; Rau má; Ngũ gia bì chân chim; Nhân sâm; Tam thất; Cỏ yếm; Rau đắng biển; Táo nhân; Cam thảo dây; Tỳ giải;	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	quan sát, hồ sơ học tập

	Dứa Mỡ; Khúc khắc; Mạch môn; Thiên môn.			
3/1	Bài 3: Dược liệu chứa monoterpenoid và diterpenoid; dược liệu chứa glycosid cyanogenic (LT: 5; TH: 0). - Monoterpenoid glycosid. - Sơ lược cấu trúc hóa học. - Phân loại. - Tính chất, định tính. - Phân bố trong tự nhiên. - Tác dụng và công dụng. - Diterpenoid glycosid. - Dược liệu chứa monoterpenoid glycosid. - Sinh địa. - Dành dành. - Lá mơ. - Huyền sâm. - Đại. - Một số cây thuốc khác chứa iridoid glycosid. - Kim ngân. - Cỏ roi ngựa. - Mã đề. - Dược liệu chứa diterpenoid glycosid. - Xuyên tâm liên. - Ké đầu ngựa. - Hy thiêm. - Cỏ ngọt. - Đại cương về glycosid cyanogenic. - Khái niệm chung về glycosid cyanogenic. - Phân loại. - Định tính. - Dược liệu chứa glycosid cyanogenic. - Quả mơ. - Hạt đào.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	quan sát, hồ sơ học tập
	Thi giữa kỳ (1 LT, 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Thuyết trình, tự nghiên cứu làm bài thi	Chấm bài thi tự luận giữa kỳ
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức

				-Giải đáp thắc mắc
Thi hết học phần (1,5 tiết)	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Thi hết học phần (2 tiết)	Thi tự luận

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

[1]. Ngô Văn Thu, Trần Hùng, *Dược liệu học*, tập1, tập 2, NXB Y học, 2011

[2]. Học viện Quân y (2014), *Thực hành dược liệu*, NXB Quân đội nhân dân.

b. Tài liệu tham khảo

[2]. Đỗ Tất Lợi (2015), *Những cây thuốc, vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học.

[3]. Nguyễn Thị Tâm, Trần Văn Thanh (2015), *Dược liệu học tập 1, tập 2*, NXB giáo dục, Việt Nam.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

TS. Triệu Duy Diệt

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA DƯỢC 1

1. Tên học phần (Tiếng Việt): Hóa dược 1	Tên tiếng Anh: Pharmaceutical Chemistry 1
2. Mã học phần:	7HDH129
3. Số tín chỉ:	3
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần	1 tiết
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 tiết
7. Các giảng viên phụ trách học phần	TS. Nguyễn Anh Hưng
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa Đại cương-vô cơ, Hóa Hữu cơ, Hóa Lý dược
- Học phần học trước:	Hóa phân tích 1
- Học phần song hành:	Hóa phân tích 2

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần giúp sinh viên thấy được những phương hướng cơ bản và triển vọng phát triển của hóa dược trong tương lai. Đồng thời cung cấp các kiến thức về nguồn gốc; nguyên tắc điều chế; phân loại; cấu tạo hóa học; liên quan giữa cấu trúc-tác dụng; tính chất vật lý, hóa lý cơ bản để ứng dụng trong kiểm nghiệm, bào chế, bảo quản; tác dụng, chỉ định của các nhóm thuốc hóa dược tác động lên hệ thần kinh, tim mạch, máu, nhóm vitamin và nhóm thuốc cản quang.

Bên cạnh đó giúp sinh viên có kỹ năng thực hành tổng hợp hoặc bán tổng hợp được một số mẫu thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng, kiểm nghiệm được các mẫu thuốc đã tổng hợp và phẩm dược dụng khác theo tiêu chuẩn Dược điển.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Hiểu các kiến thức cơ bản của Hóa dược bao gồm: nguồn gốc, cấu tạo hoá học, tính chất lý, hoá học và mối liên quan giữa cấu trúc - tác dụng sinh học chung của nhóm thuốc. Ứng dụng các tính chất đó trong pha chế, kiểm nghiệm, bảo quản, chỉ định điều trị.
CO2 (S)	Thuần thực sử dụng dụng cụ trong phòng thí nghiệm điều chế tổng hợp hoặc bán tổng hợp thuốc.
CO3 (A)	Rèn luyện tác phong thận trọng, chính xác, trung thực trong thí nghiệm.

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3, ...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1	K2 (Hiểu kiến thức)	Nhận biết được về nguồn gốc, phương pháp điều chế, đặc điểm công thức cấu tạo của các thuốc điển hình của mỗi nhóm. Từ đó dự đoán về tính chất vật lý, hóa lý của các nhóm thuốc dựa vào công thức cấu tạo chung.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận
CLO 2	K3 (Áp dụng)	Phân tích được mối liên quan giữa cấu trúc-tác dụng của các nhóm thuốc trên	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập nhóm.
CLO 3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Giải thích được quy trình kiểm nghiệm, bào chế, bảo quản, và hướng dẫn sử dụng các thuốc điển hình dựa trên tính chất vật lý, hóa học của chúng	Thực hành nghiên cứu	Bài tập nhóm.
COL 4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Thực hiện thành thạo được việc tổng hợp hoặc bán tổng hợp một số mẫu thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng.	Thực hành, đồ án	Bài tập nhóm, đánh giá kỹ năng thực hành.

CLO 5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp	Giảng dạy trực tiếp, thảo luận nhóm	Quan sát thái độ tham gia, đặt câu hỏi.
CLO 6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Chủ động trả lời các nhiệm vụ giảng viên giao trước khi lên lớp.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát kết quả tra tra cứu, đánh giá.

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: *Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:*

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: <i>Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ</i>	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: <i>Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ</i>	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc báo cáo thuyết trình; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng điểm	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80- 100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89 80%- %số giờ lớp lý lên thuy ết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80- 100%
Thực hiệ n nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50- 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80% nh iệm nộp đúng hạn ,	Thực hiện 80- 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn

Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (*Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên*)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

14.1. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
6 tiết (2LT: 4 TH)	Bài 1: Đại cương về Hóa dược 1. Giới thiệu về hóa dược, vai trò hóa dược trong ngành dược	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	2. Giới thiệu về học phần hóa dược: mục tiêu, các đánh giá, bộ môn phụ trách 3. Hướng dẫn sử dụng dược điển	
5 tiết (1LT: 4 TH)	Bài 2: Thuốc gây mê, gây tê 1. Đại cương về thuốc gây mê 2. Các thuốc trong nhóm 2.1. Halothan 2.2. Isofluran 2.3. Nitrogen monoxyd 2.4. Thiopental natri 2.5. Ketamin hydroclorid 2.6. Propofol 3. Đại cương về thuốc gây tê 3.1. Phân loại, cơ chế 3.2. Liên quan cấu trúc-tác dụng 4. Các thuốc trong nhóm 4.1. Lidocain hydroclorid 4.2. Procain hydroclorid 4.3. Bupivacain hydroclorid 4.4. Tetracain hydroclorid	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)
6 tiết (2LT: 4 TH)	Bài 3: THUỐC AN THẦN, GÂY NGỦ 1. Dẫn chất bacbitiric 1.1. Tính chất hóa học chung 1.2. Liên quan cấu trúc-tác dụng 1.3. Phenobarbital 1.4. Pentobarbital 2. Dẫn chất benzodiazepin 2.1. Tính chất hóa học chung 2.2. Liên quan cấu trúc-tác dụng 2.3. Diazepam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	2.4. Nitrazepam 2.5. Lorazepam 3. Các thuốc Z 4. Các chất chủ vận receptor melatonin-1	
1 tiết (1LT)	Bài 4: Thuốc kháng histamin 1. Đại cương 1.1. Phân loại 1.2. Liên quan cấu trúc-tác dụng 2. Các thuốc cụ thể 2.1. Diphenhydramin hydroclorid 2.2. Dimenhydrat 2.3. Cyclizin 2.4. Promzin 2.5. Loratadin 2.6. Fexofanadin	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)
2 tiết (2LT)	Bài 5: Thuốc điều trị rối loạn tâm thần 1. Thuốc điều trị trầm cảm 1.1. Đại cương 1.2. Các chất ức chế MAO 1.3. Thuốc chống trầm cảm ba vòng 1.4. Thuốc ức chế tái hấp thu chọn lọc serotonin 1.5. Thuốc ức chế tái hấp thu serotonin và noradrenalin 2. Thuốc chống loạn thần 2.1. Đại cương nhóm thuốc 2.2. Clopromazin hydroclorid 2.3. Haloperidol 2.4. Risperidon 2.5. Clozapin 2.6. Lithium carbonat	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

1 tiết (1LT)	Bài 6: Thuốc chống động kinh - Đại cương về nhóm thuốc - Các thuốc trong nhóm - Phenytoin - Ethosuximid - Carbamazepin - Natri valproat - Lamotrigin - Clonazepam	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
1 tiết (1LT)	Bài 7: Thuốc điều trị Parkinson - Đại cương về nhóm thuốc - Các thuốc trong nhóm - Levodopa - Carbidopa - Benzotropin mesylat - Biperiden - Các chất chủ vận receptor dopamin	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 tiết (1LT: 4 TH)	Bài 8: Thuốc kích thích thần kinh trung ương - Đại cương - Nhóm xanthin - Tính chất hóa học chung - Cafein - Dẫn chất phenylisopropylamin - Đại cương - Methylphenidat hydrochlorid - Dextroamphetamin sulfat - Niketamid	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

Thi giữa kỳ 1 tiết	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 tiết (1LT: 4 TH)	Bài 9: Thuốc trị ho, long đờm 1. Đại cương nhóm thuốc 2. Các thuốc trong nhóm 2.1. Dextromethorphan 2.2. Acetylcystein 2.3. Bromohexin	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
7 tiết (3LT: 4 TH)	Bài 10: THUỐC GIẢM ĐAU 1. Thuốc giảm đau gây nghiện 1.1 Đại cương về thuốc giảm đau 1.2. Morphin hydroclorid 1.3. Codein 1.4. Pethidin 1.5. Fentanyl 1.6. Methadon 1.7. Naloxon 2. Thuốc NSAID 2.1. Đại cương về thuốc NSAID 2.2. Acid acetylsalicylic 2.3. Paracetamol 2.4. Indomethacin 2.4. Diclofenac natri 2.5. Ibuprofen 2.6. Acid mefenamic 2.7. Piroxicam 2.8. Celecoxib 3. Thuốc điều trị gút 3.1. Allopurinol 3.2. Probenecid	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	3.3. Colchicin 4. Các triptan 4.1. Đại cương về nhóm thuốc 4.2. Sumatriptan 4.3. Rizatriptan benzoat	
4 tiết (4LT)	Bài 11: Thuốc tác dụng lên thần kinh thực vật 1. Thuốc tác dụng lên hệ giao cảm 1.1. Đại cương về nhóm thuốc - Đại cương về hệ giao cảm - Đại cương về thuốc giao cảm: phân loại, mối liên quan cấu trúc tác dụng 1.2. Các thuốc cường giao cảm - Adrenalin/Noradrenalin - Salbutamol - Ephedrin - Naphazolin -Terbutalin 1.3. Các thuốc hủy giao cảm - Propranolol - Atenonol - Bisoprolol - Carvediol - Methyldopa -Clonidin - Alkoloid cựa lữa mạch 2. Thuốc tác dụng lên hệ phó giao cảm 2.1. Đại cương về nhóm thuốc 2.2. Các chất tác dụng kiểu phó giao cảm - Acetylcholin clorid - Pilocaprin	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	2.3. Các thuốc kháng acetylcholinesterase - Neostigmin - Các thuốc điều trị Alzheimer 2.3. Các chất tác dụng hủy phó giao cảm - Atropin sulfat và các tropan - Nhóm thuốc hủy giao cảm tổng hợp	
4 tiết (4LT)	Bài 12: Thuốc tác động lên hệ tim mạch 1. Đại cương về thuốc tim mạch 2. Thuốc chống tăng huyết áp 2.1. Đại cương về nhóm thuốc 2.2. Thuốc ức chế men chuyển - Captopril - Enalapril 2.3. Thuốc đối kháng thụ thể angiotensin - Losartan - Telmisartan 2.4. Thuốc chẹn kênh calci - Đại cương nhóm thuốc - Nifedipin - Amlodipin - Diltiazem - Verapamil 2.5. Thuốc giãn mạch trực tiếp - Hydralazin - Natri nitroprussid 3. Thuốc chống hạ huyết áp 4. Thuốc chống đau thắt ngực 4.1. Đại cương nhóm thuốc 4.2. Các nitrat hữu cơ	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	5. Thuốc chống loạn nhịp 5.1. Đại cương về nhóm thuốc 5.2. Aminodaron 6. Thuốc điều trị suy tim 6.1. Digoxin 6.2. Dobutamin 7. Thuốc hạ lipid máu 7.1. Đại cương nhóm thuốc 7.2. Các statin: simvastatin, atorvastatin 7.3. Các fibrat: fenofibrat	
2 tiết (2LT)	Bài 13: Thuốc tác động lên máu-hệ tạo máu 1. Thuốc chống thiếu máu 1.1. Sắt 1.2. Acid folic 2. Nhuộm thuốc cầm máu 2.1. Vitamin K 2.2. Carbazochrom 2.3. Dẫn chất lysin 3. Thuốc chống đông 3.1. Heparin và dẫn chất 3.2. Thuốc kháng vitamin K: warfarin natri, acenocoumarol 3.3. Dabigatran 3.4. Các xaban 4. Thuốc giải độc sắt	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
2 tiết (2LT)	Bài 14: Thuốc lợi tiểu 1. Đại cương nhóm thuốc lợi tiểu 2. Các nhóm thuốc chính 2.1. Lợi tiểu thẩm thấu: manitol	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	2.2. Các chất ức chế carbonic anhydrase: Acetazolamid 2.3. Thuốc lợi tiểu thiazid - Đại cương - Hydroclorothiazid - Metalazon/Clorthalidon/Indapamid 2.4. Lợi tiểu quai - Đại cương - Furosemid - Bumetanid 2.5. Lợi tiểu giữ kali - Spironolacton - Amilorid	
2 tiết (2LT)	Bài 15: Vitamin và khoáng chất 1. Đại cương 2. Nhóm vitamin tan trong nước 2.1. Thiamin 2.2. Riboflavin 2.3. Niacin 2.4. Pyridoxin 2.5. Acid ascorbic 3. Nhóm vitamin tan trong dầu 3.1. Vitamin A 3.2. Vitamin D 3.3. Vitamin E 4. Khoáng chất: calci gluconat	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
1 tiết (1LT)	Bài 16: Thuốc cản quang 1. Đại cương 2. Các thuốc chính 2.1. Bari sulfat 2.2. Amiditrizoat	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	2.3. iohexol 2.4. iopromid 2.5. Meglumin iotroxat	
Thi hết học phần (2 tiết)	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

14.2. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động Dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Bài 1: Đại cương về Hóa được 6 tiết (2LT: 4 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
2/1	Bài 1: Đại cương về Hóa được 6 tiết (2LT: 4 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Bài 2: Thuốc gây mê, gây tê 5 tiết (1LT: 4 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Thuyết trình, tự nghiên cứu làm bài thi	Chấm bài thi tự luận giữa kỳ
3/1	Bài 3: Thuốc an thần, gây ngủ 6 tiết (2LT: 4 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Bài 4: Thuốc kháng histamin 1 tiết (1LT)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
4/1	Bài 5: Thuốc điều trị rối loạn tâm thần 2 tiết (2LT)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
5/1	Bài 6: Thuốc chống động kinh 1 tiết (1LT)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
6/1	Bài 7: Thuốc điều trị Parkinson 1 tiết (1LT)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

7/1	Thi giữa kỳ (1 TH, 1LT)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc báo cáo thuyết trình	<i>Chấm bài</i>
8/1	Bài 8: Thuốc kích thích thần kinh trung ương 5 tiết (1LT+4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
9/1	Bài 9: Thuốc trị ho, long đờm 5 tiết (1LT+4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
10/1	Bài 10: Thuốc giảm đau 7 tiết (3LT+4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
11/1	Bài 10: Thuốc giảm đau 7 tiết (3LT+4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
12/1	Bài 11: Thuốc tác dụng lên thần kinh thực vật 4 tiết (4LT)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
13/1	Bài 12: Thuốc tác động lên hệ tim mạch 4 tiết (4LT)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
14/1	Bài 13: Thuốc tác động lên máu-hệ tạo máu 2 tiết (2LT) Bài 14: Thuốc lợi tiểu 2 tiết (2LT)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
15/1	Bài 15: Vitamin và khoáng chất	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

	2 tiết (2LT)	CLO 5,6 (A1, A2)	nhóm	
	Bài 16: Thuốc cản quang 2 tiết (2LT)			

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] Giáo trình: Hóa dược tập 1, Nhà xuất bản Y học/2024, Đại học Dược Hà Nội.

+ Giáo trình: Hóa dược tập 2, Nhà xuất bản Y học/2024, Đại học Dược Hà Nội.

b. Tài liệu tham khảo

[4] Lê Minh Trí, Hóa dược tập 1, NXb Giáo dục, 2018

[5] Dược điển Việt Nam V

[6] British Pharmacopeia 2019.

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Ngô Văn Nghiệp

TS. Nguyễn Anh Hưng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HOÁ DƯỢC 2

1. Tên học phần (Tiếng Việt): Hóa dược 2	Tên tiếng Anh: Pharmaceutical Chemistry 2
2. Mã học phần:	7HDH230
3. Số tín chỉ:	3
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần	1 tiết
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 tiết
7. Các giảng viên phụ trách học phần	TS. Nguyễn Anh Hưng
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược 1
- Học phần học trước:	Bào chế và sinh dược học
- Học phần song hành:	Kiểm nghiệm thuốc

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần giúp sinh viên thấy được những phương hướng cơ bản và triển vọng phát triển của hóa dược trong tương lai. Đồng thời cung cấp các kiến thức về nguồn gốc; nguyên tắc điều chế; phân loại; cấu tạo hóa học; liên quan giữa cấu trúc-tác dụng; tính chất vật lý, hóa lý cơ bản để ứng dụng trong kiểm nghiệm, bào chế, bảo quản; tác dụng, chỉ định của các nhóm thuốc hóa dược tác động lên hệ tiêu hóa, nội tiết, nhóm thuốc chống bệnh truyền nhiễm, ung thư.

Bên cạnh đó giúp sinh viên có kỹ năng thực hành tổng hợp hoặc bán tổng hợp được một số mẫu thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng, kiểm nghiệm được các mẫu thuốc đã tổng hợp và phẩm dược dụng khác theo tiêu chuẩn Dược điển.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Hiểu các kiến thức cơ bản của Hóa dược bao gồm: nguồn gốc, cấu tạo hoá học, tính chất lý, hoá học và mối liên quan giữa cấu trúc - tác dụng sinh học chung của nhóm thuốc. Ứng dụng các tính chất đó trong pha chế, kiểm nghiệm, bảo quản, chỉ định điều trị.
CO2 (S)	Thuần thực sử dụng dụng cụ trong phòng thí nghiệm điều chế tổng hợp hoặc bán tổng hợp thuốc.
CO3 (A)	Rèn luyện tác phong thận trọng, chính xác, trung thực trong thí nghiệm.

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1	K2 (Hiểu kiến thức)	Nhận biết được về nguồn gốc, phương pháp điều chế, đặc điểm công thức cấu tạo của các thuốc điển hình của mỗi nhóm. Từ đó dự đoán về tính chất vật lý, hóa lý của các nhóm thuốc dựa vào công thức cấu tạo chung.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận
CLO 2	K3 (Áp dụng)	Phân tích được mối liên quan giữa cấu trúc-tác dụng của các nhóm thuốc trên	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập nhóm.
CLO 3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Giải thích được quy trình kiểm nghiệm, bào chế, bảo quản, và hướng dẫn sử dụng các thuốc điển hình dựa trên tính chất vật lý, hóa học của chúng	Thực hành nghiên cứu	Bài tập nhóm.

COL 4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Thực hiện thành thạo được việc tổng hợp hoặc bán tổng hợp một số mẫu thuốc đạt tiêu chuẩn được dụng.	Thực hành, đồ án	Bài tập nhóm, đánh giá kỹ năng thực hành.
CLO 5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp	Giảng dạy trực tiếp, thảo luận nhóm	Quan sát thái độ tham gia, đặt câu hỏi.
CLO 6	A2 (Thái độ hỏi đáp, phản ứng)	Chủ động trả lời các nhiệm vụ giảng viên giao trước khi lên lớp.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát kết quả tra tra cứu, đánh giá.

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: *Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:*

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc báo cáo thuyết trình; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%

A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

12.2. Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng điểm	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80- 100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89 80%- %số lớp lý lên thuy ết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80- 100%

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80% nhiệm vụ nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (*Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên*)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

14.1. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
8 tiết (4LT: 4 TH)	Bài 1: THUỐC ẢNH HƯỞNG HỆ TIÊU HÓA Nội dung: - Thuốc điều trị loét dạ dày, tá tràng - Đại cương - Antacid: nhôm hydroxyd - Kháng H₂: Cimetidin, Famotidin - PPI: Omeprazol, pantoprazol - Bảo vệ niêm mạc: Bismuth subsalicylat - Thuốc nhuận tràng - Bisacodyl - Magnesium sulfat - Senna glycosid - Docusat - Sorbitol - Thuốc điều trị tiêu chảy - Thuốc chống mất nước: Oresol - Loperamid - Kẽm sulfat - Thuốc chống nôn, gây nôn - Thuốc đối kháng dopamin: metoclopramid - Thuốc đối kháng thụ thể 5-HT₃: ondansetron - Thuốc gây nôn: apomorphin - Thuốc chống co thắt - Alverin	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	5.2. Papavein 6. Thuốc điều trị trĩ	
8 tiết (4LT: 4 TH)	BÀI 2: HORMON VÀ CHẤT TƯƠNG TỰ Nội dung: 1. Hormon sinh dục nữ 1.1. Các estrogen và chất tương tự - Estradiol monobenzoat - Ethinylestradiol - Clomiphen citrat - Các chất kháng estrogen - Các chất ức chế aromatase 1.2. Các progestin - Progesteron - Medroxyprogesteron acetat - Norethindron acetat - Levonorgestrel 2. Hormon sinh dục nam 2.1. Testosteron propionat 2.2. Methyltestosteron 3. Hormon vỏ thượng thận 3.1. Đại cương 3.2. Hydrocortison acetat 3.2. Presnisolon 3.3. Dexamethason 3.4. Fludrocortison 3.5 Baclomethason dipropionat 4. Hormon tuyến giáp và thuốc kháng giáp trạng 4.1. Natri levothyroxin 4.2. Propylthiouracil	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

	5. Hormon tuyến tụy và thuốc điều trị tiểu đường 5.1. Insulin 5.2. Các sulfonylure: Glybenclamid, gliclazid 5.3. Các biguanid: metformin 5.4. Các thiazolidindion 5.5. Các chất ức chế alpha-glucosidase 5.6. Các chất ức chế dipeptidyl peptidase-4 5.7. Các chất ức chế SGLT2 (gliflozin)	
5 tiết (1LT: 4 TH)	Bài 3: THUỐC SÁT TRÙNG, TÂY UẾ 1. Đại cương chung 2. Các nhóm thuốc chính 2.1. Nước oxy già 2.2. Iod và povidon-iod 2.3. Alcohol và cồn 2.4. Các chất điện hoạt cationic và clorhexdin gluconat	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
13 tiết (9LT+ 4 TH)	Bài 4: THUỐC KHÁNG SINH ĐẠI CƯƠNG VỀ KHÁNG SINH SULFAMID KHÁNG KHUẨN 1. Đại cương 2. Sulfamethoxazol + Trimethoprim THUỐC KHÁNG SINH NHÓM BETA-LACTAM 1. Đại cương 2. Kháng sinh nhóm penicillin 2.1. Đại cương nhóm thuốc 2.2. Penicillin G	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

	2.3. Penicillin V 2.4. Amoxicillin 2.5. Ampicillin 2.6. Cloxacillin 3. Kháng sinh nhóm cephalosporin 3.1. Đại cương nhóm thuốc 3.2. Cephalexin 3.3. Cefuroxim natri 3.4. Cefotaxim natri 3.5. Cefixim 3.6. Ceftriaxon natri 3.7. Cefepim 3.8. Cefiderocol 3.9. Ceftarolin fosamil KHÁNG SINH NHÓM AMINOSID 1. Đại cương 2. Các thuốc chính 2.1. Streptomycin sulfat 2.2. Gentamicin 2.3. Paromomycin 2.4. Amikacin 2.5. Plazomicin KHÁNG SINH NHÓM TETRACYCLIN 1. Đại cương 2. Các thuốc chính 2.1. Tetracyclin hydroclorid 2.2. Doxycyclin hyclat 2.3. Các tetracyclin mới: Tigecyclin KHÁNG SINH NHÓM MACROLID 1. Đại cương 2. Các thuốc chính	

	2.1. Erythromycin 2.2. Azithromycin 2.3. Clazithromycin 2.4. Spiramycin KHÁNG SINH NHÓM QUINOLIN 1. Đại cương 2. Các thuốc chính 2.1. Ciprofloxacin 2.2. Levofloxacin 2.3. Moxifloxacin CÁC NHÓM KHÁNG SINH KHÁC 1. Cloramphenicol 2. Lincosamid 3. Kháng sinh phosphonic 4. Kháng sinh họ peptid 5. Kháng sinh nhóm oxazolidon	
2 tiết (2LT)	Bài 5: THUỐC KHÁNG LAO VÀ PHÒNG 1. Thuốc kháng lao 1.1. Đại cương 1.2. Isoniazid 1.3. Pyrazinamid 1.4. Ethambutol 1.5. Rifampicin/Rifapentin/Rifabutin 1.6. Bedaquilin 1.7. Delamanid 1.8. Acid p-aminosalicylic 1.9. Cycloserin 1.10. Ethiolamid 2. Thuốc kháng phong	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	2.1. Dapson 2.2. Clofazimin	
6 tiết (2LT+ 4 TH)	Bài 6: THUỐC KHÁNG NẤM Nội dung: 1. Đại cương 2. Các azol 2.1. Clotrimazol 2.2. Ketoconazol 2.3. Miconazol 2.4. Fluconazol 2.5. Itraconazol 2.6. Voriconazol 3. Các allylamin: terbinafin 4. Kháng sinh kháng nấm 4.1. Các Polyen 4.2. Griseofulvin 4.3. Các echinocandin 5. Flucytosin	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 tiết (1LT+ 4TH)	Bài 7: THUỐC KHÁNG KÝ SINH TRÙNG Nội dung: 1. Thuốc điều trị giun sán 1.1. Albendazol 1.2. Mebendazol 1.3. Niclosamid 1.4. Praziquantel 1.5. Diethylcarbamazin dihydrogen citrat 2. Thuốc điều trị sốt rét	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	2.1. Cloroquin sulfat 2.2. Mefloquin 2.3. Primaquin 2.4. Quinin 2.5. Artemisini/Artesunat/Artemether 3. Thuốc điều trị lỵ amip 3.1. metronidazol 3.2. Diloxanid furoat	
5 tiết (1LT: 4 TH)	BÀI 8: THUỐC KHÁNG VIRUS Nội dung: 1. Đại cương 2. Thuốc kháng virus herpes 2.1. Aciclovir 2.2. Ribavirin 3. Thuốc kháng virus cúm 4. Thuốc ức chế enzym sao mã ngược 4.1. Lamivudin 4.2. Zidovudin 4.3. Abacavir 4.4. Nevirapin 4.5. Efavirenz 5. Thuốc ức chế protease 5.1. Atazanavir 5.2. Ritonavir 5.3. Duranavir 6. Thuốc ức chế integrase 6.1. Raltegravir 6.2. Dolutegravir	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi giữa kỳ 1 tiết	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
2 tiết (2LT)	Bài 9: THUỐC ĐIỀU TRỊ UNG THƯ Nội dung: 1. Đại cương 2. Tác nhân alkyl hóa 2.1. Procarbazin 2.2. Cyclophosphamid 2.3. Chlorambucil 3. Phức hợp plantin 3.1. Cisplatin 3.2. Carboplatin 4. Các chất ức chế chuyển hóa 4.1. Methotrexat 4.2. 6-Mecaptopurin 4.3. 5-Fluorouracil 5. Các alkaloid kháng ung thư 5.1. Alkaloid dừa cạn 5.2. Paclitaxel 6. Kháng sinh kháng ung thư 7. Các thuốc tác dụng tại đích	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
2 tiết (2LT)	Bài 10: THUỐC GIẢI ĐỘC 1. Đại cương 2. Các thuốc chính 2.1. Dimercaprol	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	2.2. Methionin 2.3. Penicillamin 2.4. Pralidoxim 2.5. Xanh methylen	

14.2. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động Dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Bài 1: Thuốc ảnh hưởng hệ tiêu hóa (4LT: 4 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
2/1	Bài 1: Thuốc ảnh hưởng hệ tiêu hóa (4LT: 4 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
3/1	Bài 2: Hormon và chất tương tự tiết (4LT: 4 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
4/1	Bài 2: Hormon và chất tương tự tiết (4LT: 4 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
5/1	Bài 3: thuốc sát trùng, tẩy uế (1LT: 4 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Thuyết trình, tự nghiên cứu làm bài thi	Chấm bài thi tự luận giữa kỳ
6/1	Bài 4: Thuốc kháng sinh (9LT+4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
7/1	Thi giữa kỳ (1 TH, 1LT)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc báo cáo thuyết trình	<i>Chấm bài</i>
8/1	Bài 4: Thuốc kháng sinh (9LT+4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
7/1	Thi giữa kỳ (1 TH, 1LT)	CLO1,2 (K2, K3)	Kiểm tra trắc	<i>Chấm bài</i>

		CLO 3,4 (S2, S3)	nghiệm hoặc tự luận hoặc báo cáo thuyết trình	
8/1	Bài 4: Thuốc kháng sinh (9LT+4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
9/1	Bài 5: thuốc kháng lao và phong (2LT)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
10/1	Bài 6: thuốc kháng nấm (2LT+ 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
11/1	Bài 6: thuốc kháng nấm (2LT+ 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
12/1	Bài 6: thuốc kháng nấm (2LT+ 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
13/1	Bài 7: thuốc kháng ký sinh trùng (1LT+4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
14/1	Bài 8: thuốc kháng virus (1LT+4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
15/1	Bài 9: thuốc điều trị ung thư (2LT) Bài 10: Thuốc giải độc (2LT)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] Giáo trình: Hóa dược tập 1, Nhà xuất bản Y học/2024, Đại học Dược Hà Nội.

+ Giáo trình: Hóa dược tập 2, Nhà xuất bản Y học/2024, Đại học Dược Hà Nội.

b. Tài liệu tham khảo

[4] Lê Minh Trí, Hóa dược tập 1, NXb Giáo dục, 2018

[5] Dược điển Việt Nam V

[6] British Pharmacopeia 201

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Ngô Văn Nghiệp

TS. Nguyễn Anh Hưng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LIỆU 2

1. Tên học phần (tiếng Việt): Dược liệu 2	Tên tiếng Anh: Pharmacognosy 2
2. Mã học phần:	7DUC017
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	15
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	55
7. Các giảng viên phụ trách học phần	TS. Nguyễn Minh Tuấn TS. Triệu Duy Diệt
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Thực vật dược
- Học phần học trước:	Dược liệu 1
- Học phần song hành:	Bào chế 2, Công nghệ dược phẩm

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Dược liệu 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, công thức cấu tạo, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa các nhóm hợp chất tinh dầu, nhựa và alkaloid. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về thực hành vi phẫu, phương pháp chiết xuất dược liệu, định tính định lượng các nhóm hợp chất trên.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Trình bày được nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, công thức cấu tạo, tác dụng sinh học, phương pháp chiết xuất, định tính và định lượng các nhóm hợp chất hoá học của các nhóm dược liệu chứa tinh dầu, nhựa và alkaloid trong dược liệu.
CO2 (S)	Thực hành vi phẫu, soi bột định tính, định lượng, chiết xuất được một số hoạt chất từ dược liệu ở quy mô phòng thí nghiệm: Rutin trong hoa hòe, palmatin (hay berberrin)

	trong dược liệu hoàng liên, hoàng đằng, vàng đắng, tinh dầu trong dược liệu sả, quế, hồi, bạc hà.
CO3 (A)	Có khả năng vận dụng các kiến thức vào kiểm nghiệm dược liệu, chiết xuất dược liệu, định hướng phát triển sản phẩm; nhận biết và có định hướng giải quyết các vấn đề chuyên môn phát sinh trong thực tế hoạt động chuyên môn.

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3, ...)

11.27. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được nguồn gốc, đặc điểm, phân bố của nhóm dược liệu chứa tinh dầu, chất béo và alkaloid.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn
CLO2	K3 (Áp dụng)	Tiến hành chiết xuất, định tính và định lượng các nhóm hợp chất tinh dầu, nhựa và alkaloid trong dược liệu.	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Tiến hành được kiểm nghiệm dược liệu theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam.	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Vi phẫu, soi bột để nhận dạng đúng một số dược liệu có liên quan. Chiết xuất được một số hoạt chất từ dược liệu ở quy mô phòng thí nghiệm: Rutin trong hoa hòe, palmatin (hay berberrin) trong dược liệu hoàng liên, hoàng đằng, vàng đắng, tinh dầu trong dược liệu sả, hồi, quế.	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Luôn chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng học tập nâng cao trình độ	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.28. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo		
	PLO1(Kiến thức)	PLO2 (Kỹ năng)	PLO3 (Thái độ)

	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973).

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.30. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%

A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 - 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2,0	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và	Lập luận có căn cứ khoa học và logic

			logic	logic	
Ý tưởng sáng tạo	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

14.30. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
6 tiết (4 LT; 2 TH)	Bài 1. Dược liệu chứa tinh dầu	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
6 tiết (4 LT; 2 TH)	Bài 2: Dược liệu chứa chất nhựa	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi giữa kỳ 1 tiết	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3)
33 tiết (14 LT; 19 TH)	Bài 3: Dược liệu chứa alkaloid	CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	- Hệ thống kiến thức - Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi hết học phần (2 tiết)	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

14.31. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động Dạy và học	Bài đánh giá

	Bài 1: Tinh dầu và dược liệu chứa tinh dầu (4 LT; 2TH) 1. Định nghĩa, phân biệt TD, dầu béo, TD chất thơm 2. Thành phần của tinh dầu 2.1. Monoterpen 2.2. Sesquiterpen 2.3. Nhân thơm 2.4. Có N và S 3. Phân bố trong TN, trong cây 4. Chiết xuất tinh dầu 4.1. Trong định lượng 4.2. Trong sản xuất 5. Kiểm nghiệm tinh dầu 5.1. Định tính 5.2. Định lượng 6. Tác dụng công dụng của TD	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Bài 2: Nhựa và tinh dầu chứa chất nhựa (4 LT: 2 TH) 1. Đại cương nhựa 1.1 Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Thành phần hóa học 1.4. Chiết xuất 1.5. Công dụng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Thi giữa kỳ (1 LT, 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Thuyết trình, tự nghiên cứu làm bài thi	Chấm bài thi tự luận giữa kỳ
3/1	Bài 3: Alcaloid và dược liệu chứa alcaloid (14 LT; 19 TH) 1. Định nghĩa, danh pháp. 2. Phân loại 2.1. Alcaloid không dị vòng 2.2. Al có nhân dị vòng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

2.3. Alkaloid có nhân Steroid 2.4. Alkaloid có nhân terpen 2.5. Alkaloid có cấu trúc khác 3. Phân bố 4. Tính chất 4.1. Lý tính 4.2. Hóa tính 5. Chiết xuất 5.1. Trong môi trường kiềm 5.2. Trong môi trường acid 6. Tác dụng chung 7. Một số dược liệu chứa alkaloid: Ích mẫu; Cau; Hồ tiêu; Hoàng bá; Canhkina; Bình vôi; Hoàng liên; Vàng đắng; Hoàng đằng; Vông nem; Thuốc phiện; Trinh nữ hoàng cung; Ba gạc; Mã tiền; Lạc tiên; Chè xanh; Múc hoa trắng; Ô đầu phụ tử; Bách bộ.			
Thi hết học phần (2LT, 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Tự nghiên cứu làm bài thi, thực hành	Chấm bài thi tự luận hết học phần

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- [1]. Ngô Văn Thu, Trần Hùng, *Dược liệu học*, tập1, tập 2, NXB Y học, 2011
[2]. Học viện Quân y (2014), *Thực hành dược liệu*, NXB Quân đội nhân dân.

b. Tài liệu tham khảo

- [2]. Đỗ Tất Lợi (2015), *Những cây thuốc, vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học.
[3]. Nguyễn Thị Tâm, Trần Văn Thanh (2015), *Dược liệu học tập 1, tập 2*, NXB giáo dục, Việt Nam.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

TS. Triệu Duy Diệt

TS. Nguyễn Minh Tuấn

BÀO CHẾ VÀ SINH DƯỢC HỌC 1
(Pharmaceutic and Biopharmaceutics 1)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Bào chế và sinh dược học 1	Tên tiếng Anh: Pharmaceutic and Biopharmaceutics 1
2. Mã học phần:	772020132
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	TS. Nguyễn Minh Tuấn Th.S Nguyễn Trường Giang
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý
- Học phần học trước:	Thực hành dược khoa
- Học phần song hành:	Dược liệu 1

41. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Bào chế và sinh dược học 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: dung dịch thuốc uống và thuốc dùng ngoài, Thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, cao thuốc, cồn thuốc.

10.Mục tiêu của học phần

Mục tiêu	Miêu tả (mức độ tổng quát)

(MT)	
CO1 (K)	Trình bày được định nghĩa, đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc đồng thể
CO2 (S)	Mô tả được thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dược), nguyên tắc bào chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng bào chế này
CO3 (A)	Nêu được các yêu cầu chất lượng của mỗi dạng bào chế
	Bào chế được các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc đồng thể
	Đánh giá được một số chỉ tiêu chất lượng chính của các dạng bào chế này

19. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá
(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.29. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
		Lý thuyết		
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Nắm vững và trình bày được các định nghĩa, đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc đồng thể	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO2	K3 (Áp dụng)	Nắm vững và mô tả được thành phần cơ bản, nguyên tắc bào chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng bào chế khác nhau	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Nắm vững và trình bày được các yêu cầu, chỉ tiêu về chất lượng của mỗi dạng bào chế	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
		Thực hành		
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Có thể tiến hành điều chế được dung dịch Lugol (dung dịch iod 1%). Điều chế Cồn Iod 5%	Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	Bài thu hoạch.

CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Có thể tiến hành điều chế được 03 loại nước thơm bạc hà	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	Bài thu hoạch.
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Nắm vững quy trình và thực hiện điều chế 2 loại siro đơn đã học	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	Bài thu hoạch.
CLO7		Điều chế thành thạo siro ho đã được học	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	Bài thu hoạch.
CLO8		Tiến hành pha chế được thuốc tiêm Vitamin B ₁ 100mg/1mL	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	Bài thu hoạch.
CLO9		Nắm vững quy trình và tiến hành pha chế được thuốc nhỏ mắt Chloramphenicol 0,4%	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	Bài thu hoạch.
CLO10		Nắm vững quy trình và tiến hành thành thạo điều chế cồn quế	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV	Bài thu hoạch.

			- Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	
CLO11		Nắm vững quy trình điều chế cao lỏng dược liệu, tiến hành được điều chế cao lỏng lạc tiên	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	Bài thu hoạch.

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành/tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.30. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2
CLO7						A2
CLO8					A2	
CLO9					A2	
CLO10					A2	
CLO11					A2	

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12.Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.31. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết: A1 + A2 + A3 = 100%				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.

12.32. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60- 65% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn	Lập luận có căn cứ khoa học	Lập luận tương đối có	Lập luận có căn cứ khoa học và

		cứ khoa học và logic	nhưng chưa logic	căn cứ khoa học và logic	logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận nhóm					
Tiêu trids	Thang điểm	Không đạt 0 – 49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tiêu chí					
		0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
Nội dung	3	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên
Bài kiểm tra viết					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Nội dung	5	Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3	Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV

(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Sinh viên đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học
- Sinh viên hoàn thành các bài tập được giao, hoặc chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Sinh viên vi phạm qui chế thi sẽ bị xử lý theo qui định.

24. Kế hoạch giảng dạy

14.32. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
	Lý thuyết	
5 (5LT 0TH)	Bài 1: Đại cương về sinh dược học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (5LT 0TH)	Bài 1: Đại cương về sinh dược học (Tiếp)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

5 (5LT 0TH)	Bài 2. Hòa tan hoàn toàn dung dịch – Siro – Nước thơm	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (5LT 0TH)	Bài 3: Thuốc nhỏ mắt – Thuốc tiêm	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (5LT 0TH)	Bài 4: Các dạng bào chế từ kỹ thuật hòa tan chiết xuất	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (5LT 0TH)	Bài 4: Các dạng bào chế từ kỹ thuật hòa tan chiết xuất (Tiếp)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
	Thực hành	
4 (0LT 4TH)	Bài 1: Điều chế dung dịch Lugol (dung dịch iod 1%). Điều chế Cồn Iod 5%	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 2: Điều chế 03 loại nước thơm bạc hà	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 3: Điều chế 2 loại Siro đơn	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 4: Điều chế Siro ho	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 5: Pha chế thuốc tiêm Vitamin B ₁ 100mg/1ml	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (0LT 4TH)	Bài 6: Pha chế thuốc nhỏ mắt Chloramphenicol 0,4%	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
3 (0LT 3TH)	Bài 7: Điều chế cồn quế	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
3 (0LT 5TH)	Bài 8: Điều chế cao lỏng lạc tiên	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.33.

Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học		Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá

1/1		Đại cương về sinh dược học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp Dạy trực tiếp trên lớp - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	
2/1		Hòa tan hoàn toàn dung dịch – Siro – Nước thơm	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp Dạy trực tiếp trên lớp - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	
3/1		Thuốc nhỏ mắt – Thuốc tiêm.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Dạy trực tiếp trên lớp - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	
4/1		Thuốc nhỏ mắt – Thuốc tiêm (tiếp)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Dạy trực tiếp trên lớp - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	
5/1		Các dạng bào chế từ kỹ thuật hòa tan chiết xuất	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	+ Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; + Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; + Thảo luận nhóm.	
6/1		Các dạng bào chế từ kỹ thuật hòa tan chiết xuất.(tiếp)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	+ Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; + Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; + Thảo luận nhóm.	
7/1		Điều chế dung dịch Lugol (dung dịch iod 1%). Điều chế Cồn Iod 5%	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	+ Dạy trực tiếp trên phòng thực hành; + Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp;	

				+ Thảo luận nhóm. + Thực hiện thao tác thực hành liên quan	
8/1		Điều chế 03 loại nước thơm Bạc hà.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	+ Dạy trực tiếp trên phòng thực hành; + Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; + Thảo luận nhóm. + Thực hiện thao tác thực hành liên quan	
9/1		Điều chế 2 loại Siro đơn.		+ Dạy trực tiếp trên phòng thực hành; + Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; + Thảo luận nhóm. + Thực hiện thao tác thực hành liên quan	
10/1		Điều chế Siro ho		+ Dạy trực tiếp trên phòng thực hành; + Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; + Thảo luận nhóm. + Thực hiện thao tác thực hành liên quan	
11/1		Bào chế thuốc tiêm Vitamin B ₁ 100mg/1ml		+ Dạy trực tiếp trên phòng thực hành; + Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; + Thảo luận nhóm.	

				+ Thực hiện thao tác thực hành liên quan	
12/1		Pha chế thuốc nhỏ mắt Chloramphenicol 0,4%		+ Dạy trực tiếp trên phòng thực hành; + Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; + Thảo luận nhóm. + Thực hiện thao tác thực hành liên quan	
13/1		Điều chế cồn quế		+ Dạy trực tiếp trên phòng thực hành; + Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; + Thảo luận nhóm. + Thực hiện thao tác thực hành liên quan	
14/1		Điều chế cao lỏng lạc tiên		+ Dạy trực tiếp trên phòng thực hành; + Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; + Thảo luận nhóm. + Thực hiện thao tác thực hành liên quan	

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, bài giảng, giáo trình chính

- [1]. Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Bùng (chủ biên), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc. T1*, NXB Y học, Hà Nội, 2006.
- [2]. Bộ môn Bào chế, *Giáo trình thực tập bào chế*, Khoa Dược - ĐHY Dược TpHCM.
- [3]. Trường Đại học Dược Hà Nội, *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc, tập 1*, 1997.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Trường Giang

DƯỢC LÝ 1
(Pharmacology 1)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Dược lý 1	Tiếng Anh: Pharmacology 1
2. Mã học phần:	7DLY133
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 tiết
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Nguyễn Văn Quyền
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Hóa dược
- Học phần học trước:	Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Hóa dược,
- Học phần song hành:	Pháp chế dược, Kiểm nghiệm thuốc...

42. Mô tả tóm tắt học phần:

- Cung cấp cho sinh viên kiến thức: Khái niệm, phân loại các nhóm thuốc. Lầm được cơ chế tác dụng của thuốc. Nêu được tác dụng chính, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng, và cách dùng. Trình bày được dược động học của thuốc, biết vận dụng kiến thức để hướng dẫn sử dụng thuốc cho người bệnh và cán bộ Y tế một cách an toàn hiệu quả và kinh tế.
- Sau khi học xong biết sử dụng thành thạo các nhóm thuốc: Hiểu được dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, thuốc tác dụng trên thần kinh trung ương (thuốc mê, thuốc tê, thuốc an thần gây ngủ, thuốc chống động kinh, thuốc điều trị rối loạn tâm thần, Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật ...

43. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)

CO1 (K)	Hiểu được Khái niệm và Phân loại các nhóm thuốc. Lắm được cơ chế tác dụng, tác dụng của các loại thuốc. Trình bày được dược động học của thuốc (hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ của các loại thuốc).
CO2 (S)	Chỉ định điều trị cách dùng, liều dung, chống chỉ định, tương tác thuốc và những lưu ý đặc biệt của các nhóm thuốc. Thực hành hướng dẫn sử dụng thuốc. An toàn, hiệu quả và kinh tế. Phân tích đơn thuốc trong điều trị
CO3 (A)	Tích cực học tập, cập nhật kiến thức chuyên môn. Tích cực vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế lâm sàng. Cận trọng trong thực hành lâm sàng tư vấn sử dụng thuốc

.....

44. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá
(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.31. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được các Khái niệm, phân loại các thuốc, cơ chế bệnh sinh bệnh nguyên liên quan đến cơ chế tác dụng của thuốc và các tác dụng không mong muốn của thuốc. Lắm được dược động học của thuốc...	Nêu vấn đề. Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Kiểm tra tự luận 15 phút
CLO2	K3 (Áp dụng)	-Trình bày được chỉ định điều trị cách dùng, liều dung, chống chỉ định, tương tác thuốc và những lưu ý đặc biệt của các nhóm thuốc.	Nêu vấn đề, cùng thảo luận. Tổng hợp nội dung rồi thuyết trình bài giảng và kết luận	Kiểm tra tự luận 1 tiết
CLO3	S2 (Kỹ năng vận dụng)	-Thực hành hướng dẫn sử dụng thuốc An toàn, hiệu quả và kinh tế. Phân tích đơn thuốc trong điều trị	Thực hành, nghiên cứu, bài tập	Quan sát, Kiểm tra kết quả
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Sau khi học xong mỗi nhóm thuốc học viên tự trình bày thành thạo: Tên thuốc, tên hoạt chất: Vận dụng kiến thức đã học vào: Phân tích đơn thuốc nói rõ tác dụng chính, tác dụng phụ các loại thuốc trong đơn, chỉ định, chống chỉ định, vận dụng kiến thức dược động học tìm ra được các cặp tương tác thuốc, tìm ra được sai sót	Thực hành, nghiên cứu bài tập	Quan sát, Kiểm tra kết quả

		trong đơn về liều lượng, cách dùng, đường dùng, thời điểm dùng của thuốc, tương tác thuốc, chú ý đối tượng đặc biệt trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai người có bệnh đi kèm. Cách phối hợp thuốc hợp có lý không...		
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	-Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: phương pháp dạy học tích cực, nêu vấn đề cho sinh viên thảo luận, tổng hợp các ý kiến phân tích giải thích. Giáo viên thuyết trình nội dung vấn đề. Sau đó ra bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm bài tự luận, luận án...

11.32. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973).

45. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.33. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.

12.34. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric. Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Kh á 65- 79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến <	4,0 đến 5,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	4,0 Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1 Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	1 đến < 1,2 Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	1,2 đến < 1,6 Thực hiện 60-79% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	1,6 đến 2 Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5 Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	2,5 đến < 4 Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	4 đến < 4 Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	4 đến 5 Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1 Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	1 đến < 1,2 Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	1,2 đến < 1,6 Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	1,6 đến 2 Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5 Không sáng tạo	0,5 đến < 0,6 Ít sáng tạo	0,6 đến < 0,8 Tương đối sáng tạo	0,8 đến 1 Sáng tạo

46. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (*Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên*)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

47. Kế hoạch giảng dạy

14.34. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
5 tiết LT	Chương I Bài 1 : Dược động học cơ bản	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 tiết LT	Chương II Bài 2: Tác dụng của thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 tiết LT	Chương III: thuốc tác dụng lên thần kinh TW -Đại cương Bài 3: thuốc mê, thuốc gây tê, thuốc an thần gây ngủ	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 tiết LT	Chương III: thuốc tác dụng lên thần kinh TW Bài 4: Thuốc giảm đau trung ương, thuốc chống động kinh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 tiết LT	Bài 5 Chương III: thuốc tác dụng lên thần kinh TW Bài 5 thuốc kích thích thần kinh trung ương, thuốc điều trị rối loạn tâm thần	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)
6 tiết LT	Chương IV thuốc tác dụng lên hệ thần kinh thực vật Bài 6: thuốc tác dụng lên hệ thần kinh thực vật	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập và kiểm tra	Kiểm tra 1 tiết	
Thi hết học phần (2 tiết)	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

14.35. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Chương I (5 tiết LT) Bài 1 : Dược động học cơ bản -hấp thu -phân bố - chuyển hóa -thải trừ	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
2/1	Chương II (5 tiết LT) Bài 2: Tác dụng của thuốc -Khái niệm -Cơ chế tác dụng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>

	-các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc -phản ứng bất lợi của thuốc			
3/1	Chương III: thuốc tác dụng lên thần kinh TW Đại cương Bài 3: (5 tiết LT) - Thuốc mê, thuốc gây tê, thuốc an thần gây ngủ -Đại cương -Các thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
4/1	Chương III: thuốc tác dụng lên thần kinh TW Bài 4:(5 tiết LT) -Thuốc giảm đau trung ương, - Thuốc chống động kinh -Đại cương - Các thuốc chống ĐK	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
5/1	Chương III: thuốc tác dụng lên thần kinh TW Bài 5 (4 tiết LT) - Thuốc kích thích thần kinh trung ương, -Thuốc điều trị rối loạn tâm thần +Đại cương +Các thuốc - Thuốc chống trầm cảm +Đại cương +Các thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
6/1	Chương IV thuốc tác dụng lên hệ thần kinh thực vật Bài 6: (6 tiết LT) -Đại cương	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>

	-Thuốc kích thích hệ adrenergic -Thuốc ức chế hệ adrenergic			
7/1	Tiếp bài thuốc trên và Kiểm tra 1 tiết	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Tự nghiên cứu làm bài thi, thực hành	Chấm bài thi tự luận hết học phần
8/1	Thi hết môn			

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- Tài liệu/giáo trình chính:

- [1] Bộ Y Tế (2024); *Dược lý 1* NXB Y học
- [2] Trường ĐH Y Hà Nội (2001) *Dược lý học* NXB Y học
- [3] Bộ Y Tế (2009); *Dược Thư Quốc Gia Việt Nam*

- Tài liệu tham khảo phụ:

- [1] Dược lâm sàng, Bộ môn Dược lý, Trường ĐH Dược Hà Nội (2011)
- [2] GS.TS. Hoàng Thị Kim Huyền, GS.TS.J.R.B.J Brouwers và cộng sự (2014), *Dược Lâm Sàng- Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị (tập 1)*, Trường Đại Học Dược Hà Nội, Đại Học Groningen Hà Lan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Ngô Văn Nghiệp

DSCKI. Nguyễn Văn Quyền

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ
KHOA DƯỢC – XÉT NGHIỆM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

THỰC HÀNH DƯỢC KHOA
(Pharmaceutical Practice)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Thực hành dược khoa	Tên tiếng Anh: Pharmaceutical Practice
2. Mã học phần:	772020142
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	0 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	90 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	Th.S Nguyễn Trường Giang
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Khoa học cơ bản, cơ sở
- Học phần học trước:	Hóa phân tích, hóa hữu cơ, vật lý
- Học phần song hành:	Thực vật dược

48. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm 3 phần:

- Thực hành bào chế: Pha chế một số dạng bào chế đơn giản.
- Thực hành dược liệu: Nhận thức các dược liệu tươi và khô thông dụng.
- Thực hành tại nhà thuốc.

10. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Biết vai trò và sử dụng đúng các dụng cụ trong phòng thí nghiệm
CO2 (S)	pha chế một số dạng bào chế đơn giản Nhận diện được 100 dược liệu thông dụng Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, thành phần hóa học chính, tác dụng và công dụng chính của các dược liệu này
CO3 (A)	Làm quen với môi trường nhà thuốc

20. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.33. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Nắm vững kỹ thuật cân, kỹ thuật lọc, đo lường thể tích và sử dụng dụng cụ pha chế trong phòng thí nghiệm	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập
CLO2	K3 (Áp dụng)	Điều chế được dung dịch Daikin đạt chuẩn	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Nắm vững kỹ thuật hòa tan. Điều chế được dung dịch Tarnier, thuốc xanh methylen	Nghiên cứu	Bài tập
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Nắm vững kỹ thuật phân tán. Điều chế được thuốc mỡ Benzosalid đạt chuẩn	Thảo luận, là việc nhóm, bài tập	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nắm vững kỹ thuật nghiền tán, rây. Điều chế thuốc bột trị đau da dầy đạt chuẩn	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Nắm vững kỹ thuật xát cốm. Điều chế cốm nghệ đạt chuẩn	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập
CLO7		Sưu tập 1 số dạng thuốc mẫu và nhận biết các dạng bào chế.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập
CLO8		Nhận thức và phân biệt được 100 dược liệu đã học ở dạng tươi và khô. Trình bày được tên VN, tên khoa học, thành phần hóa học, tác dụng, công dụng chính và cách dùng của các loại dược liệu này	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập
CLO9		Trình bày được quy hoạch 1 vườn dược liệu, xưởng sản xuất dược liệu đơn giản	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập
CL10		Nắm vững được các yêu cầu cơ bản của 1 nhà thuốc, các hoạt động chính của nhà thuốc	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành/tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.34. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2
CLO7 (A)					A2	
CLO8 (A)					A2	
CLO9 (A)					A2	
CLO10 (A)					A2	

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12.Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.35. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%

A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết: A1 + A2 + A3 = 100%				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.36. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5, 0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

tham dự buổi học bắt buộc	5,0	Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50% - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận nhóm					
Tiêu trids	Thang điểm	Không đạt 0 – 49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tiêu chí					
		0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
Nội dung	3	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức

Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên
Bài kiểm tra viết					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
Nội dung	5	Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3	Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV

(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Sinh viên đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.

- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học
- Sinh viên hoàn thành các bài tập được giao, hoặc chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Sinh viên vi phạm qui chế thi sẽ bị xử lý theo qui định.

25. Kế hoạch giảng dạy

14.36. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
	Thực hành	
5 (OLT 5TH)	Bài 1: Kỹ thuật cân Nội dung - Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên - Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành - Thực hành của sinh viên - Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (OLT 5TH)	Bài 2: Kỹ thuật đo lường thể tích và sử dụng dụng cụ pha chế Nội dung - Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên - Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành - Thực hành của sinh viên - Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (OLT 5TH)	Bài 3: Kỹ thuật lọc. Điều chế dung dịch Dakin Nội dung - Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên - Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành - Thực hành của sinh viên - Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (OLT 5TH)	Bài 4: Kỹ thuật hòa tan. Điều chế dung dịch Tarnier. Thuốc rơ miệng xanh methylen Nội dung - Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên - Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành - Thực hành của sinh viên	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	
5 (OLT 5TH)	Bài 5: Kỹ thuật phân tán. Điều chế thuốc mỡ benzosali Nội dung - Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên - Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành - Thực hành của sinh viên - Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (OLT 5TH)	Bài 6: Kỹ thuật nghiền tán, rây. Điều chế thuốc bột trị đau da dày Nội dung - Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên - Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành - Thực hành của sinh viên - Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (OLT 5TH)	Bài 7: Kỹ thuật xát côm. Điều chế côm nghệ Nội dung - Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên - Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành - Thực hành của sinh viên - Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (OLT 5TH)	Bài 8: Suru tập thuốc mẫu và nhận biết các dạng bào chế Nội dung - Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên - Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành - Thực hành của sinh viên - Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (OLT 5TH)	Bài 9: Nhận thức dược liệu tươi và khô nhóm cảm cúm Nội dung - Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên - Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành - Thực hành của sinh viên - Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (OLT 5TH)	Bài 10: Nhận thức dược liệu tươi và khô nhóm ho Nội dung - Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên - Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành - Thực hành của sinh viên - Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

(5 (OLT 5TH)	Bài 11: Nhận thức dược liệu tươi và khô nhóm tim mạch Nội dung 1. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 2. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 3. Thực hành của sinh viên 4. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài s	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (OLT 5TH)	Bài 12: Nhận thức dược liệu tươi và khô nhóm tiêu chảy – táo bón Nội dung 1. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 2. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 3. Thực hành của sinh viên 4. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (OLT 5TH)	Bài 13: Nhận thức dược liệu tươi và khô nhóm kháng khuẩn Nội dung 1. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 2. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 3. Thực hành của sinh viên 4. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (OLT 5TH)	Bài 14: Nhận thức dược liệu tươi và khô nhóm gan mật Nội dung 1. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 2. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 3. Thực hành của sinh viên 4. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sa	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (OLT 5TH)	Bài 15: Tham quan vườn dược liệu, xưởng sản xuất của bệnh viện y học cổ truyền Nội dung 1. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 2. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 3. Thực hành của sinh viên 4. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (OLT 5TH)	Bài 16: Từng nhóm sinh viên đến thực hành tại nhà thuốc Nội dung 1. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 2. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 3. Thực hành của sinh viên 4. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	Tổng kết, giải đáp thắc mắc, kiểm tra, rút kinh nghiệm HP	

14.37.

Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	Thực hành			
1/1	Bài 1: Kỹ thuật cân Nội dung 5. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 6. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 7. Thực hành của sinh viên 8. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	- Bài thu hoạch
2/1	Bài 2: Kỹ thuật đo lường thể tích và sử dụng dụng cụ pha chế Nội dung 5. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 6. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 7. Thực hành của sinh viên 8. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	- Bài thu hoạch
3/1	Bài 3: Kỹ thuật lọc. Điều chế dung dịch Dakin Nội dung 5. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 6. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 7. Thực hành của sinh viên 8. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	- Bài thu hoạch
4/1	Bài 4: Kỹ thuật hòa tan. Điều chế dung dịch Tarnier. Thuốc nhuộm xanh methylen Nội dung	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn	- Bài thu hoạch

	- Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên - Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành - Thực hành của sinh viên - Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau		- Nhận xét	
5/1	Bài 5: Kỹ thuật phân tán. Điều chế thuốc mỡ benzosali Nội dung 5. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 6. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 7. Thực hành của sinh viên 8. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	- Bài thu hoạch
6/1	Bài 6: Kỹ thuật nghiền tán, rây. Điều chế thuốc bột trị đau da dày Nội dung 5. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 6. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 7. Thực hành của sinh viên 8. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	- Bài thu hoạch
7/1	Bài 7: Kỹ thuật xát cốm. Điều chế cốm nghệ Nội dung 5. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 6. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 7. Thực hành của sinh viên 8. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sa	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	- Bài thu hoạch
8/1	Bài 8: Suru tập thuốc mẫu và nhận biết các dạng bào chế Nội dung 5. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 6. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	- Bài thu hoạch

	7. Thực hành của sinh viên 8. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau			
9/1	Bài 9: Nhận thức được liệu tươi và khô nhóm cảm cúm Nội dung 5. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 6. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 7. Thực hành của sinh viên 8. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	- Bài thu hoạch
10/1	Bài 10: Nhận thức được liệu tươi và khô nhóm ho Nội dung 5. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 6. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 7. Thực hành của sinh viên 8. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	- Bài thu hoạch
11/1	Bài 11: Nhận thức được liệu tươi và khô nhóm tim mạch Nội dung 5. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 6. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 7. Thực hành của sinh viên 8. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài s	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	- Bài thu hoạch
12/1	Bài 12: Nhận thức được liệu tươi và khô nhóm tiêu chảy – táo bón Nội dung 5. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 6. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 7. Thực hành của sinh viên 8. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	- Bài thu hoạch

	Bài 13: Nhận thức được liệu tươi và khô nhóm kháng khuẩn Nội dung 5. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 6. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 7. Thực hành của sinh viên 8. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	- Bài thu hoạch
	Bài 14: Nhận thức được liệu tươi và khô nhóm gan mật Nội dung 5. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 6. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 7. Thực hành của sinh viên 8. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sa	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	- Bài thu hoạch
	Bài 15: Tham quan vườn được liệu, xưởng sản xuất của bệnh viện y học cổ truyền Nội dung 5. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 6. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 7. Thực hành của sinh viên 8. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	- Bài thu hoạch
	Bài 16: Từng nhóm sinh viên đến thực hành tại nhà thuốc Nội dung 5. Kiểm tra chuẩn bị bài của sinh viên 6. Hướng dẫn tóm tắt nội dung thực hành 7. Thực hành của sinh viên 8. Tổng kết giải đáp thắc mắc, nhắc chuẩn bị bài sau	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Kiểm tra chuẩn bị bài của SV - Hướng dẫn nội dung thực hành - Chia nhóm nhỏ - Quan sát và hướng dẫn - Nhận xét	- Bài thu hoạch

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, bài giảng, giáo trình chính

[1] *Thực hành bào chế*: Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô

[2] *Thực hành nhận mặt dược liệu*, Giáo trình nội bộ. Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô (CB), Ths. Hoàng Quỳnh Hoa, *Thực vật học*, NXB Giáo dục, 2012.

15.2. Sách tài liệu tham khảo

[3] Đỗ Tất Lợi. *Cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản y học, 2003.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Trường Giang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC CỔ TRUYỀN

1. Tên học phần (tiếng Việt): Dược học cổ truyền	Tên tiếng Anh: Traditional medicin
2. Mã học phần:	7DUC021
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	15
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	45
7. Các giảng viên phụ trách học phần	TS. Nguyễn Minh Tuấn ThS. Nguyễn Thị Hằng
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Dược liệu 1,2
- Học phần học trước:	Dược liệu 1,2; Bào chế 1,2
- Học phần song hành:	Sản xuất thuốc từ dược liệu

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của dược học cổ truyền gồm: cách sử dụng các vị thuốc, phương thuốc an toàn hiệu quả và hợp lý và các kỹ thuật bào chế, chế biến thuốc cổ truyền đạt yêu cầu quy định.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Trình bày được cách sử dụng các vị thuốc cổ truyền, phương thuốc cổ truyền an toàn hiệu quả và hợp lý
CO2 (S)	Trình bày được mục đích bào chế chế, các phương pháp chế và ý nghĩa của phụ liệu chế; Thực hành thành thạo việc chế biến, bào chế thuốc một số vị thuốc cơ bản theo nguyên lý và kỹ thuật chế biến cổ truyền.

CO3 (A)	Có khả năng vận dụng các kiến thức vào khai thác, chế biến, định hướng phát triển sản phẩm thuốc cổ truyền, thuốc được liệu; nhận biết và có định hướng giải quyết các vấn đề chuyên môn phát sinh trong thực tế hoạt động chuyên môn.

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3, ...)

11.35. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được nguyên tắc bào chế, chế biến thuốc cổ truyền theo lý luận của y học cổ truyền.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn
CLO2	K3 (Áp dụng)	Nhận dạng đúng vị thuốc, công năng - chủ trị, kiêng kỵ của 100-120 vị thuốc chính.	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Trình bày được mục đích chế biến, các phương pháp chế biến và ý nghĩa của phụ liệu trong bào chế thuốc cổ truyền.	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Thành thạo việc chế biến, bào chế thuốc các vị thuốc theo phương pháp chế biến cổ truyền	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Luôn chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng học tập nâng cao trình độ	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp. Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.36. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	

CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973).

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.37. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.

Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 - 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2,0	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

14.38. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
2 tiết (2 LT; 0TH)	Bài 1. Đại cương về thuốc cổ truyền	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 tiết (3 LT; 2 TH)	Bài 2. Thuốc giải biểu, thuốc thanh nhiệt, thuốc trừ hàn	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 tiết (3 LT; 2 TH)	Bài 3. Thuốc trừ thấp, thuốc hóa đàm, thuốc chỉ khái - bình suyễn	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 tiết (3 LT; 2 TH)	Bài 4: Thuốc hành khí, thuốc bổ khí, tả hạ, thuốc tiêu đạo, thuốc bổ âm, thuốc bổ dương	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi giữa kỳ 1 tiết	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3)
6 tiết (4 LT; 2 TH)	Bài 5: Thuốc hoạt huyết, thuốc bổ huyết, thuốc chỉ huyết, thuốc an thần	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
22 tiết (0 LT; 22 TH)	Bài 6: Bào chế thuốc cổ truyền	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi hết học phần (2 tiết)	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

14.39. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/2	Bài 1. Đại cương về thuốc cổ truyền (2 LT, 0TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

	Bài 2. Thuốc giải biểu, thuốc thanh nhiệt, thuốc trừ hàn (3 LT, 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
2/2	Bài 3. Thuốc trừ thấp, thuốc hóa đàm, thuốc chỉ khái - bình suyễn (3 LT, 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Bài 4: Thuốc hành khí, thuốc bổ khí, tả hạ, thuốc tiêu đạo, thuốc bổ âm, thuốc bổ dương (3 LT, 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Thi giữa kỳ (1 LT, 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Thuyết trình, tự nghiên cứu làm bài thi	Chấm bài thi tự luận giữa kỳ
3/2	Bài 5: Thuốc hoạt huyết, thuốc bổ huyết, thuốc chỉ huyết, thuốc an thần (4 LT, 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Bài 6: Bào chế thuốc cổ truyền (0 LT, 22 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Thi hết học phần (2LT, 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Tự nghiên cứu làm bài thi, thực hành	Chấm bài thi tự luận hết học phần

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- [1]. Trường đại học Dược Hà Nội (2002), *Dược học cổ truyền* (tái bản lần thứ nhất có sửa chữa), NXB Y học, Hà Nội.
[2]. Nguyễn Đức Quang (2014), *Bào chế đông dược*, NXB Y học.

b. Tài liệu tham khảo

- [2]. Trần Văn Kỳ (2023), *Dược học cổ truyền toàn tập* (tái bản), NXB Y học.
[3]. Viện Y học cổ truyền Việt Nam (2023), *Phương pháp bào chế và sử dụng đông dược* (tái bản lần thứ 5), NXB Y học.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01. năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN BÀO CHẾ VÀ SINH DƯỢC HỌC 2

1. Tên học phần (tiếng Việt): Bào chế và sinh dược học 2	Tên tiếng Anh: Formulation and Biopharmaceutics 2
2. Mã học phần:	7DUC022
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
ân bố thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	55
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Trường Giang
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Thực hành dược khoa, thực vật
- Học phần song hành:	Dược liệu, Hóa dược

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Bào chế và sinh dược học 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc viên và thuốc nang.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Trình bày được định nghĩa, đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc dị thể; thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dược), kỹ thuật bào chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng bào chế này.
CO2 (S)	Bào chế được các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc dị thể; Đánh giá được một số chỉ tiêu kỹ thuật chính của các dạng bào chế này.

CO3 (A)	Thao tác đúng qui trình kỹ thuật, giải thích và biện luận được các công thức bào chế.

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3, ...)

11.37. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được định nghĩa, đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc dị thể; Mô tả được thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dược), nguyên tắc bào chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng bào chế thuộc cấu trúc dị thể.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn
CLO2	K3 (Áp dụng)	Bào chế được các dạng bào chế thông thường thuộc nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc viên và thuốc nang.	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Đánh giá được một số chỉ tiêu kỹ thuật chính của các dạng bào chế nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc viên và thuốc nang.	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Có thái độ làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm, có ý thức làm việc nhóm, có kỹ năng giao tiếp, trình bày thuyết trình, giải quyết vấn đề, chịu trách nhiệm trước xã hội với việc mình làm.	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Luôn chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp. Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.38. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú:
Mức năng lực được xác định theo

thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973).

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.38. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%

Công thức tính điểm tổng kết:

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 - 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2,0	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh

viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
8 tiết (4 LT: 4TH)	Bài 1. Nhũ tương	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
8 tiết (4 LT: 4TH)	Bài 2. Hỗn dịch	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
6 tiết (4 LT: 2TH)	Bài 3: Thuốc mỡ (4 LT + 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
8 tiết (4 LT: 4 TH)	Bài 4: Thuốc đạn (4 LT + 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
8 tiết (4 LT: 4TH)	Bài 5: Thuốc bột (4 LT + 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi giữa kỳ 1 tiết	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3)
8 tiết (4 LT: 4 TH)	Bài 6: Thuốc cốm	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
8 tiết (4 LT: 4 TH)	Bài 7: Thuốc nang	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
8 tiết (4 LT: 4 TH)	Bài 8: Thuốc viên nén	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

8 tiết (4 LT: 4 TH)	Bài 9: Viên bao	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
2 tiết (2 LT: 0 TH)	Bài 10: Thuốc phun mù	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi hết học phần (2 tiết)	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

14.40. Nội dung chi tiết học phần

14.41. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động Dạy và học	Bài đánh giá
1/4	Bài 1. Nhũ tương (4 LT + 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Bài 2. Hồn dịch (4 LT + 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
2/2	Bài 3: Thuốc mỡ (4 LT + 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Bài 4: Thuốc đạn (4 LT + 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
3/2	Bài 5: Thuốc bột (4 LT + 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Thi giữa kỳ (1 LT+ 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Thuyết trình, tự nghiên cứu làm bài thi	Chấm bài thi tự luận giữa kỳ
4/4	Bài 6: Thuốc cốm (4 LT + 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Bài 7: Thuốc nang (4 LT + 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
5/5	Bài 8: Thuốc viên nén (4 LT + 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Bài 9: Viên bao (4 LT + 4TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

	Bài 10: Thuốc phun mù (2 LT + 0TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Thi giữa kỳ (1 LT+ 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Thuyết trình, tự nghiên cứu làm bài thi	Chấm bài thi tự luận giữa kỳ
	Thi hết học phần (2LT, 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Tự nghiên cứu làm bài thi, thực hành	Chấm bài thi tự luận hết học phần

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- [1]. Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Bùng (chủ biên), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc. T1*, NXB Y học, Hà Nội, 2006.
[2]. Bộ môn Bào chế, *Giáo trình thực tập bào chế*, Khoa Dược - ĐH Y Dược TpHCM.

b. Tài liệu tham khảo

- [3]. Trường Đại học Dược Hà Nội (1997), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc, tập 1*.
[4] Trường Đại học Dược Hà Nội (1997), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc, tập 2*.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Trường Giang

DƯỢC LÝ 2
(Pharmacology 2)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Dược lý 2	Tiếng Anh: Pharmacology 2
2. Mã học phần:	7DLY237
3. Số tín chỉ:	03 (2LT+ 1 TH)
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 tiết
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Ngô Văn nghiệp
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Hóa dược
- Học phần học trước:	Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Hóa dược, Dược lý 1
- Học phần song hành:	Pháp chế dược, Kiểm nghiệm thuốc...

9. Mô tả tóm tắt học phần:

- Cung cấp cho sinh viên kiến thức: Khái niệm, phân loại các nhóm thuốc. Lắm được cơ chế tác dụng của thuốc. Nêu được tác dụng chính, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng, và cách dùng. Trình bày được dược động học của thuốc, biết vận dụng kiến thức để hướng dẫn sử dụng thuốc cho người bệnh và cán bộ Y tế một cách an toàn hiệu quả và kinh tế.

- Sau khi học xong biết sử dụng thành thạo các nhóm thuốc: Nhóm thuốc tim mạch, thuốc lợi tiểu, thuốc điều trị dạ dày, thuốc chống đông máu, thuốc kháng sinh, thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, nhóm thuốc corticoid, thuốc kháng histamin, thuốc chống ung thư, hormon, vitamin...

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Hiểu được Khái niệm và Phân loại các nhóm thuốc. Lắm được cơ chế tác dụng, tác dụng của các loại thuốc. Trình bày được dược động học của thuốc (hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ của các loại thuốc).
CO2 (S)	Chỉ định điều trị cách dùng, liều dùng, chống chỉ định, tương tác thuốc và những lưu ý đặc biệt của các nhóm thuốc. Thực hành hướng dẫn sử dụng thuốc, an toàn, hiệu quả và kinh tế. Phân tích đơn thuốc trong điều trị
CO3 (A)	Tích cực học tập, cập nhật kiến thức chuyên môn. Tích cực vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế lâm sàng. Cận trọng trong thực hành lâm sàng tư vấn sử dụng thuốc

.....

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được các Khái niệm, phân loại các thuốc, cơ chế bệnh sinh bệnh nguyên liên quan đến cơ chế tác dụng của thuốc và tác dụng không mong muốn của thuốc. Lắm được dược động học của thuốc.	Nêu vấn đề. Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Kiểm tra tự luận 15 phút
CLO2	K3 (Áp dụng)	-Trình bày được chỉ định điều trị cách dùng, liều dùng, chống chỉ định, tương tác thuốc và những lưu ý đặc biệt của các nhóm thuốc.	Nêu vấn đề. Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Kiểm tra tự luận 1 tiết
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	-Thực hành hướng dẫn sử dụng thuốc An toàn, hiệu quả và kinh tế. Phân tích đơn thuốc trong điều trị	Thực hành, nghiên cứu, bài tập	Quan sát, Kiểm tra kết quả
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Sau khi học xong mỗi nhóm thuốc học viên tự trình bày thành thạo: Tên thuốc, tên hoạt chất: Vận dụng kiến thức đã học vào: Phân tích đơn thuốc nói rõ tác dụng chính, tác dụng phụ các loại thuốc trong đơn, chỉ định, chống chỉ định, vận dụng kiến thức dược động học tìm ra được các cặp tương tác thuốc, tìm ra được sai	Thực hành, nghiên cứu bài tập	Quan sát, Kiểm tra kết quả

		sốt trong đơn về liều lượng, cách dùng, đường dùng, thời điểm dùng của thuốc, tương tác thuốc, chú ý đối tượng đặc biệt trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai người có bệnh đi kèm. Cách phối hợp thuốc hợp có lý không...		
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa...	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hỏi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hỏi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: phương pháp dạy học tích cực, nêu vấn đề cho sinh viên thảo luận, tổng hợp các ý kiến phân tích giải thích. Giáo viên thuyết trình nội dung vấn đề. Sau đó ra bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm bài tự luận, luận án...

2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO 2 (Kỹ năng)		PLO 3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2(K)		K3				
CLO3(S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5(A)					A1	

CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%

A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric. Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lý thuyết lên thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
		0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. **Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV:** (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. **Kế hoạch giảng dạy**

14.1. **Nội dung chi tiết học phần**

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
6 tiết (4LT: 2 TH)	Bài1 : Thuốc tác động trên tim mạch. -Thuốc điều trị suy tim -Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	-Thuốc chống cơn đau thắt ngực -Thuốc điều trị tăng huyết áp	
6 tiết (4 LT: 2 TH)	Bài 2: Thuốc lợi tiểu - Đại cương -Các thuốc lợi tiểu Thuốc hạ lipid máu 1.Đại cương 1.1.Sự tăng lipoprotein máu 1.2.Phân loại thuốc hạ lipoprotein máu 2.Các thuốc.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
6 tiết (4 LT: 2 TH)	Bài 3: - Thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng 1. Đại cương 1.1 Sinh lý bệnh loét dạ dày 1.2. Phân loại thuốc chữa viêm loét dạ dày 2. Các Thuốc -Thuốc tác dụng lên quá trình đông máu 1. Đại cương 1.1. Cơ chế đông máu 1.2. Phân loại 2.Các thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
6 tiết (4 LT: 2 TH)	Bài 4: Thuốc kháng sinh - Khái niệm - Phân loại - Cơ chế tác dụng của thuốc và cơ chế kháng kháng sinh	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
6 tiết (4 LT: 2 TH)	Bài 5 - Thuốc điều trị lao 1.Đại cương 1.1 Vài nét về bệnh lao 1,2,Nguyên tắc điều trị lao	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

6 tiết (4 LT: 2 TH	- Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, và điều trị bệnh gout + Đại cương + Cơ chế tác dụng + Tác dụng không mong muốn +Chỉ định chung +Phân loại thuốc	CLO1,2 (K2, K3)
	Bài 6: -Thuốc điều trị ung thư +Đại cương về bệnh ung thư +Phân loại thuốc điều trị ung thư - Thuốc kháng virus + Đại cương về thuốc kháng virus và các thuốc	CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
6 tiết (4 LT: 2 TH	Bài 7 : - Thuốc Hormon và thuốc điều chỉnh rối loạn nội tiết. + thuốc corticoid + thuốc tiểu đường + thuốc kháng histamin	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
(2LT.1TH kiểm tra (1. Tiết)	Bài 8: Thuốc Vitamin -Hệ thống kiến thức, Giải đáp thắc mắc - Kiểm tra 1 tiết	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi hết học phần (2 tiết)	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

2. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy và học	Đánh giá
1/1	Bài 1: (4LT,2TH) Thuốc tác động trên tim mạch. -Thuốc điều trị suy tim -Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận

	-Thuốc chống đau thắt ngực -Thuốc điều trị cao huyết áp			
2/1	Bài 2. (4LT, 2 TH) -Thuốc lợi tiểu -Thuốc hạ lipid máu	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
3/1	Bài 3. (4LT, 2 TH) -Thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng -Thuốc chống đông máu	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
4/1	Bài 4. (4LT, 2 TH) Bài 4: Thuốc kháng sinh - Khái niệm - Phân loại - Cơ chế	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
5/1	Bài 5 - Thuốc điều trị lao 1.1 Vài nét về bệnh lao 1,2,Nguyên tắc điều trị lao - Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, và điều trị bệnh gout + Đại cương + Cơ chế tác dụng + Tác dụng và TDKMM	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
6/1	Bài 6: -Thuốc điều trị ung thư +Đại cương về bệnh ung thư +Phân loại thuốc điều trị ung thư	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>

	- thuốc kháng virus + Đại cương về virus + các thuốc kháng virus			
7/1	Bài 7. (4LT, 2 TH) Thuốc Hormon và thuốc điều chỉnh rối loạn nội tiết. + thuốc corticoid + thuốc tiểu đường + thuốc kháng histamin	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
8/1	Bài 8: (2LT,1TH) Thuốc Vitamin -Hệ thống kiến thức, Giải đáp thắc mắc - Kiểm tra 1 tiết	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
9/1	Thi hết học phần	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Tự nghiên cứu làm bài thi, thực hành	Chấm bài thi tự luận hết học phần

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- Tài liệu/giáo trình chính:

1. Bộ Y Tế (20018); *Dược lý 2* NXB Y học
2. Trường ĐH Y Hà Nội (2001) *Dược lý học* NXB Y học
- [3] Bộ Y Tế (2009); *Dược Thư Quốc Gia* Việt Nam

b. Tài liệu tham khảo phụ:

- [1] Dược lâm sàng, Bộ môn Dược lý, Trường ĐH Dược Hà Nội (2011)
- [2] GS.TS. Hoàng Thị Kim Huyền, GS.TS.J.R.B.J Brouwers và cộng sự (2014), *Dược Lâm Sàng- Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị* (tập 1), Trường Đại Học Dược Hà Nội, Đại Học Groningen Hà Lan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Ngô Văn Nghiệp

ThS. Ngô Văn Nghiệp

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÁP CHẾ

1. Tên học phần (Tiếng Việt): PHÁP CHẾ	Tên tiếng Anh: Pharmaceutical Legislation
2. Mã học phần:	772020136
3. Số tín chỉ:	03 (02:01)
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90 tiết
7. Các giảng viên phụ trách học phần	BSCKII: Hoàng Duy Hiền ThS: Hoàng Thị Chung
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý, Dược Lâm sàng
- Học phần học trước:	Hóa dược, Dược lý.
- Học phần song hành:	Dược lâm sàng, Kỹ năng giao tiếp bán hàng.

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống các văn bản pháp quy của Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực Dược như Luật Dược (2016) và hướng dẫn thi hành Luật Dược; các quy định mang tính pháp lý về hành nghề dược như Điều kiện kinh doanh dược, quản lý chất lượng thuốc và các thuốc phải kiểm soát đặc biệt, ghi nhãn thuốc, bán thuốc

cho người điều trị ngoại trú, hoạt động thông tin, quảng cáo, hoạt động thanh tra dược; quy định về phân loại thuốc ATC/DDD/VEN và quy định sử dụng danh pháp cho thuốc.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu của môn học:

Mô tả mục tiêu	CĐR	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]
Hiểu được nội dung các văn bản quy phạm pháp luật và các hướng dẫn có liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn khi tham gia hành nghề dược.	CLO1	M
Vận dụng được những nội dung cơ bản của các văn bản quản lý nhà nước có liên quan về dược để thực hiện đúng và hướng dẫn nhân viên y tế, người dân trong cộng đồng nắm vững và chấp hành đúng.	CLO2	M
Luôn nâng cao ý thức, gương mẫu chấp hành các văn bản quản lý nhà nước về y tế, trong đó có các văn bản về dược.	CLO3	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

Chuẩn đầu ra môn học (CĐR):

CĐR (CLO _{x.x})	Mô tả chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]
CLO1	Mô tả được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của ngành Dược	

CLO2	Hiểu được các khái niệm trong Luật Dược	M
CLO3	Hiểu được những quy định về hoạt động kinh doanh dược	
CLO4	Hiểu được các qui định trong quản lý chất lượng thuốc	
CLO5	Hiểu được các quy định liên quan đến quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt	
CLO6 CLO7	Trình bày được cấu trúc, ý nghĩa hệ thống phân loại thuốc ATC/DDD/VEN; thủ tục, lựa chọn và sử dụng tên quốc tế của thuốc không được đăng ký bản quyền (INN).	
CLO8	Nhớ và hiểu được các nội dung bắt buộc, không bắt buộc trên các loại nhãn thuốc	
CLO9	Trình bày được các quy định về hồ sơ đề nghị, thủ tục, thẩm quyền cấp, cấp lại và điều chỉnh Giấy xác nhận nội dung TTT, QCT	
CLO10	Trình bày được các quy định về kê đơn, cấp phát, bán thuốc cho bệnh nhân điều trị ngoại trú	
CLO11	Mô tả được: Vị trí, chức năng, tổ chức của thanh tra dược; trách nhiệm, quyền hạn và mối quan hệ công tác của thanh tra dược, nội dung quy trình thanh tra dược.	
CLO1	Thực hành tốt nhiệm vụ lập Hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	M
CLO2	Thực hành được nhiệm vụ phân loại, quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt trong sản xuất, tồn trữ, phân phối và sử dụng thuốc.	
CLO3	Thực hành được nhiệm vụ xây dựng nội dung nhãn thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc đúng quy định về nội dung, đạt về hình thức	
CLO4	Thực hành được nhiệm vụ tư vấn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý	
CLO5	Thực hành được nhiệm vụ lập dự án thành lập cơ sở bán lẻ thuốc.	
CLO1	Gương mẫu chấp hành luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.	M
CLO2	Có thái độ nghiêm túc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được phân công	
CLO3	Tích cực, chủ động trong phối hợp với đồng nghiệp để tổ chức triển khai các nhiệm vụ chuyên môn, hướng dẫn, giúp đỡ cán bộ cấp dưới về chuyên môn dược.	
CLO4	Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong phạm vi chức trách, nhiệm vụ chuyên môn được phân công	

CLO5	Có khả năng đưa ra các kiến nghị để thực hiện tốt hơn các hoạt động quản lý nhà nước về dược

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Trình bày được kiến thức cơ bản về hóa sinh cơ sở: các chất sinh học chủ yếu của cơ thể sống và chuyển hóa của chúng ở tế bào, chất xúc tác sinh học, năng lượng sinh học, hóa sinh của mô và các dịch sinh vật.
CO2 (S)	Vận dụng kiến thức sinh hóa vào y học lâm sàng và các học phần dược học cơ sở có liên quan.
CO3 (A)	Thao tác đúng qui trình kỹ thuật, giải thích và biện luận được các thử nghiệm và xét nghiệm

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.3. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1	K2 (Hiểu kiến thức)	Mô tả được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của ngành Dược	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn
CLO 2	K3 (Áp dụng)	Hiểu được các khái niệm trong Luật Dược	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO 3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Hiểu được những quy định về hoạt động kinh doanh dược	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
COL 4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành	Hiểu được các qui định trong quản lý chất lượng thuốc	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập,

	thảo)			chấm đề án
CLO 5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Hiểu được các quy định liên quan đến quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO 6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Trình bày được cấu trúc, ý nghĩa hệ thống phân loại thuốc ATC/DDD/VEN; thủ tục, lựa chọn và sử dụng tên quốc tế của thuốc không được đăng ký bản quyền (INN).	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đề án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đề án/dự án...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.4. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masi0a, 1973);

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.3. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: <i>Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ</i>	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: <i>Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ</i>	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

-

12.4. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60% - 80% nhiệm vụ nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

14.1. Nội dung môn học (đề cương chi tiết của môn học):

Hình thức tổ chức giảng dạy môn học:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		Lên lớp			TH TN TT	Tự học	
		LT	B Bài tập	Thảo luận			
1	Hệ thống các văn bản pháp lý có liên quan đến lĩnh vực dược	3		1		6	10
2	Luật Dược (2015)	3		2		6	11
3	Qui định về hoạt động kinh doanh dược	3		2		6	11
4	Qui định về quản lý chất lượng thuốc	3		1		6	10
5	Qui định về quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt	3		1	8	6	18
6	Qui định về phân loại thuốc ATC và danh pháp INN	3		1	8	6	18

7	Qui định về việc ghi nhãn thuốc	3		1	8	6	18
8	Hướng dẫn hoạt động thông tin, quảng cáo thuốc	3		1		6	10
9	Qui định về bán thuốc theo đơn	3		1	6	6	16
10	Quy định thanh tra dược và xử phạt hành chính trong lĩnh vực dược	3		1		6	10
Tổng		30		12	30	60	132

14.2. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1.	Bài 1: Hệ thống các văn bản pháp lý có liên quan đến lĩnh vực dược 1.1 Hệ thống các văn bản pháp luật của Việt Nam 1.2 Văn bản Quốc hội, chính phủ liên quan đến lĩnh vực dược 1.3 Văn bản Bộ Y tế, Liên bộ hành trong lĩnh vực dược.	Trình bày được vai trò của hệ thống văn bản pháp quy của Nhà nước; Phân cấp được các văn bản pháp quy trong lĩnh vực dược	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Đọc tài liệu sử dụng nội bộ [Pháp chế Dược- Trường Đại học Đông Đô],
2.	Bài 2: Luật Dược và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật 1.1. Chính sách của Nhà nước về dược và phát triển công nghiệp dược 1.2. Quy định về hành nghề dược	Hiểu và Trình bày được nội dung cơ bản của luật để vận dụng trong hoạt động ngành dược	Học ở nhà: 12 h Học ở lớp: 6 tiết Thuyết giảng: 4 tiết Thảo luận: 90 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Đọc tài liệu sử dụng nội bộ [Pháp chế Dược- Trường Đại học Đông Đô],

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	1.3. Dược liệu và thuốc cổ truyền 1.4. Dược lâm sàng 1.5. Thông tin thuốc, cảnh giác dược và quảng cáo thuốc 1.6. Thử thuốc trên lâm sàng 1.7. Thử tương đương sinh học của thuốc 1.8. Quản lý giá thuốc				
3.	Bài 3: Quy định về hoạt động kinh doanh dược 1.1 Hoạt động kinh doanh dược 1.2 Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Trình bày được các quy định về kinh doanh dược, về hồ sơ thủ tục cấp phép trong hoạt động kinh doanh dược	Học ở nhà: 12 h Học ở lớp: 6 tiết Thuyết giảng: 4 tiết Thảo luận: 90 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Đọc tài liệu sử dụng nội bộ [Pháp chế Dược- Trường Đại học Đông Đô],
4.	Bài 4: Quy định về quản lý chất lượng thuốc	Phân tích được những hiểu biết về quy định	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Đọc tài liệu sử dụng nội bộ [Pháp chế Dược- Trường

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	1.1. Quy định về áp dụng tiêu chuẩn chất lượng Thuốc, nguyên liệu làm thuốc 1.2. Quy định về thu hồi thuốc và xử lý thuốc vi phạm	trong quản lý chất lượng thuốc, quy định về thu hồi thuốc	Bài kiểm tra: 45 phút Thảo luận: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút		Đại học Đông Đô,
5.	Bài 5: Quy định về quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt 1.1. Những quy định chung 1.2. Bảo quản, sản xuất, pha chế, cấp phát, sử dụng, hủy, giao nhận, vận chuyển, báo cáo về thuốc, nguyên liệu làm T phải KSDB 1.3. Cung cấp thuốc phóng xạ 1.4. Hồ sơ, sổ sách và lưu giữ chứng từ, tài liệu có liên quan về thuốc, nguyên liệu	Phân loại được các thuốc phải kiểm soát đặc biệt; Điều kiện kinh doanh đối với thuốc phải KSDB	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Độc tài liệu sử dụng nội bộ [Pháp chế Dược- Trường Đại học Đông Đô],

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	làm thuốc phải KSDB				
6.	Bài 6: Qui định về phân loại và danh pháp thuốc 1.1. Hệ thống phân loại ATC 1.2. Danh pháp thuốc 1.3. Đơn vị đo lường sử dụng thuốc	Phân tích được những hiểu biết về cấu trúc hệ thống phân loại thuốc ATC/DDD.	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Đọc tài liệu sử dụng nội bộ [Pháp chế Dược- Trường Đại học Đông Đô],
7.	Bài 7: Qui định về việc ghi nhãn thuốc 1.1. Những quy định chung 1.2. Nội dung của nhãn thuốc 1.3. Cách ghi nhãn thuốc	Hiểu và mô tả được quy định chung, quy định cụ thể của nhãn thuốc, Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Đọc tài liệu sử dụng nội bộ [Pháp chế Dược- Trường Đại học Đông Đô],
8	Bài 8: Qui định về thông tin, quảng cáo thuốc 1.1. Xác nhận nội dung thông tin thuốc 1.2. Xác nhận nội dung	Hiểu được những qui định về hồ sơ đề nghị, thủ tục, thẩm quyền cấp, cấp lại và điều chỉnh Giấy xác nhận nội	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Bài kiểm tra: 45 phút Thảo luận: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút		Đọc tài liệu sử dụng nội bộ [Pháp chế Dược- Trường Đại học Đông Đô],

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	quảng cáo thuốc	dung TTT, QCT			
9	Bài 9. Qui định về bán thuốc theo đơn 1.1. Những quy định chung 1.2. Đơn thuốc và kê đơn thuốc	Hiểu được các qui định về kê đơn thuốc điều trị đối với thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và các thuốc khác	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút		Đọc tài liệu sử dụng nội bộ [Pháp chế Dược- Trường Đại học Đông Đô],

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] **Quốc hội**, Luật dược số: 105/2016/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

[2] - **Chính phủ**, Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt.

- **Chính phủ**, Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

[3]- Các thông tư của bộ y tế, năm 2017, 2018, 2022.

b. Tài liệu tham khảo

[4] Pháp chế Dược, NXB Trường đại học dược Hà Nội

[5] Pháp chế Dược- Trường Đại học Đông Đô, năm 2022.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên

TS. Nguyễn Minh Tuấn DSKII: Hoàng Duy Hiễn DSKII: Hoàng Duy Hiễn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ VÀ KINH TẾ DƯỢC

1. Tên học phần (Tiếng Việt): QUẢN LÝ VÀ KINH TẾ DƯỢC	Tên tiếng Anh: Pharmaceutical economics and management
2. Mã học phần:	772020137
3. Số tín chỉ:	03 (02:1)
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70
7. Các giảng viên phụ trách học phần	BSCKII: Hoàng Duy Hiền Ths: Phạm Thị Loan Phượng
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Đạo đức hành nghề dược; Dược cộng đồng.
- Học phần học trước:	Dược cộng đồng, Marketing, hóa dược, dược liệu, bào chế

- Học phần song hành:	Marketing, Pháp chế Dược

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Quản lý và kinh tế dược.

Học phần quản lý và kinh tế dược cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và doanh nghiệp dược, về quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nghĩa vụ tài chính trong doanh nghiệp dược phẩm.

Những kiến thức thu được trong quá trình học tập sẽ góp phần bổ sung hoàn thiện chương trình đào tạo và giúp cho người học có thể đáp ứng nhiệm vụ chuyên môn tại các cơ sở sản xuất, phân phối, xuất nhập khẩu dược phẩm.

10. Mục tiêu của học phần:

Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]
+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và doanh nghiệp dược.	CLO1	M
+ Trình bày được các nguyên tắc cơ bản trong công tác quản lý kinh tế và những yếu tố đặc thù riêng của công tác quản lý kinh tế dược.	CLO2	M
+ Vận dụng được các kiến thức về quản lý kinh tế áp dụng trong các hoạt động kinh doanh của ngành dược.	CLO3	M
+ Thấy rõ tầm quan trọng của hạch toán kinh doanh dược phẩm trong nền kinh tế thị trường	CLO4	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

11.Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá:

Chuẩn đầu ra học phần (CDRHP)	Mô tả chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]
CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về phân loại, cấu trúc, nghĩa vụ và quyền hạn của doanh nghiệp	M
CLO2	Trình bày được các nguyên tắc cơ bản trong công tác quản lý kinh tế thông qua các chỉ tiêu tài chính và hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh được phẩm	M
CLO3	Nắm vững những qui định về một hợp đồng kinh tế.	M
CLO4	Trình bày được những qui định về Thuế thu nhập doanh nghiệp và Thuế giá trị gia tăng.	M
CLO5	Hiểu và phân tích được các phương pháp quản trị doanh nghiệp	M
CLO1	Tính toán được giá thành của một sản phẩm thuộc, để từ đó xác định được điểm hòa vốn về sản phẩm và tiền trong các ví dụ cụ thể	M
CLO2	Tính toán và đánh giá được các chỉ tiêu tài chính và hiệu quả kinh tế trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp được trong các ví dụ cụ thể	M
CLO3	Soạn thảo được một hợp đồng kinh tế theo đúng nội dung và thể thức	M
CLO4	Tính được thuế GTGT,TNDN, trong trường hợp cụ thể	M
CLO5	Sử dụng phương pháp phân tích SWOT, 3C, SMART để hoạch định chiến lược kinh doanh cho một doanh nghiệp được	M
CLO1	Thấy được vai trò quan trọng của hạch toán kinh tế trong sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu được phẩm	M
CLO2	Tuân thủ qui định của cơ quan quản lý nhà nước và luật pháp quốc tế về kinh doanh được phẩm mà Việt Nam là thành viên.	M
	Tôn trọng và hợp tác trên tinh thần bình đẳng cùng có lợi, không vi phạm pháp luật trong hợp tác kinh doanh được phẩm	M
CLO4	Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, cùng nhau xây dựng ngành được Việt Nam ngày càng phát triển và hội nhập quốc tế.	M
CLO5	Rèn luyện tác phong khoa học, chính xác, trung thực của một doanh nhân trong kinh doanh	M

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được các kiến thức cơ bản về phân loại, cấu trúc, nghĩa vụ và quyền hạn của doanh nghiệp Trình bày được các nguyên tắc cơ bản trong công tác quản lý kinh tế thông qua các chỉ tiêu tài chính và hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh được phẩm	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn
CLO 2	K3 (Áp dụng)	Trình bày được những quy định về Thuế thu nhập doanh nghiệp và Thuế giá trị gia tăng. Nắm vững những quy định về một hợp đồng kinh tế.	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO 3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Hiểu và phân tích được các phương pháp quan trị doanh nghiệp Tính toán được giá thành của một sản phẩm thuốc, để từ đó xác định được điểm hòa vốn về sản phẩm và tiền trong các ví dụ cụ thể	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
COL 4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Tính toán và đánh giá được các chỉ tiêu tài chính và hiệu quả kinh tế trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp được trong các ví dụ cụ thể	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO 5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Soạn thảo được một hợp đồng kinh tế theo đúng nội dung và thể thức	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO 6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Sử dụng phương pháp phân tích SWOT, 3C, SMART để hoạch định chiến lược kinh doanh cho một doanh nghiệp được	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

		Tuân thủ qui định của cơ quan quản lý nhà nước và luật pháp quốc tế về kinh doanh được phẩm mà Việt Nam là thành viên.		

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận.

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973).

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%

A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

12.2. Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1 Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	1 đến <1,2 Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	1,2 đến < 1,6 Thực hiện 60-80% nhiệm vụ nộp đúng hạn	1,6 đến 2 Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5 Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	2,5 đến <4 Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	4 đến < 4 Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	4 đến 5 Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1 Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	1 đến <1,2 Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	1,2 đến < 1,6 Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	1,6 đến 2 Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5 Không sáng tạo	0,5 đến <0,6 Ít sáng tạo	0,6 đến < 0,8 Tương đối sáng tạo	0,8 đến 1 Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

Bài 1: Luật doanh nghiệp

Bài 2: Tài chính doanh nghiệp, Thuế doanh nghiệp

Bài 3: Xây dựng và hạch toán giá thành sản phẩm

Bài 4: Phân tích các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Bài 5: Quản trị doanh nghiệp Dược

Bài 6: Đại cương Quản trị học

Chức năng & kỹ năng của quản trị.

14.1. Nội dung môn học (đề cương chi tiết của môn học):

TT	Nội dung	Phân bố thời gian					Tổng số
		LT	Bài tập	Thảo luận	TH TT TN	Tự học	
1	Luật doanh nghiệp	4	0	2	0	8	14
2	Tài chính doanh nghiệp	4	0	0	0	12	16
3	Thuế doanh nghiệp	4	0	0	0	8	12
4	Hợp đồng kinh tế	4	0	2	8	8	22
5	Xây dựng và hạch toán giá thành sản phẩm	4	0	0	10	8	22
6	Phân tích các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	4	0	2	12	6	24
7	Quản trị doanh nghiệp Dược Đại cương Quản trị học Chức năng & kỹ năng của quản trị.	6	0	2	0	6	14
Tổng		30	0	8	30	56	124

14.2. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1.	Quản lý nhà nước trong lĩnh vực dược, doanh nghiệp, luật doanh nghiệp 1. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực dược 1.1, Chính sách nhà nước về Dược (luật dược) 1.2, Quản lý nhà nước về dược (luật dược) 1.3, Nhiệm vụ ngành dược Việt Nam 1.4, Những hành vi bị nghiêm cấm 1.5, Hành nghề dược 2, Doanh nghiệp-Luật doanh nghiệp 2.1, Một số khái niệm cơ bản 2.2, Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp 2.3, Quy định chung về thành lập, đăng ký kinh doanh, giải thể doanh nghiệp 2.4, Chu kỳ kinh doanh và chu kỳ phát	-Trình bày được chính sách nhà nước về Dược, về dược lâm sàng, về hệ thống tổ chức ngành dược. - Nêu được nhiệm vụ cơ bản của ngành dược. - Trình bày được sự ra đời, tồn tại và tiêu vong của 1 doanh nghiệp. - Trình bày được các qui định về thành lập và giải thể doanh nghiệp	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình:30 phút Hướng dẫn:15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	[1] Trường Đại học Đông Đô, <i>Tổ chức quản lý dược</i>, Bài giảng đào tạo dược sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022 [2] Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng, <i>Giáo trình quản lý và kinh tế dược</i>, NXB Y học, (2007).

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	triển của doanh nghiệp				
2.	Tài chính doanh nghiệp 1, Đại cương 1.1, Khái niệm 1.2, Chức năng 1.3, Các nguyên tắc quản lý và nội dung công tác tài chính, vai trò của tài chính doanh nghiệp 1.4, Vốn kinh doanh 2. Vốn cố định của doanh nghiệp 2.1, Tài sản cố định 2.2 Vốn cố định 2.3, Khấu hao tài sản cố định trong Doanh nghiệp 2.4, Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định 2.5, Các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả vốn sử dụng cố định	-. Hiểu và trình bày được khái niệm, bản chất, vai trò, chức năng của tài chính doanh nghiệp - Hiểu và phân tích được vốn cố định, vốn lưu động, các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vcd, vld	Học ở nhà: 12 h Học ở lớp: 6 tiết Thuyết giảng: 3 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	[1] Trường Đại học Đông Đô, <i>Tổ chức quản lý được</i> , Bài giảng đào tạo được sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022 [2] Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng, <i>Giáo trình quản lý và kinh tế được</i> , NXB Y học, (2007).

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	3. Vốn lưu động của Doanh nghiệp 3.1, Khái niệm 3.2, Các nội dung vốn lưu động 3.3, Phân tích hiệu quả sử dụng vốn lưu động 3.4, Bảo toàn nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động				
3.	Xây dựng và hoạch toán giá thành sản phẩm 1, Chính sách giá cả 1.1 Mục tiêu của chính sách giá 1.2, Khái niệm, phân loại, bản chất, chức năng của giá thành sản phẩm 2, Những lý luận cơ bản về hoạch toán giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp 2.1, Phân loại chi phí của doanh nghiệp 2.2, Chi phí sản xuất 2.3, Chi phí lưu thông 2.4, Những nhân tố ảnh hưởng đến nội	-Hiểu và trình bày được các chi phí trong doanh nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạch toán giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp. - Hiểu được các cách định giá sản phẩm - Phân tích được điểm hòa vốn. - Biết cách tính lợi nhuận của doanh nghiệp	Học ở nhà: 8 tiết Học ở lớp: 4 tiết	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	[1] Trường Đại học Đông Đô, <i>Tổ chức quản lý được</i>, Bài giảng đào tạo được sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022 [2] Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng, <i>Giáo trình quản lý và kinh tế được</i>, NXB Y học, (2007).

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	dung và hoạch toán giá thành sản phẩm 3, Một số phương pháp hoạch toán giá thành sản phẩm 4, Phương pháp hoạch toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp 5, Phân tích điểm hòa vốn 6. Lợi nhuận 6.1, Khái niệm 6.2, Cách tính lợi nhuận 6.3, các chỉ tiêu đánh giá lợi nhuận 6.4, Phân phối lợi nhuận				
4.	Thuế doanh nghiệp 1. Đại cương 1.1, Nguồn gốc, khái niệm thuế 1.2 Cách thu thuế. 1.3 Lệ phí 2. Một số luật thuế hiện hành 2.1, Thuế GTGT 2.2, Thuế thu nhập doanh nghiệp	-. Trình bày được thuế giá trị gia tăng và cho ví dụ. - các phương pháp tính thuế GTGT, đối tượng chịu thuế, không chịu thuế. - Trình bày cách tính thuế thu nhập	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	[1] Trường Đại học Đông Đô, <i>Tổ chức quản lý được</i>, Bài giảng đào tạo được sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022 [2] Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng, <i>Giáo trình quản lý và kinh tế được</i>, NXB Y học, (2007).

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	2.3, Thuế thu nhập cá nhân	doanh nghiệp, đối tượng giảm và miễn thuế thu nhập doanh nghiệp - Trình bày được cách tính thuế thu nhập cá nhân	Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút		
5.	Phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp 1. Đại cương 1.1, Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa 1.2, Đặc thù của thuốc và vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh. 2. Các phương pháp đánh giá và phân tích hoạt động kinh doanh 2.1, Phương pháp cân đối 2.2, Phương pháp so sánh 2.3, Phương pháp tỉ trọng 2.4, Phương pháp liên hệ	-. Trình bày được khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, ý nghĩa, vai trò của phân tích hoạt động kinh doanh. - Trình bày được các phương pháp đánh giá và phân tích hoạt động kinh doanh. - Hiểu và trình bày được các chỉ tiêu cơ bản trong phân tích hoạt động kinh doanh. - Hiểu và vận dụng được các loại sơ đồ, biểu đồ trong biểu	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	[1] Trường Đại học Đông Đô, <i>Tổ chức quản lý dược</i> , Bài giảng đào tạo dược sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022 [2] Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng, <i>Giáo trình quản lý và kinh tế dược</i> , NXB Y học, (2007).

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	2.5, Phương pháp loại trừ 2.6, Phương pháp tìm xu hướng phát triển chỉ tiêu 3. Các chỉ tiêu phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp được 3.1, Tổ chức bộ máy, cơ cấu 3.2, Doanh số mua, cơ cấu nguồn mua 3.3, Doanh số bán ra, tỷ lệ bán buôn bán lẻ 3.4, Phân tích tình hình sử dụng phí 3.5, Phân tích vốn 3.6, Lợi nhuận và tỷ số lợi nhuận 3.7, Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên, trình độ công nghệ, chất lượng sản phẩm. 4. các kỹ thuật và phương pháp trình bày kết quả nghiên cứu	diễn kết quả nghiên cứu.			
6.	Hợp đồng kinh tế	- Phân tích được nguyên	Học ở nhà Học 8 h	Trắc nghiệm	[1] Trường Đại học Đông Đô, <i>Tổ chức</i>

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	1, Khái niệm, phân loại 2, Chủ thể hợp đồng kinh tế 2.1, Pháp nhân 2.2, Cá nhân có đăng ký kinh doanh 2.3, Người đại diện, người được ủy quyền 3, Ký kết hợp đồng kinh tế 3.1, Nguyên tắc 3.2, các căn cứ ký kết hợp đồng 3.3, Thủ tục 3.4, Nội dung hợp đồng 4, Thực hiện hợp đồng kinh tế 5, Thay đổi đình chỉ, thanh lý hợp đồng, 6, Hợp đồng vô hiệu hóa và cách xử lý, trách nhiệm vật chất trong hợp đồng kinh tế	tắc, căn cứ ký kết và chủ thể hợp đồng kinh tế. - Hiểu và phân tích được phương thức ký kết và nội dung của hợp đồng kinh tế. - Trình bày được các biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng, các trường hợp thay đổi, thanh lý hợp đồng kinh tế. - Hiểu được các vi phạm và xử lý vi phạm hợp đồng kinh tế.	Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 90 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút	nhANH tẠI LỚP	<i>quản lý được</i>, Bài giảng đào tạo được sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022 [2] Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng, <i>Giáo trình quản lý và kinh tế được</i>, NXB Y học, (2007).
7.	Quản trị doanh nghiệp được 1. Đại cương	- Hiểu và trình bày được khái niệm, đặc điểm, tính chất	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	[1] Trường Đại học Đông Đô, <i>Tổ chức quản lý được</i>, Bài giảng đào tạo được

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	1.2, Khái niệm, tính chất 1.3, Các quy luật trong quản trị 1.4, Các phương pháp quản trị 1.5, Các phương pháp phân tích hiện đại 2. Các trường phái quản trị 3. Chức năng và kỹ năng quản trị 3.1, Chức năng quản trị 3.2, Kỹ năng quản trị 4. Nhiệm vụ cơ bản của nhà quản trị 5. Hoạch định 6. Quyết định quản trị doanh nghiệp 7. Quản trị nguồn nhân lực 8. Văn hóa của doanh nghiệp	và các quy luật quản trị. -. Nắm được các phương pháp quản trị. - Phân tích được các phương pháp phân tích hiện đại của quản trị, các trường phái quản trị. - Hiểu và trình bày được các chức năng cơ bản của quản trị. - Trình bày và phân tích được các kỹ năng cơ bản, nhiệm vụ của nhà quản trị. - trình bày được các bước tiến trình hoạch định chiến lược	Thuyết giảng: 3 tiết Thảo luận: 90 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút		sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022 [2] Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng, <i>Giáo trình quản lý và kinh tế được</i> , NXB Y học, (2007).

15. Tài liệu học tập:

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] Bộ Y tế (2015), *Quản lý và kinh tế được*, Nhà xuất bản Y học.

[2] , Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng, *Giáo trình quản lý và kinh tế dược*, NXB Y học, (2007).

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

**Giảng viên biên
soạn**

TS. Nguyễn Minh Tuấn

DSCKII: Hoàng Duy Hiền

DSCKII: Hoàng Duy Hiền

**Dược động học
(Pharmacokinetics)**

2. Tên học phần (tiếng Việt): Dược động học	Tiếng Anh: Pharmacokinetics
2. Mã học phần:	7DDH040
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Ngô Văn nghiệp
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Hóa dược, dược lý,
- Học phần học trước:	Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Hóa dược, Dược lý 1,2
- Học phần song hành:	Pháp chế dược, Kiểm nghiệm thuốc...

49. Mô tả tóm tắt học phần:

- Dược động học là môn học nghiên cứu sự tác động của cơ thể lên thuốc thông qua bốn quá trình chính:

1- Hấp thu: (absorption): cách thuốc đi vào cơ thể qua đường tiêu hóa, tiêm, hít...

2- Phân bố: ((distribution): quá trình thuốc di chuyển trong máu đến các mô, cơ quan.

3- Chuyển hóa (Metabolism): Quá trình gan (chủ yếu) chuyển hóa thuốc biến đổi thuốc thành dạng dễ đào thải

4- Thải trừ (Excretion) : thuốc được đào thải ra khỏi cơ thể qua gan, thận, phổi...

- Môn học giúp hiểu rõ động học của thuốc để tối ưu hóa hiệu quả điều trị, giảm tác dụng phụ, và cá nhân hóa phác đồ điều trị.

- Sau khi học xong biết vận dụng kiến thức dược động học sử dụng thành thạo các nhóm thuốc: Nhóm thuốc, an thần gây ngủ, rối loạn tâm thần, tim mạch, thuốc lợi tiểu, thuốc điều trị dạ dày, thuốc chống đông máu, thuốc kháng sinh, thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, nhóm thuốc corticoid, thuốc kháng histamin, thuốc chống ung thư, hormon, vitamin...

50. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu	Miêu tả (mức độ tổng quát)

(MT)	
CO1 (K)	Mục tiêu của môn dược động học là giúp sinh viên hiểu và áp dụng các nguyên tắc dược động học vào thực hành lâm sàng, tối ưu hóa hiệu quả điều trị và giảm thiểu các tác dụng phụ của thuốc cụ thể: 1- Hiểu nguyên lý dược động học: nắm vững được các quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc. 2- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng: đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố, sinh lý, bệnh lý và tương tác thuốc đến dược động học.
CO2 (S)	- Ứng dụng trong thực hành: tính toán các thông số dược động học (tốc độ hấp thu, thời gian bán thải, diện tích đường cong- AUC) để điều chỉnh thuốc hợp lý - Cá nhân hóa điều trị: định hướng sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả cho từng bệnh nhân dựa trên đặc điểm dược động học. Chỉ định điều trị cách dùng, liều dùng, chống chỉ định, tương tác thuốc và những lưu ý đặc biệt của các nhóm thuốc. Thực hành hướng dẫn sử dụng thuốc, an toàn, hiệu quả và kinh tế. Phân tích đơn thuốc trong điều trị
CO3 (A)	Tích cực học tập, cập nhật kiến thức chuyên môn. Tích cực vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế lâm sàng. Cận trọng trong thực hành lâm sàng tư vấn sử dụng thuốc

.....

51. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.39. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được các Khái niệm: <i>Dược động học</i>: hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ thuốc là gì?. - Các đường hấp thu thuốc vào cơ thể và các yếu tố ảnh hưởng đến hấp thu thuốc. - Phân bố thuốc vào các tổ chức trong cơ thể, các yếu tố ảnh hưởng đến phân bố thuốc. -Chuyển hóa thuốc:các giai đoạn chuyển hóa thuốc và các yếu tố ảnh hưởng tới chuyển hóa thuốc, các cơ quan tham gia chuyển hóa, các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển hóa thuốc,	Nêu vấn đề. Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Kiểm tra tự luận 15 phút

		-Các cơ quan và các con đường thải trừ thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến thải trừ thuốc -Các thông số dược động học -Các biến đổi dược động học ở đối đặc biệt.		
CLO2	K3 (Áp dụng)	-Sau khi nắm vững được kiến thức về dược động học sinh viên biết áp dụng kiến thức học được vào tư vấn hướng dẫn sử dụng thuốc cho các đối tượng: người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ có thai, đang cho con bú, những người mắc các bệnh lý nền như gan, thận, tim mạch ...biết điều chỉnh liều dùng của thuốc, phòng tránh tương tác thuốc, biết phối hợp thuốc, và những lưu ý đặc biệt sử dụng thuốc.	Nêu vấn đề. Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Kiểm tra tự luận 1 tiết
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	-Thực hành hướng dẫn sử dụng thuốc An toàn, hiệu quả và kinh tế. Phân tích đơn thuốc trong điều trị, - Vận dụng dược động học hướng dẫn cách uống thuốc đạt hiệu quả cao nhất vào cơ thể: uống trước ăn, sau ăn, thời điểm uống, phối hợp thuốc đúng cách tránh tương tác thuốc.khoảng cách các lần uống, hiệu chỉnh liều với đối tượng đặc biệt. người suy gan thận... -Cách giải độc thuốc (đào thải thuốc) -Tham gia nghiên cứu thuốc: định lượng thuốc trong huyết tương, đánh giá hiệu quả thuốc trong điều trị.	Thực hành, nghiên cứu, bài tập	Quan sát, Kiểm tra kết quả
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Sau khi học xong sử dụng thành thạo các loại thuốc: vận dụng kiến thức dược động học hướng dẫn bệnh nhân uống thuốc đạt hiệu quả và an toàn và kinh tế nhất. tìm ra được các cặp tương tác thuốc, tìm ra được sai sót trong đơn về liều lượng, cách dùng, đường dùng, thời điểm dùng của thuốc, tương tác thuốc, chú ý đối tượng đặc biệt trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai người có bệnh đi kèm. Cách phối hợp thuốc hợp có lý không...	Thực hành, nghiên cứu bài tập	Quan sát, Kiểm tra kết quả
CLO5	A1 (Thái độ)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại	Thuyết trình, bài tập, thảo luận,	Phỏng vấn, quan

	tự chủ tiếp nhận)	khóa...	làm việc nhóm	sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hỏi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: phương pháp dạy học tích cực, nêu vấn đề cho sinh viên thảo luận, tổng hợp các ý kiến phân tích giải thích. Giáo viên thuyết trình nội dung vấn đề. Sau đó ra bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm bài tự luận, luận án...

11.40. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2(K)		K3				
CLO3(S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5(A)					A1	
CLO6(A)						A2

Ghi chú: *Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:*

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

52. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.39. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	<i>Ví dụ:</i> <i>Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ</i>	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	<i>Ví dụ:</i> <i>Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ</i>	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.40. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric. Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Kh á 65- 79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5, 0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học

					tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50% - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-79% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

53. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

54. Kế hoạch giảng dạy

14.42. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
4 tiết	Bài 1: Vận chuyển thuốc qua màng sinh học - Cấu trúc màng tế bào - Cơ chế vận chuyển thuốc qua màng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 tiết	Bài 2: Hấp thu thuốc - Khái niệm - Hấp thu thuốc qua đường uống và các yếu tố ảnh hưởng - Hấp thu thuốc qua đường ngoài ruột - Dược động học của hấp thu	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 tiết	Bài 3: Phân bố thuốc - Khái niệm - Các yếu tố ảnh hưởng đến phân bố thuốc - Dược động học phân bố thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 tiết	Bài 4: chuyển hóa và thải trừ thuốc - Khái niệm - Chuyển hóa thuốc: các giai đoạn chuyển hóa và các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển hóa thuốc - Thải trừ thuốc: thải trừ thuốc qua thận và các đường ngoài thận - Dược động học bài xuất	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
6 tiết	Bài 5: Các thông số dược động học cơ bản - Khái niệm - Sinh khả dụng và tương đương sinh học - Thể tích phân bố : định nghĩa và cách tính thể tích phân bố - Độ thanh thải của thuốc : định nghĩa và cách tính độ thanh thải của thuốc và tính liều lượng thuốc - Thời gian bán thải: thời gian bán thải là gì và cách tính	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)
4 tiết	Bài 6:	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	-Những biến đổi dược động học ở các đối tượng đặc biệt có thay đổi về sinh lý 1-dược động học trẻ em 2-Dược động học người cao tuổi 3-Dược động học phụ nữ có thai	
4 tiết	Bài 7 : - Sự biến đổi các thông số dược động học và hiệu chỉnh liều khi sử dụng thuốc ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan thận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
2 tiết.	Bài 8: -Hệ thống kiến thức, Giải đáp thắc mắc - Kiểm tra 1 tiết	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi hết học phần (2 tiết)	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

14.43. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Bài 1: .Vận chuyển thuốc qua màng sinh học -Cấu trúc màng tế bào -Cơ chế vận chuyển thuốc qua	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
2/1	Bài 2. Hấp thu thuốc - Khái niệm -Hấp thu thuốc qua đường uống và các yếu tố ảnh hưởng -Hấp thu thuốc qua đường ngoài ruột -Dược động học của hấp thu	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
3/1	Bài 3: Phân bố thuốc - Khái niệm	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>

	- Các yếu tố ảnh hưởng đến phân bố thuốc - Dược động học phân bố thuốc			
4/1	Bài 4: chuyển hóa và thải trừ thuốc - Khái niệm - Chuyển hóa thuốc: các giai đoạn chuyển hóa và các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển hóa thuốc - Thải trừ thuốc: thải trừ thuốc qua thận và các đường ngoài thận - Dược động học bài xuất	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
5/1	Bài 5: Các thông số dược động học cơ bản - Khái niệm - Sinh khả dụng và tương đương sinh học - Thể tích phân bố : định nghĩa và cách tính thể tích phân bố - Độ thanh thải của thuốc : định nghĩa và cách tính độ thanh thải của thuốc và tính liều lượng thuốc - Thời gian bán thải: thời gian bán thải là gì và cách tính + Tác dụng và TDKMM	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
6/1	Bài 6: - Những biến đổi dược động học ở các đối tượng đặc biệt có thay đổi về sinh lý 1-dược động học trẻ em 2-Dược động học người cao tuổi	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>

	3-Dược động học phụ nữ có thai			
7/1	Bài 7 : - Sự biến đổi các thông số dược động học và hiệu chỉnh liều khi sử dụng thuốc ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan thận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
8/1	Bài 8: (2LT,1TH) -Hệ thống kiến thức, Giải đáp thắc mắc - Kiểm tra 1 tiết	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
9/1	Thi hết học phần	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Tự nghiên cứu làm bài thi, thực hành	Chấm bài thi tự luận hết học phần

15.Tài liệu học tập:

a. Tài liệu/giáo trình chính:

- [1] Bộ Y tế (2011) .*Dược động học* NXB Y học
- [2] Bộ Y Tế (20018); *Dược lý 2* NXB Y học
- [3] Trường ĐH Y Hà Nội (2001) *Dược lý học* NXB Y học
- [4] Bộ Y Tế (2009); *Dược Thư Quốc Gia Việt Nam*

b. Tài liệu tham khảo phụ:

- [1] Dược lâm sàng, Bộ môn Dược lý, Trường ĐH Dược Hà Nội (2011)
- [2] GS.TS. Hoàng Thị Kim Huyền, GS.TS.J.R.B.J Brouwers và cộng sự (2014),
- [3] Dược Lâm Sàng- Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị (tập 1), Trường Đại Học Dược Hà Nội, Đại Học Groningen Hà Lan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS.Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Ngô Văn Nghiệp

ThS. Ngô Văn Nghiệp

ĐỘC CHẤT HỌC
(Toxicology)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Kiểm nghiệm dược phẩm	Tên tiếng Anh: Pharmaceutical quality control
2. Mã học phần:	7ĐCH772020125
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành (Chuyên ngành)
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Văn Trân
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược
- Học phần học trước:	Dược lâm sàng
- Học phần song hành:	Kiểm nghiệm dược phẩm

55. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Độc chất học cung cấp cho sinh viên kiến thức về tính chất hóa học và độc tính của các chất độc thường gặp, phản ứng phát hiện chất độc trong mẫu phân tích và cách xử lý.

56. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Trình bày và áp dụng được các phương pháp kiểm nghiệm các loại hóa chất độc có nguồn gốc khác nhau trong các cơ chất khác nhau. Giải thích được cơ chế gây độc của một số chất độc thường gặp.
CO2 (S)	Có kỹ năng thực hiện Kiểm nghiệm được 1 số độc chất thường gặp Pha chế được một số dụng dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định.

	Sử dụng được một số máy móc để kiểm nghiệm chất độc như: máy đo pH, máy quang phổ tử ngoại- khả kiến, máy sắc ký khí, máy sắc ký lỏng hiệu năng cao...
CO3	Có thái độ phù hợp để xử lý những tình huống nảy sinh trong hoạt động chuyên môn.
(A)	Rèn luyện tác phong thận trọng, chính xác, trung thực trong kiểm nghiệm chất độc.

.....

57. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá
(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.41. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được các khái niệm cơ bản của độc chất học	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Kiểm tra tự luận 15 phút
CLO2	K3 (Áp dụng)	Trình bày được các phương pháp phân lập chất độc vô cơ và một số chất độc vô cơ điển hình. Trình bày được các phương pháp phân lập chất độc vô cơ và một số chất độc vô cơ điển hình. Trình bày được các phương pháp phân lập chất độc hữu cơ và một số chất độc hữu cơ điển hình. Trình bày được các phương pháp xác định các chất độc kim loại. Trình bày được các độc chất phân lập bằng phương pháp cất. Trình bày được các chất độc phân lập bằng chiết ở môi trường acid, môi trường kiềm Trình bày được độc tính của các chất trừ sâu, diệt cỏ.	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Kiểm tra tự luận 1 tiết
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được các chất độc vô cơ (Kim loại nặng: Pd, Hg, Cd, As...)	Thực hành, nghiên cứu	Quan sát, Kiểm tra kết quả
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được các chất độc hữu cơ (HCN, Ethanol, Methanol, Benzen và hydro carbon thơm, Barbiturat, Digitoxin, Neriolin, alcaloid của lá ngón, Stricnin, Nicotin, Aconitin, Atropin,	Thực hành, nghiên cứu	Quan sát, Kiểm tra kết quả

		Tetrodotoxin, Aflatoxin, Aflatoxin, Ochratoxin) Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được các chất ma túy (morphin, heroin, amphetamin, methamphetamine, MDMA, cocain....) Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được hóa chất bảo vệ thực vật (nhóm lân hữu cơ, chlor hữu cơ, nitơ hữu cơ, lưu huỳnh hữu cơ...)		
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.42. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: *Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:*

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

58. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.41. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.42. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric. Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng điê m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Kh á 65- 79%	Tốt 80- 100%
Chuyên cần					
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-79% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

59. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.

- Hoàn thành các bài tập được giao.
 - Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- 13.2. Quy định về thi cử, học vụ
- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
 - Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

60. Kế hoạch giảng dạy

14.44. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
6 tiết (6 LT: 0 TH)	Bài 1: Đại cương về độc chất học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
6 tiết (6 LT: 0 TH)	Bài 2. Các phương pháp phân lập chất độc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
6 tiết (6 LT: 0 TH)	Bài 3: Các chất độc vô cơ	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi giữa kỳ 1 tiết	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)
6 tiết (6 LT: 0TH)	Bài 4: Các chất độc hữu cơ	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
6 tiết (6 LT: 0TH)	Bài 5: Các chất ma túy	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
6 tiết (6 LT: 0TH)	Bài 6: Các hoá chất Bảo vệ thực vật	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi hết học phần (2 tiết)	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

14.45. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Chương 1: Bài 1. (6LT, 0TH) Đại cương về độc chất học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm,	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>

2/1	Bài 2. (6LT, 0 TH) Các phương pháp phân lập chất độc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm,	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
3/1	Bài 3. (6LT, 0 TH) Các chất độc vô cơ	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm,	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
3/1	Bài 3. Thi giữa kỳ (1LT, 0TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Tự nghiên cứu làm bài thi,	Chấm bài thi tự luận giữa kỳ
4/1	Bài 4. (6LT, 0 TH) Các chất độc hữu cơ	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm,	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
5/1	Bài 5. (6LT, 0TH) Các chất ma túy	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm,	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
6/1	Bài 6. (6LT, 0 TH) Các hoá chất Bảo vệ thực vật	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm,	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
7/1	Bài 7. Thi hết học phần (2LT, 0TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Tự nghiên cứu làm bài thi,	Chấm bài thi tự luận hết học phần

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- Tài liệu/giáo trình chính:

- [1]. *Độc chất học*, Giáo trình nội bộ, Trường Đại học Đông Đô, 2022.
[2]. *Thực tập độc chất học*, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô, 2022

b. Tài liệu tham khảo

- [3]. Trần Tử An. *Môi trường và độc chất môi trường*, Đại học Dược Hà Nội, 2002.
[4]. Học viện Quân y 2014. *Độc chất học*. Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân Hà Nội.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01. năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Đỗ Văn Trân

ThS. Đỗ Văn Trân

SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG
(Enviromental health)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Sức khỏe môi trường	Tên tiếng Anh: (Enviromental health)
2. Mã học phần:	7DUC029
3. Số tín chỉ: 02	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành Y học dự phòng
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 tiết
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	PGS,TS, BSCK2 : Lê Khắc Đức Th.S, BSCK2. Trần Hồ
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Các học phần Y học cơ sở
- Học phần song hành:	Dịch tễ học; Dinh dưỡng ATTP; Kiểm soát nhiễm khuẩn và Phương pháp nghiên cứu khoa học

61. Mô tả tóm tắt học phần

Là học phần chủ yếu, cơ bản của khoa học y học dự phòng và có mối liên quan kiến thức, kỹ năng ứng dụng thực hành quan trọng đối với hầu hết các học phần khác của khối ngành về khoa học Y-Dược

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường sạch của tự nhiên ảnh hưởng tới đời sống sinh vật và con người; và các kiến thức về ô nhiễm môi trường ảnh hưởng tới sức khỏe và bệnh tật con người. Nắm được kỹ năng và biết cách áp dụng vào thực hành bảo vệ môi trường bệnh viện và các cơ sở y tế để sức khỏe con người

10.Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)

CO1 (K)	Có kiến thức: Hiểu biết rõ được những kiến thức cơ bản về đại cương sức khỏe môi trường; ảnh hưởng của các loại môi trường tự nhiên, xã hội và ô nhiễm môi trường tới sức khỏe và bệnh tật con người.
CO2 (S)	Có kỹ năng phân tích, đánh giá, nghiên cứu được các yếu tố, thành phần môi trường sạch và ô nhiễm và Biết cách áp dụng các kiến thức vào thực hành bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe con người
CO3 (A)	Có thái độ cầu thị, nâng cao kiến thức và trách nhiệm đối với Học phần sức khỏe môi trường để bảo vệ môi trường và sức khỏe con người Có thái độ học tập tích cực, đáp ứng được đầy đủ chương trình học phần và ứng dụng vào mối liên quan với các học phần khác cùng khối ngành ...

21. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.43. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	- Hiểu biết rõ, đầy đủ được những kiến thức cơ bản về đại cương sức khỏe môi trường; - Hiểu biết rõ, đầy đủ được những kiến thức cơ bản về ảnh hưởng của các loại môi trường tự nhiên và xã hội tới sức khỏe và bệnh tật con người. - Hiểu biết rõ, đầy đủ được những kiến thức cơ bản về ô nhiễm môi trường tới sức khỏe và bệnh tật con người.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Kiểm tra, Thảo luận, bài tập, đánh giá
CLO2	K3 (Áp dụng)	Biết cách áp dụng được các kiến thức về các thông số yếu tố thành phần ô nhiễm môi trường vào việc bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe con người	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Vận dụng được kiến thức vào việc phân tích, đánh giá, nghiên cứu được các yếu tố, thành phần môi trường sạch và ô nhiễm	Nghiên cứu Phân tích Đánh giá	Bài tập
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Xử lý, thực hiện được một số biện pháp bảo vệ môi trường Bệnh viện và các cơ sở y tế địa phương.	Thảo luận, làm việc nhóm, bài tập	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận thức được vị trí vai trò và thực sự cầu thị, học tập tiếp nhận nâng cao kiến thức và trách nhiệm đối với Học phần sức khỏe môi trường để bảo vệ môi trường và sức khỏe con người	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát

CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Có thái độ học tập tích cực, đáp ứng được đầy đủ chương trình học phần và ứng dụng vào mỗi liên quan với các học phần khác cùng khối ngành ... Có tinh thần trách nhiệm phản hồi tích cực, tìm hiểu thực tế về thực trạng ô nhiễm môi trường; tuyên truyền vận động cộng đồng chung tay bảo vệ môi trường bảo vệ sức khỏe	Thảo luận, làm việc nhóm; phản hồi đối thoại tích cực	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành/tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.44. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12.Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.43. Đánh giá học tập

Bài đánh	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)

giá				
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1; A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Đáp án, thang điểm	K2; K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2; K3 A1; A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận; GV đánh giá và lưu hồ	Đáp án	K2 ; K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2; K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2; S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết: A1 + A2 + A3 = 100%				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.44. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50- 64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0 -49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận nhóm					
Tiêu trids	Thang điểm	Không đạt 0 – 49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tiêu chí					
		0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
Nội dung	3	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0

		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên
Bài kiểm tra viết					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
Nội dung	5	Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3	Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV

(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Sinh viên đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học
- Sinh viên hoàn thành các bài tập được giao, hoặc chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Sinh viên vi phạm qui chế thi sẽ bị xử lý theo qui định.

26. Kế hoạch giảng dạy

14.46. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
4 (4 LT 0TH)	Chương I . ĐẠI CƯƠNG SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG 1.1.Môi trường sống (Living environment) 1.2. Sức khỏe 1.3. Mối quan hệ giữa sức khỏe và môi trường 1.4. Ô nhiễm môi trường và biện pháp bảo vệ môi trường	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
16 (16 LT 0TH)	Chương II. CÁC LOẠI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN ẢNH HƯỞNG TỚI SỨC KHOẺ CON NGƯỜI 2.1. Môi trường không khí 2.2. Môi trường nước 2.3. Môi trường đất	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
6 (6LT 0TH)	Chương III. CHẤT THẢI RẮN Y TẾ VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG BỆNH VIỆN 3.1. Chất chất thải rắn y tế 3.2. Môi trường Bệnh viện 3.3. Vệ sinh môi trường Bệnh viện	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 (4LT 0TH)	Chương IV. QUẦN THỂ SINH VẬT VÀ HỆ SINH THÁI 4.1. Khái quát 4.2. Các Quần thể và tính chất đặc trưng 4.3. Hệ sinh thái 4.4. Tác động của con người tới Hệ sinh thái	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.47.

Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	<i>Chương I . ĐẠI CƯƠNG SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG</i>			
1/1 (2 LT)	Bài1. Đại cương Sức khỏe môi trường - Môi trường sống - Sức khỏe - Mối quan hệ giữa sức khỏe và môi trường	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	Quan sát, hồ sơ học tập
2/1 (2 LT)	Bài 2. Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng tới sức khỏe con người -Khái niệm/Định nghĩa ô nhiễm môi trường - Thực trạng ô nhiễm môi trường	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu,	Quan sát, hồ sơ học tập

	- Bảo vệ môi trường		tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	
Chương II. CÁC LOẠI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN ẢNH HƯỞNG TỚI SỨC KHỎE CON NGƯỜI				
3/2	Bài 3. Môi trường không khí và sức khỏe - Cấu tạo khí quyển - Ảnh hưởng của các thành phần, yếu tố của không khí tới sự sống và sức khỏe con người	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập
4/2	Bài 4. Ô nhiễm không khí - Khái niệm- Định nghĩa - Ô nhiễm các thành phần, yếu tố của không khí ảnh hưởng tới sức khỏe - Các giải pháp /biện pháp bảo vệ môi trường không khí	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	Quan sát, hồ sơ học tập
5/3	Bài 5. Môi trường nước - Tài nguyên nước và chu trình nước tự nhiên - Vai trò của nước đối với con người - Ô nhiễm nước và sức con khỏe con người - Giải pháp và biện pháp bảo vệ môi trường nước	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	Quan sát, hồ sơ học tập
6/3	Bài 6. Môi trường đất - Ý nghĩa sinh học của đất - Ô nhiễm đất ảnh hưởng tới ssự sống và sức khỏe con người - Giải pháp và biện pháp bảo vệ môi trường đất	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	Quan sát, hồ sơ học tập
Chương III. CHẤT THẢI RẮN Y TẾ VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG BỆNH VIỆN				
7/3	Bài 7. Môi trường Chất thải rắn ảnh hưởng tới sức khỏe con người - Phân loại chất thải rắn và chất thải rắn y tế - Thực trạng Ô nhiễm chất thải rắn ảnh hưởng tới sức khỏe con người - Quản lý và giải pháp xử lý chất thải rắn .	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	Quan sát, hồ sơ học tập
8/3	Bài 8. Vệ sinh môi trường bệnh viện. - Vai trò ý nghĩa của Vệ sinh môi trường bệnh viện. - Môi trường bệnh viện và ô nhiễm môi trường bề mặt bệnh viện	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình	Quan sát, hồ sơ học tập

	- Các giải pháp và biện pháp vệ sinh bảo vệ môi trường bệnh viện		- Thảo luận nhóm.	
Chương IV. QUẦN THỂ SINH VẬT VÀ HỆ SINH THÁI				
9/4	Bài 9. Quần thể sinh vật và hệ sinh thái - Khái niệm các Quần thể sinh vật và tính chất đặc trưng - Khái niệm, ý nghĩa và các tính chất đặc trưng của Hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái nhân tạo. - Tác động của con người tới sự biến đổi Hệ sinh thái đối với sự sống và sức khỏe loài người	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, - Vấn đáp, phản hồi - Tự học, tìm hiểu, tài liệu, giáo trình - Thảo luận nhóm.	Quan sát, hồ sơ học tập

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, bài giảng, giáo trình chính

1. Chủ biên: PGS.TS. Lê Khắc Đức và CS: **Giáo trình Sức khỏe môi trường**; Lưu hành nội bộ Trường Đại học Đông Đô, năm 2020

2. Chủ biên : PGS.TS.Lê Khắc Đức và CS; Bộ môn YHDP và YTCC - Khoa Dược Xét nghiệm, Trường Đại học Đông Đô: **Tập Bài giảng sức khỏe môi trường**; Lưu hành nội bộ Khoa, năm 2023

15.2. Sách tài liệu tham khảo

Tài liệu tham khảo chính:

1.Chủ biên : PGS.TS. Chu Văn Thắng,(2011), Sức khỏe môi trường , NXB Y học

2. Chủ biên: PGS.TS Lê Khắc Đức và CS; (2006) : Vệ sinh học môi trường, lao động, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm. NXB Quân đội nhân dân

Tài liệu tham khảo phụ:

1. Nguyễn Mạnh Liên (2006) Y học môi trường và lao động, NXB Y học
2. Bộ môn Vệ sinh Môi trường-Dịch tễ, Trường Đại học y Hà Nội: sách Vệ sinh Môi trường-Dịch tễ tập 1, tập 2; NXB Y học, 1997
3. Nguyễn Huy Nga (2004) Bảo vệ môi trường trong các cơ sở y tế (sách chuyên khảo), NXB Y học

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÂM SÀNG 2

1. Tên học phần (Tiếng Việt): Dược lâm sàng 2	Tên tiếng Anh: Clinical Pharmacology 2
2. Mã học phần:	DLT772020140
3. Số tín chỉ:	3
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần	1 tiết
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	60 tiết
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Đỗ Thị Hoàng Hải
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Bệnh học, vi sinh, ký sinh, dược lý 1,2, hóa dược, bào chế
- Học phần học trước:	Dược lâm sàng 1
- Học phần song hành:	

9. Mô tả tóm tắt học phần:

- Học phần Dược lâm sàng 2 cung cấp kiến thức kỹ năng tra cứu thông tin thuốc về một số bệnh lý thường gặp tại bệnh viện và nhà thuốc. Sinh viên có cơ hội thực hành rèn luyện kỹ năng của Dược sĩ Lâm Sàng, phân tích và đánh giá ca lâm sàng cụ thể trên một số bệnh lý cụ thể, từ đó đưa ra các tư vấn.
- Bệnh viện: Dược sĩ lâm sàng cần nắm rõ kiến thức và kỹ năng tra cứu về hướng dẫn điều trị, sử dụng thuốc trên một số bệnh lý chuyên khoa tim mạch, nội tiết, tiêu hóa
- Nhà thuốc: Dược sĩ lâm sàng nắm rõ kiến thức, kỹ năng tư vấn một số bệnh lý thường gặp.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	K2: Hiểu các hướng dẫn điều trị và nguyên tắc sử dụng thuốc trên một số bệnh lý chuyên khoa như tim mạch, nội tiết. K3: Áp dụng kiến thức để tư vấn và hỗ trợ bệnh nhân trong bệnh viện và nhà thuốc trong các ca lâm sàng giả định.
CO2 (S)	S2: Tra cứu, sử dụng các tài liệu tham khảo và hướng dẫn điều trị trong thực hành được lâm sàng. S3: Phân tích, đánh giá ca lâm sàng giả định và đưa ra các khuyến nghị điều trị phù hợp.
CO3 (A)	A1: Rèn luyện được khả năng thận trọng, chính xác khi tư vấn sử dụng thuốc A2: Chủ động tra cứu, cập nhật kiến thức về thông tin thuốc và các hướng dẫn điều trị để nâng cao năng lực chuyên môn.

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu các hướng dẫn điều trị và nguyên tắc sử dụng thuốc trên một số bệnh lý chuyên khoa như tim mạch, nội tiết.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận
CLO 2	K3 (Áp dụng)	Áp dụng kiến thức để tư vấn và hỗ trợ bệnh nhân trong bệnh viện và nhà thuốc trong các ca lâm sàng giả định.	Thực hành trên ca lâm sàng giả lập.	Bài tập tình huống, báo cáo cá nhân
CLO 3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Tra cứu, sử dụng các tài liệu tham khảo và hướng dẫn điều trị trong thực hành được lâm sàng.	Làm bài tập tình huống, thực hành nhóm.	Bài tập nhóm, đánh giá kỹ năng thực hành tra cứu.

COL 4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Áp dụng kiến thức để tư vấn và hỗ trợ bệnh nhân trong bệnh viện và nhà thuốc trong các ca lâm sàng giả định.	Học mô phỏng tình huống lâm sàng	Báo cáo phân tích ca lâm sàng, thực hành tư vấn ca lâm sàng theo nhóm
CLO 5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Thận trọng, chính xác khi tư vấn sử dụng thuốc	Giảng dạy trực tiếp, thảo luận nhóm	Quan sát thái độ tham gia, đặt câu hỏi.
CLO 6	A2 (Thái độ hỏi đáp, phản ứng)	Chủ động tra cứu, cập nhật kiến thức về thông tin thuốc và các hướng dẫn điều trị để nâng cao năng lực chuyên môn.	Thảo luận mở, làm việc nhóm	Quan sát thái độ tham gia, tự đánh giá.

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: <i>Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ</i>	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: <i>Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ</i>	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc báo cáo thuyết trình; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.

12.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng điểm	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80- 100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89 80%- %số giờ lớp lý lên thuy ết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80- 100%
		0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80% nhiệm vụ nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (*Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên*)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

14.1. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
28 tiết (14 LT: 14 TH)	Phần 1. Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh lý chuyên khoa 1.1. Sử dụng thuốc trong điều trị tăng huyết áp 1.2. Sử dụng thuốc trong điều trị tiểu đường 1.3. Sử dụng thuốc trong điều trị tâm thần phân liệt	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi giữa kỳ 1 LT, 1TH	Thi trắc nghiệm, thi báo cáo thuyết trình	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)
24 tiết (12 LT: 12TH)	Phần 2. Sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh lý thường gặp nhà thuốc 2.1.Sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh lý đường hô hấp thường gặp ở nhà thuốc 2.2.Sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh đường tiêu hóa thường gặp nhà thuốc 2.3.Sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh lý khác thường gặp nhà thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2) CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi hết học phần (2 tiết LT, 2 tiết TH)	Thi tự luận, thi thực hành	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

14.2. Kế hoạch dạy học

Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động Dạy và học	Bài đánh giá
Phần 1: Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh lý chuyên khoa				
1,2	Bài 1. (5LT, 5 TH) Sử dụng thuốc trong điều trị tăng huyết áp	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
2,3	Bài 2 . (5 LT, 5 TH) Sử dụng thuốc trong điều trị tiểu đường	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
4,5	Bài 3. (4LT, 4 TH) Sử dụng thuốc trong điều trị viêm loét dạ dày tá tràng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Thi giữa kỳ (1 LT, 1 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc báo cáo thuyết trình	<i>Chấm bài</i>
Phần 2: Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh lý thường gặp ở nhà thuốc				
6,7	Bài 4. (4LT, 4 TH) Sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh lý đường hô hấp thường gặp ở nhà thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
8,9	Bài 2. (4 LT, 4 TH) Sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh đường tiêu hóa thường gặp nhà thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
10,11	Bài 3. (4LT, 4 TH)	CLO1,2 (K2, K3)	Thuyết trình, tự nghiên	Chấm bài thi tự luận giữa

	Sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh lý khác thường gặp nhà thuốc	CLO 3,4 (S2, S3)	cứu làm bài thi	kỳ
	Ôn tập (1 LT, 1 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
12	Thi hết học phần lý thuyết, thực hành (2LT, 2 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Tự nghiên cứu làm bài thi lý thuyết	Chấm bài thi tự luận hết học phần

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] Đại Học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh, Bộ Môn Dược Lâm Sàng (2023), *Dược Lâm Sàng và điều trị*, NXB Y Học

[2] Võ Thị Hà (2018), *Sổ tay tư vấn dành cho dược sĩ nhà thuốc, 30 triệu chứng thông thường*, NXB Lao Động.

b. Tài liệu tham khảo

[3] Brunton, L. L., Knollmann, B. C., & Hilal-Dandan, R. (Eds.). (2023). *Goodman & Gilman's the pharmacological basis of therapeutics* (14th ed.). McGraw Hill.

[4] Pharmaceutical Press. (2009). *Pharmacy Case Studies* (1st ed.). Pharmaceutical Press. ISBN: 978-0853697244.

[5] Babbini, M., & Thomas, M. L. (2014). *Pharmacology test prep: 1500 USMLE-style questions & answers*. McGraw Hill Education.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2024

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

Th.S. Ngô Văn Nghiệp

Th.S. Đỗ Thị Hoàng Hải

KIỂM NGHIỆM DƯỢC PHẨM
(Pharmaceutical quality control)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Kiểm nghiệm dược phẩm	Tên tiếng Anh: Pharmaceutical quality control
2. Mã học phần:	7KND772020128
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành (Chuyên ngành)
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết	15 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	(1 giờ thi, 4 giờ ôn tập)
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS. Đỗ Văn Trân
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Hóa phân tích
- Học phần học trước:	Hóa phân tích
- Học phần song hành:	Dược lâm sàng

62. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Kiểm nghiệm dược phẩm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chất lượng thuốc, phương pháp lấy mẫu và lưu mẫu, một số phương pháp kiểm nghiệm thuốc được ghi trong Dược điển Việt Nam. Sinh viên cũng thực hành kiểm nghiệm một số dạng bào chế thông dụng.

63. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)

CO1 (K)	Sinh viên trình bày được khái niệm chất lượng thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc, công tác tiêu chuẩn hoá và kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn Giải thích được nguyên lý của một số phương pháp hoá học, hoá lý thường dùng trong kiểm nghiệm thuốc. Trình bày được nguyên lý của kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp sinh học Trình bày được các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử để đánh giá chất lượng các dạng bào chế thường gặp. Trình bày được nguyên tắc xác định độ ổn định của thuốc.
CO2 (S)	Có kỹ năng thực hiện kiểm nghiệm được các tiêu chí chính của một số dạng chế phẩm. Kiểm nghiệm được một số dạng thuốc và nguyên liệu làm thuốc thông dụng. Pha chế được một số dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định. Sử dụng được một số máy móc để kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc như: máy đo pH, máy quang phổ tử ngoại- khả kiến, máy sắc ký lỏng hiệu năng cao...
CO3 (A)	Có thái độ phù hợp để xử lý những tình huống nảy sinh trong hoạt động chuyên môn. Rèn luyện tác phong thận trọng, chính xác, trung thực trong kiểm nghiệm thuốc.

.....

64. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.45. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	OK2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được các khái niệm về các vấn đề trong kiểm nghiệm dược phẩm	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Kiểm tra tự luận 15 phút
CLO2	K3 (Áp dụng)	Trình bày được các bước kiểm nghiệm dược phẩm bằng phương pháp hóa học. Trình bày được các bước kiểm nghiệm dược phẩm bằng phương pháp hóa lý. Trình bày được các bước kiểm nghiệm dược phẩm bằng phương pháp sinh học.	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Kiểm tra tự luận 1 tiết

		Trình bày được phương pháp kiểm nghiệm các dạng bào chế. Trình bày được phương pháp kiểm nghiệm độ ổn định và tuổi thọ của thuốc.		
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được nguyên liệu Calci Chlorid dihydrat (Xác định tạp chất, độ trong và màu sắc của dung dịch)	Thực hành, nghiên cứu, bài tập	Quan sát, Kiểm tra kết quả
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được viên nén sulfaguanidin 500mg Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được thuốc tiêm vitamin B12 1000γ/mL Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được thuốc bột sủi pha tiêm natri penicilin G 1.000.000 UI Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được thuốc bột sủi bột Hapacol 150 Flu Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được viên nang Paracetamol 500mg Trình bày các bước và tiến hành kiểm nghiệm được kem Cortibion và sirô Theralen	Thực hành, nghiên cứu bài tập	Quan sát, Kiểm tra kết quả
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.46. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

65. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.45. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%

A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.

12.46. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric. Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

66. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV:

(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

67. Kế hoạch giảng dạy

14.48. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần

10 tiết (6 LT: 4 TH)	Bài 1: Đại cương về kiểm nghiệm dược phẩm	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
10 tiết (6 LT: 4 TH)	Bài 2. Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp hóa học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
10 tiết (6 LT: 4 TH)	Bài 3: Các phương pháp hóa lý trong kiểm nghiệm thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi giữa kỳ 1 tiết	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)
10 tiết (6 LT: 4TH)	Bài 4: Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp sinh học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
10 tiết (6 LT: 4TH)	Bài 5: Kiểm nghiệm các dạng bào chế	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
10 tiết (6 LT: 4TH)	Bài 6: Độ ổn định và tuổi thọ của thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi hết học phần (2 tiết)	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

14.49. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Chương 1: Bài 1. (6LT, 4 TH) Đại cương về kiểm nghiệm dược- công tác kiểm tra chất lượng thuốc và mỹ phẩm	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
2/1	Bài 2. (6LT, 4 TH) Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp hóa học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>

3/1	Bài 3. (6LT, 4 TH) Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp hóa học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
3/1	Bài 3. Thi giữa kỳ (1LT, 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Tự nghiên cứu làm bài thi, thực hành	Chấm bài thi tự luận giữa kỳ
4/1	Bài 4. (6LT, 4 TH) Các phương pháp hóa lý trong kiểm nghiệm thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
5/1	Bài 5. (6LT, 4 TH) Kiểm nghiệm các dạng bào chế	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
6/1	Bài 6. (6LT, 4 TH) Độ ổn định và tuổi thọ của thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành	<i>quan sát, hồ sơ học tập, kiểm tra tự luận</i>
7/1	Bài 7. Thi hết học phần (2LT, 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Tự nghiên cứu làm bài thi, thực hành	Chấm bài thi tự luận hết học phần

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- **Tài liệu/giáo trình chính:**

[1] Trần Tử An (chủ biên). Kiểm nghiệm dược phẩm, NXB Y học, 2005.

[2] Thực tập kiểm nghiệm dược phẩm, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Đông Đô, 2022.

b. **Tài liệu tham khảo**

[3] Bộ Y tế, Dược điển Việt Nam V, NXB Y học, 2017

[4] Thái Nguyễn Hùng Thu (2021), Kiểm nghiệm thuốc, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội..

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

T.S Nguyễn Minh Tuấn

Th.S. Đỗ Văn Trân

Th.S. Đỗ Văn Trân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SẢN XUẤT THUỐC

1. Tên học phần (tiếng Việt): Sản xuất thuốc	Tên tiếng Anh: Drug Production
2. Mã học phần:	7DUC032
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	0
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	60 tiết
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Trường Giang
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Bào chế và sinh dược học
- Học phần học trước:	Bào chế và sinh dược học
- Học phần song hành:	Sản xuất thuốc từ dược liệu

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần sản xuất thuốc giúp sinh viên có những kiến thức thực tiễn liên quan đến sản xuất, đảm bảo chất lượng thuốc và các nguyên tắc của GPs có liên quan. Mặc khác rèn luyện tác phong làm việc trong môi trường sản xuất thực tế.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Tiếp thu những kiến thức thực tiễn liên quan đến sản xuất, đảm bảo chất lượng thuốc và nguyên tắc của GPs có liên quan

CO2 (S)	Thiết lập được hồ sơ lô cho 1 thuốc sản xuất tại nhà máy dược phẩm; đảm nhiệm được các vị trí trong qui trình kỹ thuật sản xuất thuốc.
CO3 (A)	Thao tác đúng qui trình kỹ thuật, giải thích và biện luận được các thí nghiệm và học tập tại thực tế.

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.47. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Phân biệt sự khác biệt kỹ thuật bào chế thuốc trong phòng thí nghiệm và sản xuất thuốc ở qui mô công nghiệp.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn
CLO2	K3 (Áp dụng)	Hiểu và trình bày được sơ đồ sản xuất thuốc theo hệ thống 1 chiều đạt tiêu chuẩn GMP.	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO3	S2 (Kỹ năng vận dụng)	Thực hành được kỹ thuật chuyên môn tại các vị trí trong qui trình sản xuất thuốc.	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Làm thành thạo một số kỹ thuật về cân đồng, hòa tan, trộn bột, dập viên, sửa viên, đóng gói trong qui trình sản xuất các thuốc cụ thể.	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Luôn chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng học tập nâng cao trình độ.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.48. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S3			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973).

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.47. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%

A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
		0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2,0	Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2,0	Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Ý tưởng sáng tạo	1,0	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
		0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
10 tiết (0 LT: 10 TH)	Bài 1: Kho bảo quản tồn trữ thuốc, nguyên liệu làm thuốc, bao bì đóng gói	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
50 tiết (0 LT: 50 TH)	Bài 2. Sản xuất thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
10 tiết (0 LT: 10 TH)	Bài 3: QA – QC thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

		CLO 5,6 (A1, A2)
10 tiết (0 LT: 10 TH)	Bài 4: Hệ thống dịch vụ hậu cần	CLO1,2 (K2, K3)
10 tiết (0 LT: 10 TH)	Bài 5: Xây dựng hồ sơ lô	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi hết học phần (2 tiết)	Viết báo cáo	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

14.50. Nội dung chi tiết học phần

14.51. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động Dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Bài 1: Kho bảo quản tồn trữ thuốc, nguyên liệu làm thuốc, bao bì đóng gói (0 LT, 10 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Bài 2. Sản xuất thuốc (0 LT, 20 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
2/1	Bài 2. Sản xuất thuốc (tiếp) (0 LT, 30 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
3/1	Bài 3: QA – QC thuốc (0 LT, 10 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
4/1	Bài 4: Hệ thống dịch vụ hậu cần (0 LT, 10 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
5/1	Bài 5: Xây dựng hồ sơ lô (0 LT, 10 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Viết báo cáo thực tập	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Tự nghiên cứu viết báo cáo thực hành	Chấm bài thi tự luận hết học phần

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- [1]. Từ Minh Kóong (2008), *Kỹ thuật bào chế dược phẩm*, tập 1, 2, 3, Nxb Y học, Hà Nội.
[2]. Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Bùng (2006), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*, tập 1, NXB Y học, Hà Nội.

b. Tài liệu tham khảo

- [3]. Bộ Y tế (2017), *Thực hành tốt sản xuất thuốc theo khuyến cáo của WHO*.
[4]. Bộ Y tế (2017), *Thực hành tốt sản xuất thuốc theo tiêu chuẩn PICs*.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Trường Giang

TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG
(General Information)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tin học đại cương	Tên tiếng Anh: Pharmaceutical Informatics
2. Mã học phần:	7DUC033
3. Số tín chỉ: 03	
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Cơ sở khối ngành
5. Loại học phần:	Chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	15
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần, ôn tập	1 buổi
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	30
7. Các giảng viên phụ trách học phần:	ThS.
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Ngôn ngữ Anh 1
- Học phần song hành:	

68. Mô tả tóm tắt học phần

Môn học gồm 3 phần:

- Phần 1: Các khái niệm cơ sở về thông tin, phần cứng và phần mềm máy tính, các ứng dụng và đạo đức nghề nghiệp.

- Phần 2: Kiến thức kỹ năng sử dụng: hệ điều hành, MS Office (hoặc Open Office) và khai thác một số dịch vụ trên Internet.

+ MS Word: Dùng để soạn thảo văn bản

+ MS Excel: Dùng để tính toán

+MS Power Point: Dùng để thiết kế các trang trình chiếu

- Phần 3: Soạn thảo công thức hóa học, viết phương trình phản ứng hóa học, Trình bày cấu trúc phân tử bằng phần mềm chuyên dụng ChemOffice 15.1

10. Mục tiêu của học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần
CLO1 K	K3	Hiểu được các kiến thức cơ bản về thông tin: khái niệm thông tin, dữ liệu, đơn vị đo thông tin, phân loại thông tin, khái niệm xử lý thông tin.
CLO2 K	K3	Nắm được các kiến thức về phần cứng, phần mềm máy tính; Các kiến thức hệ điều hành, một số phần mềm thông dụng như phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet.
CLO3 S	S3	Biết sử dụng hệ điều hành và cài đặt một số phần mềm tiện ích, phần mềm văn phòng thông dụng, biết cách gửi e-mail, biết cách giải quyết một số sự cố thông thường về phần mềm khi gặp phải.
CLO4 S	S3	Sử dụng thành thạo các phần mềm của Microsoft Office, cụ thể để: soạn thảo văn bản trong Word; tính toán trong bảng tính Excel; biên soạn và trình chiếu các thuyết trình trong PowerPoint
CLO5 S	S3	Biết khai thác các dịch vụ cơ bản trên Internet: tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử. Có ý thức ứng dụng CNTT nâng cao chất lượng sống và làm việc hàng ngày, có phong cách làm việc trong xã hội hiện đại, tin học hóa ngày một cao.
CLO6 A	A3	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu

22. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá (Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.49. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu được các kiến thức cơ bản về thông tin: khái niệm thông tin, dữ liệu, đơn vị đo thông tin, phân loại thông tin, khái niệm xử lý thông tin.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập
CLO2	K3 (Áp dụng)	Nắm được các kiến thức về phần cứng, phần mềm máy tính; Các kiến thức hệ điều hành, một số phần mềm thông dụng như phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet.	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO3	S3 (kỹ năng vận dụng)	Biết sử dụng hệ điều hành và cài đặt một số phần mềm tiện ích, phần mềm văn phòng thông dụng, biết cách gửi e-mail, biết cách giải quyết một số sự cố thông thường về phần mềm khi gặp phải.	Nghiên cứu	Bài tập
COL4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Biết khai thác các dịch vụ cơ bản trên Internet: tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử. Có ý thức ứng dụng CNTT nâng cao chất lượng sống và làm việc hàng ngày, có phong cách làm việc trong xã hội hiện đại, tin học hóa ngày một cao.	Thảo luận, là việc nhóm, bài tập	Hồ sơ học tập, chấm bài tập
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hồi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Có ý thức tự học, tự nghiên cứu đam mê tìm tòi phát triển ứng dụng trong ngành dược học	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành/tự học/tự nghiên cứu...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

11.50. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	PLO1 (Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1 (K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4 (S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12.Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.48. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%

A2.1	Bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết: A1 + A2 + A3 = 100%				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

-

12.49. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50-64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65-79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89 80% - số lớp giờ lên lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-	Đạt 50-	Khá 65-79%	Tốt 80-

		49%	64%		100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 -60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0 – 49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tiêu chí		0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
Nội dung	3	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức
Hình thức, báo cáo	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá	Trình bày dạng	Cách trình bày	Cách trình bày

		sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	rõ ràng, dễ hiểu	rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm
Trả lời câu hỏi	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Nhóm	3	0 đến < 1,0	1, 0 đến < 2	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên
Thực hành					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0 – 49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
<u>Tiêu chí</u>					
Thực hành đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 -60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng được yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và	Lập luận có căn cứ khoa học và logic

		và logic	chưa logic	logic	
Sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Bài kiểm tra viết					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
Nội dung	5	Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3	Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV

(Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Sinh viên đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học
- Sinh viên hoàn thành các bài tập được giao, hoặc chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Sinh viên vi phạm qui chế thi sẽ bị xử lý theo qui định.

27. Kế hoạch giảng dạy

14.52. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
2 (2LT 0TH)	Phần I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản Bài 1. Kiến thức cơ bản về máy tính Phần II. Sử dụng máy tính cơ bản Bài 1. Làm việc với hệ điều hành	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (5LT 10TH)	Phần III. Chương trình soạn thảo văn bản Bài 1. Làm quen với hệ soạn thảo Word Bài 2. Cách biên tập một tài liệu Bài 3. Định dạng văn bản Bài 4: Thay đổi cách trình bày văn bản Bài 5: Làm việc với đồ họa (Insert) Bài 6: Làm việc với bảng biểu (Table) Bài 7: Một số chức năng nâng cao	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (5LT 10TH)	Phần IV. Bảng tính điện tử Microsoft Excel Bài 1: Làm quen với Excel Bài 2: Làm việc với ô, hàng, cột và trang tính Bài 3: Định dạng trang tính Bài 4: Thực hiện các tính toán Bài 5: Làm việc với cơ sở dữ liệu và biểu đồ Bài 6: In trang tính	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
2 (2LT 3TH)	Phần V. Sử dụng Internet cơ bản Bài 1. Kiến thức cơ bản về Internet	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 (0LT 5TH)		CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

	Phần V. Sử dụng trình chiếu cơ bản Bài 1: Kiến thức cơ bản về thuyết trình Bài 2: Sử dụng phần mềm Power point	
1 (1LT 2TH)	Phần VI. Công thức hóa học -Trình bày cấu trúc phân tử bằng phần mềm chuyên dụng ChemOffice 15.1 - Viết phương trình phản ứng bằng phần mềm chuyên dụng ChemOffice 15.1	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

14.53. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Bài 1. (2LT, 0 TH) Phần I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản Bài 1. Kiến thức cơ bản về máy tính 1. Kiến thức cơ bản về máy tính 2. Phần mềm Biểu diễn thông tin trong máy tính Phần II. Sử dụng máy tính cơ bản Bài 2. Làm việc với hệ điều hành 1. Làm việc với hệ điều hành 2. Quản lý thư mục và tập tin 3. Một số phần mềm tiện ích 4. Sử dụng tiếng Việt 5. Sử dụng máy in	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
2/3	Bài 2. (5LT, 10 TH) Phần III: Phần mềm soạn thảo MS WORD Bài 1. Làm quen với hệ soạn thảo Word 1. Khởi động Word 2. Giới thiệu giao diện Word.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập

	3. Giới thiệu chức năng của các phím trên bàn phím và cách gõ văn bản. 4. Nhập văn bản đơn giản vào tài liệu. 5. Lưu tài liệu. Đóng tài liệu và ra khỏi Word Bài 2. Cách biên tập một tài liệu 1. Mở một tệp văn bản đã có. 2. Di chuyển qua lại trong tài liệu Word. 3. Thanh cuộn văn bản. 4. Nắm được các chế độ nhập văn bản. 5. Lựa chọn văn bản. 6. Xóa và khôi phục văn bản. 7. Thao tác undo, redo. 8. Lưu tệp tin bằng tên khác Bài 3. Định dạng văn bản 1. Định dạng font chữ 2. Căn lề văn bản 3. Cắt, sao chép và dán văn bản 4. Tìm và thay thế văn bản 5. Chèn ký tự đặc biệt vào văn bản (Symbol) 6. Áp dụng kiểu dáng Style cho văn bản 7. Xem trước tài liệu In ấn tài liệu Bài 4: Thay đổi cách trình bày văn bản 1. Điều chỉnh lề trang 2. Định dạng đoạn văn bản (paragraph) 3. Thay đổi hướng giấy 4. Thiết lập dấu Tab 5. Tạo đầu trang và chân trang Chèn số trang Bài 5: Làm việc với đồ họa (Insert) 1. Chèn ảnh từ tệp tin 2. Chèn ảnh từ clip gallery			

	3. Thay đổi kích thước và bố trí ảnh trong văn bản 4. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt) 5. Chèn công thức toán học 6. Chèn các đối tượng trên thanh Drawing. Chèn biểu đồ Bài 6: Làm việc với bảng biểu (Table) 1. Cách tạo bảng 2. Di chuyển giữa các ô trong bảng 3. Chọn hàng, cột và ô trong bảng 4. Tách và hợp ô 5. Chèn, xóa ô, cột và hàng 6. Điều chỉnh kích thước của các cột, dòng. 7. Tách bảng và ghép bảng 8. Đánh số thứ tự trong bảng 9. Căn lề trong bảng 10. Sắp xếp dữ liệu trong bảng. 11. Tính toán trong bảng. Chèn bảng vào văn bản Bài 7: Một số chức năng nâng cao 1. Cách gõ tắt 2. Tính năng Autocorrect 3. Bảo vệ văn bản bằng mật khẩu 4. Thay đổi đơn vị đo của thước Trộn thư			
3/3	Phần IV. Bảng tính điện tử Microsoft Excel Bài 1: Làm quen với Excel 1. Khởi động Excel 2. Giới thiệu cửa sổ Excel 3. Giới thiệu về bảng tính và trang tính 4. Mở một hoặc nhiều bảng tính 5. Tạo bảng tính mới 6. Lưu bảng tính và thoát khỏi Excel Bài 2: Làm việc với ô, hàng, cột và trang tính Bài 3: Định dạng trang tính	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập

1. Trang hiện hành và ô hiện hành 2. Các loại con trỏ 3. Nhập dữ liệu vào ô 4. Các thao tác chọn 5. Thêm, xoá hàng, cột 6. Thay đổi kích thước hàng, cột 7. Chèn, xoá ô, hàng, cột 8. Ẩu và bỏ ấu hàng cột 9. Cố định và bỏ cố định hàng/cột tiêu đề 10. Di chuyển giữa các trang tính 11. Thêm, xoá, nhân bản, đổi tên trang tính 12. Tìm kiếm và thay thế 13. Thực hành Bài 4: Thực hiện các tính toán 1. Các kiểu dữ liệu 2. Xây dựng công thức 3. Xây dựng công thức 4. Địa chỉ ô dữ liệu 5. Sao chép công thức 6. Cách gõ công thức 7. Tính năng chèn hàm 8. Các hàm cơ bản trong Excel 8.1. Nhóm hàm về ngày tháng 8.2. Nhóm hàm về ký tự (Left, right,...) 8.3. Nhóm hàm về Logic (If,..) 8.4. Nhóm hàm về Toán học (Abs, Sqrt, Int, Mod,..) 8.5. Nhóm hàm về thống kê (Max, Min, Average,...) 8.6. Nhóm hàm tìm kiếm (Vlookup, Hlookup,..) Làm bài tập thực hành Bài 5: Làm việc với cơ sở dữ liệu và biểu đồ 1. Sắp xếp dữ liệu 2. Lọc dữ liệu			

	2.1.Lọc dữ liệu dùng AutoFilter (tự động) 2.2.Lọc dữ liệu dùng Advanced Filter (nâng cao) Bài 6: In trang tính 1. Cách tạo bảng 2. Di chuyển giữa các ô trong bảng 3. Chọn hàng, cột và ô trong bảng 4. Tách và hợp ô 5. Chèn, xóa ô, cột và hàng 6. Điều chỉnh kích thước của các cột, dòng. 7. Tách bảng và ghép bảng 8. Đánh số thứ tự trong bảng 9. Căn lề trong bảng 10. Sắp xếp dữ liệu trong bảng. 11. Tính toán trong bảng. 12. Chèn bảng vào văn bản			
4/1	Phần V. Sử dụng Internet cơ bản Bài 1. Kiến thức cơ bản về Internet 1. Kiến thức cơ bản về Internet 2. Khai thác và sử dụng Internet Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập
5/1	Phần VI. Sử dụng trình chiếu cơ bản Bài 1: Kiến thức cơ bản về thuyết trình 1. Khái niệm về thuyết trình 2. Các bước tạo thuyết trình Bài 2: Sử dụng phần mềm Power point 1. Các thao tác tạo bài trình chiếu - Chèn các đối tượng vào slide - Hiệu ứng trình chiếu - Đóng gói, in ấn bài thuyết trình	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập

1/1	Phần VII. Công thức hóa học -Trình bày cấu trúc phân tử bằng phần mềm chuyên dụng ChemOffice 15.1 - Viết phương trình phản ứng bằng phần mềm chuyên dụng ChemOffice 15.1	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	- Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; - Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở vấn đáp; - Thảo luận nhóm.	quan sát, hồ sơ học tập

14. Tài liệu học tập

15.1. Sách, bài giảng, giáo trình chính

[1]. Bộ môn KHCB – Khoa Dược Xét nghiệm ĐHQĐ, *Bài giảng THĐC*

15.2. Sách tài liệu tham khảo

1. Đặng Thế Khoa (2019), Giáo trình ứng dụng Công nghệ thông tin nâng cao, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh.
2. Trần Tường Thụy, Phạm Quang Hiến (2019), Excel dành cho người bắt đầu, Nhà xuất bản Thanh Niên.
3. Nguyễn Quang Vinh (2019), Word ứng dụng văn phòng từ cơ bản đến nâng cao, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.
4. Nguyễn Quang Vinh (2019), Excel ứng dụng văn phòng từ cơ bản đến nâng cao, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.
5. Nguyễn Thế Thành, Nguyễn Quang Vinh (2019), Power Point Ứng dụng văn phòng, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SẢN XUẤT THUỐC
TỪ DƯỢC LIỆU

1. Tên học phần (tiếng Việt): Sản xuất thuốc từ dược liệu	Tên tiếng Anh: Drug Manufacturing from Medicinal Materials
2. Mã học phần:	7DUC034
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	0
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	30
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Trường Giang
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Sản xuất thuốc
- Học phần học trước:	Bào chế và sinh dược học
- Học phần song hành:	Thực hành sản xuất thuốc

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần sản xuất thuốc dược liệu cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan đến chiết xuất dược liệu, xử lý tạp, cô sấy để thu được các sản phẩm trung gian phục vụ cho việc bào chế thuốc dược liệu.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1	Mô tả và thực hiện được các phương thức chiết xuất, xử lý tạp, cô sấy các sản phẩm trung gian từ dược liệu ở quy mô công nghiệp.

(K)	
CO2 (S)	Thực hành sản xuất một số thuốc được liệu bằng nguồn nguyên liệu sẵn có.
CO3 (A)	Thao tác đúng qui trình kỹ thuật, giải thích và biện luận được các thí nghiệm và học tập tại thực tế.

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.51. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Phân tích và hiểu được bản chất, qui trình kỹ thuật chiết xuất, xử lý tạp, cô sấy các sản phẩm trung gian từ dược liệu ở quy mô công nghiệp.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn
CLO2	K3 (Áp dụng)	Thực hành sản xuất một số thuốc được liệu bằng nguồn nguyên liệu sẵn có.	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Thành thạo kỹ thuật bào chế thuốc còn thuốc, cao thuốc từ dược liệu	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Thực hành được kỹ thuật sơ chế, chế biến, bào chế dược liệu trong qui trình sản xuất thuốc dược liệu.	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Luôn chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng học tập nâng cao trình độ.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn,

bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.52. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S3			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973).

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.50. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%

A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ,	Thực hiện 60 - 80% nhiệm vụ, nộp	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn

			nộp đúng hạn	đúng hạn	
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2,0	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
5 tiết (0 LT: 5 TH)	Bài 1. Các kỹ thuật xử lý tạp, cô sảy các sản phẩm trung gian	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
5 tiết (0 LT: 5 TH)	Bài 2: Đánh giá chất lượng các sản phẩm trung gian chiết xuất từ dược liệu.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)

10 tiết (0 LT: 10 TH)	Bài 3: Sản xuất, kiểm tra chất lượng các dạng thuốc dược liệu: cồn thuốc, rượu thuốc, cao thuốc, viên nén, viên hoàn, chế phẩm mới.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
20 tiết (0 LT: 20 TH)	Bài 4: Chiết xuất các atisô và bào chế viên hoàn atisô từ cao khô cây Artiso.	CLO1,2 (K2, K3)
20 tiết (0 LT: 20 TH)	Bài 5: Điều chế rutin và viên nén rutin từ nụ Hoa hòe.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi hết học phần (2 tiết)	Viết báo cáo tiểu luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

14.54. Nội dung chi tiết học phần

14.55. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động Dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Bài 1. Các kỹ thuật xử lý tạp, cốm sấy các sản phẩm trung gian	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
2/1	Bài 2: Đánh giá chất lượng các sản phẩm trung gian chiết xuất từ dược liệu.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
3/1	Bài 3: Sản xuất, kiểm tra chất lượng các dạng thuốc dược liệu: cồn thuốc, rượu thuốc, cao thuốc, viên nén, viên hoàn, chế phẩm mới.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
4/1	Bài 4: Chiết xuất các atisô và bào chế viên hoàn atisô từ cao khô cây Artiso.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
5/1	Bài 5: Điều chế rutin và viên nén rutin từ nụ Hoa hòe.	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Viết báo cáo thực tập	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Tự nghiên cứu viết báo cáo thực hành	Chấm bài thi tự luận hết học phần

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

[1]. Từ Minh Kóong (2008), *Kỹ thuật bào chế dược phẩm*, tập 2, Nxb Y học, Hà Nội.

[2]. Phan Thanh Kỳ (2001), *Bài giảng dược liệu T2*, Nxb Y học, Hà Nội.

b. Tài liệu tham khảo

- [3]. Lê Quan Nghiệm, Huỳnh Văn Hóa (2012), *Bào chế và sinh dược học tập 1, 2*, Nxb Y học, Hà Nội.
- [4]. Đỗ Tất Lợi (2003), *Cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. Nxb Y học, Hà Nội, 2003.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Trường Giang

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN MARKETING VÀ
THỊ TRƯỜNG DƯỢC PHẨM**

1. Tên học phần (Tiếng Việt): MARKETING VÀ THỊ TRƯỜNG DƯỢC PHẨM	Tên tiếng Anh: Marketing and Pharmaceutical Market
2. Mã học phần:	772020147
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết thực hành
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70
7. Các giảng viên phụ trách học phần	BSCKII: Hoàng Duy Hiền Ths: Phạm Thị Loan Phương
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Kinh tế dược; đạo đức hành nghề dược

- Học phần học trước:	Kinh tế dược;
- Học phần song hành:	Đạo đức hành nghề dược; Dược cộng đồng.

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Marketing và thị trường dược phẩm.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu của môn học:

Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]
- Trình bày được các khái niệm, các chính sách về marketing và marketing dược.	CLO1	M
-Giải thích được những đặc điểm cơ bản của thị trường Dược phẩm trên thế giới và ở Việt Nam.	CLO2	M
- Trình bày được các hành vi của người tiêu dùng có tác động đến thị trường cung - cầu.	CLO3	M
- Nhận dạng được các chính sách marketing dược sử dụng trong hoạt động kinh doanh tại thị trường dược phẩm Việt Nam	CLO6	M

-Tìm hiểu, phân tích hành vi khách hàng, định vị sản phẩm của doanh nghiệp trên thị trường mục tiêu	CLO7	M
- Có khả năng tự học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn, duy trì và cải thiện các kỹ năng mềm.	CLO8	M
Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	CLO9	M
	CLO10	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

11.Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá:

Chuẩn đầu ra học phần (CDRHP)	Mô tả chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]
CLO1	Trình bày được các định nghĩa, vai trò, chức năng, đặc điểm, mục tiêu của marketing và marketing được	M
CLO2	Hiểu và phân tích được đặc điểm thị trường, nhu cầu thị trường trong ngành được phẩm. Phân tích được hành vi mua và quyết định mua của KH	M
CLO3	Phân tích được các loại môi trường ảnh hưởng đến marketing được	M
CLO4	Phân tích, đánh giá và lựa chọn được đoạn thị trường mục tiêu thích hợp trong marketing	M
CLO5	Hiểu và áp dụng được chính sách sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh trong marketing được	M
CLO6	Xác định đúng các thành phần và các yếu tố căn bản trong marketing được	M
CLO7	Xác định chính xác nhu cầu khách hàng, hành vi mua hàng của từng trường hợp cụ thể trong sản xuất kinh doanh được phẩm	M

CLO8	Vẽ được sơ đồ môi trường marketing được	M
CLO9	Có thể lựa chọn được đoạn thị trường mục tiêu trên ví dụ cụ thể trong sản xuất kinh doanh dược phẩm, và lựa chọn được chiến lược marketing thích hợp trên thị trường mục tiêu đó	M
CL10	Hiểu và phân tích được các ví dụ cụ thể trong từng chính sách marketing	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.5. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Than g đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được các định nghĩa, vai trò, chức năng, đặc điểm, mục tiêu của marketing và marketing được	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn
CLO 2	K3 (Áp dụng)	Hiểu và phân tích được đặc điểm thị trường, nhu cầu thị trường trong ngành dược phẩm. Phân tích được hành vi mua và quyết định mua của KH	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO 3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Phân tích, đánh giá và lựa chọn được đoạn thị trường mục tiêu thích hợp trong marketing	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
COL 4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành	Hiểu và áp dụng được chính sách sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh trong marketing được	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án

	thảo)			
CLO 5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Xác định chính xác nhu cầu khách hàng, hành vi mua hàng của từng trường hợp cụ thể trong sản xuất kinh doanh được phẩm	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO 6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Vẽ được sơ đồ môi trường marketing được	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập
		Có thể lựa chọn được đoạn thị trường mục tiêu trên ví dụ cụ thể trong sản xuất kinh doanh được phẩm, và lựa chọn được chiến lược marketing thích hợp trên thị trường mục tiêu đó		
		Hiểu và phân tích được các ví dụ cụ thể trong từng chính sách marketing		

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận.

11.6. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		

CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973).

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.5. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%

A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.6. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có)

Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric

Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89 %số giờ lên thuy ết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực h iện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực 6 hiệ n 80% nh iệm nộp v đúng hạn ,	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội s ả n phẩm đ ả p ý n g cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý s ả n g tưởng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

1.Đại cương về marketing và maketing dược; thị trường dược phẩm thế giới và Việt Nam

2.Chính sách sản phẩm và giá cả

3.Chính sách phân phối sản phẩm, xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh

4.Hành vi của người tiêu dùng và thị trường tiêu dùng

5.Phân đoạn thị trường, định vị, lập kế hoạch xây dựng chiến lược marketing dựa trên thị trường mục tiêu

6.Marketing số và ứng dụng trong kinh doanh dược phẩm

7.Thương mại điện tử và phân phối dược phẩm trên sàn thương mại điện tử

14.1. Nội dung môn học (đề cương chi tiết của môn học):

TT Tuần	Nội dung	Phân bố thời gian					Tổng cộng
		LT	Bài tập	Thảo luận	- TH - TT - TN	Tự học	
1.	Đại cương về marketing và maketing dược; thị trường dược phẩm thế giới và Việt Nam	4	0	0	0	8	12
2.	Chính sách sản phẩm và giá cả	5	0	0	10	10	25
3.	Chính sách phân phối sản phẩm, xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh	5	0	1	10	10	26

4.	Hành vi của người tiêu dùng và thị trường tiêu dùng	4	0	1	5	8	18
5.	Phân đoạn thị trường, định vị, lập kế hoạch xây dựng chiến lược marketing dựa trên thị trường mục tiêu	4	0	1	5	8	18
6.	Marketing số và ứng dụng trong kinh doanh dược phẩm	4	0	0	0	8	12
7.	Thương mại điện tử và phân phối dược phẩm trên sàn thương mại điện tử	4	0	1	0	8	13
Tổng		30	0	4	30	56	120

14.2. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1.	Bài 1: Đại cương về marketing; marketing trong lĩnh vực dược phẩm 1. Đại cương về Marketing 1.1, Khái niệm, bản chất marketing 1.2. Quản trị marketing 1.3. Quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng và	-Trình bày được marketing và marketing dược: định nghĩa, vai trò, chức năng, đặc điểm -Các thành phần cơ bản của marketing -Các yếu tố ảnh hưởng đến marketing dược	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	[1] Trường Đại học Đông Đô, Marketing và thị trường dược phẩm, Bài giảng đào tạo dược sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022 [2] Nguyễn Thanh Bình & cs Marketing Dược Phẩm, NXB Giáo Dục VN, 2018

	quản trị quan hệ khách hàng 2. Marketing trong lĩnh vực dược phẩm 2.1. Sự phát triển của marketing trong lĩnh vực Dược Phẩm 2.2. Nhìn nhận từ cộng đồng về Marketing dược 2.3. Khái niệm, đặc điểm marketing dược 2.4. Vai trò, mục tiêu của marketing dược 2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến Marketing dược 3. Tổng quan thị trường DP thế giới và VN		Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút		
2.	Bài 2: chính sách sản phẩm và giá cả trong marketing dược phẩm 1. Chính sách sản phẩm 1.1. Khái niệm và phân loại sản phẩm dược phẩm 1.2. Các yếu tố cấu thành sản phẩm và đặc điểm	Hiểu được vai trò, chức năng cấu trúc của kênh phân phối. Các hoạt động của kênh phân phối, phân tích và lựa chọn quản lý kênh phân phối hiệu quả	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 3 tiết Thảo luận: 90 phút Trình bày nhóm: 45 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	[1] Trường Đại học Đông Đô, Marketing và thị trường dược phẩm, Bài giảng đào tạo dược sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022 [2] Nguyễn Thanh Bình & cs Marketing Dược Phẩm, NXB Giáo Dục VN, 2018

	của sản phẩm được phẩm 1.3. Các chiến lược sản phẩm được phẩm 2. Chính sách giá cả 2.1, Những vấn đề chung về giá 2.2, Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định giá 2.3, Xác định mức giá cơ bản 2.4, Chiến lược giá 2.5, Thực tiễn định giá được phẩm		Thuyết trình:30 phút Hướng dẫn:15 phút		
3.	Bài 3: Chính sách phân phối và xúc tiến và hỗ trợ kinh trong marketing được phẩm 1. Chính sách phân phối 1.1. Các phương thức phân phối và 1.2. Các kênh phân phối 2. Chính sách xúc tiến hỗ trợ kinh doanh 2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách xúc	Phân tích được mục đích, các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách và hỗ trợ kinh doanh. Các công cụ trong chính sách xúc tiến hỗ trợ kinh doanh	Học ở nhà Học 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 90 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình:30 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	[1] Trường Đại học Đông Đô, Marketing và thị trường được phẩm, Bài giảng đào tạo được sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022 [2] Nguyễn Thanh Bình & cs Marketing Được Phẩm, NXB Giáo Dục VN, 2018

	tiền và hỗ trợ kinh doanh 2.2. Các chiến lược xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh 2.3. Các công cụ trong chính sách xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh 2.4. Marketing trực tiếp và marketing gián tiếp		Hướng dẫn:15 phút		
4.	Bài 4: khách hàng mục tiêu trong thị trường được phẩm 1. Thị trường người tiêu dùng cuối cùng trong kinh doanh được phẩm 1.1.Khái quát về thị trường người tiêu dùng cuối cùng trong kinh doanh được phẩm 1.2. Đặc trưng cơ bản của thị trường người tiêu dùng cuối cùng trong kinh doanh được phẩm 1.3. Đặc điểm nhu cầu của thị trường người tiêu dùng cuối cùng trong kinh doanh được phẩm	Hiểu và phân tích được đặc điểm thị trường, nhu cầu thị trường trong ngành được phẩm. Phân tích được hành vi mua và quyết định mua của KH	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình:30 phút Hướng dẫn:15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Đọc giáo trình [1] Trường Đại học Đông Đô, Marketing và thị trường được phẩm, Bài giảng đào tạo được sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022 [2] Nguyễn Thanh Bình & cs Marketing Được Phẩm, NXB Giáo Dục VN, 2018

	1.4. Hành vi mua của thị trường người tiêu dùng cuối cùng trong kinh doanh dược phẩm 2, Thị trường khách hàng ngành dược 2.1, Khái quát chung 2.2, Đặc điểm cơ bản của thị trường khách hàng ngành dược 2.3. Hành vi mua và quá trình quyết định mua				
5.	Bài 5: Phân đoạn thị trường, định vị, lập kế hoạch xây dựng chiến lược marketing dựa trên thị trường mục tiêu 1.1, xác định vị thế của doanh nghiệp trên thị trường dược phẩm 1.2, xác định đối tượng khách hàng hay thị trường dược phẩm cần phân đoạn 1.3, phân chia thị trường dược phẩm theo các tiêu chí thích hợp	Phân tích, đánh giá và lựa chọn được đoạn thị trường mục tiêu thích hợp	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	[1] Trường Đại học Đông Đô, Marketing và thị trường dược phẩm, Bài giảng đào tạo dược sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022 [2] Nguyễn Thanh Bình & cs Marketing Dược Phẩm, NXB Giáo Dục VN, 2018

	1.4, đánh giá tiềm năng các phân khúc thị trường được phẩm và phân tích lựa chọn thị trường mục tiêu				
6.	Bài 6: Marketing số và ứng dụng trong kinh doanh được phẩm	Phân tích thành phần, cấu trúc Marketing số và ứng dụng trong kinh doanh được phẩm	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	[1] Trường Đại học Đông Đô, Marketing và thị trường được phẩm, Bài giảng đào tạo được sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022 [2] Nguyễn Thanh Bình & cs Marketing Được Phẩm, NXB Giáo Dục VN, 2018
7.	Bài 7: Thương mại điện tử và phân phối được phẩm trên sàn thương mại điện tử	Phân tích thành phần, cấu trúc thương mại điện tử và ứng dụng trong kinh doanh được phẩm	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	[1] Trường Đại học Đông Đô, Marketing và thị trường được phẩm, Bài giảng đào tạo được sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022 [2] Nguyễn Thanh Bình & cs Marketing Được Phẩm, NXB Giáo Dục VN, 2018

			Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình:30 phút Hướng dẫn:15 phút		

15. Tài liệu học tập:

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] Bộ Y tế (2015), Quản lý và kinh tế dược, Nhà xuất bản Y học.

[2] Phillip Kotler, Kevin Keller, Quản trị Marketing (2020), nhà xuất bản Hồng Đức.

[3] Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2013), Giáo trình Marketing căn bản, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

[4] Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2013), Giáo trình Marketing quốc tế, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

[5] Trường Đại học Đông Đô, Marketing và thị trường dược phẩm, Bài giảng đào tạo dược sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022

[6] Nguyễn Thanh Bình & cs Marketing Dược Phẩm, NXB Giáo Dục VN, 2018.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

DSCKII: Hoàng Duy Hiển

DSCKII: Hoàng Duy Hiển

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH SẢN XUẤT THUỐC
TẠI CÁC XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM**

1. Tên học phần (tiếng Việt): Thực hành sản xuất thuốc tại các xí nghiệp dược phẩm	Tên tiếng Anh: Practical Drug Manufacturing at Pharmaceutical Enterprises
2. Mã học phần:	7DUC036
3. Số tín chỉ:	03
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức chuyên ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết	0
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	90
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	90
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS. Nguyễn Trường Giang
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Bào chế và sinh dược học
- Học phần học trước:	Bào chế và sinh dược học
- Học phần song hành:	Sản xuất thuốc từ dược liệu

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Thực hành sản xuất thuốc tại các xí nghiệp dược phẩm giúp sinh viên có những kiến thức thực tiễn liên quan đến sản xuất, đảm bảo chất lượng thuốc và các nguyên tắc của GPs có liên quan và rèn luyện tác phong làm việc trong môi trường sản xuất thực tế ở qui mô công nghiệp.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Làm rõ những kiến thức thực tiễn liên quan đến sản xuất, kiểm tra chất lượng, bảo quản tồn trữ thuốc và nguyên liệu làm thuốc tại các nhà máy sản xuất thuốc theo tiêu chuẩn GMP.
CO2 (S)	Thực hiện chức trách nhiệm vụ đư[oc] phân công trong qui trình kỹ thuật sản xuất thuốc tại nhà máy dược phẩm.

CO3 (A)	Thao tác đúng qui trình kỹ thuật, giải thích và biện luận được các thí nghiệm và học tập tại thực tế.

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá
(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3, ...)

11.53. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Thấy rõ những kiến thức đã được học vào thực tiễn liên quan đến sản xuất, kiểm tra chất lượng, bảo quản tồn trữ thuốc và nguyên liệu làm thuốc tại các nhà máy sản xuất thuốc theo tiêu chuẩn GMP.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn
CLO2	K3 (Áp dụng)	Thực hiện được chức trách nhiệm vụ được phân công trong qui trình kỹ thuật sản xuất thuốc tại nhà máy dược phẩm.	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO3	S2 (Kỹ năng vận dụng)	Áp dụng các kiến thức bào chế, kiểm nghiệm, bảo quản tồn trữ thuốc vào công việc thực tế tại các nhà máy dược phẩm.	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Thực hành được kỹ thuật chuyên môn tại các vị trí trong qui trình sản xuất thuốc.	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Luôn chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng học tập nâng cao trình độ.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp. Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án...

Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.54. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S3			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973).

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.51. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%

A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 - 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có		0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2

căn cứ khoa học và logic	2,0	Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

14.56. Nội dung chi tiết học phần

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
10 tiết (0 LT: 10 TH)	Bài 1: Vệ sinh cơ sở làm việc và vệ sinh cá nhân theo qui trình chốt gió	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
50 tiết (0 LT: 50 TH)	Bài 2. Thực hành sản xuất cấp 1 (pha chế, đóng gói bao bì cấp 1); kiểm tra bán thành phẩm	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
10 tiết (0 LT: 10 TH)	Bài 3: Kiểm tra chất lượng thành phẩm	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
10 tiết (0 LT: 10 TH)	Bài 4: Thực hành sản xuất cấp 2 (đóng gói, dán nhãn)	CLO1,2 (K2, K3)
10 tiết (0 LT: 10 TH)	Bài 5: Nhập kho, bảo quản sản phẩm	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi hết học phần (2 tiết)	Viết báo cáo	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

14.57. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động Dạy và học	Bài đánh giá
1/2	Bài 1: Vệ sinh cơ sở làm việc và vệ sinh cá nhân theo qui trình chốt gió (0 LT: 10 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	quan sát, hồ sơ học tập

2/5	Bài 2: Thực hành sản xuất cấp 1 (0 LT: 50 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
3/2	Bài 3: Kiểm tra chất lượng sản phẩm (0 LT: 10 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
4/2	Bài 4: Thực hành sản xuất cấp 2 (0 LT: 10 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
5/2	Bài 5: Nhập kho, bảo quản sản phẩm (0 LT: 10 TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Viết báo cáo thực tập	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Tự nghiên cứu viết báo cáo thực hành	Chấm bài thi tự luận hết học phần

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- [1]. Từ Minh Kóong (2008), *Kỹ thuật bào chế dược phẩm*, tập 1, 2, 3, Nxb Y học, Hà Nội.
[2]. Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Bùng (2006), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc, tập 1*, NXB Y học, Hà Nội.

b. Tài liệu tham khảo

- [3]. Bộ Y tế (2017), *Thực hành tốt sản xuất thuốc theo khuyến cáo của WHO*.
[4]. Bộ Y tế (2017), *Thực hành tốt sản xuất thuốc theo tiêu chuẩn PICs*.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Trường Giang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC CỘNG ĐỒNG

1. Tên học phần (Tiếng Việt): PHÁP CHẾ DƯỢC	Tên tiếng Anh: Communication Pharmacy
2. Mã học phần:	772020152
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 phút
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70
7. Các giảng viên phụ trách học phần	BSCKII: Hoàng Duy Hiền ThS: Hoàng Thi Chung
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý, Quản lý kinh tế dược
- Học phần học trước:	Hóa dược, Dược lý, đạo đức hành nghề
- Học phần song hành:	Dược lâm sàng, Pháp chế dược

9. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về thuốc thiết yếu; tác dụng không mong muốn

của thuốc; phòng chống kháng thuốc; sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; sử dụng kháng sinh đúng nguyên tắc; không lạm dụng mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe trong cộng đồng.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu của môn học:

Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]
Các biểu hiện, tác hại và các biện pháp phòng tránh các tác dụng không mong muốn của thuốc	CLO1	M
Tác hại của sự kháng thuốc đối với môi trường và sức khỏe con người, các biện pháp phòng chống kháng thuốc	CLO2	M
Những hiểu biết về sử dụng thuốc hợp lý an toàn, hiệu quả	CLO3	M
Những kiến thức về sử dụng kháng sinh, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mỹ phẩm	CLO4	M
Nhận biết được những biểu hiện trên da của tác dụng không mong muốn do thuốc gây ra; hướng dẫn nhân viên y tế sử dụng mẫu báo cáo ADR do Bộ Y tế ban hành	CLO5	M
Nhận thức đúng về vai trò của người dược sĩ trong hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả	CLO6	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

Chuẩn đầu ra môn học (CDR):

CDR (CLO _{x.x})	Mô tả chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]
CLO1 CLO2	Nắm vững và trình bày được về các tác dụng không mong muốn của thuốc	M
CLO3	Trình bày được các nguyên tắc về phòng chống kháng thuốc	M
CLO4 CLO5 CLO6	Trình bày được các nguyên tắc sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả	M

CLO4 CLO5 CLO6	Trình bày được các nguyên tắc sử dụng kháng sinh, các lưu ý trong sử dụng thực phẩm chức năng	M
CLO4 CLO5 CLO6	Trình bày và hiểu rõ được các chỉ số nghiên cứu đánh giá sử dụng thuốc trong cộng đồng, có khả năng áp dụng vào học tập, nghiên cứu và công việc	M
CLO4 CLO5 CLO6	Trình bày được các phương pháp đánh giá nhanh cung ứng và sử dụng thuốc trong cộng đồng	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu được Các biểu hiện, tác hại và các biện pháp phòng tránh các tác dụng không mong muốn của thuốc	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn
CLO 2	K3 (Áp dụng)	Tác hại của sự kháng thuốc đối với môi trường và sức khỏe con người, các biện pháp phòng chống kháng thuốc	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO 3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Những hiểu biết về sử dụng thuốc hợp lý an toàn, hiệu quả	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
COL 4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành	Những kiến thức về sử dụng kháng sinh, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mỹ phẩm	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án

	thạo)			
CLO 5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Nhận biết được những biểu hiện trên da của tác dụng không mong muốn do thuốc gây ra; hướng dẫn nhân viên y tế sử dụng mẫu báo cáo ADR do Bộ Y tế ban hành	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO 6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Nhận thức đúng về vai trò của người được sĩ trong hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận.

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973).

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	<i>Ví dụ:</i> <i>Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ</i>	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	<i>Ví dụ:</i> <i>Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ</i>	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	<i>Ví dụ:</i> - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	<i>Ví dụ 1:</i> - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	<i>Ví dụ 2:</i> - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

12.2. Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng	Không đạt 0-	Đạt 50-	Khá 65-	Tốt 80-

	điểm	49%	64%	79%	100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89 %số giờ lớp lý lên thuy ết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực h iện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 - 80% nhiệm vụ nộp đúng hạn ,	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
		0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5

Nội dung phẩm đáp ứng yêu cầu	5	Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (*Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên*)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

14.1. Nội dung môn học (đề cương chi tiết của môn học):

Hình thức tổ chức giảng dạy môn học:

TT Tuần	Nội dung	Phân bố thời gian					Tổng cộng
		LT	Bài tập	Thảo luận	- TH - TT - TN	Tự học	

1.	Tác dụng không mong muốn của thuốc	5	0	1	0	9	15
0.	Phòng chống kháng thuốc	5	0	1	0	9	15
0.	Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả	5	0	1	0	9	15
0.	Sử dụng kháng sinh và thực phẩm chức năng	5	0	1	0	9	15
0.	Các chỉ số nghiên cứu đánh giá sử dụng thuốc trong cộng đồng	5	0	1	0	9	15
0.	Phương pháp đánh giá nhanh cung ứng và sử dụng thuốc trong cộng đồng	5	0	1	0	9	15
Tổng		30	0	6	0	0	90

14.2. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Tuần/Buổi học	Nội dung chính	CDR	Hoạt động dạy/ học	Bài đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
Lý thuyết				
1	Bài 1: Tác dụng không mong muốn của thuốc Nội dung - Giới thiệu khái quát về môn học - Tầm quan trọng và vị trí học phần - Đề cương - Tài liệu - Phương pháp kiểm tra, đánh giá - Tác dụng không mong muốn của thuốc - Một số khái niệm - Phân loại phản ứng có hại - Các triệu chứng đa quan trọng của ADR - Nội dung cần xem xét khi nghi ngờ có ADR - Phòng ngừa ADR - Báo cáo ADR		- Đọc trước tài liệu tại nhà. - Nghe giảng trên lớp. - Thực hiện các bài tập về nhà.	- Câu hỏi lượng giá.

	3. Chiến lược quốc gia bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân 1. Quan điểm 2. Mục tiêu 3. Giải pháp			
2	Bài 2: Phòng chống kháng thuốc Nội dung 1. Tình hình kháng thuốc 2. Kế hoạch toàn cầu phòng chống kháng thuốc 3. Mục tiêu và nội dung hoạt động phòng chống kháng thuốc 4. Các giải pháp thực hiện kế hoạch phòng chống kháng thuốc 5. Tổ chức thực hiện		- Đọc trước tài liệu tại nhà. - Nghe giảng trên lớp. - Thực hiện các bài tập về nhà.	- Câu hỏi lượng giá.
3	Bài 3: Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả Nội dung 1. Thực trạng tình hình sử dụng thuốc tại Việt Nam 2. Đại cương về sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả 3. Vai trò, nhiệm vụ của cán bộ y tế trong sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả 4. Lựa chọn thuốc điều trị 5. Sử dụng thuốc cho một số người bệnh 6. Thông tin thuốc trong bệnh viện		- Đọc trước tài liệu tại nhà. - Nghe giảng trên lớp. - Thực hiện các bài tập về nhà.	- Câu hỏi lượng giá.
4	Bài 4: Sử dụng kháng sinh và thực phẩm chức năng Nội dung 1. Các nguyên tắc sử dụng kháng sinh 2. Sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn 3. Hướng dẫn sử dụng thực phẩm chức năng		- Đọc trước tài liệu tại nhà. - Nghe giảng trên lớp. - Thực hiện các bài tập về nhà.	- Câu hỏi lượng giá.
5	Bài 5: Các chỉ số nghiên cứu đánh giá sử dụng thuốc trong cộng đồng Nội dung 1. Khái niệm, phân loại, vai trò chỉ số nghiên cứu 2. Các chỉ số đánh giá sử dụng thuốc		- Đọc trước tài liệu tại nhà. - Nghe giảng trên lớp.	- Câu hỏi lượng giá.

	3. Các chỉ số đánh giá sử dụng thuốc cơ bản 4. Các chỉ số sử dụng thuốc bổ sung 5. Những câu hỏi bổ sung cho các chỉ số đánh giá sử dụng T cơ bản		- Thực hiện các bài tập về nhà.	
6	Bài 6: Phương pháp đánh giá nhanh cung ứng và sử dụng thuốc trong cộng đồng Nội dung 1. Sự cần thiết 2. Nội dung bộ câu hỏi nghiên cứu sử dụng tại cộng đồng 3. Chọn mẫu 4. Tiến hành khảo sát 5. Xử lý số liệu		- Đọc trước tài liệu tại nhà. - Nghe giảng trên lớp. - Thực hiện các bài tập về nhà.	- Câu hỏi lượng giá.
	Tổng kết, giải đáp thắc mắc, kiểm tra, rút kinh nghiệm HP			

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] Bộ Y tế (2016) Tóm tắt số liệu thống kê y tế năm 2011-2015, nhà xuất bản Y học.

[2] Giáo trình Dược cộng đồng giáo trình trường Đại Học Dược Hà Nội, nhà xuất bản Y học 2020.

b. Tài liệu tham khảo

[3] Dược cộng đồng, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược – xét nghiệm, Trường Đại học Đông Đô, 2022

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

DCKII: Hoàng Duy Hiễn

DCKII: Hoàng Duy Hiễn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ DƯỢC BỆNH VIỆN

1. Tên học phần (Tiếng Việt): QUẢN LÝ DƯỢC BỆNH VIỆN	Tên tiếng Anh: Hospital Pharmaceutical Management
2. Mã học phần:	772020151
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức bổ trợ ngành
5. Loại học phần:	Tự chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS: Hoàng Thị Chung BSCCKII: Hoàng Duy Hiền
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý, Dược Lâm sàng
- Học phần học trước:	Hóa dược, Dược lý.Đảm bảo chất lượng thuốc và tồn trữ.
- Học phần song hành:	Dược lâm sàng, Kỹ năng giao tiếp bán hàng.

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần quản lý dược bệnh viện cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chức năng, nhiệm vụ, các hoạt động chuyên môn và cơ cấu tổ chức của bệnh viện và khoa dược

tại các cơ sở y tế có giường bệnh; những kiến thức nghiệp vụ về xây dựng danh mục thuốc bệnh viện, sử dụng thuốc, hoạt động của Hội đồng thuốc & Điều trị và đấu thầu mua thuốc cho bệnh viện đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu của môn học:

Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]
Trình bày được những vấn đề chung nhất về bệnh viện ; mô hình tổ chức, chức trách nhiệm vụ nhân viên khoa dược ; những hoạt động chuyên môn về dược ; những căn cứ, mục tiêu, quy định trong xây dựng và sử dụng danh mục thuốc tại bệnh viện; nội dung hoạt động của Hội đồng Thuốc - Điều trị và hoạt động đấu thầu thuốc tại bệnh viện theo các văn bản quy định hiện hành.	CLO1	M
Vận dụng kiến thức đã được học trong quá trình thực tập tại bệnh viện và làm việc tại khoa dược bệnh viện sau khi tốt nghiệp.	CLO2	M
Thấy được vị trí, vai trò, nhiệm vụ của khoa dược trong đảm bảo cung ứng, quản lý, tồn trữ và hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn tại các cơ sở khám, chữa bệnh.	CLO3	M
Mô tả mục tiêu	CDR	Trình độ năng lực

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

CDR (CLO _{x.x})	Mô tả chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
[2]	[3]	[4]

CLO1	Nhớ được chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện, khoa dược bệnh viện và tổ chức, biên chế khoa dược bệnh viện	H
CLO2	Mô tả được những nhiệm vụ chuyên môn được thực hiện tại khoa dược bệnh viện	H
CLO3	Trình bày được cách thức sử dụng và xây dựng danh mục thuốc tại các cơ sở y tế có giường bệnh	H
CLO4	Trình bày được chức năng, nhiệm vụ, những hoạt động chuyên môn của Hội đồng thuốc - Điều trị bệnh viện và những vấn đề đang tồn tại khi triển khai Hội đồng	H
CLO5	Mô tả được những quy định trong quy trình đấu thầu mua thuốc phục vụ hoạt động khám, chữa bệnh bằng nguồn kinh phí từ BHYT tại bệnh viện	H
CLO1	Thực hành tốt nhiệm vụ duyệt cấp phát thuốc tại khoa dược bệnh viện	H
CLO2	Thực hành được nhiệm vụ bảo quản, tồn trữ thuốc tại khoa dược bệnh viện	H
CLO3	Thực hành được nhiệm vụ thống kê số liệu xuất nhập thuốc tại khoa dược bệnh viện	H
CLO4	Thực hành được nhiệm vụ pha chế thuốc tại khoa dược bệnh viện	H
CLO5	Xây dựng được danh mục thuốc theo mô hình, tỷ lệ bệnh tật của bệnh viện	H
CLO1	Thấy được vai trò quan trọng của bệnh viện trong hệ thống y tế	H
CLO2	Thấy được vai trò của khoa dược trong cung ứng và theo dõi hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn tại bệnh viện	H
CLO3	Thái độ nghiêm túc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được phân công	H
CLO4	Thật thà đoàn kết với nhân viên trong bệnh viện trong quá trình làm việc	H
CLO5	Khiêm tốn học hỏi đồng nghiệp, luôn giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc	H

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.7. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần	TĐNL <i>(Thang đo năng lực)</i>	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu được chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện, khoa dược bệnh viện và tổ chức, biên chế khoa dược bệnh viện Mô tả được những nhiệm vụ chuyên môn được thực hiện tại khoa dược bệnh viện	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn
CLO 2	K3 (Áp dụng)	Áp dụng được cách thức sử dụng và xây dựng danh mục thuốc tại các cơ sở y tế có giường bệnh Trình bày được chức năng, nhiệm vụ, những hoạt động chuyên môn của Hội đồng thuốc - Điều trị bệnh viện và những vấn đề đang tồn tại khi triển khai Hội đồng	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO 3	S2 (Kỹ năng vận dụng)	Vận dụng được những quy định trong quy trình đấu thầu mua thuốc phục vụ hoạt động khám, chữa bệnh bằng nguồn kinh phí từ BHYT tại bệnh viện Thực hành tốt nhiệm vụ duyệt cấp phát thuốc tại khoa dược bệnh viện Thực hành được nhiệm vụ bảo quản, tồn trữ thuốc tại khoa dược bệnh viện Thực hành được nhiệm vụ thống kê số liệu xuất nhập thuốc tại khoa dược bệnh viện Thực hành được nhiệm vụ pha chế thuốc tại khoa dược bệnh viện	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
COL 4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Xây dựng được danh mục thuốc theo mô hình, tỷ lệ bệnh tật của bệnh viện Thấy được vai trò quan trọng của bệnh viện trong hệ thống y tế	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO 5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Thấy được vai trò của khoa dược trong cung ứng và theo dõi hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn tại bệnh viện	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát

CLO 6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Thái độ nghiêm túc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được phân công Thật thà đoàn kết với nhân viên trong bệnh viện trong quá trình làm việc	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận.

11.8. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.7. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: <i>Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ</i>	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: <i>Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ</i>	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.8. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

Bài 1. Một số vấn đề về bệnh viện

Bài 2. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức khoa dược bệnh viện và chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên khoa dược bệnh viện

Bài 3. Hoạt động chuyên môn tại khoa dược bệnh viện

Bài 4. Xây dựng danh mục thuốc bệnh viện

Bài 5. Hướng dẫn sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế có giường bệnh

Bài 6. Hội đồng Thuốc và Điều trị bệnh viện

Bài 7. Đấu thầu mua thuốc tại các cơ sở y tế công lập

14.1. Nội dung môn học (đề cương chi tiết của môn học):

Hình thức tổ chức giảng dạy môn học:

TT Tuần	Nội dung	Phân bố thời gian					Tổng cộng
		LT	Bài tập	Thảo luận	-TH -TT -TN	Tự học	
1.	Những vấn đề về bệnh viện	4	0	0	0	8	12
2.	Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức khoa dược bệnh viện và chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên khoa dược bệnh viện	4	0	0	0	8	12
3.	Hoạt động chuyên môn tại khoa dược bệnh viện	4	0	2	0	8	14
4.	Xây dựng danh mục thuốc bệnh viện	4	0	0	0	8	12

5.	Hướng dẫn sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế có giường bệnh	4	0	2	0	8	14
6.	Hội đồng Thuốc và Điều trị bệnh viện	5	0	0	0	10	15
7.	Đầu thầu mua thuốc tại các cơ sở y tế công lập	5	0	2	0	10	17
Tổng		30		6	0	60	96

14.2. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1.	Bài 1. Một số vấn đề về bệnh viện 1.1. Chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện 1.2. Phân hạng bệnh viện 1.3. Chất lượng bệnh viện 1.4. Tổ chức biên chế của bệnh viện	Phân tích được chức năng, nhiệm vụ, phân hạng, đánh giá chất lượng bệnh viện và cơ cấu tổ chức, biên chế bệnh viện dựa vào đặc thù hoạt động chuyên môn và phân cấp quản lý	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Đọc giáo trình <i>Công tác dược bệnh viện</i>, Nxb QĐND (2018), trang 11-45; chuẩn bị câu hỏi tr.45

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
2.	Bài 2. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, biên chế khoa dược bệnh viện 1.1. Chức năng và nhiệm vụ của khoa dược 1.2. Tổ chức, biên chế và bố trí khoa dược bệnh viện 1.3. Mối quan hệ công tác Bài 3. Chức trách, nhiệm vụ của các bộ phận chuyên môn và của cán bộ, nhân viên khoa dược 1.1. Nhiệm vụ của các bộ phận chuyên môn 1.2. Chức trách nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên khoa dược	Hiểu và phân tích được chức năng, nhiệm vụ của khoa dược và cán bộ, nhân viên khoa dược bệnh viện	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Đọc giáo trình <i>Công tác dược bệnh viện</i> , Nxb QĐND (2018), trang 46-55; chuẩn bị câu hỏi tr.55
3.	Bài 4. Hoạt động chuyên môn tại khoa	Hiểu được 7 hoạt động chuyên môn	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Đọc giáo trình <i>Công tác dược bệnh viện</i> , Nxb QĐND (2018),

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	được bệnh viện 1.1. Lập kế hoạch và tổ chức cung ứng thuốc, hóa chất, vật tư y tế 1.2. Theo dõi và quản lý nhập, xuất thuốc, hoá chất, vật tư y tế 1.3. Theo dõi quản lý sử dụng thuốc 1.4. Bảo quản thuốc, hóa chất, vật tư y tế 1.5. Tổ chức pha chế, sản xuất và chế biến thuốc 1.6. Thông tin thuốc và tư vấn sử dụng thuốc 1.7. Quản lý, theo dõi việc thực hiện các quy định chuyên môn về dược tại các khoa lâm	tại khoa dược bệnh viện	Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút		trang 65-87 và 190-204 và 214-235; chuẩn bị câu hỏi tr.87

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	sàng và nhà thuốc bệnh viện				
4.	Bài 5. Danh mục thuốc bệnh viện 1.1. Mục tiêu, tiêu chí lựa chọn và căn cứ xây dựng danh mục thuốc bệnh viện 1.2. Cơ sở để xây dựng danh mục thuốc bệnh viện 1.3. Nguyên tắc lựa chọn thuốc, hướng dẫn sử dụng và thanh toán danh mục thuốc bệnh viện 1.4. Trách nhiệm xây dựng, bổ sung, sửa đổi, hiệu chỉnh và thi hành danh mục thuốc bệnh viện	Phân tích được cơ sở, nguyên tắc lựa chọn và xây dựng danh mục thuốc bệnh viện	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút	Trắc nghiệm nhANH tại lớp	Độc giáo trình <i>Công tác dược bệnh viện</i>, Nxb QĐND (2018), trang 88-111 và 210-213; chuẩn bị câu hỏi tr.111
5.	Bài 6. Sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế có giường bệnh	Phân tích được những hiểu biết về quy định cấp phát, quản lý	Học ở nhà: 8 h Học ở lớp: 4 tiết	Trắc nghiệm nhANH tại lớp	Độc giáo trình <i>Công tác dược bệnh viện</i> , Nxb QĐND (2018), trang 112-130

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	1.1. Những điều cần biết về một thuốc trước khi sử dụng cho người bệnh 1.2. Chỉ định và hướng dẫn sử dụng thuốc cho người bệnh tại các khoa lâm sàng 1.3. Tổ chức cấp phát thuốc bảo đảm chất lượng và hướng dẫn sử dụng thuốc 1.4. Hoạt động dược lâm sàng tại bệnh viện 1.5. Sử dụng thuốc cổ truyền, dược liệu tại các cơ sở khám bệnh bằng y học cổ truyền	thuốc và hoạt động dược lâm sàng tại bệnh viện	Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút		và 210-213; chuẩn bị câu hỏi tr.130
6.	Bài 7. Hội đồng thuốc & Điều trị bệnh viện 1.1. Sơ lược về Hội đồng	Phân tích được chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và triển khai hoạt động Hội đồng	Học ở nhà: 10 h Học ở lớp: 5 tiết Thuyết giảng: 3 tiết Thảo luận: 90 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Đọc giáo trình <i>Công tác dược bệnh viện</i> , Nxb QĐND (2018), trang 131-157 và 205 - 209; chuẩn bị câu hỏi tr.157

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	thuốc và điều trị 1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thuốc và điều trị 1.3. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị	thuốc & điều trị bệnh viện	Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút		
7.	Bài 8. Đấu thầu thuốc tại các bệnh viện 1.1. Vài nét về công tác cung ứng thuốc phục vụ hoạt động khám, chữa bệnh ở Việt Nam 1.2. Những quy định chung về đấu thầu mua thuốc 1.3. Nội dung cần phải có khi tiến hành đấu thầu mua thuốc 1.4. Quy trình đấu thầu mua thuốc	Hiểu được những quy định về đấu thầu, quy trình đấu thầu mua thuốc tại các cơ sở y tế công lập	Học ở nhà: 10 h Học ở lớp: 5 tiết Thuyết giảng: 3 tiết Thảo luận: 90 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	Đọc giáo trình <i>Công tác dược bệnh viện</i> , Nxb QĐND (2018), trang 158-189; chuẩn bị câu hỏi tr. 189

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	1.5. Giá thuốc trúng thầu và sử dụng thuốc đã trúng thầu, ký kết hợp đồng				

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] **Quốc hội**, *Luật dược số: 105/2016/QH13* của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

[2] - **Chính phủ**, *Nghị định số: 54/2017/NĐ-CP* ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt.

- **Chính phủ**, *Nghị định số: 155/2018/NĐ-CP* ngày 12 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

[3]- **Các thông tư của bộ y tế, năm 2017, 2018, 2022.**

b. Tài liệu tham khảo

[4] *Pháp chế Dược*, NXB Trường đại học dược Hà Nội

[5] *Giáo trình Công tác dược bệnh viện*, Nxb QĐND (2018).

[6] **Tài liệu nội bộ, công tác dược bệnh viện**, trường Đại học Đông Đô, năm 2022.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025.

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

**Giảng viên biên
soạn**

TS. Nguyễn Minh Tuấn DSKII: Hoàng Duy Hiền DSKII: Hoàng Thị Chung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC XÃ HỘI HỌC

1. Tên học phần (Tiếng Việt): Dược xã hội học	Tên tiếng Anh: Sociopharmacology
2. Mã học phần:	772020156
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	30 tiết
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70 tiết
7. Các giảng viên phụ trách học phần	DSCII: Hoàng Duy Hiền ThS: Hoàng Thị Chung
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý, Dược Lâm sàng
- Học phần học trước:	Hóa dược, Dược lý, Dược cộng đồng
- Học phần song hành:	Dược lâm sàng, pháp chế dược

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về lịch sử, tổ chức ngành dược Việt Nam, nội dung của Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân, Luật BHXH, các chương trình y tế quốc gia, chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam; những kiến thức về dân số, thống kê y tế và vai trò của dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu của môn học:

Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]
Nêu được các khái niệm về xã hội học y tế.	CLO1	M
Mô tả được tổ chức ngành Y tế và Ngành dược VN.	CLO2	M
Trình bày được nội dung chủ yếu của Luật bảo vệ sức khỏe, Luật BHYT, các chương trình y tế quốc gia, chính sách quốc gia về thuốc của VN, dự trữ lưu thông thuốc phục vụ hoạt động chăm sóc và bảo vệ SKND.	CLO3	M
Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến dân số và các chỉ số thống kê y tế.	CLO4	M
Xác định được vai trò của dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	CLO5	M
Biết tổ chức và tham gia các hoạt động y tế triển khai tại cộng đồng.	CLO6	M
Nâng cao ý thức về vai trò của người dược sĩ trong hệ thống y tế	CLO7	M
Mô tả mục tiêu	CĐR	Trình độ năng lực

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3, ...)

11.9. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu được các khái niệm về xã hội học y tế. Hiểu được được tổ chức ngành Dược Việt Nam	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn

CLO 2	K3 (Áp dụng)	Hiểu và vận dụng được các nội dung chủ yếu của Luật Bảo hiểm y tế, chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO 3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến các chỉ số thống kê y tế Phân tích được vai trò của dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
COL 4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Nhận thức được vai trò của người dược sĩ trong hệ thống y tế Áp dụng được những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người cán bộ y tế trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO 5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Làm việc độc lập và làm việc nhóm, phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO 6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Có khả năng học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.10. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo		
	PLO1(Kiến thức)	PLO2 (Kỹ năng)	PLO3 (Thái độ)

	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.9. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%

A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

12.10. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-79% nhiệm vụ nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

14. Kế hoạch giảng dạy

14.1. Nội dung môn học (đề cương chi tiết của môn học):

Hình thức tổ chức giảng dạy môn học:

TT Tuần	Nội dung	Phân bố thời gian					Tổng cộng
		LT	Bài tập	Thảo luận	- TH - TT - TN	Tự học	
1.	Đại cương về xã hội học và xã hội học y tế	4	0	1	0	7	12
0.	Lịch sử, tổ chức ngành y tế và ngành dược VN	4	0	1	0	7	12
0.	Các chương trình y tế quốc gia, chiến lược phát triển ngành dược và chính sách quốc gia về thuốc của VN	6	0	2	0	10	18
0.	Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân	4	0	1	0	7	12
0.	Luật Bảo hiểm y tế	4	0	1	0	7	12
0.	Dân số và các chỉ số thống kê y tế	4	0	1	0	7	12
0.	Vai trò của người dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Dự trữ lưu thông thuốc quốc gia và quản lý thuốc ở tuyến cơ sở	4	0	1	0	7	12
Tổng		30	0	8	0	52	90

14.2. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Tuần/ Buổi học	Nội dung chính	CĐR	Hoạt động dạy/ học	Bài đánh giá

[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
Lý thuyết				
1	Đại cương về xã hội học và xã hội học y tế Nội dung 1. Sự ra đời khái niệm dược xã hội 2. Yếu tố tác động đến việc sử dụng thuốc 3. Toàn cầu hóa và những tác động đến ngành Dược 4. Nguyên tắc đảm bảo sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả		- Đọc trước tài liệu tại nhà. - Nghe giảng trên lớp. - Thực hiện các bài tập về nhà.	- Câu hỏi lượng giá.
2	Lịch sử, tổ chức ngành y tế và ngành dược VN Nội dung 1. Lịch sử ngành y dược VN 2. Hệ thống tổ chức ngành y tế tại VN 1. Bộ Y tế 1. Vị trí chức năng 2. Bộ máy lãnh đạo 3. Các cơ quan kề cận 4. Các cơ quan trực thuộc 1. Hệ sản xuất, kinh doanh 2. Hệ nghiên cứu 3. Hệ đào tạo 4. Hệ chữa bệnh 2. Sở y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1. Văn phòng sở y tế 2. Các đơn vị trực thuộc 3. Trung tâm y tế huyện, quận 1. Bộ máy quản lý 2. Các đơn vị trực thuộc 4. Y tế xã, phường 1. Vị trí, chức năng 2. Tổ chức 5. Tổ chức y tế thôn bản 3. Tổ chức ngành Dược 1. Theo tổ chức hành chính nhà nước 2. Theo thành phần kinh tế 3. Theo các lĩnh vực hoạt động 4. 2 khu vực và các tuyến		- Đọc trước tài liệu tại nhà. - Nghe giảng trên lớp. - Thực hiện các bài tập về nhà.	- Câu hỏi lượng giá.

	Bài 3: Các chương trình y tế quốc gia, chiến lược phát triển ngành dược và chính sách quốc gia về thuốc của VN Nội dung 1. Các chương trình y tế quốc gia 1. Giới thiệu các chương trình mục tiêu y tế quốc gia 2. Chương trình phòng chống sốt rét 3. Chương trình phòng chống các rối loạn do thiếu IOD 4. Chương trình tiêm chủng mở rộng 5. Chương trình phòng chống phong 6. Chương trình phòng chống lao 7. Chương trình bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng 8. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em 9. Chương trình đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm 10. Chương trình phòng chống HIV/AIDS 11. Chương trình phòng chống sốt xuất huyết 2. Chiến lược phát triển và chính sách quốc gia về ngành Dược 1. Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam 2. Các chính sách ưu tiên hỗ trợ phát triển ngành Dược Việt Nam 3. Thực trạng ngành Dược hiện tại và xu hướng phát triển trong tương lai		- Đọc trước tài liệu tại nhà. - Nghe giảng trên lớp. - Thực hiện các bài tập về nhà.	- Câu hỏi lượng giá.
4	Bài 4: Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân Nội dung 1. Những quy định chung 2. Vệ sinh trong sinh hoạt và lao động, vệ sinh công cộng, phòng và chống dịch bệnh 3. Thể dục thể thao, điều dưỡng và phục hồi chức năng 4. Khám bệnh và chữa bệnh 5. Y học, dược học cổ truyền dân tộc 6. Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh 7. Bảo vệ sức khỏe người cao tuổi, thương binh, bệnh binh, người tàn tật và đồng bào các dân tộc thiểu số 8. Thực hiện kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ sức khỏe phụ nữ, trẻ em 9. Thanh tra nhà nước về y tế 10. Khen thưởng và xử lý vi phạm		- Đọc trước tài liệu tại nhà. - Nghe giảng trên lớp. - Thực hiện các bài tập về nhà.	- Câu hỏi lượng giá.

5	Bài 5: Luật Bảo hiểm y tế Nội dung - Những quy định chung - Đối tượng, mức đóng, trách nhiệm và phương thức đóng BHYT - Thẻ bảo hiểm y tế - Phạm vi được BHYT - Tổ chức khám bệnh, chữa bệnh cho người tham gia BHYT - Thanh toán chi phí khám, chữa bệnh BHYT - Quỹ BHYT - Quyền và trách nhiệm của các bên liên quan đến BHYT - Thanh tra, khiếu nại, tố cáo. Giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm về BHYT - Điều khoản thi hành		- Đọc trước tài liệu tại nhà. - Nghe giảng trên lớp. - Thực hiện các bài tập về nhà.	- Câu hỏi lượng giá.
6	Bài 6: Dân số và các chỉ số thống kê y tế Nội dung - Dân số - Tính hình phát triển dân số hiện nay - Các quy định về chính sách dân số - Các chỉ số thống kê y tế - Các chỉ số thống kê y tế - Ý nghĩa		- Đọc trước tài liệu tại nhà. - Nghe giảng trên lớp. - Thực hiện các bài tập về nhà.	- Câu hỏi lượng giá.
7	Bài 7: Vai trò của người dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng, dự trữ lưu thông thuốc quốc gia và quản lý thuốc ở tuyến cơ sở Nội dung - Đại cương - Vai trò, nhiệm vụ của Dược sĩ - Các kỹ năng cần có - Ý thức trách nhiệm trong học tập và công việc		- Đọc trước tài liệu tại nhà. - Nghe giảng trên lớp. - Thực hiện các bài tập về nhà.	- Câu hỏi lượng giá.
	Tổng kết, giải đáp thắc mắc, kiểm tra, rút kinh nghiệm HP			

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] Quốc hội, Luật Bảo hiểm y tế số: 51/2024/QH15 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

b. Tài liệu tham khảo

[4] Pháp chế Dược, NXB Trường đại học dược Hà Nội

[5] Trường Đại học Đông đô, Khoa Dược - Xét nghiệm (2021), *Dược xã hội*, Bài giảng đào tạo dược sĩ đại học, tài liệu lưu hành nội bộ.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

**TS. Nguyễn Minh
Tuấn**

**DSCKII: Hoàng Duy
Hiển**

DSCKII: Hoàng Duy Hiển

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CẢNH GIÁC DƯỢC

2. Tên học phần (Tiếng Việt): CẢNH GIÁC DƯỢC	Tên tiếng Anh: Pharmacovigilance
2. Mã học phần:	772020155
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức ngành (Bổ trợ)
5. Loại học phần:	Tự chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70
7. Các giảng viên phụ trách học phần	BSCKII: Hoàng Duy Hiền ThS: Phạm Thị Loan Phượng
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý, Dược Lâm sàng
- Học phần học trước:	Dược lý, Dược Lâm sàng
- Học phần song hành:	Dược lâm sàng.

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Cung cấp cho sinh viên kiến thức về Cảnh giác dược, các hoạt động liên quan đến việc phát hiện, đánh giá, hiểu và phòng tránh tác dụng có hại hoặc bất kỳ 1 vấn đề nào khác liên quan đến thuốc trong sử dụng thuốc hóa dược, thuốc cổ truyền, tiêm chủng, dịch bệnh.

10. Mục tiêu của học phần:

Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ

		năng lực
[2]	[3]	[4]
Hiểu được tính an toàn trong giữa sử dụng thuốc, mối liên quan với can thiệp điều trị và hỗ trợ điều trị.	CLO1	M
Đánh giá được lợi ích, thiệt hại, hiệu lực và nguy cơ của thuốc, khuyến khích sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả hơn.	CLO2	M
Thúc đẩy được sự hiểu biết, giáo dục và đào tạo cảnh giác được trên lâm sàng và hiệu quả tuyên truyền tới cộng đồng.	CLO3	M
Mô tả được cấu trúc và quy trình chính của hệ thống Cảnh giác được tại Việt Nam.	CLO4	M
Biết phát hiện các triệu chứng ADR trên người bệnh khi dùng thuốc.	CLO5	M
Sử dụng thành thạo mẫu báo cáo ADR do Bộ Y tế ban hành.	CLO6	M
Chấp hành tốt quy định về y đức trong hoạt động chuyên môn.	CLO7	M
Luôn có tinh thần đoàn kết, học hỏi, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.	CLO8	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3, ...)

11.11. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1	K2 (Hiểu kiến thức)	Một số khái niệm liên quan đến cảnh giác được Phân loại phản ứng có hại (ADR) Hệ thống Cảnh giác được tại Việt Nam	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn
CLO	K3 (Áp dụng)	Các triệu chứng và nội dung cần xem xét khi nghi ngờ có ADR	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án

2				
CLO 3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Phòng ngừa, và nhiệm vụ của thầy thuốc trong tiếp nhận, xử lý, báo cáo ADR	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
COL 4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Cảnh giác được trong sử dụng thuốc tại Bệnh viện Cảnh giác được trong sử dụng thuốc cổ truyền	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO 5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Cảnh giác được trong các chương trình y tế	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO 6	A2 (Thái độ hỏi đáp, phản ứng)	Cảnh giác được trong đại dịch	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.12. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

R học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: *Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:*

Kiến thức (K): K1: *Biết/Nhớ*; K2: *Hiểu*; K3: *Áp dụng*; K4: *Phân tích/tổng hợp*; K5: *Đánh giá/Sáng tạo* (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: *Nhận thức/Bắt chước*; S2: *Làm theo hướng dẫn/Vận dụng*; S3: *Thuần thực/Chính xác*; S4: *Thành thạo kỹ năng phức tạp*, S5: *Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới*;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: *Tiếp nhận*; A2: *Hồi đáp/Phản ứng*; A3: *Chấp nhận giá trị*; A4: *Tổ chức/Ứng xử* (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.11. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: <i>Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ</i>	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: <i>Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ sơ</i>	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%

A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.12. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng điểm	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89 80%- %số giờ lớp lý lên thuy ết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80-100%
		0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80% nhiệm vụ đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

14. Kế hoạch giảng dạy

14.1. Nội dung môn học (đề cương chi tiết của môn học):

Hình thức tổ chức giảng dạy môn học:

TT Tuần	Nội dung	Phân bố thời gian					Tổng cộng
		LT	Bài tập	Thảo luận	- TH	Tự học	

					- TT - TN		
1.	Một số khái niệm liên quan đến cảnh giác được	2				4	6
0.	Phân loại phản ứng có hại (ADR)	4				8	12
0.	Các triệu chứng và nội dung cần xem xét khi nghi ngờ có ADR	4				8	12
0.	Phòng ngừa, và nhiệm vụ của thầy thuốc trong tiếp nhận, xử lý, báo cáo ADR	4				8	12
0.	Hệ thống Cảnh giác được tại Việt Nam	2				4	6
0.	Cảnh giác được trong sử dụng thuốc tại Bệnh viện	4				8	12
0.	Cảnh giác được trong sử dụng thuốc cổ truyền	4				8	12
0.	Cảnh giác được trong các chương trình y tế	2				4	6
0.	Cảnh giác được trong đại dịch	4				8	12
Tổng		30				60	90

14.3. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Tuần	Tiết học	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Hình thức tổ chức giảng dạy	Tài liệu tham khảo
Tuần 1	4	Một số khái niệm liên quan đến cảnh giác được	+ Đọc trước tài liệu tại nhà; + Nghe giảng trên lớp; + Trả lời câu hỏi của thầy + Thực hiện làm và nộp các bài tập về nhà	+ Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; + Phương pháp dạy tích cực. Thầy nêu vấn đề +SV động não suy nghĩ rồi trả lời vấn đề thầy nêu + Thầy tổng hợp các câu trả lời, phân tích vấn đề	- Mục 15.[1] - Mục 15.[2] - Mục 15.[3]

				+ Thầy sẽ thuyết trình bài giảng và kết luận nội dung bài giảng	
Tuần 2	4	Phân loại phản ứng có hại (ADR)	+ Đọc trước tài liệu tại nhà; + Nghe giảng trên lớp; + Trả lời câu hỏi của thầy +Thực hiện làm và nộp các bài tập về nhà	+ Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; + Phương pháp dạy tích cực. Thầy nêu vấn đề +SV động não suy nghĩ rồi trả lời vấn đề thầy nêu + Thầy tổng hợp các câu trả lời, phân tích vấn đề + Thầy sẽ thuyết trình bài giảng và kết luận nội dung bài giảng	Mục 15.[1] Mục 15.[2] Mục 15.[3]
Tuần 3	4	Các triệu chứng và nội dung cần xem xét khi nghi ngờ có ADR	+ Đọc trước tài liệu tại nhà; + Nghe giảng trên lớp; + Trả lời câu hỏi của thầy +Thực hiện làm và nộp các bài tập về nhà	+ Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; + Phương pháp dạy tích cực. Thầy nêu vấn đề +SV động não suy nghĩ rồi trả lời vấn đề thầy nêu + Thầy tổng hợp các câu trả lời, phân tích vấn đề + Thầy sẽ thuyết trình bài giảng và kết luận nội dung bài giảng	Mục 15.[1] Mục 15.[2] Mục 15.[3]

Tuần 4	4	Phòng ngừa, và nhiệm vụ của thầy thuốc trong tiếp nhận, xử lý, báo cáo ADR	+ Đọc trước tài liệu tại nhà; + Nghe giảng trên lớp; + Trả lời câu hỏi của thầy +Thực hiện làm và nộp các bài tập về nhà	+ Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; + Phương pháp dạy tích cực. Thầy nêu vấn đề +SV động não suy nghĩ rồi trả lời vấn đề thầy nêu + Thầy tổng hợp các câu trả lời, phân tích vấn đề + Thầy sẽ thuyết trình bài giảng và kết luận nội dung bài giảng	Mục 15.[1] Mục 15.[2] Mục 15.[3]
Tuần 5	4	Hệ thống Cảnh giác được tại Việt Nam	+ Đọc trước tài liệu tại nhà; + Nghe giảng trên lớp; + Trả lời câu hỏi của thầy +Thực hiện làm và nộp các bài tập về nhà	+ Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; + Phương pháp dạy tích cực. Thầy nêu vấn đề +SV động não suy nghĩ rồi trả lời vấn đề thầy nêu + Thầy tổng hợp các câu trả lời, phân tích vấn đề + Thầy sẽ thuyết trình bài giảng và kết luận nội dung bài giảng	Mục 15.[1] Mục 15.[2] Mục 15.[3]
Tuần 6	4	Cảnh giác được trong sử dụng thuốc tại Bệnh viện	+ Đọc trước tài liệu tại nhà; + Nghe giảng trên lớp;	+ Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; + Phương pháp dạy tích cực. Thầy nêu vấn đề	Mục 15.[1] Mục 15.[2] Mục 15.[3]

			+ Trả lời câu hỏi của thầy +Thực hiện làm và nộp các bài tập về nhà	+SV động não suy nghĩ rồi trả lời vấn đề thầy nêu + Thầy tổng hợp các câu trả lời, phân tích vấn đề + Thầy sẽ thuyết trình bài giảng và kết luận nội dung bài giảng	
Tuần 7	4	Cảnh giác được trong sử dụng thuốc cổ truyền	+ Đọc trước tài liệu tại nhà; + Nghe giảng trên lớp; + Trả lời câu hỏi của thầy +Thực hiện làm và nộp các bài tập về nhà	+ Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; + Phương pháp dạy tích cực. Thầy nêu vấn đề +SV động não suy nghĩ rồi trả lời vấn đề thầy nêu + Thầy tổng hợp các câu trả lời, phân tích vấn đề + Thầy sẽ thuyết trình bài giảng và kết luận nội dung bài giảng	Mục 15.[1] Mục 15.[2] Mục 15.[3]
Tuần 8	4	Cảnh giác được trong các chương trình y tế	+ Đọc trước tài liệu tại nhà; + Nghe giảng trên lớp; + Trả lời câu hỏi của thầy +Thực hiện làm và nộp các bài tập về nhà	+ Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; + Phương pháp dạy tích cực. Thầy nêu vấn đề +SV động não suy nghĩ rồi trả lời vấn đề thầy nêu + Thầy tổng hợp các câu trả lời, phân tích vấn đề	Mục 15.[1] Mục 15.[2] Mục 15.[3]

				+ Thầy sẽ thuyết trình bài giảng và kết luận nội dung bài giảng	
Tuần 9	4	Cảnh giác được trong đại dịch	+ Đọc trước tài liệu tại nhà; + Nghe giảng trên lớp; + Trả lời câu hỏi của thầy + Thực hiện làm và nộp các bài tập về nhà	+ Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; + Phương pháp dạy tích cực. Thầy nêu vấn đề + SV động não suy nghĩ rồi trả lời vấn đề thầy nêu + Thầy tổng hợp các câu trả lời, phân tích vấn đề + Thầy sẽ thuyết trình bài giảng và kết luận nội dung bài giảng	Mục 15.[1] Mục 15.[2] Mục 15.[3]

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] **Quốc hội**, Luật Dược số: 105/2016/QH13 ngày 06/04/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

[2] **Bộ Y tế**: Quyết định số 122/QĐ-BYT ngày 11/01/2021 ban hành hướng dẫn Quốc gia về Cảnh giác dược.

b. Tài liệu tham khảo

[3] Trường Đại học Dược Hà Nội (2015), *Hóa dược - dược lý*, Giáo trình giảng dạy dược sĩ đại học, Nxb Y học, Hà Nội.

[4]. Học viện Quân y (2015), *Kiểm nghiệm độc chất*, Giáo trình giảng dạy dược sĩ đại học, Nxb Y học, Hà Nội.

[5]. Bộ Y tế (2016), *Hướng dẫn quốc gia về cảnh giác dược*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

[6]. Trang web của BYT: <https://MOH.GOV.VN>

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU DƯỢC LIỆU VÀ THỰC HÀNH TỐT NUÔI TRỒNG, THU HÁI DƯỢC LIỆU LÀM THUỐC (GACP)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Phương pháp nghiên cứu dược liệu và thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu làm thuốc (GACP)	Tên tiếng Anh: Methods of research on medicinal herbs and good practices for growing and collecting medicinal herbs (GACP)
2. Mã học phần:	7DUC047
3. Số tín chỉ:	2
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức chuyên ngành
5. Loại học phần:	Tự chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	0
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	30
7. Các giảng viên phụ trách học phần	TS. Nguyễn Minh Tuấn TS. Triệu Duy Diệt
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Dược liệu 1, 2; Công nghệ dược phẩm
- Học phần học trước:	Dược liệu 1, 2; Dược học cổ truyền
- Học phần song hành:	Quản lý dược bệnh viện; Dược cộng đồng; dược xã hội; đảm bảo chất lượng thuốc

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Phương pháp nghiên cứu dược liệu và thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu làm thuốc (GACP) cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về các phương pháp nghiên cứu các hoạt chất có nguồn gốc dược liệu; các yếu tố ảnh hưởng đến trồng cây thuốc; nội dung chính của GACP – WHO; tổ chức nghiên cứu GACP – WHO, các công bố và công nhận; làm thế nào để công bố GAP cho 1 dược liệu cụ thể.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (MT)	Miêu tả (mức độ tổng quát)
CO1 (K)	Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến trồng cây thuốc; các khái niệm cơ bản và nội dung GACP, gồm GAP và GCP.
CO2 (S)	Trình bày được các nội dung và xây dựng được kế hoạch nghiên cứu GACP cho một dược liệu cụ thể; Xây dựng được lộ trình thực hiện để công bố GAP cho một dược liệu cụ thể.
CO3 (A)	Có khả năng vận dụng các kiến thức vào nghiên cứu dược liệu, chiết xuất, định hướng phát triển sản phẩm từ dược liệu; nhận biết và có khả năng xây dựng và áp dụng GACP.

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3, ...)

11.55. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến trồng cây thuốc; các khái niệm cơ bản và nội dung GACP, gồm GAP và GCP.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn
CLO2	K3 (Áp dụng)	Trình bày được các nội dung và xây dựng được kế hoạch nghiên cứu GACP cho một dược liệu cụ thể.	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Xây dựng được lộ trình thực hiện để công bố GAP cho một dược liệu cụ thể.	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
CLO4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Nghiên cứu được một dược liệu hoàn chỉnh; triển khai có hiệu quả GACP phù hợp điều kiện Việt Nam.	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Luôn chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, không ngừng học tập nâng cao trình độ	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng đồng nghiệp, cầu thị, hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp với đồng nghiệp. Lắng nghe và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh, với cộng đồng.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.56. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973).

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.52. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%

A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%

Công thức tính điểm tổng kết:

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60 - 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung phẩm đáp yêu cầu sản ứng	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2,0	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và	Lập luận có căn cứ khoa học và logic

			logic	logic	
Ý tưởng sáng tạo	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

14.58. Nội dung chi tiết học phần

14.59.

Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần
4 tiết (4 LT; 0 TH)	Bài 1. Phương pháp thăm dò hoạt chất trong cây thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 tiết (4 LT; 0 TH)	Bài 2: Phương pháp chiết xuất, phân lập hoạt chất trong cây thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 tiết (4 LT; 0TH)	Bài 3: Phương pháp xác định cấu trúc và hoạt tính sinh học trong cây thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 tiết (4 LT; 0 TH)	Bài 4: Tổng quan về GACP, các yếu tố tự nhiên ảnh hưởng đến trồng cây thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi giữa kỳ 1 tiết	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3)
2 tiết (4 LT; 0TH)	Bài 5: Các yếu tố PEST ảnh hưởng đến trồng cây thuốc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 tiết (4 LT; 0TH)	Bài 6: GAP - WHO, GCP - WHO	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

		CLO 5,6 (A1, A2)
4 tiết (4 LT; 0TH)	Bài 7: Tổ chức GACP, Nghiên cứu GACP - WHO	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
4 tiết (4 LT; 0TH)	Bài 8: Công bố và công nhận GACP - WHO	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Ôn tập (2 tiết)	-Hệ thống kiến thức -Giải đáp thắc mắc	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)
Thi hết học phần (2 tiết)	Thi tự luận	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)

14.60. Kế hoạch dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung chi tiết	huấn đầu ra học phần	Hoạt động Dạy và học	Bài đánh giá
1/2	Bài 1. Phương pháp thăm dò hoạt chất trong cây thuốc (4 LT; 0TH) 1. Mô tả cảm quan 2. Định tính các chất trong dược liệu 3. Định lượng các chất trong dược liệu	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Bài 2: Phương pháp chiết xuất, phân lập hoạt chất trong cây thuốc (4 LT; 0TH) 1. Chiết xuất các chất trong dược liệu 2. Phân lập các chất có hoạt tính sinh học	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
2/2	Bài 3: Phương pháp xác định cấu trúc và hoạt tính sinh học trong cây thuốc (4 LT; 0TH) 1. Xác định cấu trúc các chất 2. Thử hoạt tính sinh học chất có trong dược liệu	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Bài 4: Tổng quan về GACP, các yếu tố tự nhiên ảnh hưởng đến trồng cây thuốc (4 LT; 0TH) 1. Tổng quan về GACP	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

	1.1. Thế giới 1.2. Việt Nam 1.3. Một số khái niệm trong GACP 2. Các yếu tố tự nhiên ảnh hưởng đến trồng cây thuốc 2.1. Khí hậu 2.2. Nhiệt độ 2.3. Nước và độ ẩm 2.4. Ánh sáng 2.5. Địa hình 2.6. Đất đai và dinh dưỡng 2.7. Giống 3. Một số vùng trồng dược liệu ở VN đạt GACP			
	Thi giữa kỳ (1 LT, 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Thuyết trình, tự nghiên cứu làm bài thi	Chấm bài thi tự luận giữa kỳ
	Bài 5: Các yếu tố PEST ảnh hưởng đến trồng cây thuốc (2 LT; 0 TH) 1. Kinh tế 2. Khoa học - công nghệ 3. Luật, chính sách 4. Văn hóa - xã hội	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
3/2	Bài 6: GAP - WHO, GCP – WHO (4 LT; 0TH) 1. GAP - WHO 1.1. Nhận dạng/xác định giống cây thuốc 1.2. Chọn địa điểm 1.3. Kỹ thuật canh tác: Trồng trọt và chăm sóc 1.4. Bảo vệ thực vật 1.5. Thu hái và chế biến 1.6. Đóng gói và bảo quản 1.7. Ghi chép hồ sơ 1.8. Nhà xưởng 1.9. Thiết bị 1.10. Con người	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

	1.11.Bảo đảm chất lượng 2.GCP -WHO 2.1.Kế hoạch thu hái 2.2.Giấy phép thu hái (nếu cần) 2.3.Chọn cây thu hái 2.4.Kỹ thuật thu hái 2.5.Chế biến 2.6.Đóng gói và bảo quản 2.7.Ghi chép hồ sơ 2.8.Nhà xưởng 2.9.Thiết bị 2.10.Con người 2.11.Đảm bảo chất lượng			
4/2	Bài 7: Tổ chức GACP, Nghiên cứu GACP – WHO (4 LT; 0TH) 1. Tổ chức GACP 1.1.Các quy định về tiêu chuẩn GACP ở VN 1.2.Mục tiêu và các tiêu chuẩn đánh giá 2.Nghiên cứu GACP – WHO 2.1.Thiết kế nghiên cứu 2.2.Phương pháp nghiên cứu 2.3.Xây dựng quy trình, quy định 2.4.Xây dựng các atlas	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>
	Bài 8: Công bố và công nhận GACP – WHO (4 LT; 0TH) 1. Cơ quan thẩm định và hồ sơ 1.1. Cơ quan thẩm định 1.2. Xây dựng hồ sơ 2. Trình tự triển khai 2.1. Quyết tâm và cam kết của ban lãnh đạo công ty 2.2. Hiểu biết về GACP 2.3. Nghiên cứu GACP 2.4. Xây dựng hồ sơ công bố GACP 2.5. Tổ chức sản xuất theo GACP 2.6. Kiểm tra nội bộ (tự làm hoặc mời)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3) CLO 5,6 (A1, A2)	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	<i>quan sát, hồ sơ học tập</i>

	2.7. Hoàn thiện sau kiểm tra nội bộ 2.8. Nộp hồ sơ xin thẩm định 2.9. Công bố GACP			
	Thi hết học phần (2LT, 2TH)	CLO1,2 (K2, K3) CLO 3,4 (S2, S3)	Tự nghiên cứu làm bài thi, thực hành	Chấm bài thi tự luận hết học phần

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

[1]. Trần Đình Thắng (2019), *Hợp chất thiên nhiên*, Giáo trình đại học, NXB Đại học Vinh.

[2]. Trường Đại học Dược Hà Nội (2011), *Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc*, Tài liệu đào tạo dược sĩ đại học.

b. Tài liệu tham khảo

[2]. WHO (2009), *Hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới về Thực hành tốt nuôi trồng và thu hái dược liệu* (bản dịch từ tiếng Anh).

[3]. Đoàn Thị Thanh Nhân, Ninh Thị Phíp (2015), *Giáo trình cây thuốc*, NXB Nông nghiệp.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01. năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Minh Tuấn

TS. Triệu Duy Diệt

TS. Nguyễn Minh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THUỐC

1. Tên học phần (Tiếng Việt): HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THUỐC	Tên tiếng Anh: Drug register Documents
2. Mã học phần:	772020154
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức bổ trợ ngành
5. Loại học phần:	Tự chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70
7. Các giảng viên phụ trách học phần	BSCKII: Hoàng Duy Hiền ThS: Hoàng Thị Chung
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý, Dược Lâm sàng
- Học phần học trước:	Hóa dược, Dược lý.Quản lý chất lượng thuốc và tồn trữ.
- Học phần song hành:	Dược lâm sàng, Kỹ năng giao tiếp bán hàng.

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần hồ sơ đăng ký thuốc cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quy định những loại giấy tờ về hành chính và kỹ thuật phải có khi đăng ký lưu hành một thuốc với Cục quản lý dược VN và cách thức xây dựng một hồ sơ đăng ký thuốc đúng quy định hiện hành của Bộ Y tế.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu của môn học:

Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]
Trình bày được các quy định chung về hồ sơ đăng ký thuốc	CLO1	M
Trình bày được quy định về hồ sơ đăng ký một thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm	CLO2	M
Trình bày được quy định về hồ sơ đăng ký thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu và dược liệu làm thuốc	CLO3	M
Vận dụng được các kiến thức để xây dựng một hồ sơ đăng ký thuốc đúng về thủ tục hành chính và kỹ thuật	CLO4	M
Nghiêm túc, tỷ mỉ, chính xác trong học tập, công việc	CLO5	M
- Năng động, tự tin, yêu nghề, say mê công việc, có tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, luôn có ý thức phấn đấu vươn lên, tự học, tự cập nhật kiến thức để bắt kịp sự phát triển của ngành dược trong nước và thế giới	CLO6	M
- Có khả năng làm việc độc lập và tự tin trong môi trường hòa nhập quốc tế	CLO7	M
- Có thái độ làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm, có ý thức làm việc nhóm, có kỹ năng giao tiếp, trình bày thuyết trình, giải quyết vấn đề, chịu trách nhiệm trước xã hội với việc mình làm	CLO8	M
- Luôn rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, ứng xử có văn hóa trong nghề nghiệp	CLO9	M
- Có khả năng vận dụng các kiến thức vào sản xuất dược phẩm, định hướng phát triển sản phẩm	CLO10	M
- Nhận biết và có định hướng giải quyết các vấn đề chuyên môn phát sinh trong thực tế hoạt động chuyên môn	CLO11	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

11.13. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu được các quy định chung về hồ sơ đăng ký thuốc Hiểu được quy định về hồ sơ đăng ký một thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn

CLO 2	K3 (Áp dụng)	Trình bày được quy định về hồ sơ đăng ký thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu và dược liệu làm thuốc	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO 3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Vận dụng được các kiến thức để xây dựng một hồ sơ đăng ký thuốc đúng về thủ tục hành chính và kỹ thuật	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
COL 4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Nghiêm túc, tỷ mỉ, chính xác trong học tập, công việc - Năng động, tự tin, yêu nghề, say mê công việc, có tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, luôn có ý thức phấn đấu vươn lên, tự học, tự cập nhật kiến thức để bắt kịp sự phát triển của ngành dược trong nước và thế giới	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO 5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	- Làm việc tự tin, độc lập trong môi trường hòa nhập - Có thái độ nghiêm túc, trách nhiệm trong học tập và làm việc	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO 6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	- Có đạo đức và văn hóa ứng xử trong nghề nghiệp - Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn công việc	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

11.14. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		

CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: *Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:*

Kiến thức (K): K1: *Biết/Nhớ*; K2: *Hiểu*; K3: *Áp dụng*; K4: *Phân tích/tổng hợp*; K5: *Đánh giá//Sáng tạo* (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: *Nhận thức/Bắt chước*; S2: *Làm theo hướng dẫn/Vận dụng*; S3: *Thuần thực/Chính xác*; S4: *Thành thạo kỹ năng phức tạp*, S5: *Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới*;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: *Tiếp nhận*; A2: *Hồi đáp/Phản ứng*; A3: *Chấp nhận giá trị*; A4: *Tổ chức/Ứng xử* (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.13. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: <i>Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ</i>	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: <i>Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ</i>	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Ví dụ 1: - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

12.14. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ,

thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

14.1. Nội dung môn học (đề cương chi tiết của môn học):

Hình thức tổ chức giảng dạy môn học:

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tổng số
		LT	Bài tập	Thảo luận	TH TN TT	Tự học	
1.	Bài 1: Quy định chung về hồ sơ đăng ký thuốc	6			0	12	18
2.	Bài 2: Xây dựng hồ sơ hành chính trong đăng ký thuốc	6			0	12	18
3.	Bài 3: Xây dựng hồ sơ kỹ thuật trong đăng ký thuốc	6			0	12	18
4.	Bài 4: Xây dựng hồ sơ đăng ký thuốc hóa dược sản xuất trong nước	6			0	12	18
5.	Bài 5: Xây dựng hồ sơ thuốc cổ truyền sản xuất trong nước	6			0	12	18
Tổng số		30			0	60	90

14.2. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Tuần n/ Buổi i học	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1.	Quy định chung về hồ sơ đăng ký thuốc	+ Đọc trước tài liệu tại nhà; + Nghe giảng trên lớp; +Thực hiện làm và nộp các bài tập về nhà	+ Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; + Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; + Thảo luận nhóm.	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	
2.	Xây dựng hồ sơ hành chính trong đăng ký thuốc	+ Đọc trước tài liệu tại nhà; + Nghe giảng trên lớp; +Thực hiện làm và nộp các bài tập về nhà	+ Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; + Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; + Thảo luận nhóm.	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	
3.	Xây dựng hồ sơ kỹ thuật trong đăng ký thuốc	+ Đọc trước tài liệu tại nhà; + Nghe giảng trên lớp; +Thực hiện làm và nộp các bài tập về nhà	+ Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; + Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; + Thảo luận nhóm.	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	
4.	Xây dựng hồ sơ đăng ký thuốc hóa dược sản	+ Đọc trước tài liệu tại nhà; + Nghe giảng trên lớp;	+ Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; + Thuyết	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	

Tuần n/ Buổi học	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	xuất trong nước	+Thực hiện làm và nộp các bài tập về nhà	trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; + Thảo luận nhóm.		
5.	Xây dựng hồ sơ thuốc cổ truyền sản xuất trong nước	+ Đọc trước tài liệu tại nhà; + Nghe giảng trên lớp; +Thực hiện làm và nộp các bài tập về nhà	+ Dạy trực tiếp trên lớp/ dạy online; + Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở vấn đáp; + Thảo luận nhóm.	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] **Quốc hội**, *Luật dược số: 105/2016/QH13* của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

[2] - **Chính phủ**, *Nghị định số: 54/2017/NĐ-CP* ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt. *Nghị định số: 155/2018/NĐ-CP* ngày 12 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

[3]- **Bộ Y tế**: *Thông tư 32/2018/TT-BYT*, ngày 12 tháng 11 năm 2018, qui định về đăng ký lưu hành thuốc.

b. Tài liệu tham khảo

[4] *Pháp chế Dược*, NXB Trường đại học dược Hà Nội

[5] **Tài liệu nội bộ**, *Hồ sơ đăng ký thuốc* trường Đại học Đông Đô, năm 2022.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025.

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

**Giảng viên biên
soạn**

TS. Nguyễn Minh Tuấn

DSCKII: Hoàng Duy Hiền

DSCKII: Hoàng Duy Hiền

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THUỐC TRONG
PHÂN PHỐI, BẢO QUẢN TỒN TRỮ, BÁN LẺ.**

1. Tên học phần (Tiếng Việt): QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THUỐC TRONG PHÂN PHỐI, BẢO QUẢN TỒN TRỮ, BÁN LẺ.	Tên tiếng Anh: Ensuring drug quality distribution, storage and retail.
2. Mã học phần:	772020153
3. Số tín chỉ:	02
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức bổ trợ ngành
5. Loại học phần:	Tự chọn
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30 tiết
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	55 tiết
7. Các giảng viên phụ trách học phần	Ths: Đặng Xuân Bích ThS: Hoàng Thị Chung
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý, Dược Lâm sàng
- Học phần học trước:	Hóa dược, Dược lý, pháp chế.
- Học phần song hành:	Kỹ năng giao tiếp bán hàng.

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần giới thiệu các nguyên tắc, nội dung liên quan đến hoạt động của hệ thống GPs (GMP, GLP, GSP, GCP, GDP, GPP) các thực hành tốt: Thực hành tốt sản xuất (GMP); Thực hành tốt kiểm nghiệm (GLP); Thực hành tốt bảo quản (GSP); Thực hành tốt Phân phối (GDP), Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP). Theo qui định của Bộ Y tế và thông lệ quốc tế.

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu của môn học:

Mô tả mục tiêu	CĐR	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]
+ Trình bày được các khái niệm về Thực hành tốt trong sản xuất, bán buôn, bán lẻ, kiểm tra chất lượng, sản xuất bao bì làm thuốc, cảnh giác dược và thực hành tốt nuôi trồng và thu hái dược liệu làm thuốc.	CLO1	M
+ Trình bày được quy định về nguyên tắc, tiêu chuẩn và nội dung trong thực hành tốt phân phối, tồn trữ và bán lẻ thuốc.	CLO2	M
+ Vận dụng được các kiến thức đã được học để soạn thảo đúng hình thức, nội dung một số quy trình thao tác chuẩn trong phân phối, tồn trữ và bán lẻ thuốc.	CLO3	M
+ Nâng cao ý thức trách nhiệm trong các hoạt động hành nghề.	CLO4	M
+ Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định trong chuyên môn.	CLO5	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

Chuẩn đầu ra môn học (CĐR):

CĐR (CLO _{x.x})	Mô tả chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]
CLO1	Hiểu và trình bày được các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý chất lượng trong hoạt động bán buôn, bán lẻ, bảo quản tồn trữ thuốc.	M
CLO2	Trình bày được các khái niệm về Thực hành tốt trong bảo quản tồn trữ, bán buôn, bán lẻ thuốc.	M
CLO3	Hiểu được quy định về nguyên tắc, tiêu chuẩn và nội dung trong thực hành tốt Bảo quản tồn trữ thuốc (GSP)	M
CLO4	Hiểu được quy định về nguyên tắc, tiêu chuẩn và nội dung trong thực hành tốt phân phối (GDP)	M
CLO5	Hiểu được quy định về nguyên tắc, tiêu chuẩn và nội dung trong thực hành tốt phân phối (GPP)	M
CLO5	Mô tả được cách thức biên soạn quy trình thao tác chuẩn trong hoạt động phân phối, tồn trữ và bán lẻ thuốc	M

CLO1	Xây dựng được Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt Bảo quản thuốc (GSP)	M
CLO2	Xây dựng được Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận thực tốt phân phối thuốc (GDP)	M
CLO3	Xây dựng được Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận thực tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP)	M
CLO4	Xây dựng được các SOP trong hoạt động tồn trữ, bảo quản thuốc	M
CLO5	Xây dựng được các SOP trong hoạt động bán buôn, bán lẻ thuốc	M
CLO1	Thấy được vai trò quan trọng của việc đảm bảo chất lượng thuốc trong bảo quản tồn trữ, bán buôn, bán lẻ.	M
CLO2	Thái độ nghiêm túc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được phân công	M
CLO3	Chấp hành luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp	H
CLO4	Thấy được mối quan hệ chi phí -hiệu quả kinh tế của việc bảo đảm chất lượng thuốc trong bảo quản tồn trữ, bán buôn, bán lẻ.	M
CLO5	Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tiếp cận với những thông tin mới trong nước và trên thế giới về bảo đảm chất lượng thuốc.	M
CLO5	Trung thực khách quan, có ý thức nghiên cứu khoa học, học tập và phát triển nghề nghiệp suốt đời.	M
CĐR (CLOx.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3, ...)

11.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu được các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý chất lượng trong hoạt động bán buôn, bán lẻ, bảo quản tồn trữ thuốc.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn

		Hiểu được các khái niệm về Thực hành tốt trong bảo quản tồn trữ, bán buôn, bán lẻ thuốc Hiểu được quy định về nguyên tắc, tiêu chuẩn và nội dung trong thực hành tốt GPs: (GMP), (GLP), (GSP), (GDP), (GPP)..		
CLO 2	K3 (Áp dụng)	Mô tả được cách thức biên soạn quy trình thao tác chuẩn trong hoạt động phân phối, tồn trữ và bán lẻ thuốc	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO 3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Xây dựng được Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt Bảo quản thuốc (GSP)	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
COL 4	S3 (Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Xây dựng được Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận thực tốt phân phối thuốc thuốc (GDP) Xây dựng được Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận thực tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP)	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO 5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Xây dựng được các SOP trong hoạt động tồn trữ, bảo quản thuốc Xây dựng được các SOP trong hoạt động bán buôn, bán lẻ thuốc Thấy được vai trò quan trọng của việc đảm bảo chất lượng thuốc trong bảo quản tồn trữ, bán buôn, bán lẻ.	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO 6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Thái độ nghiêm túc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được phân công Thấy được mối quan hệ chi phí -hiệu quả kinh tế của việc bảo đảm chất lượng thuốc trong bảo quản tồn trữ, bán buôn, bán lẻ.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Ghi chú:

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận.

11.2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: *Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:*

Kiến thức (K): K1: *Biết/Nhớ*; K2: *Hiểu*; K3: *Áp dụng*; K4: *Phân tích/tổng hợp*; K5: *Đánh giá//Sáng tạo* (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: *Nhận thức/Bắt chước*; S2: *Làm theo hướng dẫn/Vận dụng*; S3: *Thuần thục/Chính xác*; S4: *Thành thạo kỹ năng phức tạp*, S5: *Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới*;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: *Tiếp nhận*; A2: *Hồi đáp/Phản ứng*; A3: *Chấp nhận giá trị*; A4: *Tổ chức/Ứng xử* (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

12.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	<i>Ví dụ:</i> <i>Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ</i>	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	<i>Ví dụ:</i> <i>Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ</i>	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	<i>Ví dụ:</i> - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	<i>Ví dụ 1:</i> - Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K2 K3	40% 10%
A3.2 (Thực hành)	<i>Ví dụ 2:</i> - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CĐR.

12.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Tha ng điểm	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80- 100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 89 80%- %số giờ lớp lý lên thuy ết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Tha ng điể m	Không đạt 0- 49%	Đạt 50- 64%	Khá 65- 79%	Tốt 80- 100%
		0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80% - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (*Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên*)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

14.1. Nội dung môn học (đề cương chi tiết của môn học):

Hình thức tổ chức giảng dạy môn học:

TT	Nội dung	Phân bố thời gian	

Tuần		LT	Bài tập	Thảo luận	TH TN TT	Tự học	Tổng cộng
1	Đại cương về Thực hành tốt	2	0	0	0	4	6
2	Soạn thảo quy trình thao tác chuẩn	2	0	0	6	4	12
3	Quy định về Thực hành tốt bảo quản, tồn trữ thuốc	4	0	2	8	8	22
4	Quy định về Thực hành tốt phân phối thuốc	4	0	2	8	8	22
5	Quy định về Thực hành tốt bán lẻ thuốc	3	0	0	8	6	17
Tổng		15	0	4	30	30	79

14.2. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1.	Bài 1. Đại cương về Thực hành tốt 1. Các khái niệm trong thực hành tốt 2. Các qui định liên quan đến Thực hành tốt trong lưu thông, tồn trữ thuốc	Trình bày được các khái niệm về Thực hành tốt trong sản xuất, bảo quản, bán buôn, bán lẻ, sản xuất bao bì làm thuốc, cảnh giác được và thực hành tốt nuôi trồng và thu hái dược liệu làm thuốc .	Học ở nhà: 6 Học ở lớp: 2 Thuyết giảng: 60 phút Thảo luận: 30 Trình bày nhóm: 15 Thuyết trình: 15 Hướng dẫn: 15		Đọc Q1, trang; chuẩn bị câu hỏi ..;

2	Bài 2. Soạn thảo quy trình thao tác chuẩn 1. Vai trò của Quy trình thao tác chuẩn 2. Nguyên tắc cơ bản trong xây dựng quy trình thao tác chuẩn. 3. Các quy trình thao tác chuẩn trong hành nghề Dược	Mô tả được các quy trình thao tác chuẩn trong hoạt động phân phối, tồn trữ và bán lẻ thuốc	Học ở nhà: 6 Học ở lớp: 2 Thuyết giảng: 60 phút Thảo luận: 30 Trình bày nhóm: 15 Thuyết trình: 15 Hướng dẫn: 15		Đọc Q1, trang; chuẩn bị câu hỏi ..;
	Bài 3. Quy định về Thực hành tốt bảo quản thuốc 1.1. Qui định chung 1.2. Ban hành thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc 1.3. Đánh giá việc đáp ứng thực hành tốt bảo quản thuốc 1.4. Nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc	Hiểu và triển khai được các quy định về nguyên tắc, tiêu chuẩn và nội dung trong thực hành tốt Bảo quản tồn trữ thuốc (GSP) trong hoạt động hành nghề dược	Học ở nhà: 12 Học ở lớp: 4 Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút Thực hành : 10		Đọc Q1, trang; chuẩn bị câu hỏi ..;

	Bài 4. Quy định về Thực hành tốt phân phối thuốc 1.1. Qui định chung 1.2. Công bố áp dụng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc 1.3. Đánh giá việc đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc 1.4. Thực hành tốt phân phối thuốc.	Mô tả được các quy định về nguyên tắc, tiêu chuẩn và nội dung trong thực hành tốt tại cơ sở bán buôn thuốc.	Học ở nhà: 12 Học ở lớp: 4 Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút Thực hành : 10		Đọc Q1, trang; chuẩn bị câu hỏi ..;
	Bài 5. Quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc 1.1. Qui định chung 1.2. Ban hành, áp dụng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc 1.3. Đánh giá việc đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc 1.4. Tiêu chuẩn thực hành tốt cơ sở	Hiểu và phân tích được được các quy định, nguyên tắc, tiêu chuẩn trong Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc vận dụng trong thực hành nghề nghiệp	Học ở nhà: 12 Học ở lớp: 4 Thuyết giảng: 2 tiết Thảo luận: 45 phút Trình bày nhóm: 45 phút Thuyết trình: 30 phút Hướng dẫn: 15 phút Thực hành : 10		Đọc....., trang; chuẩn bị câu hỏi ..;

	bán lẻ thuốc đối với nhà thuốc				

15. Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] Quốc hội, Luật dược số: 105/2016/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[2] - Chính phủ, Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

- Chính phủ, Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

[3]- Các Thông tư của Bộ y tế, năm 2017, 2018, 2022.

b. Tài liệu tham khảo

[4] Đảm bảo chất lượng thuốc và tồn trữ, nội bộ, Trường đại học Dược Hà Nội

[5] Đảm bảo chất lượng thuốc trong phân phối, tồn trữ và cơ sở bán lẻ thuốc, Trường Đại học Đông Đô, năm 2022.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

**Giảng viên biên
soạn**

TS. Nguyễn Minh Tuấn

DSCKII: Hoàng Duy Hiền

ThS: Nguyễn Đăng Bích

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH NHÀ THUỐC VÀ KỸ NĂNG BÁN HÀNG

1. Tên học phần (Tiếng Việt): THỰC HÀNH NHÀ THUỐC VÀ KỸ NĂNG BÁN HÀNG	Tên tiếng Anh: Pharmaceutical economics and management Pharmacy Management and selling skill
2. Mã học phần:	772020158
3. Số tín chỉ:	03 (02:01)
4. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	Kiến thức cơ sở ngành
5. Loại học phần:	Bắt buộc
6. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết	30
-Thí nghiệm, thực hành, thảo luận	
- Đánh giá giữa học phần	1 giờ
- Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm	70
7. Các giảng viên phụ trách học phần	ThS: Phạm Thị Loan Phượng DSCkII: Hoàng Duy Hiền
8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Hóa dược, Dược lý, Dược Lâm sàng
- Học phần học trước:	Hóa dược, Dược lý, pháp chế dược.
- Học phần song hành:	Dược lâm sàng.

9. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về kỹ năng giao tiếp để tiến hành các hoạt động chuyên môn trong tư vấn và bán thuốc tại các cơ sở bán lẻ thuốc theo Thông tư 02/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP).

10. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu của môn học:

Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]
- Nhớ được các kỹ năng cần có khi giao tiếp với khách hàng và đồng nghiệp thông qua các diễn biến tâm lý.	CLO1	M
- Trình bày được các kiến thức cần có để quản trị một cơ sở bán lẻ thuốc hoạt động có hiệu quả theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GPP	CLO2	M
Khai thác được thông tin liên quan đến sức khỏe bệnh nhân.	CLO3	M
- Hướng dẫn được cách sử dụng thuốc cho bệnh nhân an toàn và hiệu quả.	CLO4	M
- Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và khách hàng.	CLO5	M
Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.	CLO6	M
- Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh và khách hàng.	CLO7	M
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành y tế.	CLO8	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

11. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1, CLO2, CLO3,...)

1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần	TĐNL (Thang đo năng lực)	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1	K2 (Hiểu kiến thức)	Hiểu và trình bày được các kỹ năng giao tiếp cần phải có trong hành nghề Hiểu được cách biết lắng nghe và đồng cảm với người bệnh, khách hàng thông qua hoạt động giao tiếp Hiểu và phân tích được các hoạt động quản trị mua hàng, bảo quản và tồn trữ, bán hàng và thông tin thuốc	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Bài tập lớn
CLO2	K3 (Áp dụng)	Biết cách làm thế nào để hiểu biết người bệnh, khách hàng tốt hơn thông qua hoạt động giao tiếp Trình bày được các cách giao tiếp với khách hàng, người bệnh trong những tình huống đặc biệt Khai thác được thông tin liên quan đến sức khỏe và triệu chứng một số bệnh thông thường hay mắc trong cộng đồng.	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học tập, chấm đồ án
CLO3	S2 (kỹ năng vận dụng)	Hướng dẫn được cách sử dụng thuốc cho bệnh nhân an toàn, hiệu quả.	Thực hành nghiên cứu	Bài tập lớn
COL4	S3	Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và khách hàng trong tư vấn sử dụng thuốc tại cộng đồng	Thực hành, đồ án	Hồ sơ học tập, chấm đồ án

	(Kỹ năng vận dụng thành thạo)	Làm thành thạo quy trình bán một đơn thuốc tại nhà thuốc		
CLO5	A1 (Thái độ tự chủ tiếp nhận)	Tư vấn có hiệu quả cách sử dụng một số thuốc không phải kê đơn trong điều trị các bệnh thường mắc tại cộng đồng Thấy được tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp	Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Phỏng vấn, quan sát
CLO6	A2 (Thái độ hồi đáp, phản ứng)	Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh và khách hàng. Khiêm tốn học hỏi đồng nghiệp, luôn giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát, hồ sơ học tập

Phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu..., vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án... Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm, tự luận

2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1(Kiến thức)		PLO2 (Kỹ năng)		PLO3 (Thái độ)	
	1.1	1.2	2.1	2.1	3.2	3.3
CLO1(K)	K2					
CLO2 (K)		K3				
CLO3 (S)			S2			
CLO4(S)				S3		
CLO5 (A)					A1	
CLO6 (A)						A2

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

12. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				10%
A1.1	Đánh giá ý thức học tập; Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric đánh giá ý thức học tập	A1 A2	5%
A1.2	Ví dụ: Kiểm tra viết; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án, thang điểm	K2 K3	2,5%
A1.3	Ví dụ: Thảo luận nhóm; GV đánh giá và lưu hồ	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	K2 K3 A1 A2	2,5%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Ví dụ: - Bài kiểm tra trắc nghiệm; GV đánh giá và lưu hồ	- Đáp án	K2 K3	30%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%

	Ví dụ 1:		K2	40%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết; Khoa/Bộ môn và Phòng quản lý chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	K3	10%
A3.2 (Thực hành)	Ví dụ 2: - Kiểm tra kỹ năng thực hành tại PTN	- Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	S2 S3	10%
Công thức tính điểm tổng kết:				

- Ghi chú: Các bài đánh giá thiết kế sao cho đánh giá được từng CDR.

2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Trình bày các rubrics đánh giá của học phần (nếu có) Lưu ý: Cùng học phần (cùng mã) phải chung 1 rubric Ví dụ tham khảo:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo

13. Yêu cầu của học phần về nhiệm vụ và thái độ của SV: (Yêu cầu về nhiệm vụ, thái độ của sinh viên)

13.1. Nhiệm vụ của người học

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

13.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Người học phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần

14. Kế hoạch giảng dạy

14.1. Nội dung môn học (đề cương chi tiết học phần):

Hình thức tổ chức giảng dạy môn học.

TT	Nội dung	Phân bố thời gian	

Tuần		LT	Bài tập	Thảo luận	- TH - TT - TN	Tự học	Tổng cộng
1	CHƯƠNG I: DƯỢC SĨ VÀ KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG HÀNH NGHỀ	2		1	4	5	12
2	CHƯƠNG II: LẮNG NGHE VÀ ĐỒNG CẢM VỚI NGƯỜI BỆNH	2		1	4	5	12
3	CHƯƠNG III: LÀM THỂ NÀO ĐỂ HIỂU BIẾT NGƯỜI BỆNH TỐT HƠN	3		1	4	5	13
4	CHƯƠNG IV: GIAO TIẾP TRONG CÁC TÌNH HUỐNG ĐẶC BIỆT	3		1	4	5	13
5	CHƯƠNG V: QUẢN TRỊ MUA HÀNG, BẢO QUẢN VÀ TỒN TRỮ THUỐC	3		1	4	5	13
6	CHƯƠNG VI: QUẢN TRỊ BÁN HÀNG VÀ THÔNG TIN THUỐC	2		1	4	5	12
Tổng		15		6	24	30	75

14.2. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1.	<i>Dược sĩ và kỹ năng giao tiếp trong hành nghề</i> 1.1. Nhiệm vụ của người DS trong chăm sóc người bệnh 1.2. Tầm quan trọng của giao tiếp trong chăm sóc người bệnh 1.3. Kiểm soát thuốc theo sự tiến triển của người bệnh 1.4. Kỹ năng giao tiếp của dược sĩ với người bệnh	Phân tích được chức năng, nhiệm vụ, của người dược sĩ trong chăm sóc người bệnh. Phân tích được vai trò của giao tiếp trong chăm sóc sức khỏe người bệnh	Học ở nhà: 4 h Học ở lớp: 2 tiết Thuyết giảng: 1 tiết Thảo luận: 30 phút Trình bày nhóm: 30 phút Thuyết trình: 15 phút Hướng dẫn: 15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	PGS-TS: Nguyễn Thanh Bình, PGS-TS: Lê Viết Hùng, <i>Kỹ năng giao tiếp và thực hành tốt tại nhà thuốc</i>, Nxb giáo dục, Hà Nội, 2015 Trường Đại học Đông Đô, <i>Tổ chức quản lý dược</i>, Bài giảng đào tạo dược sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022
2.	<i>Lắng nghe và đồng cảm với người bệnh</i> 2.1. Kỹ năng lắng nghe và thấu hiểu đối tác 2.1.1. Lắng nghe 2.1.2. Đáp lại đồng cảm 2.2. Kỹ năng lắng nghe và đồng cảm của dược sĩ với người bệnh	Hiểu và phân tích được kỹ năng lắng nghe và đồng cảm với bệnh nhân	Học ở nhà: 4 h Học ở lớp: 2 tiết Thuyết giảng: 1 tiết	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	PGS-TS: Nguyễn Thanh Bình, PGS-TS: Lê Viết Hùng, <i>Kỹ năng giao tiếp và thực hành tốt tại nhà thuốc</i>, Nxb giáo dục, Hà Nội, 2015.

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	2.2.1. Thái độ thể hiện sự đồng cảm 2.2.2. Những khía cạnh của lắng nghe im lặng		Thảo luận: 30 phút Trình bày nhóm: 30 phút Thuyết trình: 15 phút Hướng dẫn: 15 phút		Trường Đại học Đông Đô, <i>Tổ chức quản lý được</i>, Bài giảng đào tạo dược sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022
3.	<i>Làm thế nào để hiểu biết người bệnh tốt hơn</i> 3.1. Sự miễn cưỡng của dược sĩ khi tìm hiểu người bệnh 3.2. Những giả định sai lầm về việc hiểu biết người bệnh 3.3. Các kỹ thuật tiếp cận sự hiểu biết người bệnh 3.4. Các kỹ thuật để đánh giá sự hiểu biết người bệnh 3.5. Thay đổi hành vi sau khi thay đổi sự hiểu biết	Phân tích được các giả định sai lầm về hiểu biết người bệnh, các kỹ thuật tiếp cận đánh giá và làm thay đổi sự hiểu biết của người bệnh	Học ở nhà: 4 h Học ở lớp: 2 tiết Thuyết giảng: 1 tiết Thảo luận: 30 phút Trình bày nhóm: 30 phút Thuyết trình: 15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	PGS-TS: Nguyễn Thanh Bình, PGS-TS: Lê Viết Hùng, <i>Kỹ năng giao tiếp và thực hành tốt tại nhà thuốc</i>, Nxb giáo dục, Hà Nội, 2015. Trường Đại học Đông Đô, <i>Tổ chức quản lý được</i>, Bài giảng đào tạo dược sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
			Hướng dẫn:15 phút		
4.	<i>Giao tiếp trong các tình huống đặc biệt</i> 4.1. Người cao tuổi 4.2. Người thiếu năng về ngôn ngữ 4.3. Bệnh nhân ở giai đoạn cuối cuộc đời 4.4. Bệnh nhân AIDS 4.5. Các bệnh nhân có vấn đề về tâm thần 4.6. Bệnh nhân tuổi vị thành niên	Hiểu được cách giao tiếp với bệnh nhân trong các tình huống đặc biệt	Học ở nhà: 4 h Học ở lớp: 2 tiết Thuyết giảng: 1 tiết Thảo luận: 30 phút Trình bày nhóm: 30 phút Thuyết trình:15 phút Hướng dẫn:15 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	PGS-TS:Nguyễn Thanh Bình, PGS-TS:Lê Viết Hùng, <i>Kỹ năng giao tiếp và thực hành tốt tại nhà thuốc</i>, Nxb giáo dục, Hà Nội, 2015. Trường Đại học Đông Đô, <i>Tổ chức quản lý dược</i>, Bài giảng đào tạo dược sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022
5.	<i>Quản trị mua hàng, bảo quản và tồn trữ thuốc</i> 5.1. Quản trị mua thuốc (nhu cầu thuốc; phương thức mua; hợp đồng;	Hiểu được công tác mua hàng, bảo quản, tồn trữ thuốc	Học ở nhà: 4 h Học ở lớp: 2 tiết	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	PGS-TS:Nguyễn Thanh Bình, PGS-TS:Lê Viết Hùng, <i>Kỹ năng giao tiếp</i>

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	thanh toán và kiểm nhận) 5.2. Các hoạt động chính trong công tác tồn trữ thuốc 5.3. Công tác bảo quản thuốc tại nhà thuốc		Thuyết giảng: 1 tiết Thảo luận: 30 phút Trình bày nhóm: 30 phút Thuyết trình: 15 phút Hướng dẫn: 15 phút		và thực hành tốt tại nhà thuốc, Nxb giáo dục, Hà Nội, 2015. Trường Đại học Đông Đô, <i>Tổ chức quản lý được</i> , Bài giảng đào tạo dược sĩ đại học, tài liệu nội bộ, 2022
6.	<i>Quản trị bán hàng và thông tin thuốc</i> 6.1. Môi trường bán hàng 6.2. Xử lý đơn 6.3. Quy trình bán một đơn 6.4. Cung cấp thông tin và tư vấn cho người bệnh 6.5. Khu vực tư vấn 6.6. Thông tin dạng viết	Hiểu được và phân tích được quá trình bán hàng, cách tư vấn một số thuốc thông dụng tại nhà thuốc	Học ở nhà: 4 h Học ở lớp: 2 tiết Thuyết giảng: 1 tiết Thảo luận: 30 phút Trình bày nhóm: 30 phút	Trắc nghiệm nhanh tại lớp	PGS- TS: Nguyễn Thanh Bình, PGS-TS: Lê Viết Hùng, <i>Kỹ năng giao tiếp và thực hành tốt tại nhà thuốc</i> , Nxb giáo dục, Hà Nội, 2015. Trường Đại học Đông Đô, <i>Tổ chức quản lý được</i> , Bài giảng đào tạo dược sĩ

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học (hình thức giảng dạy)	Bài đánh giá	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	6.7. Dược sĩ và thuốc OTC 6.8. Tư vấn sử dụng các thiết bị y tế đơn giản, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm. 6.9. Hướng dẫn sử dụng một số dạng bào chế		Thuyết trình:15 phút Hướng dẫn:15 phút		đại học, tài liệu nội bộ, 2022

15.Tài liệu học tập:

a. Tài liệu học tập

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] Bộ Y tế (2015), **Kỹ năng giao tiếp và thực hành tốt tại nhà thuốc**, Nhà xuất bản Y học.

[2] **Kỹ năng giao tiếp và thực hành nhà thuốc**, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược – xét nghiệm, Trường Đại học Đông Đô, 2022.

b. Tài liệu tham khảo

[4] Pháp chế Dược, NXB Trường đại học dược Hà Nội

[5] Pháp chế Dược- Trường Đại học Đông Đô, năm 2022.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

**TS. Nguyễn Minh
Tuấn**

DSCKII: Hoàng Duy Hiễn DSCKII: Hoàng Duy Hiễn

